

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

**SỔ TAY SINH VIÊN**

(In lần thứ 14, có chỉnh lý bổ sung)

Lưu hành nội bộ

*Hải Phòng, tháng 9 năm 2023*



## MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	5
PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM.....	6
I. TÓM TẮT LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ TRƯỞNG THÀNH .....	6
II. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ .....	6
III. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN.....	7
IV. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO.....	7
1. Bachelor.....	7
2. Bachelor.....	7
3. Bachelor.....	8
4. Bachelor.....	8
V. MỘT SỐ ĐỊA CHỈ CẦN BIẾT.....	9
1. Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các đoàn thể .....	9
2. Các Phòng, Ban, Khoa, Viện, Trung tâm.....	9
PHẦN II. ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ.....	11
I. NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC.....	11
II. BẢNG MÃ CÁC KHOA/VIỆN VÀ BỘ MÔN .....	13
III. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (ÁP DỤNG TỪ KHÓA 64).....	16
IV. QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC.....	63
V. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT .....	99
VI. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ HỌC TẬP .....	99
1. HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN .....	99
1.1. Đăng nhập hệ thống .....	99
1.2. Đăng ký học phần.....	101
1.3. Hủy lớp học phần đã đăng ký.....	104
1.4. Đổi lịch học lớp học phần .....	104
1.5. Đăng ký bổ sung.....	105
1.6. Rút học phần .....	107
2. MỘT SỐ TÍNH NĂNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG .....	108
2.1. Chức năng Xem kết quả đăng ký .....	108
2.2. Chức năng Xem lịch sử đăng ký .....	108
2.3. Chức năng Quản lý tài khoản.....	108
PHẦN III. CÔNG TÁC SINH VIÊN.....	109
A. QUY CHẾ CHUNG VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN.....	109
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....	109
Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA SINH VIÊN .....	109
Chương III KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT SINH VIÊN.....	112
Chương IV NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN.....	116

Chương V HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ SINH VIÊN .....	118
B. CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ.....	120
Chương VI QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ .....	120
Chương VII QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN NỘI TRÚ .....	121
Chương VIII PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN NỘI TRÚ.....	122
C. CÔNG TÁC SINH VIÊN NGOẠI TRÚ .....	124
Chương IX QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN NGOẠI TRÚ .....	124
Chương XI PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN NGOẠI TRÚ.....	125
D. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....	126
Chương XII TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	126
PHỤ LỤC 1. KHUNG ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIÊN .....	127
PHỤ LỤC 2. KHUNG THỜI GIAN BIỂU TRONG NGÀY CỦA SINH VIÊN ĐIỆN NỘI TRÚ BẮT BUỘC.....	130
PHỤ LỤC 3. ĐIỂM THƯỜNG ĐỐI VỚI BAN CÁN SỰ NHÓM CVHT CÁN BỘ CHI ĐOÀN, CHI HỘI.....	131
PHỤ LỤC 4. BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN ...	132
MỘT SỐ CÔNG TÁC SINH VIÊN .....	134
1. Chế độ chính sách .....	134
2. Công tác thư viện trường học.....	136
3. Công tác Y tế trường học .....	138
4. Công tác Đoàn TN - Hội Sinh viên.....	139
5. Hướng dẫn về thi tin học văn phòng quốc tế chuẩn đầu ra tốt nghiệp.....	141
6. Hướng dẫn về chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên .....	142
7. Thông tin tuyển sinh hệ liên thông từ cao đẳng, văn bằng 2, vừa làm vừa học.....	145
CÁC HƯỚNG DẪN VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN.....	147
1. Hướng dẫn cấp giấy xác nhận vay vốn tín dụng .....	147
2. Hướng dẫn tổ chức cho sinh viên lao động giảm điểm phạt.....	147
3. Hướng dẫn cho phép sinh viên nghỉ học dài ngày .....	147
4. Hướng dẫn sinh viên quay trở lại học sau khi nghỉ học dài ngày.....	148
5. Xét kỷ luật sinh viên .....	148
6. Cấp học bổng tài trợ cho sinh viên.....	149
7. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên.....	149
8. Danh mục biểu mẫu dành cho công tác sinh viên.....	149
PHẦN DÀNH RIÊNG CHO SINH VIÊN CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN .....	150
MỘT SỐ CHÚ Ý VỀ ĐỊA ĐIỂM LIÊN HỆ PHỤC VỤ SINH VIÊN.....	152

## LỜI GIỚI THIỆU

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam áp dụng quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với tất cả các ngành học trong toàn Trường từ năm học 2008 - 2009. Đây là hình thức đào tạo tiên tiến đang được áp dụng ở hầu hết các nước trên thế giới. Đào tạo theo tín chỉ là một quy trình đào tạo mềm dẻo, lấy người học làm trung tâm, tạo điều kiện cho sinh viên (sau đây gọi tắt là SV) chủ động xây dựng kế hoạch học **tập, đăng** ký môn học, kéo dài hoặc rút ngắn thời gian của khóa học, học song hành hai chương trình,...

Để hoàn thành tốt việc học tập tại Trường, ngoài việc nhận được sự hướng dẫn từ giảng viên, cố vấn học tập, các phòng ban chức năng và các tổ chức đoàn thể, mỗi SV phải tự trang bị cho mình những kiến thức cơ bản liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của SV, biết khai thác thông tin liên quan đến việc tổ chức học tập, cuộc sống của SV.

Từ tháng 8 năm 2009, Nhà trường đã xuất bản cuốn “Sổ tay sinh viên” để giúp cho SV có được những thông tin và chỉ dẫn cơ bản **trong quá trình** học tập và rèn luyện tại Trường. Sổ tay đã thực sự trở thành tài liệu hữu ích với các bạn SV. Để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của SV trong năm học mới 2023 - 2024, Phòng Công tác sinh viên đã kết hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tiến hành chỉnh sửa cuốn “Sổ tay sinh viên” và ban hành lần thứ **14**. Sổ tay bao gồm các nội dung:

- Giới thiệu về Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;
- Ngành và chuyên ngành đào tạo đại học và cao đẳng;
- Chương trình giáo dục hệ đại học và cao đẳng;
- Quy chế đào tạo **đại học**;
- Quy trình và hướng dẫn SV đăng ký học phần trực tuyến;
- Quy chế Công tác sinh viên;
- Một số công tác SV khác, như: Công tác Đoàn, Hội, chế độ chính sách, thư viện, y tế trường học, ...
- Các hướng dẫn về công tác SV: Học bổng, chế độ chính sách, vay vốn tín dụng, nghỉ học dài ngày, nghỉ 1 năm, quay trở lại học, ...
- Chuẩn đầu ra Tin học (MOS), tiếng Anh (TOEIC, IELTS);
- Khung rèn luyện đối với SV nội trú, ngoại trú;
- Cộng điểm thưởng cho SV.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bạn SV sẽ coi cuốn sổ tay này như một người bạn đồng hành của mình và sử dụng nó một cách hiệu quả nhất trong quá trình học tập tại Trường.

***Chúc các bạn thành công!***

### PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

***Địa chỉ: Phòng 105A nhà A1, Khu Hiệu bộ, ĐHHHVN***

***Điện thoại: (0225) 3 729 153***

***Email: ctsv@vimaru.edu.vn***

***<https://www.facebook.com/CTSV.DHHHVN>***

# PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

## I. TÓM TẮT LỊCH SỬ **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**

Trường Sơ cấp Hàng hải, tiền thân của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (ĐHHHVN), được thành lập vào ngày 01/4/1956 tại Hải Phòng. Năm 1957, Trường được nâng cấp thành Trường Trung cấp Hàng hải. Năm 1976, Trường được nâng cấp thành Trường Đại học Hàng hải. Năm 1984, Trường Đại học Giao thông thủy sấp nhập vào Trường Đại học Hàng hải. Tháng 8 năm 2013, Trường chính thức được đổi tên thành *Trường Đại học Hàng hải Việt Nam* và trở thành một trong các trường được đầu tư để trở thành Trường trọng điểm quốc gia.

Trải qua lịch sử **67** năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHHHVN đã và đang đóng vai trò quan trọng trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ chiến lược biển quốc gia và các ngành kinh tế xã hội khác.

Với các công hiến to lớn của các thế hệ thầy và trò, Trường đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và Chính phủ trao tặng nhiều phần thưởng cao quý, trong đó có danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba, cùng nhiều danh hiệu cao quý khác.

Tháng 11 năm 2002, Trường được công nhận là thành viên chính thức của Hiệp hội các Trường Đại học Hàng hải khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (AMETIAP), nay là GlobalMET. Đặc biệt, tháng 8 năm 2004, Trường đã được công nhận trở thành thành viên đầy đủ của Hiệp hội các Trường Đại học Hàng hải Quốc tế (IAMU).

Tháng 5 năm 2005, Trường đã vượt qua quá trình đánh giá của Tổng cục đo lường chất lượng (STAMEQ) và vinh dự là đơn vị đầu tiên trong hệ thống các Trường đại học, cao đẳng cả nước được cấp Chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 và đã được nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2015 từ tháng 6 năm 2018.

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là nhân tố quyết định trong việc đưa Việt Nam vào Danh sách trắng của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) – Chất lượng đào tạo của Nhà trường đạt tiêu chuẩn Quốc tế.

**Năm 2018, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam vinh dự được Bộ GD&ĐT cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và Trường lọt vào top 15 các trường đại học hàng đầu Việt Nam trong hệ thống hơn 300 trường và học viện cả nước. Tháng 9 năm 2023 Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tiếp tục được Bộ GD&ĐT cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.**

Với phương châm xây dựng môi trường học tập “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”, Nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện hệ thống giáo dục, đào tạo theo định hướng hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả.

## II. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

***Trường chịu trách nhiệm đào tạo và huấn luyện như sau:***

- Bachelor: **08** chuyên ngành.
- Bachelor: **17** chuyên ngành.
- Bachelor chính quy:
  - + 38 chuyên ngành (thuộc 09 khoa + 04 Viện),
  - + 04 chuyên ngành chất lượng cao,
  - + 03 chương trình tiên tiến,
  - + 02 chương trình lớp chọn.
- Bachelor: **15** chuyên ngành.
- Hệ liên thông, văn bằng 2.
- Sĩ quan hàng hải:
  - + Huấn luyện và cập nhật kiến thức để thi lấy Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn các

mức trách nhiệm vận hành và quản lý cho sỹ quan hàng hải hạng 1 và 2 theo yêu cầu của Công ước Quốc tế STCW78/95 sửa đổi 2010.

+ Huấn luyện và cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản và nâng cao cho thuyền viên theo yêu cầu của Công ước Quốc tế STCW78/95 sửa đổi 2010.

+ Huấn luyện và cấp chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ, huấn luyện đặc biệt cho thuyền viên: Mô phỏng RADAR/ARPA, GMDSS, tàu dầu, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hóa chất, tàu khách, tàu Ro-Ro,...

### **III. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN**

- Giảng viên: 584

- Cán bộ quản lý: 188

Trong đó:

+ Nhà giáo nhân dân: 01                      Nhà giáo ưu tú: 03

+ Giáo sư/Phó Giáo sư: 45

+ Tiến sỹ/Tiến sỹ khoa học: 209

+ Thạc sỹ khoa học: 498

### **IV. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Bậc Tiến sỹ**

Đào tạo 08 chuyên ngành:

- Kỹ thuật tàu thủy;
- Máy và thiết bị tàu thủy;
- Khoa học hàng hải;
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa;
- Khai thác, bảo trì tàu thủy;
- Tổ chức và quản lý vận tải;
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy;
- Quản lý kinh tế.

#### **2. Bậc Thạc sỹ**

Đào tạo 17 chuyên ngành:

- Bảo đảm an toàn hàng hải;
- Quản lý hàng hải;
- Quản lý tài chính;
- Kỹ thuật tàu thủy;
- Quản lý thiết bị năng lượng.
- Quản lý vận tải và Logistics.
- Kỹ thuật môi trường;
- Quản lý môi trường;
- Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa;
- Kỹ thuật xây dựng công trình thủy;
- Kỹ thuật điện tử - viễn thông;
- Công nghệ thông tin;
- Quản lý kinh tế;
- Quản lý sản xuất công nghiệp;
- Kỹ thuật xây dựng CT dân dụng và CN;
- Quản lý dự án đầu tư và xây dựng;
- Quản lý kỹ thuật;

### 3. Bậc Đại học

38 chương trình đào tạo hệ đại học, 04 chương trình chất lượng cao, 03 chương trình tiên tiến, 02 chương trình lớp chọn:

- |   |   |
|---|---|
| (1) Điều khiển tàu biển (***)             | (21) Công nghệ thông tin (*)                |
| (2) Khai thác máy tàu biển (***)          | (22) Công nghệ phần mềm                     |
| (3) Luật hàng hải                         | (23) Kỹ thuật Truyền thông và mạng máy tính |
| (4) Điện tử viễn thông                    | (24) Kỹ thuật môi trường                    |
| (5) Điện tự động GTVT                     | (25) Kỹ thuật công nghệ hóa học             |
| (6) Điện tự động công nghiệp (*)          | (26) Xây dựng dân dụng và công nghiệp       |
| (7) Tự động hóa hệ thống điện             | (27) Kinh tế vận tải biển (*)               |
| (8) Máy tàu thủy (28)                     | (28) Logistics & Chuỗi cung ứng             |
| (9) Thiết kế tàu và công trình ngoài khơi | (29) Kinh tế vận tải thủy                   |
| (10) Đóng tàu và công trình ngoài khơi    | (30) Kinh tế ngoại thương (*)               |
| (11) Máy và tự động hóa xếp dỡ            | (31) Quản trị kinh doanh                    |
| (12) Kỹ thuật cơ khí                      | (32) Quản trị tài chính kế toán             |
| (13) Kỹ thuật Cơ điện tử                  | (33) Quản trị tài chính ngân hàng           |
| (14) Kỹ thuật ô tô                        | (34) Tiếng Anh thương mại                   |
| (15) Kỹ thuật nhiệt lạnh                  | (35) Ngôn ngữ Anh                           |
| (16) Xây dựng công trình thủy             | (36) Kinh tế hàng hải (**)                  |
| (17) Kỹ thuật an toàn hàng hải            | (37) Kinh doanh quốc tế và logistics (**)   |
| (18) Công trình GT và CSHT                | (38) Máy và tự động công nghiệp             |
| (19) Kiến trúc & Nội thất                 | (39) Quản lý kinh doanh & Marketing (**)    |
| (20) Quản lý Hàng hải                     | (40) Quản lý công trình xây dựng            |
|   | (41) Quản lý kỹ thuật công nghiệp           |

*Ghi chú (\*) là chuyên ngành có thêm lựa chọn đào tạo theo chương trình chất lượng cao;*

*(\*\*) là chuyên ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến.*

*(\*\*\*) là chuyên ngành có chương trình lớp chọn.*

### 4. Bậc Cao đẳng

Đào tạo chính quy 15 chuyên ngành:

- |                              |                                     |
|------------------------------|-------------------------------------|
| (1) Điều khiển tàu biển      | (8) Kỹ thuật đóng mới thân tàu biển |
| (2) Khai thác máy tàu biển   | (9) Sửa chữa máy tàu thủy           |
| (3) Điện công nghiệp         | (10) Kinh tế vận tải biển           |
| (4) Điện Tự động công nghiệp | (11) Quản trị kinh doanh            |
| (5) Kỹ thuật điện tàu thủy   | (12) Tài chính kế toán              |
| (6) Hàn                      | (13) Kế toán doanh nghiệp           |
| (7) Công nghệ ô tô           | (14) Công nghệ thông tin            |
|                              | (15) Logistics                      |



## V. MỘT SỐ ĐỊA CHỈ CẦN BIẾT

### 1. Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các đoàn thể

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Số ĐT
1	<b>Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Hội đồng trường</b> PGS.TS. Nguyễn Khắc Khiêm	P. 211 - A1	
2	<b>Hiệu trưởng</b> PGS.TS. Phạm Xuân Dương	P. 215 - A1	3.735.930
3	<b>Phó hiệu trưởng</b> PGS.TS. Nguyễn Thanh Sơn	P. 210 - A1	
4	<b>Phó hiệu trưởng</b> PGS.TS. Nguyễn Minh Đức	P. 208 - A1	
5	<b>Chủ tịch Công đoàn Trường</b> PGS.TS. Nguyễn Công Vịnh	P. 309 - A1	3.735.563
6	<b>Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh</b> ThS. Lê Hoàng Dương Văn phòng Đoàn Thanh niên	P. 201- A9 P. 202- A9	3.829.493 3.501.346
7	<b>Chủ tịch Hội Sinh viên</b> <b>ThS. Ngô Việt Anh</b> Văn phòng Hội Sinh viên Trường	P. 203 - A9	

### 2. Các Phòng, Ban, Khoa, Viện, Trung tâm

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Số ĐT
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	P. 115B - A1	3.735.350
	<b>Bộ phận Y tế (thuộc Phòng TC-HC)</b>	<b>P. 107 - A1</b>	<b>3.735.028</b>
2	Phòng Đào tạo	P. 114B - A1	3.851.657
3	Phòng Kế hoạch - Tài chính	P. 109 - A1	3.851.656
4	Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng	P. 207C - A1	3.261.982
5	Phòng Công tác sinh viên	P. 105 - A1	3.729.153
6	Phòng Quản trị thiết bị	P. 103 - A1	3.728.870
7	Phòng Khoa học - Công nghệ	P. 207B - A1	3.829.111
8	Phòng Quan hệ quốc tế	P. 205A - A1	3.829.109
9	Ban Quản lý Khu nội trú C	Khu C	3.735.456
10	Ban Quản lý Khu nội trú Quán Nam	Quán Nam	3.613.725
11	Ban Bảo vệ	Cổng Khu A	3.729.329
12	Khoa Hàng hải	P. 208 - A2	3.735.355
13	Khoa Máy tàu biển	P. 202B - A3	3.829.244
14	Khoa Điện - Điện tử	P. 811 - A6	3.735.683
15	Khoa Đóng tàu	P. 603 - A6	3.735.575
16	Khoa Kinh tế	P. 113A - A4	3.735.353
17	Khoa Quản trị - Tài chính	P. 122 - A4	3.846.656

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số ĐT</b>
18	Khoa Công trình	P. 903 - A6	3.735.655
19	Khoa Công nghệ thông tin	P. 301 - A4	3.735.725
20	Khoa Lý luận chính trị	P. 406B - A6	3.735.720
21	Khoa Cơ sở - Cơ bản	P. 506A - A6	3.736.958
22	Khoa Ngoại ngữ	P. 211 - A5	3.735.682
23	Viện Môi trường	P. 403B - A6	3.735.628
24	Viện Cơ khí	P. 707 - A6	3.829.245
25	Viện Đào tạo quốc tế (ISE)	P. 806 - C2	3.261.999
26	Viện Đào tạo Chất lượng cao	P. 209 - A4	2.299.628
27	Trường Cao đẳng VMU	<i>Đường Hải Triều, Quán Toan, Hồng Bàng, HP</i>	3.534.435
28	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Tầng 3 - A9	3.735.554
29	Viện Đào tạo sau đại học	P. 207 - A6	3.735.879
30	Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải	Tầng 2- Nhà thi đấu đa năng	3.735.621
31	Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục	338 Lạch Tray	
32	Trung tâm Ứng dụng và Phát triển Công nghệ thông tin (CITAD)	Phòng 108 - A5 và 201 - B2	3.833.228
33	Thư viện	Tầng 2 - C6	3.735.640
34	Nhà xuất bản Hàng hải	Tầng 1 - C6	3.735.640
35	Trung tâm Ngoại ngữ	P. 103 - A5	6.280.167
36	Trung tâm Đào tạo và Giới thiệu việc làm	484B Lạch Tray	3.829.542
37	Trung tâm Đào tạo & tư vấn KHCN bảo vệ môi trường thủy	P. 109 - A5	3.828.803
38	Trung tâm Đào tạo logistics tiểu vùng Mê Kông - Nhật Bản tại Việt Nam	P. 104 - A5	3.261.135
39	Trung tâm Đào tạo và tư vấn luật Hàng hải	P. 207 - A2	3.737.355
40	Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Nhà C9	3.728.017
41	Công ty Cổ phần giáo dục quốc tế Hàng hải (IMET)	Tầng 1 - A2	3.261.999

Các đơn vị khác trực thuộc Nhà trường: (42) Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Hàng hải; (43) Trung tâm Huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thiết kế tàu thủy - VMSK; (44) Ban Quản lý Dự án Hàng hải; (45) Công ty Vận tải biển và xuất khẩu lao động ISALCO; (46) Công ty Vận tải biển Đông Long; (47) Công ty Huấn luyện, cung ứng LĐ & dịch vụ Hàng hải - VINIC; (48) Công ty Công nghiệp tàu thủy Lâm Động..

## PHẦN II. ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

### I. NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo		Chuyên ngành			
Mã	Tên ngành	TT	Mã	Tên chuyên ngành	Ký hiệu lớp
7840106	Khoa học Hàng hải <i>Marine Science and Technology</i>	1	D101 S101	Điều khiển tàu biển <i>Navigation</i>	ĐKT
		2	D129	Quản lý hàng hải <i>Maritime Management</i>	QHH
		3	D102 S102	Khai thác máy tàu biển <i>Marine Engineering</i>	MKT
7380101	Luật <i>Law</i>	4	D120	Luật hàng hải <i>Maritime Law</i>	LHH
7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông <i>Electronic and Telecommunication Engineering</i>	5	D104	Điện tử viễn thông <i>Electronics and Telecommunications</i>	ĐTV
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa <i>Control Engineering and Automation</i>	6	D103	Điện tự động giao thông vận tải <i>Transport Electrical Engineering</i>	ĐTT
		7	D105 H105	Điện tự động công nghiệp <i>Industrial Automation Engineering</i>	ĐTĐ
		8	D121	Tự động hóa hệ thống điện <i>Automation of Electric power systems</i>	TĐH
7520122	Kỹ thuật tàu thủy <i>Naval Architecture and Marine Engineering</i>	9	D106	Máy tàu thủy <i>Marine Mechanical Engineering</i>	MTT
		10	D107	Thiết kế tàu và công trình ngoài khơi <i>Naval Architecture &amp; Ocean Engineering</i>	VTT
		11	D108	Đóng tàu và công trình ngoài khơi <i>Shipbuilding and Ocean Engineering</i>	ĐTA
7520103	Kỹ thuật cơ khí <i>Mechanical Engineering</i>	12	D128	Máy và tự động công nghiệp <i>Industry Engineering and Automation</i>	MCN
		13	D109	Máy và tự động hóa xếp dỡ <i>Material Handling Machineries and Automation</i>	MXD
		14	D116	Kỹ thuật cơ khí <i>Mechanical Engineering</i>	KCK
		15	D117	Kỹ thuật cơ điện tử <i>Mechatronics</i>	CĐT
		16	D122	Kỹ thuật ô tô <i>Automotive Engineering</i>	KTO
		17	D123	Kỹ thuật nhiệt lạnh <i>Heat &amp; Refrigeration Engineering</i>	KNL
		18	D131	Quản lý kỹ thuật công nghiệp	QKC

Ngành đào tạo		Chuyên ngành			
Mã	Tên ngành	TT	Mã	Tên chuyên ngành	Ký hiệu lớp
				Industrial engineering Management	
7580203	Kỹ thuật xây dựng công trình biển <i>Coastal and Offshore Engineering</i>	19	D110	Xây dựng công trình thủy <i>Hydraulic Engineering</i>	CTT
		20	D111	Kỹ thuật an toàn hàng hải <i>Maritime Safety Engineering</i>	BĐA
7580201	Kỹ thuật xây dựng <i>Civil Engineering</i>	21	D112	Xây dựng dân dụng và công nghiệp <i>Civil and Industrial Engineering</i>	XDD
		22	D127	Kiến trúc & Nội thất <i>Architecture and Interior</i>	KTD
		23	D130	Quản lý Công trình xây dựng <i>Construction Management</i>	QCX
7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông <i>Transport Construction Engineering</i>	24	D113	Công trình giao thông và cơ sở hạ tầng <i>Transport construction and infrastructure engineering</i>	KCĐ
7480201	Công nghệ thông tin <i>Information Technology</i>	25	D114 H114	Công nghệ thông tin <i>Information Technology</i>	CNT
		26	D118	Công nghệ phần mềm <i>Software Engineering</i>	KPM
		27	D119	Truyền thông và mạng máy tính <i>Communication &amp; Computer Network</i>	TTM
7520320	Kỹ thuật môi trường <i>Environmental Engineering</i>	28	D115	Kỹ thuật môi trường <i>Environmental Engineering</i>	KMT
		29	D126	Kỹ thuật công nghệ hóa học <i>Chemistry Technology Engineering</i>	KHD
7840104	Kinh tế vận tải <i>Transport Economics</i>	30	D401 H401	Kinh tế vận tải biển <i>Maritime Business</i>	KTB
		31	D407	Logistics và chuỗi cung ứng <i>Logistics and Supply Chain Management</i>	LQC
		32	A408	Kinh tế hàng hải <i>Global Studies and Maritime Affairs</i>	GMA
		33	D410	Kinh tế vận tải thủy <i>Inland Waterway Business</i>	KTT
7340120	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	34	D402 H402	Kinh tế ngoại thương <i>Economics of International Trade</i>	KTN
		35	A409	Kinh doanh quốc tế và Logistics <i>International Business and Logistics</i>	IBL

Ngành đào tạo		Chuyên ngành			
Mã	Tên ngành	TT	Mã	Tên chuyên ngành	Ký hiệu lớp
7340101	Quản trị kinh doanh <i>Business Management And Administration</i>	36	D403	Quản trị kinh doanh <i>Business Management And Administration</i>	QKD
		37	D404	Quản trị tài chính kế toán <i>Finance and Accounting Management</i>	QKT
		38	D411	Quản trị tài chính ngân hàng <i>Banking and Finance</i>	TCH
		39	A403	Quản lý kinh doanh và Marketing <i>Business and Marketing Management</i>	BMM
7220201	Ngôn ngữ Anh <i>English Language</i>	40	D124	Tiếng Anh thương mại <i>Business English</i>	ATM
		41	D125	Ngôn ngữ Anh <i>English Language</i>	NNA

**Ghi chú:**

- Tên ngành và tên chuyên ngành (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) được in trong văn bằng tốt nghiệp, bằng điểm.

- Loại hình đào tạo đặc biệt: chất lượng cao, chương trình tiên tiến, lớp chọn... được in trong văn bằng tốt nghiệp, bằng điểm.

- Loại hình đào tạo văn bằng 2, liên thông... được ghi trong bằng điểm và ghi chú trong số hiệu của văn bằng tốt nghiệp.

## II. BẢNG MÃ CÁC KHOA/VIỆN VÀ BỘ MÔN

Mã ĐV	Khoa/Viện	Mã BM	Bộ môn	Trưởng đơn vị
11	Khoa Hàng hải	111	Cơ sở hàng hải	TS. Mai Xuân Hương
		112	Hàng hải	TS. Nguyễn Quang Duy
		113	TT Thực hành MPH	ThS. Quách Thanh Chung
		114	Luật hàng hải	TS. Nguyễn Thành Lê
		116	Quản lý Hàng hải	PGS.TS. Phan Văn Hưng
12	Khoa Máy tàu biển	122	Khai thác máy tàu biển	TS. Đặng Thanh Tùng
		123	Máy tàu thủy	TS. Đỗ Văn Đoàn
		124	Máy và tự động công nghiệp	PGS.TS. Trần Hồng Hà
		125	TT thực hành TN máy tàu	ThS. Mai Thế Trọng
		126	Quản lý KT công nghiệp	TS. Phạm Văn Triệu

<b>Mã ĐV</b>	<b>Khoa/Viện</b>	<b>Mã BM</b>	<b>Bộ môn</b>	<b>Trưởng đơn vị</b>
13	Khoa Điện-Điện tử	131	Điện tự động tàu thủy	TS. Đỗ Khắc Tiệp
		132	Điện tử viễn thông	TS. Phạm Việt Hưng
		133	Điện tự động công nghiệp	TS. Đặng Hồng Hải
		134	Tự động hóa hệ thống điện	PGS.TS. Đinh Anh Tuấn
15	Khoa Kinh tế	151	Kinh tế cơ bản	TS. Phạm Thị Thu Hằng
		152	Kinh tế đường thủy	ThS. Bùi Thanh Hải
		153	Kinh tế vận tải biển	ThS. Hồ Thị Thu Lan
		156	Kinh tế ngoại thương	ThS. Đoàn Trọng Hiếu
		158	Logistics	TS. Nguyễn Minh Đức
		159	Kinh tế Hàng hải	TS. Hoàng Thị Lịch
16	Khoa Công trình	161	An toàn đường thủy	TS. Trần Đức Phú
		162	Công trình cảng	TS. Bùi Quốc Bình
		163	Xây dựng đường thủy	TS. Nguyễn Thị Diễm Chi
		164	Xây dựng dân dụng CN	ThS. Nguyễn Tiến Thành
		165	Kỹ thuật XD cầu đường	TS. Nguyễn Phan Anh
		166	Kiến trúc XD dân dụng	ThS.KTS. Nguyễn Xuân Lộc
17	Khoa Công nghệ thông tin	171	Tin học đại cương	TS. Hồ Thị Hương Thơm
		172	Khoa học máy tính	ThS. Nguyễn Hạnh Phúc
		173	Kỹ thuật máy tính	ThS. Phạm Trung Minh
		174	Hệ thống thông tin	TS. Trần Thị Hương
		175	Truyền thông & mạng MT	ThS. Cao Đức Hạnh
18	Khoa Cơ sở - Cơ bản	181	Toán	TS. Nguyễn Văn Trịnh
		182	Vật lý	ThS. Nguyễn Thị Xuân
		183	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	ThS. Lê Thị Mai
		184	Cơ học	ThS. Nguyễn Hữu Dĩnh
		185	Sức bền vật liệu	ThS. Nguyễn Hải Yến

<b>Mã ĐV</b>	<b>Khoa/Viện</b>	<b>Mã BM</b>	<b>Bộ môn</b>	<b>Trưởng đơn vị</b>
19	Khoa Lý luận chính trị	191	Những nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác - Lê nin	ThS. Đặng Ngọc Lựu
		192	Tư tưởng HCM	TS. Trương Thị Như
		193	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TS. Phạm Thị Thu Trang
20	TT Huấn luyện TV	211	An toàn cơ bản	TS. Phạm Văn Tân
21	Viện Cơ khí	221	Kỹ thuật ô tô	TS. Ngô Gia Việt
		222	Kỹ thuật nhiệt lạnh	TS. Thẩm Bội Châu
		223	Máy xếp dỡ	TS. Nguyễn Lan Hương
		225	Công nghệ vật liệu	TS. Trần Thị Thanh Vân
		226	Kỹ thuật cơ khí	ThS. Vũ Thị Thu Trang
		227	Cơ điện tử	TS. Hoàng Mạnh Cường
		228	TT thực hành TN cơ khí	PGS.TS. Nguyễn Dương Nam
22	Khoa Đóng tàu	231	Lý thuyết thiết kế tàu	PGS.TS Trần Ngọc Tú
		232	Kết cấu tàu & CT nổi	TS. Vũ Văn Tuyền
		233	Tự động hóa TK tàu thủy	TS. Lê Thanh Bình
23	TT Giáo dục Quốc phòng & An ninh	241	Đường lối quân sự	Trung tá Đàm Văn Tuấn
		242	Kỹ thuật - Chiến thuật	Thượng tá Nguyễn Công Quân
24	Khoa Ngoại ngữ	251	Tiếng Anh đại cương	ThS. Nguyễn Hồng Ánh
		252	Thực hành tiếng	ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang
		253	Dịch thuật, Văn hóa, Lý thuyết tiếng	TS. Nguyễn Thị Thúy Thu
		254	Tiếng Anh chuyên ngành	ThS. Đỗ Thị Anh Thư
25	Viện Môi trường	261	Kỹ thuật môi trường	TS. Nguyễn Xuân Sang
		262	Hóa học	TS. Phạm Thị Dương
26	Khoa Quản trị-Tài chính	281	Kế toán kiểm toán	TS. Hoàng Thị Phương Lan
		282	Quản trị kinh doanh	ThS. Đỗ Thanh Tùng
		283	Tài chính ngân hàng	TS. Tô Văn Tuấn

### III. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (ÁP DỤNG TỪ KHÓA 64)

**1. Ngành: Khoa học hàng hải (7840106)-Chuyên ngành: Điều khiển tàu biển**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Nhập môn Khoa học hàng hải (11119-3TC)</p> <p>2. Đại số (18141-3TC)</p> <p>3. Giải tích (18142-3TC)</p> <p>4. Vật lý 2 (18202-3TC)</p> <p>5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)</p> <p>6. Hình họa vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p> <p>2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</p> <p>2. Xác suất thống kê (18143-3TC)</p> <p>3. Cơ lý thuyết (18405-3TC)</p> <p>4. Địa lý hàng hải (11604-2TC)</p> <p>5. Kiến thức cơ bản về tàu thủy (11607-2TC)</p> <p>6. Thủy nghiệp-thông hiệu (11123-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</p> <p>2. Quản trị doanh nghiệp (28125-3TC)</p> <p>3. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)</p> <p>2. La bàn từ (11107-2TC)</p> <p>3. Máy tàu thủy (12117-2TC)</p> <p>4. Điện tàu thủy 1 (13171-2TC)</p> <p>5. Quản lý an toàn lao động HH (11105-3TC)</p> <p>6. Địa văn hàng hải cơ sở (11231-3TC)</p> <p>7. Thông tin liên lạc hàng hải (11234-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</p> <p>2. CS về biển và đại dương (11428-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)</p> <p>2. Khí tượng hải dương hàng hải (11106-3TC)</p> <p>3. Luật biển (11402-2TC)</p> <p>4. Thiên văn hàng hải (11233-3TC)</p> <p>5. Địa văn hàng hải (11232-3TC)</p> <p>6. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. TĐ điều khiển tàu thủy (11122-2TC)</p> <p>2. Trang TB cứu sinh, cứu hỏa trên TT (11125-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)</p> <p>2. Ổn định tàu (11124-3TC)</p> <p>3. Luật hàng hải (11464-3TC)</p> <p>4. PL quốc tế về an toàn HH (11449-3TC)</p> <p>5. QT PNĐV tàu thuyền trên biển 1972 (11111-3TC)</p> <p>6. Thực tập chuyên ngành (11501-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kiểm tra Nhà nước cảng biển (11440-2TC)</p> <p>2. TN và PT các TTTT trên biển (11216-2TC)</p> <p>3. Tin học hàng hải (11114-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)</p> <p>2. Máy vô tuyến điện hàng hải (11235-4TC)</p> <p>3. Bảo hiểm Hàng hải (11454-3TC)</p> <p>4. Kinh tế khai thác thương vụ (11406-2TC)</p> <p>5. Tiếng Anh chuyên ngành HH (25458-3TC)</p> <p>6. HTTT và chi báo hải đồ điện tử (11222-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. NV khai thác tàu container (11218-2TC)</p> <p>2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</p> <p>3. Tồn thất chung (11456-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Máy điện hàng hải (11236-4TC)</p> <p>2. Vận chuyển hàng hóa (11237-4TC)</p> <p>3. Điều động tàu (11238-4TC)</p> <p>4. Thực tập tốt nghiệp (11502-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. NV khai thác tàu DV dầu khí (11220-2TC)</p> <p>2. NV khai thác tàu kết (11219-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 0 TC</b></p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp (11503-6TC)</p> <p>2. Lập kế hoạch chuyến đi (11221-3TC)</p> <p>3. XL các THKC trên biển (11215-3TC)</p>



## 2. Ngành: Luật (7380101)-Chuyên ngành: Luật hàng hải

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 115 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 14 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)                  2. Giới thiệu Luật học (11465-2TC)                  3. LS nhà nước và pháp luật (11481-4TC)                  4. LL chung về NN và PL (11470-4TC)                  5. Logic học (19110-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Tin học văn phòng (17102-3TC)                  2. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)                  3. Luật Bảo vệ môi trường (11478-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)                  2. Văn hóa pháp lý (11472-2TC)                  3. Luật Hiến pháp (11471-4TC)                  4. Đại cương tàu biển (11115-2TC)                  5. Luật Hành chính (11431-3TC)                  6. Luật Hình sự (11482-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)                  2. Luật Tài chính (11473-2TC)                  3. Môi trường và BVMT (26101-2TC)                  4. Kỹ năng mềm (29101-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HOC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)                  2. Luật Dân sự (11483-5TC)                  3. Luật Lao động (11484-3TC)                  4. PL kinh doanh thương mại (11445-3TC)                  5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HOC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)                  2. Soạn thảo văn bản pháp luật (11474-2TC)                  3. Luật Tố tụng hình sự (11485-3TC)                  4. Luật Tố tụng dân sự (11486-3TC)                  5. Công pháp quốc tế (11487-3TC)                  6. Luật Thương mại quốc tế (11459-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Luật Đất đai (11475-3TC)                  2. Luật Ngân hàng (11476-3TC)                  3. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HOC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)                  2. Luật biển (11402-2TC)                  3. Tư pháp quốc tế (11447-3TC)                  4. TA chuyên ngành Luật (25459-4TC)                  5. Tổng quan về Luật Hàng hải (11477-2TC)                  6. Thực tập cơ sở ngành (11460-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Luật Hôn nhân và gia đình (11467-2TC)                  2. Tập quán thương mại QT (11420-2TC)                  3. CS biển và đại dương (11428-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HOC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. QT PNHVTT trên biển 1972 (11111-3TC)                  2. PL về TB và thuyền bộ TB (11488-3TC)                  3. PLQT về an toàn hàng hải (11449-3TC)                  4. Kinh tế khai thác thương vụ (11406-2TC)                  5. Bảo hiểm hàng hải (11454-3TC)                  6. Các sự cố và tai nạn HH (11489-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. PLQT về VCHH bằng ĐB (11441-2TC)                  2. Khởi nghiệp sáng tạo (28523-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HOC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. VCHH bằng đường biển (11239-2TC)                  2. PL về dịch vụ hàng hải (11450-2TC)                  3. Quản lý rủi ro hàng hải (11438-2TC)                  4. Quản lý nhà nước về HH (11451-2TC)                  5. Kiểm tra NN cảng biển (11440-2TC)                  6. PLQT về lao động hàng hải (11439-2TC)                  7. QL an toàn và an ninh HH (11407-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. PL phòng chống vận chuyển trái phép ĐVHD                  2. Giới hạn TNDS trong HH (11437-2TC)                  3. Kinh tế cảng (15305-3TC)                  4. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HOC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (11462-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Khóa luận tốt nghiệp (11463-6TC)                  2. GQ tranh chấp hàng hải (11490-3TC)                  3. GQ bồi thường trong BHHH (11491-3TC)</p>

### 3. Ngành: Khoa học hàng hải (7840106)-Chuyên ngành: Quản lý hàng hải

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Nhập môn khoa học hàng hải (11119-3TC)		1. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)	
2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)		2. Hình hoạ-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
3. Khoa học quản lý hàng hải (11603-2TC)		3. Giải tích (18142-3TC)	
4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		4. Địa lý hàng hải (11604-2TC)	
5. Đại số (18141-3TC)		5. Xác suất thống kê (18143-3TC)	
6. Vật lý 2 (18202-3TC)		6. Kiến thức cơ bản về tàu thủy (11607-2TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. Môi trường và bảo vệ môi trường (26101-2TC)		1. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		2. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)	19401
2. Khí tượng hải dương hàng hải (11106-3TC)		2. Quản lý nhân lực hàng hải (11619-3TC)	11103
3. Địa văn hàng hải cơ sở (11241-3TC)		3. Thiết bị kỹ thuật hàng hải (11244-3TC)	
4. Quản lý an toàn lao động HH (11103-3TC)		4. Ổn định tàu (11124-3TC)	11607
5. Tổng quan Logistic và CCU (15818-3TC)		5. Thông tin liên lạc hàng hải (11234-3TC)	
6. Bảo vệ môi trường hàng hải (11605-3TC)	11607	6. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. Máy tàu thủy (12117-2TC)		1. Pháp luật về dịch vụ hàng hải (11450-2TC)	
2. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)		2. Văn hoá doanh nghiệp (28239-3TC)	
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-3TC)	19201
2. Luật biển (11402-2TC)		2. Quản lý nhà nước về hàng hải (11451-2TC)	
3. Luật hàng hải (11461-3TC)		3. Bảo hiểm hàng hải (11454-3TC)	
4. Pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải (11449-3TC)		4. Quản lý rủi ro hàng hải (11438-2TC)	
5. Nghiệp vụ đại lý HH và môi giới tàu (11615-2TC)	11607	5. Quản lý an toàn và an ninh hàng hải (11407-2TC)	11449
6. Kinh tế khai thác thương vụ (11406-3TC)		6. Nghiệp vụ giám định hàng hải (11606-3TC)	
7. Thực tập cơ sở ngành (11630-2TC)	11619	<b>II. Tự chọn</b>	
<b>II. Tự chọn</b>		1. Pháp luật QT về VCHH đường biển (11441-3TC)	
1. TA chuyên ngành hàng hải (25458-3TC)		2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
2. Chính sách biển và đại dương (11428-2TC)			
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 4 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Vận chuyển HH bằng đường biển (11237-4TC)	11124;11103	1. Thực tập tốt nghiệp (11631-4TC)	11630
2. Hệ thống QL giao thông hàng hải (11609-3TC)		<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
3. Công nghệ và VHCT ngoài khơi (11614-3TC)		1. Khoá luận tốt nghiệp (11632-6TC)	
4. Nghiệp vụ thanh tra hàng hải (11610-3TC)		2. Quản lý hàng hải nâng cao (11617-3TC)	
5. Tìm kiếm cứu nạn hàng hải (11608-2TC)	11234	3. Lập kế hoạch chuyến đi (11221-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>			
1. Tin học quản lý hàng hải (11616-2TC)			
2. Quản lý hiệu quả năng lượng HH (11618-3TC)			

**4. Ngành: Khoa học hàng hải (7840106)-Chuyên ngành: Khai thác máy tàu biển**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Giải tích (18142-3TC)		1. Triết học Mác Lênin (19101-3TC)	
2. Đại số (18141-3TC)		2. Hình hoạ-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Toán ứng dụng (18145-3TC)	
4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		4. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	
5. Nhập môn về kỹ thuật (12627-3TC)		5. Kỹ thuật vật liệu (22514-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)	
2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
		3. Cơ chất lỏng (18404-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101	1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)	19401
2. Cơ khí đại cương (22515-3TC)	22514	2. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)	
3. Vẽ cơ khí (12352-3TC)	18304	3. Nguyên lý máy 1 (22647-3TC)	18405
4. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	4. Hoá kỹ thuật (26206-3TC)	
5. Nhiệt động học (12344-3TC)	18142	5. Đại cương hàng hải (11110-2TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		6. Truyền nhiệt và thiết bị TĐN (12345-2TC)	12344
1. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)		7. Thực tập kỹ thuật (20103-2TC)	22515
2. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
		1. Năng lượng tái tạo (12354-2TC)	
		2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)	19201
2. Cơ sở thiết kế máy (22645-3TC)	22647	2. Kỹ thuật đo (12227-2TC)	
3. Thiết bị điện (13114-3TC)		3. Máy phụ (12225-4TC)	12345
4. Trang trí HDLTT (12346-3TC)		4. Tự động hoá và điều khiển (12224-4TC)	12226
5. Động cơ đốt trong (12226-4TC)	12344	5. Nồi hơi-Tua bin (12350-3TC)	12345
6. Hệ thống làm lạnh và ĐHKK (12347-3TC)	12345	6. Điện tàu thủy (13173-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. CN đóng mới tàu thủy (23227-2TC)		1. Hệ thống đường ống tàu thủy (12313-2TC)	
2. Tổ chức và quản lý sản xuất (12353-2TC)		2. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)	
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 3 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Luật HH và an toàn lao động (12228-3TC)		1. Thực tập sỹ quan (12233-3TC)	12232
2. Bảo dưỡng và sửa chữa MTT (12229-3TC)	12226	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
3. Hệ thống QL buồng máy (12230-3TC)	12226	1. Đồ án tốt nghiệp (12234-6TC)	
4. Khai thác hệ động lực TT (12231-4TC)	12226	2. Máy phụ tổng hợp (12212-3TC)	
5. Thực tập trên tàu HL (12232-3TC)	12225;12347	3. Động lực tổng hợp (12213-3TC)	

**5. Ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực (7520116)-Chuyên ngành: Máy tàu thủy**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Nhập môn về kỹ thuật (12627-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</li> <li>Hình hoạ-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</li> <li>Toán ứng dụng (18145-3TC)</li> <li>Cơ lý thuyết (18405-3TC)</li> <li>Kỹ thuật vật liệu (22514-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> <li>Cơ chất lỏng (18404-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</li> <li>Hoá kỹ thuật (26206-3TC)</li> <li>Nhiệt động học (12344-3TC) 18142</li> <li>Cơ khí đại cương (22515-3TC) 22514</li> <li>Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405</li> <li>Vẽ cơ khí (12352-3TC) 18304</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Điện tàu thủy (13173-3TC)</li> <li>Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC) 19401</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> <li>Nguyên lý máy 1 (22647-3TC) 18405</li> <li>Động cơ đốt trong (12226-4TC) 12344</li> <li>Truyền nhiệt và thiết bị TĐN (12345-2TC) 12344</li> <li>Thực tập kỹ thuật (20103-2TC) 22515</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại cương hàng hải (11110-2TC)</li> <li>Năng lượng tái tạo (12354-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501</li> <li>Cơ sở thiết kế máy (22645-3TC) 22647</li> <li>Máy phụ (12225-4TC) 12345</li> <li>Trang trí HĐLT (12346-3TC)</li> <li>Hệ thống làm lạnh và ĐHKK (12347-3TC) 12345</li> <li>CN lắp ráp hệ thống ĐLTT (12316-3TC) 12226</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>CN đóng mới tàu thủy (23227-2TC)</li> <li>Tổ chức và quản lý sản xuất (12353-2TC)</li> <li>TĐ hoá trong TK hệ ĐLTT (12318-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) 19201</li> <li>Thiết bị đẩy và kết cấu tàu thủy (23140-3TC)</li> <li>Thiết kế hệ thống ĐLTT (12348-5TC) 12346</li> <li>Công nghệ sửa chữa hệ ĐLTT (12338-3TC) 12226</li> <li>Nồi hơi-Tua bin (12350-3TC) 12345</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</li> <li>Hệ thống đường ống tàu thủy (12313-2TC)</li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ chế tạo máy (12343-3TC) 22515</li> <li>Thiết kế công nghệ HTĐLTT (12349-4TC) 12348</li> <li>Tự động hoá và điều khiển (12224-4TC) 12226</li> <li>Kỹ thuật đo (12227-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 12 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (12351-6TC) 12348;12349</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp (12324-6TC)</li> <li>CĐ Thiết kế hệ thống ĐLTT (12341-3TC)</li> <li>CĐ Công nghệ hệ thống ĐLTT (12342-3TC)</li> </ol>

**6. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Máy và tự động công nghiệp**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Nhập môn kỹ thuật (12627-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Môi trường và bảo vệ môi trường (26101-2TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Toán ứng dụng (18145-3TC)</li> <li>Triết học Mác-Lê Nin (19101-3TC)</li> <li>Cơ lý thuyết (18405-3TC)</li> <li>Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)</li> <li>Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</li> <li>Hóa kỹ thuật (26206-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> <li>Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</li> <li>Sức bền vật liệu (18504-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Vẽ cơ khí (12352-3TC) 18304</li> <li>Lý thuyết điều khiển tự động (12401-3TC) 18142</li> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</li> <li>Cơ khí đại cương (22515-3TC) 22514</li> <li>Nhiệt động học (12344-3TC) 18142</li> <li>Thiết bị điện (13114-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25121-3TC)</li> <li>Lý thuyết cánh (12403-3TC)</li> <li>Kỹ thuật điện tử (13252-3TC)</li> <li>Hệ thống làm lạnh và ĐHKK (12347-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội khoa học (12345-2TC) 19401</li> <li>Thực tập kỹ thuật (20103-2TC) 22515</li> <li>Tiếng Anh cơ bản 3 (25105-4TC) 18405</li> <li>Nguyên lý máy 1 (22628-3TC)</li> <li>Kỹ thuật thủy khí (12402-3TC)</li> <li>Kỹ thuật dự báo trong CN (12602-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 2 (18404-2TC)</li> <li>Động lực học thủy khí (12404-2TC)</li> <li>Kỹ thuật vi điều khiển 1 (13305-2TC)</li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501</li> <li>Mô hình hóa và mô phỏng CN (12610-3TC) 18142</li> <li>Vận trù học (12623-3TC)</li> <li>Tự động hóa quá trình sản xuất (12421-3TC) 12401</li> <li>Quá trình và thiết bị công nghiệp (12601-2TC)</li> <li>Kỹ thuật an toàn (12419-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ chế tạo máy (12343-3TC)</li> <li>CAD-CAM CNC (22504-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử ĐCSVN (19303-2TC)</li> <li>Kỹ thuật đo lường công nghiệp (12410-2TC) 18201</li> <li>Kỹ thuật hệ thống (12603-3TC)</li> <li>Truyền động thủy khí (12408-3TC) 12402</li> <li>QL và kỹ thuật bảo trì CN (12409-3TC) 12406</li> <li>Ứng dụng PLC trong CN (13394-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Năng lượng tái tạo (12354-3TC)</li> <li>Truyền Nhiệt và thiết bị trao đổi nhiệt (12345-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thiết bị năng lượng (12608-3TC)</li> <li>Thiết kế hệ thống thủy-khí (12407-4TC) 12420</li> <li>Mạng truyền thông công nghiệp (12423-3TC) 12401</li> <li>Quản lý chất lượng (12624-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 12 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (12417-6TC) 12408;12407</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp (12418-6TC)</li> <li>Quản trị công nghệ (12424-3TC)</li> <li>Máy công nghiệp (12425-3TC)</li> </ol>

**7. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Quản lý kỹ thuật công nghiệp**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Nhập môn về kỹ thuật (12627-3TC)		1. Triết học Mác Lê nin (19101-3TC)	
2. Giải tích (18142-3TC)		2. Hình hoạ-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Toán ứng dụng (18145-3TC)	
4. Đại số (18141-3TC)		4. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		5. Kỹ thuật vật liệu (22514-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		6. Hoá kỹ thuật (26206-3TC)	
1. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)	
		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101	1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)	19401
2. Cơ khí đại cương (22515-3TC)	22514	2. Thực tập kỹ thuật (20103-2TC)	22515
3. Vẽ cơ khí (12352-3TC)	18304	3. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)	
4. Nhiệt động học (12344-3TC)	18142	4. Nguyên lý máy 1 (22647-3TC)	18405
5. Lý thuyết điều khiển tự động (12401-3TC)		5. Kỹ thuật thủy khí (12402-3TC)	12344
6. Thiết bị điện (13114-3TC)		6. Kỹ thuật dự báo trong CN (12602-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. Lý thuyết cánh (12403-3TC)		1. Truyền nhiệt và Thiết bị TĐN (12345-2TC)	
2. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)		2. Quản lý dự án công nghiệp (12616-2TC)	
3. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)		3. Khởi nghiệp sáng tạo (12616-2TC)	
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)	19201
2. MHH và MP hệ thống CN (12610-3TC)		2. Kỹ thuật đo lường công nghiệp (12410-2TC)	18201
3. Thiết bị năng lượng (12608-3TC)	12344	3. Quá trình và thiết bị CN (12601-2TC)	
4. Vận trù học (12623-3TC)		4. Kỹ thuật hệ thống (12603-3TC)	
5. Tự động hóa quá trình sản xuất (12421-3TC)	12401	5. Quản lý và kỹ thuật bảo trì CN (12422-3TC)	
6. Kỹ thuật an toàn (12419-2TC)		6. Kỹ thuật điều độ trong SX&DV (12612-3TC)	12623
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. CAD/CAM và CNC (22504-3TC)		1. Kỹ năng mềm 2 (12313-2TC)	
2. Quản trị nhân lực (28205-3TC)		2. Luật và chính sách môi trường (26103-2TC)	
3. Quản lý kỹ thuật và CN (12604-3TC)			
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 13 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 6 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Quản lý chất lượng (12624-3TC)	18145	1. Thực tập sản xuất (12626-6TC)	12624;12625
2. Quản lý sản xuất công nghiệp (12605-3TC)	12623	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
3. KT hệ thống sản xuất tích hợp (12625-3TC)	12421	1. Đồ án tốt nghiệp (12620-6TC)	
4. Nghiên cứu và phát triển SP (12609-4TC)	12601;12612	2. PT và TK hệ thống quản lý sản xuất (12628-3TC)	
		3. Đánh giá hệ thống quản lý sản xuất (12629-3TC)	

**8. Ngành: Kỹ thuật điều khiển & TĐH (7520216)-Chuyên ngành: Điện tự động GT vận tải**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Giải tích (18142-3TC)		1. Triết học Mác-Lê Nin (19101-3TC)	
2. Đại số (18141-3TC)		2. Toán chuyên đề điện-ĐT (18144-3TC)	
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Vật lý 2 (18202-3TC)	
4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		4. Lý thuyết mạch (13428-4TC)	
5. Giới thiệu ngành (13170-3TC)		5. Vật liệu & khí cụ điện (13150-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		6. An toàn điện (13421-2TC)	
1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)	
3. Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC)		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
		3. Phần mềm ứng dụng (13130-2TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 13 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 19 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101	1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)	19401
2. LT điều khiển tự động (13434-3TC)		2. Điện tử công suất (13350-4TC)	13101
3. Điện tử tương tự-số (13330-4TC)		3. Cơ sở truyền động điện (13103-3TC)	13101
4. Máy điện (13101-4TC)		4. Kỹ thuật vi điều khiển (13305-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		5. Kỹ thuật đo lường (13307-3TC)	13330
1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)		6. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)	
2. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
		1. Anh văn chuyên ngành KTD (25408-3TC)	
		2. ĐK logic và ứng dụng (13303-3TC)	13330;13150
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	1. Lịch sử Đảng (19303-2TC)	
2. KT điều khiển thủy khí (13313-3TC)	13330;13150	2. Trang bị điện Metro (13118-3TC)	13103
3. Hệ thống cung cấp NLĐ (13132-3TC)	13101	3. Trang bị điện ô tô (13133-3TC)	
4. Kỹ thuật cảm biến (13131-3TC)	18202	4. Trạm phát điện tàu thủy (13134-4TC)	13132
5. Động cơ đốt trong (12105-3TC)		5. Đồ án 1 (13142-2TC)	13132
6. Thực tập (13108-3TC)	13101;13150	<b>II. Tự chọn</b>	
<b>II. Tự chọn</b>		6. Trạm phát điện dự phòng (13151-3TC)	13132
1. Mô hình hóa thiết bị điện (13146-3TC)	13101	7. TK hệ thống điện tàu thủy (13150-3TC)	13150
2. Hệ thống điều khiển nhúng (13139-3TC)	13120		
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 4 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Truyền động điện TT (13138-4TC)	13103	1. Thực tập tốt nghiệp (13116-4TC)	13108
2. Hệ thống tự động tàu thủy (13140-4TC)	13131	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
3. KT sửa chữa & CNLĐ HT ĐTT (13119-3TC)	13108	1. Đồ án tốt nghiệp (13157-6TC)	
4. PLC và mạng TT CN (13464-4TC)	13330	2. Tổng hợp cơ sở ngành (13128-3TC)	
5. Đồ án 2 (13143-2TC)	13101	3. Kiến thức chuyên ngành (13129-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>			
1. Quản lý năng lượng (13144-3TC)			
2. Trang bị điện ô tô nâng cao (13135-3TC)	13133		
3. Trang bị điện Metro nâng cao (13136-3TC)	13118		

**9. Ngành: Kỹ thuật điện tử-viễn thông (7520207)-Chuyên ngành: Điện tử viễn thông**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Giới thiệu ngành (13170-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Triết học Mác-Lê Nin (19101-3TC)</li> <li>Tin học ứng dụng trong ĐTVT (13213-3TC)</li> <li>Lý thuyết mạch (13299-4TC)</li> <li>An toàn điện (13421-2TC)</li> <li>Vật lý 2 (18202-3TC)</li> <li>Toán chuyên đề Điện-Điện tử (18144-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 12 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) <span style="float: right;">19101</span></li> <li>Cấu kiện điện tử (13201-3TC)</li> <li>Lý thuyết truyền tin (13277-3TC)</li> <li>Kỹ thuật số (13207-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC) <span style="float: right;">19401</span></li> <li>Kỹ thuật mạch điện tử (13276-4TC)</li> <li>Xử lý tín hiệu số (13289-3TC)</li> <li>Trường điện từ và truyền sóng (13205-3TC)</li> <li>Kỹ thuật vi xử lý (13279-3TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Mạch tích hợp cỡ lớn (13283-3TC)</li> <li>Anh văn chuyên ngành KTĐ (25408-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) <span style="float: right;">19501</span></li> <li>KT đo lường điện tử (13278-3TC) <span style="float: right;">13276</span></li> <li>Kỹ thuật thông tin số (13294-3TC)</li> <li>Kỹ thuật anten (13290-4TC)</li> <li>Kỹ thuật truyền số liệu và mạng (13280-3TC)</li> <li>Thực tập kỹ thuật điện tử (13271-2TC) <span style="float: right;">13276</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lý thuyết mã (13217-3TC)</li> <li>Mạng máy tính (13234-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) <span style="float: right;">19201</span></li> <li>Kỹ thuật siêu cao tần (13212-3TC)</li> <li>Thiết bị thu phát VTĐ (13295-3TC)</li> <li>Kỹ thuật truyền hình (13264-2TC)</li> <li>Đồ án 1 (13284-2TC)</li> <li>Hệ thống thông tin di động (13291-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Mô phỏng HT thông tin (13282-2TC)</li> <li>Nguyên lý điều khiển tự động (13243-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống thông tin hàng hải (13292-4TC)</li> <li>Hệ thống thông tin vệ tinh (13281-4TC)</li> <li>Hệ thống dẫn đường hàng hải (13293-3TC)</li> <li>Thực tập chuyên ngành (13297-2TC)</li> <li>Đồ án 2 (13238-2TC) <span style="float: right;">13294</span></li> <li>Hệ thống nhúng (13235-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (13298-4TC) <span style="float: right;">13292</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp (13274-6TC)</li> <li>Thiết bị điện tử Hàng Hải (13242-3TC)</li> <li>Hệ thống thông tin thế hệ mới (13287-3TC)</li> </ol>



**10. Ngành: Kỹ thuật điều khiển & TĐH (7520216)-Chuyên ngành: Điện tự động công nghiệp**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Giải tích (18142-3TC) 2. Đại số (18141-3TC) 3. Vật lý 1 (18201-3TC) 4. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 5. Giới thiệu ngành (13170-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC) 3. Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Triết học Mác-Lê Nin (19101-3TC) 2. Toán chuyên đề điện-ĐT (18144-3TC) 3. Vật lý 2 (18202-3TC) 4. Lý thuyết mạch (13428-4TC) 5. Vật liệu &amp; khí cụ điện (13150-3TC) 6. An toàn điện (13421-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC) 2. Tin học văn phòng (17102-3TC) 3. Phần mềm ứng dụng (13130-2TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 2. LT điều khiển tự động (13434-3TC) 3. Điện tử tương tự-số (13330-4TC) 4. Máy điện (13101-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC) 2. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>19101</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC) 2. Điện tử công suất (13350-4TC) 3. Cơ sở truyền động điện (13103-3TC) 4. Kỹ thuật vi điều khiển (13305-3TC) 5. Kỹ thuật đo lường (13307-3TC) 6. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn chuyên ngành KTD (25408-3TC) 2. ĐK logic và ứng dụng (13303-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>19401 13101 13101 13330 13330;13150</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 2. KT điều khiển thủy khí (13313-3TC) 3. Điều khiển quá trình (13309-3TC) 4. Đồ án 1 (13321-2TC) 5. ĐK truyền động điện (13382-3TC) 6. Thực tập (13354-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Xử lý số tín hiệu (13334-3TC) 2. Lập trình ĐK hệ thống (13332-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>19501 13330 13307 13307;13350 13103;13350 13350;13305</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) 2. Cung cấp điện (13352-4TC) 3. PLC (13314-3TC) 4. Điều khiển Robot (13316-3TC) 5. Điều khiển tích hợp máy tính (13383-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. HT truyền động điện xe điện (13359-3TC) 2. Mô hình hoá hệ thống (13326-2TC) 3. Hệ thống năng lượng tái tạo (13365-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>19201 13101 13313 13103 13307 13350 13434</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. TB điện - điện tử máy CN (13318-4TC) 2. Điều khiển số (13310-3TC) 3. Đồ án 2 (13322-2TC) 4. Hệ thống thông tin CN (13320-3TC) 5. TT nhân tạo và ứng dụng (13357-2TC) 6. Hệ thống cơ điện (13360-2TC) 7. DCS-SCADA (13384-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. IoT công nghiệp (13389-2TC) 2. Biến tần công nghiệp (13336-2TC) 3. Tự động hoá quá trình SX (13319-2TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>13103 13434;13350 13382 13352 13314</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (13355-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp (13329-6TC) 2. Thiết kế hệ thống tự động hoá (13339-3TC) 3. ĐK các bộ biến đổi công suất (13325-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>13354;13322</p>

**11. Ngành: KT điều khiển & TĐH (7520216)-Chuyên ngành: Tự động hóa hệ thống điện**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Giới thiệu ngành (13170-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> <li>Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Triết học Mác-Lê Nin (19101-3TC)</li> <li>Toán chuyên đề điện-ĐT (18144-3TC)</li> <li>Vật lý 2 (18202-3TC)</li> <li>Lý thuyết mạch (13428-4TC)</li> <li>Vật liệu &amp; khí cụ điện (13150-3TC)</li> <li>An toàn điện (13421-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> <li>Phần mềm ứng dụng (13130-2TC)</li> <li>Cơ lý thuyết (18405-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</li> <li>LT điều khiển tự động (13434-3TC)</li> <li>Điện tử tương tự-số (13330-4TC)</li> <li>Máy điện (13101-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC) 19401</li> <li>Điện tử công suất (13350-4TC) 13101</li> <li>Cơ sở truyền động điện (13103-3TC) 13101</li> <li>Kỹ thuật vi điều khiển (13305-3TC)</li> <li>Kỹ thuật đo lường (13447-3TC) 13330</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn chuyên ngành KTĐ (25408-3TC)</li> <li>ĐK logic và ứng dụng (13303-3TC) 13330;13150</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 20 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501</li> <li>Lưới điện (13453-4TC) 13428</li> <li>Ngắn mạch trong hệ thống điện (13472-3TC) 13428</li> <li>Nhà máy điện và trạm biến áp (13456-3TC) 13101</li> <li>Đồ án 1 (13457-2TC) 13101</li> <li>Thực tập (13459-3TC) 13150</li> <li>Năng lượng mới và tái tạo (13470-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>KT điều khiển thủy khí (13313-3TC) 13330;13150</li> <li>Kỹ thuật thông tin số (13294-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>PLC và mạng TT CN (13464-4TC) 13330</li> <li>ĐK và vận hành HT điện (13465-4TC) 13453</li> <li>Thiết kế cung cấp điện (13468-3TC) 13150</li> <li>Kỹ thuật điện cao áp (13458-3TC) 13150;13421</li> <li>Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) 19201</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cơ cấu chấp hành (13479-3TC) 13350</li> <li>Lưới điện thông minh (13463-3TC) 13453</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống SCADA/HMI (13466-3TC) 13464</li> <li>Hệ thống tự động hóa (13461-4TC) 13464</li> <li>Bảo vệ role hệ thống điện (13478-4TC) 13472;13456</li> <li>Đồ án 2 (13477-2TC) 13472;13453</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>HT truyền động thủy khí (22625-3TC) 18141;18142</li> <li>TT nhân tạo và ứng dụng (13357-2TC) 18124</li> <li>Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (13409-4TC) 13459;13478</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp (13400-6TC)</li> <li>Hệ thống điện tổng hợp (13407-3TC)</li> <li>Tự động hóa tổng hợp (13408-3TC)</li> </ol>

**12. Ngành: KT xây dựng công trình biển (7580203)-Chuyên ngành: Xây dựng công trình thủy**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học</b>
1. Giới thiệu ngành KTXD (16324-3TC)		1. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC)	18142
2. Đại số (18141-3TC)		2. Triết học Mac-Lênin (19101-3TC)	
3. Giải tích (18142-3TC)		3. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	18142
4. Vật lý 1 (18201-3TC)		4. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		5. Thủy lực (16320-2TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		6. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)	
1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)	
		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học</b>
1. Địa chất công trình (16401-2TC)		1. Cơ học kết cấu 1 (16246-3TC)	18504
2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	2. Cơ học đất (16203-3TC)	16401
3. Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC)	18304	3. Kết cấu thép (16205-2TC)	18504
4. Vật liệu xây dựng (16403-2TC)		4. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)	19401
5. Trắc địa cơ sở (16108-2TC)		5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)	
6. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101	6. Động lực học sông biển (16322-2TC)	16320
7. Khí tượng thủy hải văn (16321-2TC)	16320	<b>II. Tự chọn</b>	
8. Luật xây dựng (16210-2TC)	11401	1. Quy hoạch cảng (16215-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		2. Kiến trúc công nghiệp (16218-2TC)	
1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)			
2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)			
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học</b>
1. Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (16409-4TC)	18504	1. Thi công cơ bản (16207-2TC)	16403
2. Nền & móng (16206-3TC)	16203	2. ƯDMHTTCT trong XDCTT (16254-2TC)	16132
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	3. Công trình bến (16212-4TC)	16206
4. TT trắc địa cơ sở (16120-1TC)	16108	4. Phương pháp số (16301-3TC)	16202
5. TT Khí tượng thủy hải văn (16312-1TC)	16321	5. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)	19201
6. Quản lý dự án (16123-2TC)		6. Tin học ứng dụng (16319-2TC)	16202
7. Công trình đường thủy (16323-3TC)	16322	7. Công trình biển cố định (16235-3TC)	16322
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. Cơ học kết cấu 2 (16236-3TC)	16246	1. CT thủy công trong NMĐT (16237-3TC)	16206
2. Công trình thủy lợi (16308-3TC)	16320	2. An toàn lao động (16250-2TC)	
3. Âu tàu (16306-3TC)	16320	3. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)	
<b>HOC KỲ 7</b>		<b>HOC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học</b>	<b>I. Bắt buộc: 3 TC</b>	<b>Học</b>
1. CT BV bờ biển & đê CS (16309-4TC)	16322	1. Thực tập tốt nghiệp (16248-3TC)	16227
2. Thi công chuyên môn (16216-4TC)	16212	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
3. Tổ chức & QL thi công CTT (16221-2TC)	16409	1. Đồ án tốt nghiệp (16249-6TC)	
4. Kinh tế xây dựng (16447-3TC)		2. Phân tích LC kết cấu CT (16230-3TC)	
5. KĐCL và bảo trì KCHT bến cảng (16253-2TC)	16212	3. Phân tích LC PA thi công (16231-3TC)	
6. Thực tập công nhân (16227-2TC)	16207		
<b>II. Tự chọn</b>			
1. Khối lượng thi công (16243-2TC)	16409		
2. Anh văn chuyên ngành XDCTT (16251-)			
3. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)			

**13. Ngành: KT xây dựng công trình biển (7580203)-Chuyên ngành: Kỹ thuật an toàn hàng hải**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Giới thiệu ngành KTXD (16324-3 TC) 2. Pháp luật đại cương (11401-2 TC) 3. Giải tích (18141-3 TC) 4. Đại số (18142-3 TC) 5. Vật lý 1 (18210-3 TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2 TC) 2. Môi trường và BVMT (26101-2 TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Triết học Mác-Lê Nin (19101-3 TC) 2. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2 TC) 3. Cơ lý thuyết (18405-3 TC) 4. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3 TC) 5. Thủy lực (16320-2 TC) 6. Hóa kỹ thuật (26206-3 TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3 TC) 2. Tin học văn phòng (17102-3 TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2 TC) 2. Địa chất công trình (16401-2 TC) 3. Sức bền vật liệu (18504-3 TC) 4. Vẽ kỹ thuật AutoCAD (16132-2 TC) 5. Vật liệu xây dựng (16403-2 TC) 6. Trắc địa cơ sở (16108-2 TC) 7. Khí tượng, Thủy Hải văn (16321-2 TC) 8. Luật Xây dựng (16210-2 TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3 TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3 TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2 TC) 2. Cơ học kết cấu 1 (16246-3 TC) 3. Cơ học đất và nền móng (16240-3 TC) 4. Kết cấu thép và BTCT (16239-3 TC) 5. Cơ sở Trắc địa Công trình (16133-2 TC) 6. Anh văn cơ bản 3 (25105-4 TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Trắc địa vệ tinh (16140-2 TC) 2. Kết cấu hạ tầng cảng biển (16168-2 TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2 TC) 2. Thực tập trắc địa cơ sở (16120-1 TC) 3. Thực tập Khí tượng, thủy hải văn (16312-1 TC) 4. Lưới trắc địa và KT TT bình sai (16139-2 TC) 5. Thi công cơ bản (16207-2 TC) 6. Công trình báo hiệu hàng hải (16147-2 TC) 7. Khảo sát địa hình, địa chất biển (16165-2 TC) 8. UD GIS và viễn thám trong KTATHH (16169-2 TC) 9. UD tin học CN &amp; BIM trong KTATHH (16162-2 TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Trắc địa công trình ứng dụng (16148-3 TC) 2. Phân tích hiệu quả đầu tư (16144-3 TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng CS Việt Nam (19303-2 TC) 2. Quản lý dự án (16123-2 TC) 3. Thiết bị báo hiệu hàng hải (16117-2 TC) 4. Thành lập bản đồ biển (16137-3 TC) 5. Luồng tàu và khu nước cửa cảng (16110-4 TC) 6. Đo đạc và quan trắc thủy hải văn (16163-2 TC) 7. QL khai thác cảng &amp; đường thủy (16116-3 TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. CT chính trị sông và bờ biển (16167-3 TC) 2. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2 TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Thực tập chuyên ngành (16124-2 TC) 2. KT an toàn giao thông hàng hải (16115-3 TC) 3. Quản lý rủi ro hàng hải (16118-2 TC) 4. UD CN trong QL, KT DA cảng &amp; ĐT (16161-2 TC) 5. QL bảo trì CT cảng-ĐT (16152-3 TC) 6. Thi công công trình BDATHH (16131-4 TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản lý an toàn, VSLĐ (16166-2 TC) 2. Khai thác dịch vụ cảng-ĐT (16150-3 TC) 3. QL an toàn và AN cảng biển (16160-2 TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 3 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (16125-3 TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án Tốt nghiệp (16130-6 TC) 2. Lựa chọn PA thiết kế BDATHH (16170-3 TC) 3. Lựa chọn PA thi công BDATHH (16171-3 TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>

**14. Ngành: Kỹ thuật xây dựng (7580201)-Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và CN**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Giới thiệu ngành KTXD (16324-3TC)</p> <p>2. Đại số (18141-3TC)</p> <p>3. Giải tích (18142-3TC)</p> <p>4. Vật lý 1 (18201-3TC)</p> <p>5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p> <p>2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC)</p> <p>2. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</p> <p>3. Cơ lý thuyết (18405-3TC)</p> <p>4. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</p> <p>5. Thủy lực (16320-2TC)</p> <p>6. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</p> <p>2. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Địa chất công trình (16401-2TC)</p> <p>2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)</p> <p>3. Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC)</p> <p>4. Vật liệu xây dựng (16403-2TC)</p> <p>5. Trắc địa cơ sở (16108-2TC)</p> <p>6. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)</p> <p>7. Kiến trúc CT dân dụng (16688-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</p> <p>2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Cơ học kết cấu 1 (16246-3TC)</p> <p>2. Cơ học đất (16203-3TC)</p> <p>3. Kết cấu bê tông cốt thép 1 (16409-4TC)</p> <p>4. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)</p> <p>5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p> <p>6. Kết cấu gạch đá gỗ (16406-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kỹ thuật thông gió (16420-2TC)</p> <p>2. Cấp thoát nước (16424-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Thi công cơ bản (16207-2TC)</p> <p>2. Nền &amp; móng (16206-3TC)</p> <p>3. Kết cấu thép 1 (16413-4TC)</p> <p>4. Tin học ứng dụng trong XDD (16443-2TC)</p> <p>5. Thực tập trắc địa cơ sở (16120-1TC)</p> <p>6. Hệ thống kỹ thuật trong CT (16456-2TC)</p> <p>7. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Cơ học kết cấu 2 (16236-2TC)</p> <p>2. An toàn lao động (16250-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Quản lý dự án (16123-2TC)</p> <p>2. Kết cấu thép 2 (16417-3TC)</p> <p>3. Thi công lắp ghép nhà CN (16464-3TC)</p> <p>4. Kết cấu bê tông cốt thép 2 (16415-4TC)</p> <p>5. Lịch sử Đảng CS Việt Nam (19303-2TC)</p> <p>6. Thí nghiệm CT (16452-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Chuyên đề CT đặc biệt (16448-2TC)</p> <p>2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</p> <p>3. Kỹ thuật thi công CT dân dụng (16463-2TC)</p> <p>4. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Thực tập công nhân (16440-2TC)</p> <p>2. Tổ chức quản lý thi công XD (16449-3TC)</p> <p>3. Kinh tế xây dựng (16447-3TC)</p> <p>4. Ứng dụng BIM trong XD DD&amp;CN(16462-2TC)</p> <p>5. Thiết kế nhà dân dụng &amp; CN (16426-4TC)</p> <p>6. Kết cấu liên hợp Thép-BT (16451-2TC)</p> <p>7. Hư hỏng và sửa chữa CT (16455-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản lý công trường XD (16454-2TC)</p> <p>2. Kết cấu Thép đặc biệt (16453-2TC)</p> <p>3. Kết cấu BTCT đặc biệt (16457-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 3 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (16441-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp XDD (16442-6TC)</p> <p>2. Lựa chọn PA kết cấu (16444-3TC)</p> <p>3. Lựa chọn Biện pháp TC (16445-3TC)</p>

**15. Ngành: KT xây dựng CT giao thông (7580205)-Chuyên ngành: Công trình giao thông và CSHT**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Giới thiệu ngành KTXD (16324-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC) <span style="float: right;">18142</span></li> <li>Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</li> <li>Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</li> <li>Cơ lý thuyết (18405-3TC) <span style="float: right;">18142</span></li> <li>Thủy lực (16320-2TC)</li> <li>Hóa kỹ thuật (26206-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Địa chất công trình (16401-2TC)</li> <li>Sức bền vật liệu (18504-3TC) <span style="float: right;">18405</span></li> <li>Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC) <span style="float: right;">18304</span></li> <li>Vật liệu xây dựng (16403-2TC)</li> <li>Trắc địa cơ sở (16108-2TC)</li> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) <span style="float: right;">19101</span></li> <li>Luật xây dựng (16210-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cơ học kết cấu 1 (16246-3TC) <span style="float: right;">18504</span></li> <li>Cơ học đất (16203-3TC) <span style="float: right;">16401</span></li> <li>Thiết kế hình học đường ô tô (16505-4TC)</li> <li>Nhập môn cầu (16502-2TC)</li> <li>CNXH khoa học (19501-2TC) <span style="float: right;">19401</span></li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>An toàn lao động (16250-2TC)</li> <li>Khảo sát đường ô tô (16531-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thiết kế nền mặt đường (16537-3TC) <span style="float: right;">16505</span></li> <li>Kết cấu hạ tầng kỹ thuật (16554-3TC) <span style="float: right;">18504</span></li> <li>Nền &amp; móng (16206-3TC) <span style="float: right;">16203</span></li> <li>Tin học ứng dụng cầu đường (16503-2TC)</li> <li>Thực tập trắc địa cơ sở (16120-1TC) <span style="float: right;">16108</span></li> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) <span style="float: right;">19501</span></li> <li>Giao thông đô thị và đường phố (16501-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cơ học kết cấu 2 (16236-2TC) <span style="float: right;">16202</span></li> <li>Hệ thống điện cho cơ sở hạ tầng (13381-2TC)</li> <li>Quản lý công trường XD (16454-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cầu bê tông cốt thép (16532-4TC) <span style="float: right;">16502</span></li> <li>Thi công cơ bản (16207-2TC) <span style="float: right;">16403</span></li> <li>Cầu thép (16533-4TC) <span style="float: right;">16502</span></li> <li>XD đường và đánh giá CL đường (16536-2TC)</li> <li>Lịch sử Đảng CSVN (19303-2TC) <span style="float: right;">19201</span></li> <li>Sửa chữa bảo dưỡng đường (16534-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chuyên đề cầu đường (16527-2TC)</li> <li>Vẽ kỹ thuật cầu đường (16504-2TC)</li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Mô trụ cầu (16535-3TC) <span style="float: right;">16502</span></li> <li>Tổ chức quản lý thi công đường (16509-4TC) <span style="float: right;">16505</span></li> <li>Hạ tầng cấp thoát nước (16556-3TC)</li> <li>Khai thác kiểm định cầu (16512-2TC)</li> <li>Thực tập công nhân (16523-2TC) <span style="float: right;">16207</span></li> <li>Kinh tế xây dựng (16447-3TC)</li> <li>Ứng dụng BIM trong XD CTGT (16555-2TC) <span style="float: right;">16132</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cầu bê tông cốt thép 2 (16546-2TC)</li> <li>Cầu thép 2 (16518-3TC)</li> <li>Kỹ thuật thông gió (16420-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 3 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (16539-3TC) <span style="float: right;">16523</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp (16540-6TC)</li> <li>Lập PA thiết kế CTGT và CSHT (16560-3TC)</li> <li>Lập PA thi công CTGT và CSHT (16561-3TC)</li> </ol>

**16. Ngành: Kỹ thuật xây dựng (7580201)-Chuyên ngành: Kiến trúc và nội thất**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Giới thiệu ngành KTD (16637-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> <li>Điêu khắc và tạo hình kiến trúc (16619-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</li> <li>Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</li> <li>Cơ sở kiến trúc (16601-2TC)</li> <li>Cơ học công trình (16238-3TC)</li> <li>Mỹ thuật 1 (16603-2TC)</li> <li>Hóa kỹ thuật (26206-3TC)</li> <li>Chuyên đề công trình nhỏ (16605-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</li> <li>Lịch sử kiến trúc và PCNT (16663-2TC)</li> <li>Lý thuyết sáng tác kiến trúc (16610-2TC)</li> <li>Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC) 18304</li> <li>Vật liệu xây dựng (16403-2TC)</li> <li>Thiết kế nhanh 1 (16616-2TC) 16601</li> <li>Hình họa trong kiến trúc và NT (16690-2TC)</li> <li>Mỹ thuật 2 (16606-2TC) 16603</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC) 19401</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> <li>Cấu tạo KT và đồ đạc nội thất (16687-2TC)</li> <li>Tin học UD trong kiến trúc (16608-2TC) 16601</li> <li>Kiến trúc CT dân dụng (16688-3TC)</li> <li>Kiến trúc công nghiệp (16698-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chuyên đề nhà ở thấp tầng (16683-2TC)</li> <li>Bảo tồn di sản kiến trúc (16613-2TC)</li> <li>Vẽ kỹ thuật xây dựng (16607-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)</li> <li>Thiết kế nhanh 2 (16694-2TC)</li> <li>Kết cấu CT xây dựng DD và CN (16650-3TC)</li> <li>TK nội thất và TTB công trình (16633-4TC)</li> <li>CD trường học và nội thất CTGD (16628-2TC)</li> <li>Thực tập vẽ ghi (16629-2TC)</li> <li>Thực tập tham quan kiến trúc (16630-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử mỹ thuật (16649-2TC)</li> <li>Vật liệu hoàn thiện nội thất (16664-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng CS Việt Nam (19303-2TC) 19201</li> <li>Kiến trúc bền vững (16646-2TC)</li> <li>Vật lý kiến trúc (16636-2TC)</li> <li>Chuyên đề công trình thể thao (16614-2TC)</li> <li>Ứng dụng BIM trong Kiến trúc (16680-2TC)</li> <li>Kiến trúc công cộng và NT (16697-3TC)</li> <li>Quy hoạch đơn vị ở (16682-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ thuật thi công công trình (16618-3TC)</li> <li>CD nội thất CTTM và dịch vụ (16686-2TC)</li> <li>Chuyên đề nhà ở cao tầng (16615-2TC)</li> <li>Chuyên đề nội thất tổng hợp (16681-4TC)</li> <li>Sinh thái và quy hoạch MTĐT (16626-3TC)</li> <li>Chuyên đề kiến trúc CN (16622-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyên lý kiến trúc cảnh quan (16612-2TC)</li> <li>An toàn lao động (16250-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 3 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (16642-3TC) 16681</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đề án tốt nghiệp (16638-6TC)</li> <li>CD1: LCPATK kiến trúc CT (16684-3TC)</li> <li>CD2: LCPATK nội thất (16689-3TC)</li> </ol>

**17. Ngành: Kỹ thuật xây dựng (7580201)-Chuyên ngành: Quản lý công trình xây dựng**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Đại số (18141-3TC) 2. Giải tích (18142-3TC) 3. Vật lý 1 (18201-3TC) 4. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 5. Giới thiệu ngành KTXD (16324-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Hóa kỹ thuật (26206-3TC) 2. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC) 3. Triết học Mac-Lênin (19101-3TC) 4. Cơ học công trình (16238-3TC) 5. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC) 6. Thủy lực (16320-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC) 2. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 2. Địa chất công trình (16401-2TC) 3. Vật liệu xây dựng (16403-2TC) 4. Trắc địa cơ sở (16108-2TC) 5. Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC) 6. Khoa học quản lý xây dựng (16355-3TC) 7. Luật xây dựng (16210-2TC) 8. Khí tượng thủy hải văn (16321-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC) 2. Marketing trong xây dựng (16339-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC) 2. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC) 3. Kết cấu thép và BTCT (16239-3TC) 4. Cơ học đất và nền móng (16240-3TC) 5. Thống kê doanh nghiệp xây dựng (16360-3TC) 6. Quản lý hợp đồng (16353-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản lý nhà nước trong XD (16352-2TC) 2. Thiết kế và quản lý đường thủy (16316-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 2. Nguyên lý kết cấu công trình XD (16255-2TC) 3. Quản lý đô thị (16361-3TC) 4. Thi công công trình hạ tầng đô thị (16354-3TC) 5. Dự toán trong xây dựng (16368-3TC) 6. Mô hình toán kinh tế trong XD (16346-3TC) 7. TT Khí tượng thủy hải văn (16312-1TC) 8. TT trắc địa cơ sở (16120-1TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản lý nguồn nhân lực (16334-3TC) 2. Cấp thoát nước (16424-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) 2. Kỹ thuật thi công trong QL XD (16256-2TC) 3. Ứng dụng BIM trong quản lý XD (16351-2TC) 4. Quản lý bất động sản (16357-2TC) 5. Kinh tế đầu tư xây dựng (16349-3TC) 6. Quản lý rủi ro CTXD (16359-3TC) 7. QTKD trong doanh nghiệp XD (16362-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kế hoạch và dự báo xây dựng (16350-2TC) 2. Tài chính doanh nghiệp XD (16329-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. QL chất lượng công trình XD (16330-2TC) 2. Tin học trong quản lý xây dựng (16328-2TC) 3. Kiểm định CL và bảo trì KC hạ tầng đô thị (16358-2TC) 4. Quản lý đấu thầu (16363-3TC) 5. Định giá sản phẩm xây dựng (16365-3TC) 6. Thực tập cơ sở ngành (16335-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản lý công nghệ xây dựng (16338-2TC) 2. Tiếng Anh chuyên ngành (16327-2TC) 3. Tin học ứng dụng trong kiến trúc (16608-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 3 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (16364-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp (16366-6TC) 2. Tổ chức và QL thi công xây lắp (16257-3TC) 3. Thẩm định dự án đầu tư (16370-3TC)</p>



**18. Ngành: Công nghệ thông tin (7480201)-Chuyên ngành: Công nghệ thông tin**

**Tổng cộng: 132 TC**

**Bắt buộc: 114 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p>1. Đại số (18141-3TC)</p> <p>2. Giới thiệu ngành CN thông tin (17200-2TC)</p> <p>3. Toán rời rạc (17232-3TC)</p> <p>4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)</p> <p>5. Kiến trúc máy tính và thiết bị NV (17302-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p> <p>2. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</p> <p>3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Triết học Mác Lênin (19101-3TC)</p> <p>2. Giải tích (18142-3TC)</p> <p>3. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)</p> <p>4. Cơ sở dữ liệu (17426-3TC)</p> <p>5. Mạng máy tính (17506-3TC)</p> <p>6. Nhập môn công nghệ phần mềm (17432-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25121-3TC)</p> <p>2. Nguyên lý hệ điều hành (17303-2TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)</p> <p>2. Xác suất thống kê (18143-3TC)</p> <p>3. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (17233-3TC)</p> <p>4. Lập trình Windows (17335-3TC)</p> <p>5. Lập trình hướng đối tượng (17236-3TC)</p> <p>6. Java cơ bản (17523-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Lập trình Python (17105-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>19101</p> <p>17206</p> <p>17206</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)</p> <p>2. An toàn và bảo mật thông tin (17212-3TC)</p> <p>3. PT&amp;TK hệ thống hướng đối tượng (17430-3TC)</p> <p>4. Lý thuyết đồ thị (17207-3TC)</p> <p>5. Kỹ thuật Vi xử lý (17301-3TC)</p> <p>6. Anh Văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản lý dự án Công nghệ thông tin (17405-3TC)</p> <p>2. Python nâng cao (17106-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>19401</p> <p>17233</p> <p>17426</p> <p>17233</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)</p> <p>2. Phát triển ứng dụng với cơ sở dữ liệu (17434-3TC)</p> <p>3. Lập trình thiết bị di động (17423-3TC)</p> <p>4. Phát triển ứng dụng trên nền Web (17340-4TC)</p> <p>5. Trí tuệ nhân tạo (17234-3TC)</p> <p>6. Thực tập CN Công nghệ thông tin (17290-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Điện toán đám mây (17419-3TC)</p> <p>2. Thiết kế và quản trị mạng (17509-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>19501</p> <p>17426</p> <p>17206;17523</p> <p>17233</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam (19303-2TC)</p> <p>2. Hệ thống nhúng (17337-3TC)</p> <p>3. Xử lý ảnh (17221-3TC)</p> <p>4. Thương mại điện tử (17543-3TC)</p> <p>5. Phát triển ứng dụng mã nguồn mở (17314-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. BD DL dạng bán CT và ứng dụng (17428-3TC)</p> <p>2. Phân tích TKHT hướng ĐT (17430-3TC)</p> <p>3. Lập trình mạng (17507-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>19201</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Thiết kế giao diện người dùng (UI/UX) (17435-3TC)</p> <p>2. Thị giác máy tính (17226-3TC)</p> <p>3. Công nghệ Internet of Things (17332-3TC)</p> <p>4. Kỹ thuật học sâu và ứng dụng (17231-3TC)</p> <p>5. Đồ án Tích hợp hệ thống (17341-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Xử lý dữ liệu lớn (17431-3TC)</p> <p>2. An ninh mạng (17540-3TC)</p> <p>3. Điện toán đám mây (17419-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>17221</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (17901-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp (17902-6TC)</p> <p>2. Các hệ cơ sở tri thức (17241-3TC)</p> <p>3. Xây dựng và phát triển dự án CNTT (17437-3TC)</p>	<p><b>Học trước</b></p> <p>17435</p>

**19. Ngành: Công nghệ thông tin (7480201)-Chuyên ngành: Công nghệ phần mềm**

**Tổng cộng: 130 TC**

**Bắt buộc: 112 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
<p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p>1. Đại số (18141-3TC)</p> <p>2. Giới thiệu ngành CN thông tin (17200-2TC)</p> <p>3. Toán rời rạc (17232-3TC)</p> <p>3. Pháp luật đại cương (11401-2TC)</p> <p>4. Kiến trúc máy tính và thiết bị NV (17302-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p> <p>2. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</p> <p>3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p>	Học trước	<p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Triết học Mác Lênin (19101-3TC)</p> <p>2. Giải tích (18142-3TC)</p> <p>3. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)</p> <p>4. Cơ sở dữ liệu (17426-3TC)</p> <p>5. Mạng máy tính (17506-3TC)</p> <p>6. Nhập môn công nghệ phần mềm (17432-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25121-3TC)</p> <p>2. Nguyên lý hệ điều hành (17303-2TC)</p>	Học trước
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
<p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)</p> <p>2. Xác suất thống kê (18143-3TC)</p> <p>3. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (17233-3TC)</p> <p>4. Lập trình Windows (17335-3TC)</p> <p>5. Lập trình hướng đối tượng (17236-3TC)</p> <p>6. Java cơ bản (17523-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Lập trình Python (17105-3TC)</p>	Học trước 19101  17206  17206	<p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)</p> <p>2. An toàn và bảo mật thông tin (17212-3TC)</p> <p>3. PT&amp;TK hệ thống hướng đối tượng (17430-3TC)</p> <p>4. Quản lý dự án Công nghệ thông tin (17405-3TC)</p> <p>5. Kỹ thuật Vi xử lý (17301-3TC)</p> <p>6. Anh Văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Thiết kế và quản trị mạng (17509-3TC)</p> <p>2. Python nâng cao (17106-3TC)</p>	Học trước 19101; 19401  17233  17426
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
<p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)</p> <p>2. Phát triển ứng dụng với cơ sở dữ liệu (17434-3TC)</p> <p>3. Kiểm thử và đảm bảo CL phần mềm (17418-3TC)</p> <p>4. BDDL dạng bán cấu trúc và ứng dụng (17428-3TC)</p> <p>5. Trí tuệ nhân tạo (17234-3TC)</p> <p>6. Thực tập CN Công nghệ phần mềm (17490-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Lý thuyết đồ thị (17207-3TC)</p> <p>2. Lập trình mạng (17507-3TC)</p> <p>3. Thương mại điện tử (17543-3TC)</p>	Học trước 19501  17426  17233  17233	<p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam (19303-2TC)</p> <p>2. Thiết kế giao diện người dùng (UI/UX) (17435-3TC)</p> <p>3. Khai phá dữ liệu (17409-3TC)</p> <p>4. Phát triển ứng dụng trên nền Web (17340-4TC)</p> <p>5. Xử lý ảnh (17221-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Robot và các hệ thống thông minh (17333-3TC)</p> <p>2. Hệ thống nhúng (17337-3TC)</p> <p>3. Phát triển ứng dụng mã nguồn mở (17314-3TC)</p>	Học trước 19201
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
<p><b>I. Bắt buộc: 12 TC</b></p> <p>1. Phương pháp triển khai-DevOps (17439-3TC)</p> <p>2. Lập trình thiết bị di động (17423-3TC)</p> <p>3. Xử lý dữ liệu lớn (17431-3TC)</p> <p>4. Kỹ thuật học sâu và ứng dụng (17231-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Công nghệ Internet of Things (17332-3TC)</p> <p>2. An ninh mạng (17540-3TC)</p> <p>3. Điện toán đám mây (17419-3TC)</p>	Học trước 17206; 17523	<p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (17901-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp (17902-6TC)</p> <p>2. Thi giác máy tính (17226-3TC)</p> <p>3. Xây dựng và phát triển dự án CNTT (17437-3TC)</p>	Học trước 17423,17435

## 20. Ngành: Công nghệ thông tin (7480201)-Chuyên ngành: Kỹ thuật truyền thông và MMT

Tổng cộng: 132 TC

Bắt buộc: 114 TC

Tự chọn tối thiểu: 12 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
<b>I. Bắt buộc: 13 TC</b> 1. Đại số (18141-3TC) 2. Giới thiệu ngành CN thông tin (17200-2TC) 3. Toán rời rạc (17232-3TC) 3. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 4. Kiến trúc máy tính và thiết bị NV (17302-3TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC) 3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	Học trước	<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b> 1. Triết học Mác Lênin (19101-3TC) 2. Giải tích (18142-3TC) 3. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC) 4. Cơ sở dữ liệu (17426-3TC) 5. Mạng máy tính (17506-3TC) 6. Nhập môn công nghệ phần mềm (17432-2TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Anh văn cơ bản 2 (25121-3TC) 2. Nguyên lý hệ điều hành (17303-2TC) 3. Thương mại điện tử (17543-3TC)	Học trước
<b>HỌC KỲ 3</b> <b>I. Bắt buộc: 17 TC</b> 1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 2. Xác suất thống kê (18143-3TC) 3. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (17233-3TC) 4. Lập trình Windows (17335-3TC) 5. Lập trình hướng đối tượng (17236-3TC) 6. Java cơ bản (17523-3TC) <b>II. Tự chọn:</b> 1. Lập trình Python (17105-3TC)	Học trước	<b>HỌC KỲ 4</b> <b>I. Bắt buộc: 18 TC</b> 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC) 2. An toàn và bảo mật thông tin (17212-3TC) 3. Phân tích và thiết kế hệ thống (17427-3TC) 4. Lý thuyết đồ thị (17207-3TC) 5. Kỹ thuật Vi xử lý (17301-3TC) 6. Anh Văn cơ bản 3 (25105-4TC) <b>II. Tự chọn:</b> 1. Quản lý dự án Công nghệ thông tin (17405-3TC) 2. Python nâng cao (17106-3TC)	Học trước
<b>HỌC KỲ 5</b> <b>I. Bắt buộc: 14 TC</b> 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 2. Phát triển ứng dụng với cơ sở dữ liệu (17434-3TC) 3. Phát triển ứng dụng trên nền Web (17340-4TC) 4. Trí tuệ nhân tạo (17234-3TC) 5. Thực tập chuyên ngành TTM (17510-2TC) <b>II. Tự chọn:</b> 1. BDDL dạng bán cấu trúc và ứng dụng (17428-3TC) 2. Phương pháp triển khai DevOps (17439-3TC)	Học trước	<b>HỌC KỲ 6</b> <b>I. Bắt buộc: 17 TC</b> 1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam (19303-2TC) 2. Hệ thống nhúng (17337-3TC) 3. Xử lý ảnh (17221-3TC) 4. Lập trình mạng (17507-3TC) 5. Phát triển ứng dụng mã nguồn mở (17314-3TC) 6. Hệ điều hành mạng (17526-3TC) <b>II. Tự chọn:</b> 1. Robot và các hệ thống thông minh (17333-3TC) 2. Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm (17418-3TC)	Học trước
<b>HỌC KỲ 7</b> <b>I. Bắt buộc: 14 TC</b> 1. Thị giác máy tính (17226-3TC) 2. Công nghệ Internet of Things (17332-3TC) 3. An ninh mạng (17540-3TC) 4. Thiết kế và quản trị mạng (17509-3TC) 5. Đồ án Tích hợp hệ thống (17341-2TC) <b>II. Tự chọn:</b> 1. Xử lý dữ liệu lớn(17431-3TC) 2. Thiết kế giao diện người dùng (UI/UX) (17435-3TC) 3. Kỹ thuật học sâu và ứng dụng (17231-3TC)	Học trước	<b>HỌC KỲ 8</b> <b>I. Bắt buộc: 4 TC</b> 1. Thực tập tốt nghiệp (17901-4TC) <b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b> 1. Đồ án tốt nghiệp (17902-6TC) 2. Thiết kế và quản trị mạng nâng cao (17530-3TC) 3. Điện toán đám mây(17419-3TC)	Học trước

## 21. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Máy và tự động hóa xếp dỡ

**Tổng cộng: 135 TC****Bắt buộc: 116 TC****Tự chọn tối thiểu: 13 TC****Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Nhập môn kỹ thuật (22366-3TC)  2. Giải tích (18142-3TC)  3. Vật lý 1 (18201-3TC)  4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)  5. Hoá kỹ thuật (26206-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)  2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Triết học Mác-Lê nin (19101-3TC)  2. Hình hoạ-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)  3. Cơ lý thuyết (18405-3TC)  4. Điện công nghiệp (22170-3TC) 18201  5. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC) 18201  6. Đại số (18141-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)  2. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101  2. Nguyên lý máy 2 (22648-4TC) 18405  3. Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405  4. Vẽ cơ khí &amp; CAD (22169-3TC) 18304  5. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)  6. Kỹ thuật điều khiển tự động ( 22702-3TC) 18141</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)  2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC) 19401  2. Cơ sở thiết kế máy (22645-3TC) 22648  3. Dung sai và kỹ thuật đo 1 (22649-3TC) 22648  4. Kỹ thuật gia công cơ khí (22516-4TC) 22501  5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)  6. Cơ kết cấu cơ khí (22301-3TC) 18504</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Tin học chuyên ngành (22309-3TC)  2. Động cơ đốt trong (22154-3TC) 22201</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Thực tập cơ khí (20101-2TC) 22516  2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501  3. Đồ án Cơ sở thiết kế máy (22646-2TC) 22645  4. Công nghệ chế tạo CK (22512-3TC) 22516  5. Toán ứng dụng (22247-3TC) 18142  6. Kết cấu thép máy nâng chuyển (22351-4TC) 22301</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Quản lý sản xuất (22356-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Lịch sử ĐCSVN (19303-2TC) 19201  2. CAD/CAM và CNC (22504-3TC) 22516  3. Thủy lực và khí nén ứng dụng (22608-4TC)  4. Thí nghiệm thủy lực (22357-2TC)  5. Máy trục (22361-4TC) 22645</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)  2. Tiêu chuẩn thiết kế MNC (22359-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 12 TC</b></p> <p>1. CN sửa chữa và lắp dựng MNC (22358-4TC) 22361  2. Máy vận chuyển liên tục (22352-3TC) 22645  3. Tự động hóa xếp dỡ (22354-3TC)  4. An toàn công nghiệp (22355-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn: 2 TC</b></p> <p>1. Máy nâng (22360-3TC)  2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b></p> <p>1. Thực tập sản xuất MXD (22363-4TC) 22361;22358</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp (22327-6TC)  2. Tính toán máy nâng chuyển (22364-4TC)  3. Kỹ thuật an toàn thiết bị nâng (22365-2TC)</p>

**22. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí****Tổng cộng: 135 TC****Bắt buộc: 116 TC****Tự chọn: 13 TC****Tốt nghiệp: 6TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Nhập môn kỹ thuật (22366-3TC)</p> <p>2. Giải tích (18142-3TC)</p> <p>3. Vật lý 1 (18201-3TC)</p> <p>4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)</p> <p>5. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</p> <p>2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</p> <p>2. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</p> <p>3. Cơ lý thuyết (18405-3TC)</p> <p>4. Điện công nghiệp (22170-3TC) 18201</p> <p>5. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC) 18201</p> <p>6. Đại số (18141-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</p> <p>2. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</p> <p>2. Nguyên lý máy 2 (22648-4TC) 18405</p> <p>3. Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405</p> <p>4. Vẽ cơ khí &amp; CAD (22169-3TC) 18304</p> <p>5. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)</p> <p>6. Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC) 18141</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</p> <p>2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 20 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC) 19401</p> <p>2. Cơ sở thiết kế máy (22645-3TC) 22648</p> <p>3. Dung sai và kỹ thuật đo 2 (22650-4TC) 22648</p> <p>4. Kỹ thuật gia công cơ khí (22516-4TC) 22501</p> <p>5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p> <p>6. Toán ứng dụng (22247-3TC) 18142</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Kỹ thuật lập trình PLC và UD (22708-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Thực tập cơ khí (20101-2TC) 22516</p> <p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501</p> <p>3. Đồ án Cơ sở thiết kế máy (22646-2TC) 22645</p> <p>4. Phương pháp phân tử hữu hạn (22630-3TC)</p> <p>5. Máy công cụ (22604-3TC)</p> <p>6. Thiết kế và qui hoạch CT CK (22607-3TC) 18504</p> <p>7. Đồ gá và dụng cụ cắt (22631-3TC)</p> <p><b>II Tự chọn:</b></p> <p>1. Ma sát, mòn và bôi trơn (22609-3TC) 22645</p> <p>2. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 12 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) 19201</p> <p>2. Thủy lực và khí nén UD (22608-4TC)</p> <p>3. Quản lý và bảo trì CN (22632-2TC)</p> <p>4. Thiết kế sản phẩm với CAD (22633-4TC) 22646</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</p> <p>2. HT điều khiển bằng khí nén (22643-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Thực tập sản xuất KCK (22638-4TC) 22633</p> <p>2. Thiết kế công nghệ CT CK (22634-4TC) 22604;22631</p> <p>3. Kỹ thuật HT công nghiệp (22635-2TC)</p> <p>4. CAD/CAM-CNC (22504-3TC) 22516</p> <p>5. Kỹ thuật cơ khí LAB (22651-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 0 TC</b></p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp (22620-6TC)</p> <p>2. Các ứng dụng của CAD (22618-3TC)</p> <p>3. Xây dựng đề án kỹ thuật (22619-3TC)</p>

**23. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ điện tử****Tổng cộng: 135 TC****Bắt buộc: 116 TC****Tự chọn tối thiểu: 13 TC****Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập môn kỹ thuật (22366-3TC)</li> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Hóa kỹ thuật (26206-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</li> <li>Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</li> <li>Cơ lý thuyết (18405-3TC)</li> <li>Điện công nghiệp (22170-3TC)</li> <li>Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC)</li> <li>Đại số (18141-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 20 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)</li> <li>Nguyên lý máy 2 (22648-4TC)</li> <li>Sức bền vật liệu (18504-3TC)</li> <li>Vẽ cơ khí &amp; CAD (22169-3TC)</li> <li>Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)</li> <li>Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC)</li> <li>Công cụ phần mềm (22711-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 21 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)</li> <li>Cơ sở thiết kế máy (22645-3TC)</li> <li>Dung sai và kỹ thuật đo 1 (22649-3TC)</li> <li>Kỹ thuật gia công cơ khí (22516-4TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> <li>Toán ứng dụng (22247-3TC)</li> <li>Cơ điện tử LAB 1 (22728-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập cơ khí (20101-2TC)</li> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)</li> <li>Đồ án Cơ sở thiết kế máy (22646-2TC)</li> <li>Công nghệ chế tạo cơ khí (22512-3TC)</li> <li>Thiết kế mạch điện tử (22725-2TC)</li> <li>Kỹ thuật lập trình (22726-3TC)</li> <li>Cảm biến (22718-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khí cụ điện (22716-3TC)</li> <li>Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (22635-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)</li> <li>CAD/CAM và CNC (22504-3TC)</li> <li>Thủy lực và khí nén UD (22608-4TC)</li> <li>Động lực học nhiều vật (22701-3TC)</li> <li>Cơ cấu chấp hành (22714-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> <li>Truyền động điện và ĐTCS (22717-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 12 TC</b></p> <p>Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập sản xuất CĐT (22722-4TC)</li> <li>KT lập trình PLC và UD (22708-3TC)</li> <li>Cơ điện tử LAB 2 (22729-2TC)</li> <li>Vi điều khiển (22727-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>HT động lực học và ĐK (22730-3TC)</li> <li>Kỹ thuật Robot (22723-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 0 TC</b></p> <p>Học trước</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp (22720-6TC)</li> <li>Thiết kế hệ cơ điện tử (22734-3TC)</li> <li>Cơ điện tử ứng dụng (22707-3TC)</li> </ol>

**24. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Kỹ thuật ô tô****Tổng cộng: 135 TC****Bắt buộc: 116 TC****Tự chọn tối thiểu: 13 TC****Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Nhập môn kỹ thuật (22366-3TC)		1. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)	
2. Giải tích (18142-3TC)		2. Đại số (18141-3TC)	
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
4. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)		4. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		5. Điện công nghiệp (22170-3TC)	18201
<b>II. Tự chọn</b>		6. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC)	18201
1. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)	
		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 19 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)	19401
2. Nguyên lý máy 2 (22648-4TC)	18405	2. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)	
3. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	3. Cơ sở thiết kế máy (22645-3TC)	22648
4. Vẽ cơ khí & CAD (22169-3TC)	18304	4. Dung sai và kỹ thuật đo 1 (22649-3TC)	22648
5. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)		5. Kỹ thuật gia công cơ khí (22516-4TC)	22501
6. Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC)	18141	6. Động cơ đốt trong (22154-3TC)	22201
<b>II. Tự chọn:</b>		<b>II. Tự chọn:</b>	
1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)		1. Quản lý vận tải (22162-2TC)	
2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)		2. Quản lý sản xuất (22356-2TC)	
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)	19201
2. Toán ứng dụng (22247-3TC)	18142	2. Thủy lực và khí nén UD (22608-4TC)	
3. Đồ án Cơ sở thiết kế máy (22646-2TC)	22645	3. CAD/CAM-CNC (22504-3TC)	22516
4. Thực tập cơ khí (20101-2TC)	22516	4. CN chế tạo phụ tùng ô tô (22155-3TC)	22516
5. Kết cấu ô tô (22153-3TC)	22648	5. Tính toán thiết kế ô tô (22152-3TC)	22645
6. CN sản xuất và lắp ráp ô tô (22174-2TC)	22516	<b>II. Tự chọn:</b>	
7. Lý thuyết ô tô (22151-3TC)	22648	1. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
<b>II. Tự chọn:</b>		2. UD các PM trong KT ô tô (22172-3TC)	
1. Công nghệ khung vỏ ô tô (22173-3TC)			
2. Xe chuyên dụng (22160-3TC)			
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 0 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Thực tập sản xuất KTO (22163-4TC)	22152	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12TC</b>	
2. Sửa chữa và bảo dưỡng ô tô (22156-4TC)	22155	1. Đồ án tốt nghiệp (22126-6TC)	
3. TB điện và HTĐKGS ô tô (22157-3TC)	22170	2. Hệ thống truyền lực ô tô (22167-3TC)	
4. Xe điện (22168-2TC)	22153	3. CN mới trong KT ô tô (22166-3TC)	
5. Kỹ thuật chẩn đoán ô tô (22161-2TC)	22170		
<b>II. Tự chọn:</b>			
1. Công nghệ sơn phủ ô tô (22165-2TC)			
2. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)			

**25. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Nhập môn kỹ thuật (22366-3TC)		1. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)	
2. Giải tích (18142-3TC)		2. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	
4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		4. Điện công nghiệp (22170-3TC)	18201
5. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)		5. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC)	18201
<b>II. Tự chọn</b>		6. Đại số (18141-3TC)	
1. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)	
		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 19 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)	19401
2. Nguyên lý máy 2 (22648-4TC)	18405	2. Cơ sở thiết kế máy (22645-3TC)	22648
3. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	3. Dung sai và kỹ thuật đo 1 (22649-3TC)	22648
4. Vẽ cơ khí & CAD (22169-3TC)	18304	4. Kỹ thuật gia công cơ khí (22516-4TC)	22501
5. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)		5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)	
6. Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC)	18141	6. Truyền nhiệt (22250-3TC)	22201
<b>II. Tự chọn:</b>			
1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)			
2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)			
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Thực tập cơ khí (20101-2TC)	22516	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)	19201
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	2. CAD/CAM-CNC (22504-3TC)	22516
3. Đồ án Cơ sở thiết kế máy (22646-2TC)	22645	3. Thủy lực và khí nén UD (22608-4TC)	
4. Công nghệ chế tạo cơ khí (22512-3TC)	22516	4. Kỹ thuật làm lạnh (22248-4TC)	22250
5. Toán ứng dụng (22247-3TC)	18142	5. Kỹ thuật sấy (22245-3TC)	22201
6. Thiết bị trao đổi nhiệt (22251-3TC)	22250	<b>II. Tự chọn:</b>	
<b>II. Tự chọn:</b>		1. Hệ thống và TB đường ống (22249-3TC)	22251
1. Động cơ đốt trong (22154-3TC)	22201	2. Kỹ thuật lập trình PLC và UD (22708-3TC)	
2. Phương pháp phân tử hữu hạn (22630-3TC)			
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 12 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 4 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Nhà máy nhiệt điện (22233-3TC)	22201	1. Thực tập sản xuất KNL (22254-4TC)	22237
2. Hệ thống điều hòa KK (22237-4TC)	22250	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
3. Kỹ thuật thông gió (22252-2TC)	22250	1. Đồ án tốt nghiệp (22241-6TC)	
4. Thiết kế và tối ưu hóa HT nhiệt (22236-3TC)	22250	2. Thiết kế hệ thống cấp nhiệt (22242-2TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		3. Thiết kế hệ thống lạnh (22243-2TC)	
1. Lắp đặt, VH và SC HT lạnh (22246-2TC)	22248	4. Thiết kế HT điều hòa KK (22244-2TC)	
2. Khởi nghiệp sáng tạo (2253-2TC)			
3. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)			



**26. Ngành: Kỹ thuật tàu thủy (7520122)-Chuyên ngành: Thiết kế tàu và công trình ngoài khơi**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Phương pháp tính (18146-2TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Nhập môn Kỹ thuật tàu thủy (23327-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và BVMT (26101-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Triết học Mác-Lê-nin (19101-3TC)</li> <li>Cơ lý thuyết (18405-3TC)</li> <li>Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</li> <li>Tin học trong đóng tàu (23322-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</li> <li>Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405</li> <li>Vẽ tàu (23102-3TC)</li> <li>Cơ chất lỏng (18404-3TC)</li> <li>Thực tập gia công cơ khí (20102-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Vật liệu đóng tàu (22508-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC) 19401</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> <li>Tinh học tàu thủy (23103-4TC) 23102</li> <li>Cơ kết cấu tàu thủy (23201-4TC)</li> <li>Hệ thống tàu thủy (23110-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ hàn tàu 1 (23240-2TC)</li> <li>Công ước Quốc tế trong đóng tàu (23121-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501</li> <li>Kỹ thuật đo và thử tàu (23307-2TC)</li> <li>Kết cấu tàu &amp; CTBĐĐ 1 (23255-3TC)</li> <li>Thiết bị tàu &amp; CTBĐĐ 2 (23152-5TC)</li> <li>Động lực học tàu thủy (23153-4TC) 18404</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tiếng Anh chuyên ngành đóng tàu (25405-3TC)</li> <li>Tải trọng tác dụng lên tàu và CTB (23321-3TC)</li> <li>Hệ động lực tàu thủy (12326-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng CSVN (19303-2TC) 19201</li> <li>Lý thuyết thiết kế tàu thủy (23115-3TC)</li> <li>Thiết bị đẩy tàu thủy 2 (23120-4TC) 23153</li> <li>Tự động hóa thiết kế tàu thủy 1 (23317-3TC)</li> <li>Công nghệ đóng tàu &amp; CTBĐĐ (23254-4TC)</li> <li>Bố trí chung và kiến trúc tàu thủy (23116-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đặc điểm thiết kế các loại tàu đặc biệt (23147-2TC)</li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thiết kế tàu và CTBĐĐ 2 (23117-5TC)</li> <li>Kết cấu tàu &amp; CTBĐĐ 2 (23246-5TC) 23255</li> <li>Tự động hóa thiết kế tàu thủy 2 (2318-5TC) 23317</li> <li>Sức bền tàu và CTBĐĐ (23243-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 6 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (23139-6TC) 23117</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp (23137-6TC)</li> <li>Chuyên đề Thiết kế tàu và CTBĐĐ (23138-3TC)</li> <li>Chuyên đề Kết cấu tàu và CTBĐĐ (23233-3TC)</li> </ol>

**27. Ngành: Kỹ thuật tàu thủy (7520122)-Chuyên ngành: Đóng tàu và công trình ngoài khơi***Tổng cộng: 135 TC**Bắt buộc: 116 TC**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**Tốt nghiệp: 6 TC*

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giải tích (18142-3TC)</li> <li>Vật lý 1 (18201-3TC)</li> <li>Phương pháp tính (18146-2TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Nhập môn Kỹ thuật tàu thủy (23327-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và BVMT (26101-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Triết học Mác-Lê-nin (19101-3TC)</li> <li>Cơ lý thuyết (18405-3TC)</li> <li>Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)</li> <li>Tin học trong đóng tàu (23322-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</li> <li>Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405</li> <li>Vẽ tàu (23102-3TC)</li> <li>Cơ chất lỏng (18404-3TC)</li> <li>Thực tập gia công cơ khí (20102-2TC)</li> <li>An toàn lao động trong đóng tàu (23256-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Vật liệu đóng tàu (22508-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC) 19401</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> <li>Tinh học tàu thủy (23103-4TC) 23102</li> <li>Cơ kết cấu tàu thủy (23201-4TC)</li> <li>Hệ thống tàu thủy (23110-2TC)</li> <li>Bố trí chung và kiến trúc tàu thủy (23116-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Công ước Quốc tế trong đóng tàu (23121-2TC)</li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập kỹ thuật (23219-2TC)</li> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501</li> <li>Kỹ thuật đo và thử tàu (23307-2TC)</li> <li>Kết cấu tàu &amp; CTBĐĐ 1 (23255-3TC)</li> <li>Thiết bị tàu &amp; CTBĐĐ 1 (23141-2TC)</li> <li>Thiết kế xưởng và Nhà máy đóng tàu (23226-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tiếng Anh chuyên ngành đóng tàu (25405-3TC)</li> <li>Tải trọng tác dụng lên tàu và CTB (23321-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng CSVN (19303-2TC) 19201</li> <li>Sức bền tàu và CTBĐĐ (23243-4TC)</li> <li>Tự động hóa trong đóng tàu 1 (23324-3TC)</li> <li>Kết cấu tàu &amp; CTBĐĐ 2 (23246-5TC) 23255</li> <li>Công nghệ đóng tàu &amp; CTBĐĐ 1 (23203-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lắp ráp hệ động lực tàu thủy (12327-2TC)</li> <li>Hệ thống đường ống tàu thủy (12313-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 20 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ hàn tàu (23216-4TC)</li> <li>Công nghệ sửa chữa tàu &amp; CTBĐĐ (23214-3TC)</li> <li>Công nghệ đóng tàu &amp; CTBĐĐ 2 (23236-5TC) 23203</li> <li>Khoa học quản lý trong đóng tàu (23247-3TC)</li> <li>Tự động hóa trong đóng tàu 2 (23325-5TC) 23324</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ đóng tàu cỡ nhỏ (23229-3TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (23238-4TC) 23236</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp (23222-6TC)</li> <li>Chuyên đề Công nghệ đóng tàu &amp; CTBĐĐ (23237-3TC)</li> <li>Chuyên đề Kết cấu tàu và CTBĐĐ (23233-3TC)</li> </ol>

**28. Ngành: Ngôn ngữ Anh (7220201)-Chuyên ngành: Tiếng Anh thương mại****Tổng cộng: 135 TC****Bắt buộc: 116 TC****Tự chọn tối thiểu: 13 TC****Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 20 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Nhập môn ngành NNA (25351-3TC)		1. Kỹ năng Đọc hiểu 2 (25222-2TC)	25221
2. Kỹ năng Đọc hiểu 1 (25221-2TC)		2. Kỹ năng Nghe hiểu 2 (25202-2TC)	25201
3. Kỹ năng Nghe hiểu 1 (25201-2TC)		3. Kỹ năng Nói 2 (25212-2TC)	25211
4. Kỹ năng Nói 1 (25211-2TC)		4. Kỹ năng Viết 2 (25232-2TC)	25280
5. Kỹ năng Viết 1 (25280-3TC)		5. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101
6. Ngữ pháp TA thực hành 1 (25350-3TC)		6. Tiếng Anh thương mại 1 (25456-3TC)	
7. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)		7. Pháp luật đại cương (11401-2TC)	
8. Ngữ âm cơ bản (25339-2TC)		8. Cơ sở văn hoá Việt Nam (25349-3TC)	
		<b>II. Tự chọn:</b>	
		1. Tiếng Nhật 1 (25251-3TC)	
		2. Tiếng Trung 1 (25256-3TC)	
		3. Tiếng Hàn 1 (25259-3TC)	
		4. Tư duy phản biện (25348-3TC)	
		5. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 20 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 19 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kỹ năng Đọc hiểu 3 (25225-2TC)	25222	1. Kỹ năng Đọc hiểu 4 (25226-2TC)	25225
2. Kỹ năng Nghe hiểu 3 (25205-2TC)	25202	2. Kỹ năng Nghe hiểu 4 (25206-2TC)	25205
3. Kỹ năng Nói 3 (25293-3TC)	25212	3. Kỹ năng Nói 4 (25294-3TC)	25293
4. Kỹ năng Viết 3 (25239-2TC)	25232	4. Kỹ năng Viết 4 (25284-3TC)	25239
5. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)	19401	5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501
6. Lý thuyết Dịch (25343-2TC)		6. Kinh tế học (15112E-4TC)	
7. Văn hóa Văn minh Anh-Mỹ (25324-3TC)		7. Ngôn ngữ học Tiếng Anh 1 (25328-3TC)	
8. Dẫn luận Ngôn ngữ học (25333-2TC)		<b>II. Tự chọn:</b>	
9. Tiếng Anh Thương mại 2 (25461-2TC)		1. Tiếng Nhật 3 (25255-3TC)	
<b>II. Tự chọn:</b>		2. Tiếng Trung 3 (25258-3TC)	
1. Tiếng Nhật 2 (25254-3TC)		3. Tiếng Hàn 3 (25263-3TC)	
2. Tiếng Trung 2 (25257-3TC)		4. Giao tiếp thương mại (25460-2TC)	
3. Tiếng Hàn 2 (25260-3TC)		5. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
4. Làm việc trong MT đa VH (25461-3TC)			
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kỹ năng Nghe hiểu 5 (25207-2TC)	25206	1. Biên dịch thương mại 2(25424-3TC)	25334
2. Kỹ năng Đọc hiểu 5 (25227-2TC)	25226	2. Phiên dịch thương mại 2 (25425-3TC)	25316
3. Viết luận nâng cao (25285-3TC)	25284	3. Giao thoa Văn hoá (25325-3TC)	
4. Tổng quan Logistics và CCU (15818E-3TC)		4. Thuyết trình nâng cao (25217-3TC)	25294
5. Biên dịch thương mại 1 (25421-3TC)	25311	5. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640E-3TC)	
6. Phiên dịch thương mại 1 (25422-3TC)	25315	<b>II. Tự chọn:</b>	
7. Lịch sử Đảng cộng sản VN (19303-2TC)	19201	1. PP nghiên cứu KH (25327-3TC)	
<b>II. Tự chọn:</b>		2. TA Du lịch và khách sạn (25448-3TC)	
1. TA Pháp luật kinh doanh (25452-3TC)		3. Tiếng Anh Marketing (25453-3TC)	
2. Tiếng Anh Logistics (25451-3TC)		4. Phân tích diễn ngôn (25346-3TC)	
3. Tiếng Anh Kinh tế hàng hải (25455-3TC)			
4. Phương pháp Giảng dạy TA (25338-3TC)			
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 06 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 0 TC</b>	
1. Thực tập ATM (25430-6TC)	25424;25425	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
		1. Khóa luận tốt nghiệp (25431-6TC)	
		2. CĐ phiên dịch thương mại (25435-3TC)	
		3. CĐ biên dịch thương mại (25436-3TC)	

**29. Ngành: Ngôn ngữ Anh (7220201)-Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh****Tổng cộng: 135 TC****Bắt buộc: 116 TC****Tự chọn tối thiểu: 13 TC****Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 20 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Nhập môn ngành NNA (25351-3TC)		1. Kỹ năng Đọc hiểu 2 (25222-2TC)	25221
2. Kỹ năng Đọc hiểu 1 (25221-2TC)		2. Kỹ năng Nghe hiểu 2 (25202-2TC)	25201
3. Kỹ năng Nghe hiểu 1 (25201-2TC)		3. Kỹ năng Nói 2 (25212-2TC)	25211
4. Kỹ năng Nói 1 (25211-2TC)		4. Kỹ năng Viết 2 (25232-2TC)	25280
5. Kỹ năng Viết 1 (25280-3TC)		5. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101
6. Ngữ pháp TA thực hành 1 (25350-3TC)		6. Ngữ pháp TA thực hành 2 (25341-2TC)	
7. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)		7. Pháp luật đại cương (11401-2TC)	
8. Ngữ âm cơ bản (25339-2TC)		8. Cơ sở văn hoá Việt Nam (25349-3TC)	
		<b>II. Tự chọn:</b>	
		1. Tiếng Nhật 1 (25251-3TC)	
		2. Tiếng Trung 1 (25256-3TC)	
		3. Tiếng Hàn 1 (25259-3TC)	
		4. Tư duy phân biện (25348-3TC)	
		5. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 21 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kỹ năng Đọc hiểu 3 (25225-2TC)	25222	1. Kỹ năng Đọc hiểu 4 (25226-2TC)	25225
2. Kỹ năng Nghe hiểu 3 (25205-2TC)	25202	2. Kỹ năng Nghe hiểu 4 (25206-2TC)	25205
3. Kỹ năng Nói 3 (25293-3TC)	25212	3. Kỹ năng Nói 4 (25294-3TC)	25293
4. Kỹ năng Viết 3 (25239-2TC)	25232	4. Kỹ năng Viết 4 (25284-3TC)	25239
5. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)	19401	5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501
6. Lý thuyết Dịch (25343-2TC)		6. Biên dịch 1 (25311-3TC)	
7. Văn hoá Văn minh Anh-Mỹ (25324-3TC)		7. Phiên dịch 1 (25315-3TC)	25293
8. Dẫn luận Ngôn ngữ học (25333-2TC)		8. Ngôn ngữ học Tiếng Anh 1 (25328-3TC)	
<b>II. Tự chọn:</b>		<b>II. Tự chọn:</b>	
1. Tiếng Nhật 2 (25254-3TC)		1. Tiếng Nhật 3 (25255-3TC)	
2. Tiếng Trung 2 (25257-3TC)		2. Tiếng Trung 3 (25258-3TC)	
3. Tiếng Hàn 2 (25260-3TC)		3. Tiếng Hàn 3 (25263-3TC)	
4. Làm việc trong MT đa VH (25461-3TC)		4. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kỹ năng Đọc hiểu 5 (25227-2TC)	25226	1. Phân tích Diễn ngôn (25346-3TC)	
2. Kỹ năng Nghe hiểu 5 (25207-2TC)	25206	2. Biên dịch nâng cao (25344-2TC)	25334
3. Viết luận nâng cao (25285-3TC)	25284	3. Phiên dịch nâng cao (25345-2TC)	25316
4. Ngôn ngữ học tiếng Anh 2 (25329-3TC)		4. Giao thoa Văn hoá (25325-3TC)	
5. Biên dịch 2 (25334-3TC)	25311	5. Thuyết trình nâng cao (25217-3TC)	25294
6. Phiên dịch 2 (25316-3TC)	25315	6. Văn học Anh-Mỹ (25347-3TC)	
7. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)	19201	<b>II. Tự chọn:</b>	
<b>II. Tự chọn:</b>		1. Phương pháp nghiên cứu KH (25327-3TC)	
1. TA Pháp luật kinh doanh (25452-3TC)		2. TA Du lịch và khách sạn (25448-3TC)	
2. Tiếng Anh Logistics (25451-3TC)		3. Tiếng Anh Marketing (25453-3TC)	
3. Phương pháp Giảng dạy TA (25338-3TC)			
4. Tiếng Anh Kinh tế hàng hải (25455-3TC)			
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 6 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 0 TC</b>	
1. Thực tập NNA (25330-6TC)	25344	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
	25345	1. Khóa luận tốt nghiệp (25331-6TC)	
		2. Chuyên đề phiên dịch (25336-3TC)	
		3. Chuyên đề biên dịch (25335-3TC)	



**31. Ngành: Kỹ thuật môi trường (7520320)-Chuyên ngành: Kỹ thuật công nghệ hóa học**

**Tổng cộng: 135 TC**

**Bắt buộc: 116 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Nhập môn Kỹ thuật CN hoá học (26273-3TC) 2. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 3. Giải tích (18142-3TC) 4. Vật lý 1 (18201-3TC) 5. Hoá đại cương (26201-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Môi trường và bảo vệ môi trường (26101-2TC) 2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Xác suất thống kê (18143-3TC) 2. Triết học Mác-Lê nin (19101-3TC) 3. Cơ sở khoa học môi trường (26165-2TC) 4. Hoá hữu cơ 1 (26208-3TC) 5. Hoá vô cơ 1 (26210-3TC) 6. Hoá lý 1 (26264-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC) 3. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 2. Hoá học kỹ thuật môi trường (26158-2TC) 3. Quá trình thủy lực (26161-2TC) 4. Hoá phân tích (26248-2TC) 5. Hoá vô cơ 2 (26249-2TC) 6. Hóa hữu cơ 2 (26253-2TC) 7. Hoá lý 2 (26265-2TC) 8. Hoá học xanh (26272-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC) 2. Hoá thực phẩm (26271-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC) 2. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC) 3. Kỹ thuật tiến hành phản ứng (26116-2TC) 4. Hóa học môi trường (26146-3TC) 5. Quá trình truyền nhiệt (26162-2TC) 6. Hóa học dầu mỏ và khí (26242-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản lý chất lượng (26246-2TC) 2. Hợp chất thiên nhiên (26266-3TC) 3. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 2. Quá trình chuyển khối (26144-4TC) 3. Các PP phân tích bằng công cụ (26216-3TC) 4. Cơ sở hóa học vật liệu (26254-2TC) 5. Hóa học các hợp chất cao phân tử (26255-2TC) 6. Các hợp chất tạo màu (26267-2TC) 7. Các chất hoạt động bề mặt (26268-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn chuyên ngành KT CNHH (25423-3TC) 2. Chất tạo màng và sơn (26269-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Lịch sử ĐCS Việt Nam (19303-2TC) 2. Các phương pháp phân tích hiện đại (26222-2TC) 3. Nhiên liệu sạch (26235-2TC) 4. KT an toàn và Môi trường trong CNHH (26245-2TC) 5. Tin học ứng dụng trong CNHH (26256-2TC) 6. Các phương pháp tổng hợp vật liệu (26257-2TC) 7. Thực tập chuyên môn (26274-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Công nghệ tổng hợp hoá dầu (26227-3TC) 2. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. CN vật liệu polyme và compozit (26258-3TC) 2. CN sản xuất các vật liệu silicat (26252-2TC) 3. CN vật liệu nano và nano compozit (26259-3TC) 4. CN sản xuất các hợp chất vô cơ (26260-3TC) 5. CN sản xuất các hợp chất hữu cơ (26261-3TC) 6. Công nghệ sản xuất mỹ phẩm (26270-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 4 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (26250-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp (26239-6TC) 2. Công nghệ xanh và năng lượng sạch (26262-3TC) 3. CN SX monome và các hóa chất cơ bản (26263-3TC)</p>

**32. Ngành: Kinh tế vận tải (7840104)-Chuyên ngành: Kinh tế vận tải biển****Tổng cộng: 130 TC****Bắt buộc: 110 TC****Tự chọn tối thiểu: 14 TC****Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Đại số (18141-3TC) 2. Triết học Mác Lênin (19101-3TC) 3. Kinh tế vi mô (15101-3TC) 4. Nhập môn kinh tế (15139-3TC) 5. Tài chính tiền tệ (28301-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Xác suất thống kê (18143-3TC) 2. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 3. Nguyên lý thống kê (15104-3TC) 4. Kinh tế chính trị Mác Lênin (19401-2TC) 5. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 6. Thuế (28308-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC) 2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 3. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa XHKH (19501-2TC) 2. Nguyên lý kế toán (28108-3TC) 3. Kinh tế lượng (15105-3TC) 4. Thị trường chứng khoán (28153-3TC) 5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC) 2. Kinh tế công cộng (15103-3TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Tổng quan Logistics và CCU (15818-3TC) 2. Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC) 3. Tư tưởng HCM (19201-2TC) 4. Bảo hiểm (15330-3TC) 5. Pháp luật kinh tế (11469-2TC) 6. Hàng hóa trong vận tải (15216-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC) 2. Quản trị tài chính (28302-3TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Lịch sử ĐCSVN (19303-2TC) 2. Địa lý vận tải (15301-2TC) 3. Kinh tế cảng (15315-3TC) 4. Kinh tế vận chuyển (15332-3TC) 5. Lý thuyết &amp; kết cấu tàu thủy (23127-2TC) 6. Thanh toán quốc tế (15601-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Kinh tế phát triển (15113-2TC) 2. Kế toán doanh nghiệp (28109-2TC) 3. Thương mại điện tử (15628-2TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Đại lý tàu &amp; Giao nhận HH (15329-3TC) 2. Quản lý tàu (15328-4TC) 3. Luật vận tải biển (15323-4TC) 4. Phương pháp NC trong KT (15138-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Nghiệp vụ kho hàng (30101-2TC) 2. Công trình cảng (16234-2TC) 3. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC) 4. Máy nâng chuyên (22347-2TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Quản lý &amp; Khai thác cảng (15386-5TC) 2. Khai thác tàu (15388-5TC) 3. Nghiệp vụ hải quan (15610-2TC) 4. Thực tập 1 (15385-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Toán kinh tế (15205-3TC) 2. Tổ chức lao động tiền lương (15213-3TC) 3. Quản trị dự án (28217-3TC) 4. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 5 TC</b></p> <p>1. Thực tập 2 (15387-5TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Khóa luận tốt nghiệp (15384-6TC) 2. Kinh doanh vận tải biển (15362-3TC) 3. Kinh doanh cảng biển (15361-3TC)</p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p>

**33. Ngành: Kinh doanh quốc tế (7340120)-Chuyên ngành: Kinh tế ngoại thương****Tổng cộng: 130 TC****Bắt buộc: 111 TC****Tự chọn tối thiểu: 13 TC****Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập môn Kinh tế (15139-3TC)</li> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</li> <li>Kinh tế vi mô (15101-3TC)</li> <li>Tài chính tiền tệ (28301-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) <span style="float: right;">19101</span></li> <li>Xác suất thống kê (18143-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) <span style="float: right;">15101</span></li> <li>Nguyên lý thống kê (15104-3TC) <span style="float: right;">18141</span></li> <li>Thuế (28308-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa XHKH (19501-2TC) <span style="float: right;">19401</span></li> <li>Nguyên lý kế toán (28108-3TC) <span style="float: right;">28301</span></li> <li>Kinh tế lượng (15105-3TC) <span style="float: right;">15102;18143</span></li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> <li>Khoa học giao tiếp (15652-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế công cộng (15103-3TC)</li> <li>Văn hoá doanh nghiệp (28239-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) <span style="float: right;">19501</span></li> <li>Tổng quan logistics và CCU (15818-3TC)</li> <li>Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC)</li> <li>Bảo hiểm (15330-3TC)</li> <li>Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)</li> <li>Pháp luật kinh tế (11469-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)</li> <li>Quản trị tài chính (28302-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 13 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử ĐCSVN (19303-2TC) <span style="float: right;">19201</span></li> <li>Thương mại điện tử (15618-2TC)</li> <li>Đàm phán thương mại QT (15627-2TC)</li> <li>Đầu tư quốc tế (15622-4TC)</li> <li>Pháp luật kinh doanh quốc tế (15636-3TC) <span style="float: right;">11469</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế phát triển (15113-2TC)</li> <li>Kế toán doanh nghiệp 1 (28119-2TC) <span style="float: right;">28108</span></li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>PP nghiên cứu trong KT (15138-3TC) <span style="float: right;">15105</span></li> <li>Chính sách thương mại QT (15633-4TC)</li> <li>Marketing quốc tế (28237-3TC)</li> <li>Nghiệp vụ hải quan (15610-2TC)</li> <li>Tín dụng và tài trợ TMQT (15617-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế vận chuyển (15332-3TC)</li> <li>Quản trị chiến lược (28209-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh doanh quốc tế (15626-5TC) <span style="float: right;">15633</span></li> <li>Thanh toán quốc tế (15648-5TC)</li> <li>Giao nhận vận tải quốc tế (15625-4TC)</li> <li>Thực tập 1 (15653-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nghiệp vụ kho hàng (30101-2TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 5 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập 2 (15654-5TC) <span style="float: right;">15653</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6 /12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khóa luận tốt nghiệp (15644-6TC)</li> <li>Môi trường kinh doanh QT (15650-3TC)</li> <li>Kế hoạch kinh doanh QT (15651-3TC)</li> </ol>



**34. Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (7510605)-Chuyên ngành: Logistics và chuỗi cung ứng**

**Tổng cộng: 130 TC**

**Bắt buộc: 110 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 14 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Đại số (18141-3TC)		1. Xác suất thống kê (18143-3TC)	
2. Triết học MLN (19101-3TC)		2. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC)	15101
3. Kinh tế vi mô (15101-3TC)		3. Nguyên lý thống kê (15104-3TC)	18141
4. Tài chính tiền tệ (28301-3TC)		4. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC)	19101
5. Nhập môn kinh tế (15139-3TC)		5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		6. Thuế (28308-3TC)	
1. Tin học văn phòng (17102-3TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
2. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	
		2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		3. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)	19401	1. Tổng quan Logistics&CCU' (15818-3TC)	
2. Nguyên lý kế toán (28108-3TC)	28301	2. Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC)	
3. Kinh tế lượng (15105-3TC)	15102;18143	3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501
4. Thị trường chứng khoán (28153-3TC)		4. Bảo hiểm (15330-3TC)	
5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)		5. Hàng hóa trong vận tải (15216-2TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		6. Pháp luật kinh tế (11469-2TC)	
1. Kinh tế công cộng (15103-3TC)		<b>II. Tự chọn</b>	
2. Văn hoá doanh nghiệp (28239-3TC)		1. Quản trị tài chính (28302-3TC)	
		2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)	
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Lịch sử Đảng CSVN (19303-2TC)	19201	1. Logistics toàn cầu (15805-4TC)	15818
2. Kinh tế vận chuyển (15332-3TC)		2. Logistics vận tải (15804-5TC)	15818
3. Logistics cảng biển (15803-4TC)		3. PP nghiên cứu trong KT (15138-3TC)	15105
4. Đại lý tàu và giao nhận HH (15329-3TC)		4. Hệ thống thông tin logistics (15851-3TC)	
5. Marketing Logistics (15816-2TC)	15818	<b>II. Tự chọn</b>	
<b>II. Tự chọn</b>		1. Khoa học giao tiếp (15652-3TC)	
1. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)		2. Nghiệp vụ hải quan (15610-2TC)	
2. Khoa học quản lý (15211-2TC)			
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 5 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Quản trị chuỗi cung ứng (15819-4TC)	15818	1. Thực tập 2 (15853-5TC)	15852
2. Thiết kế hệ thống logistics (15821-3TC)	15818	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6 /12 TC</b>	
3. Quản trị kho hàng (15817-5TC)		1. Khóa luận tốt nghiệp (15812-6TC)	
4. Thực tập 1 (15852-3TC)		2. Phân tích chuyên đề logistics (15835-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		3. Phương pháp và thiết kế (15836-3TC)	
1. Luật vận tải biển (15322-3TC)			
2. Quản trị nhân lực (28205-3TC)			
3. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)			

**35. Ngành: Kinh tế vận tải (7840104)-Chuyên ngành: Kinh tế vận tải thủy**

**Tổng cộng: 130 TC**

**Bắt buộc: 111 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</li> <li>Kinh tế vi mô (15101-3TC)</li> <li>Nhập môn kinh tế (15139-3TC)</li> <li>Tài chính tiền tệ (28301-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xác suất thống kê (18143-3TC)</li> <li>Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) <span style="float: right;">15101</span></li> <li>Nguyên lý thống kê (15104-3TC) <span style="float: right;">18141</span></li> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) <span style="float: right;">19101</span></li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Thuế (28308-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa XHKH (19501-2TC) <span style="float: right;">19401</span></li> <li>Nguyên lý kế toán (28108-3TC) <span style="float: right;">28301</span></li> <li>Kinh tế lượng (15105-3TC) <span style="float: right;">15102;18143</span></li> <li>Thị trường chứng khoán (28153-3TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế công cộng (15103-3TC)</li> <li>Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng quan Logistics và CCU' (15818-3TC)</li> <li>Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC)</li> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) <span style="float: right;">19501</span></li> <li>Bảo hiểm (15330-3 TC)</li> <li>Hàng hóa trong vận tải (15216-2 TC)</li> <li>Pháp luật kinh tế (11469-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)</li> <li>Quản trị tài chính (28302-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử ĐCSVN (19303-2TC) <span style="float: right;">19201</span></li> <li>Kinh tế cảng (15315-3TC)</li> <li>Địa lý vận tải thủy nội địa (15215-2TC)</li> <li>Kinh tế vận chuyển (15332-3TC)</li> <li>Lý thuyết &amp; kết cấu TT (23127-2TC)</li> <li>Máy nâng chuyển (22347-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Luật vận tải biển (15322-3TC) <span style="float: right;">11469</span></li> <li>Toán kinh tế (15205-3TC) <span style="float: right;">18143</span></li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>PP nghiên cứu trong KT (15138-3TC) <span style="float: right;">15105</span></li> <li>Quản lý khai thác cảng (15386-5TC)</li> <li>Lực cản và thiết bị đẩy TT (23150-2TC)</li> <li>Thiết kế và quản lý đường thủy (16316-2TC)</li> <li>Pháp luật vận tải TNĐ (15207-3TC) <span style="float: right;">11401</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nghiệp vụ kho hàng (30101-2TC)</li> <li>Công trình cảng (16234-2TC)</li> <li>Quản trị CL chuỗi cung ứng (15811-2TC) <span style="float: right;">15818</span></li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>QL &amp; Khai thác đội tàu TNĐ (15219-4TC) <span style="float: right;">15215;15332</span></li> <li>TC lao động tiền lương (15213-3TC) <span style="float: right;">15386</span></li> <li>Giao nhận trong vận tải (15208-2TC) <span style="float: right;">15216</span></li> <li>Khoa học quản lý (15211-2TC)</li> <li>Nghiệp vụ ngân hàng (28306-2TC)</li> <li>Thực tập 1 (15241-3TC) <span style="float: right;">15306</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</li> <li>Kế toán doanh nghiệp (28109-2TC) <span style="float: right;">28108</span></li> <li>Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 5 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập 2 (15242-5TC) <span style="float: right;">15241</span></li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khóa luận tốt nghiệp (15230-6TC)</li> <li>Kinh doanh vận tải TNĐ (15231-3TC)</li> <li>Kinh doanh cảng TNĐ (15232-3TC)</li> </ol>

**36. Ngành: Quản trị kinh doanh (7340101)-Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh**

**Tổng cộng: 135**

**Bắt buộc: 117 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại số (18141-3TC)</li> <li>Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</li> <li>Kinh tế vi mô (15101-3TC)</li> <li>Tài chính tiền tệ (28301-3TC)</li> <li>Nhập môn Tài chính-Kế toán (28346-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tin học văn phòng (17102-3TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xác suất thống kê (18143-3TC)</li> <li>Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 15101</li> <li>Nguyên lý thống kê (15104-3TC) 18141</li> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</li> <li>Pháp luật đại cương (11401-2TC)</li> <li>Thuế (28308-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</li> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa XHKH (19501-2TC) 19401</li> <li>Nguyên lý kế toán (28108-3TC)</li> <li>Kinh tế lượng (15105-3TC) 15102;18143</li> <li>Marketing căn bản (28210-3TC)</li> <li>Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</li> <li>Thương mại điện tử cơ bản (28260-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế công cộng (15103-3TC)</li> <li>Văn hoá doanh nghiệp (28239-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501</li> <li>Kế toán doanh nghiệp 1 (28159-3TC) 28108</li> <li>Toán tài chính (28309-3TC)</li> <li>Quản trị học (28227-3TC)</li> <li>Thị trường chứng khoán (28153-3TC)</li> <li>Nguyên lý bảo hiểm (28327-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chất lượng (28221-3TC)</li> <li>Pháp luật kinh tế (11480-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) 19201</li> <li>Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)</li> <li>Kế toán quản trị (28113-3TC) 28108</li> <li>Nghiệp vụ ngân hàng 1 (28342-3TC)</li> <li>Quản trị công nghệ (28251-3TC)</li> <li>Thực tập cơ sở ngành (28257-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị tài chính (28302-3TC)</li> <li>Tâm lý học quản trị (28252-3TC)</li> <li>Tiếng Anh chuyên ngành QKD (28248-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị hành chính (28203-3TC)</li> <li>Quản trị sản xuất (28224-3TC)</li> <li>Quản trị Marketing (28206-5TC) 28210</li> <li>Khởi sự doanh nghiệp (28228-4TC) 28214</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quan hệ kinh tế quốc tế (15606-3TC)</li> <li>Hành vi tổ chức (28255-3TC)</li> <li>Truyền thông marketing (28225-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị dự án (28204-5TC) 28309</li> <li>Quản trị nhân lực (28205-3TC)</li> <li>Quản trị chiến lược (28209-3TC)</li> <li>Lãnh đạo (28230-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đạo đức kinh doanh (28232-3TC)</li> <li>Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình (28262-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 5 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp QKD (28258-5TC) 28257</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồ án tốt nghiệp QKD (28244-6TC)</li> <li>Nghiên cứu Marketing (28240-3TC)</li> <li>Quản trị các lĩnh vực cơ bản trong DN (28259-3TC)</li> </ol>

**37. Ngành: Tài chính - Ngân hàng (7340201)-Chuyên ngành: Quản trị tài chính kế toán**

**Tổng cộng: 134 TC**

**Bắt buộc: 115 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Đại số (18141-3TC)</p> <p>2. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC)</p> <p>3. Kinh tế vi mô (15101-3TC)</p> <p>4. Tài chính tiền tệ (28301-3TC)</p> <p>5. Nhập môn Tài chính-Kế toán (28346-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p> <p>2. Anh văn cơ bản 1 (25121-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Xác suất thống kê (18143-3TC)</p> <p>2. Kinh tế vi mô (15102-3TC) 15101</p> <p>3. Nguyên lý thống kê (15104-3TC) 18141</p> <p>4. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 19101</p> <p>5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)</p> <p>6. Thuế (28308-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25122-3TC)</p> <p>2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p> <p>3. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa XHKH (19501-2TC) 19401</p> <p>2. Nguyên lý kế toán (28108-3TC)</p> <p>3. Kinh tế lượng (15105-3TC) 15102;18143</p> <p>4. Marketing căn bản (28210-3TC)</p> <p>5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Kinh tế công cộng (15103-3TC)</p> <p>2. Văn hoá doanh nghiệp (28239-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Tư tưởng HCM (19201-2TC) 19501</p> <p>2. Kế toán doanh nghiệp 1 (28159-3TC) 28108</p> <p>3. Toán tài chính (28309-3TC)</p> <p>4. Quản trị học (28227-3TC)</p> <p>5. Thị trường chứng khoán (28153-3TC)</p> <p>6. Nguyên lý bảo hiểm (28327-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản lý chất lượng (28221-3TC)</p> <p>2. Pháp luật kinh tế (11480-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Lịch sử ĐCSVN (19303-2TC) 19201</p> <p>2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)</p> <p>3. Kế toán quản trị (28113-3TC) 28108</p> <p>4. Nghiệp vụ ngân hàng 1 (28342-3TC)</p> <p>5. Quản lý tài chính công (28304-2TC) 28301</p> <p>6. PPNC trong Tài chính kế toán (28160-2TC) 28159</p> <p>7. Thực tập cơ sở ngành QKT(28161-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Tâm lý học quản trị (28252-3TC)</p> <p>2. Tiếng Anh CN Tài chính Kế toán (28125-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Kế toán doanh nghiệp 2 (28169-4TC) 28159</p> <p>2. Nghiệp vụ thuế (28312-3TC) 28347</p> <p>3. Kế toán ngân hàng (28130-3TC) 28108</p> <p>4. Thẩm định và PT tín dụng (28313-2TC)</p> <p>5. Kế toán trên máy tính (28106-2TC) 28108</p> <p>6. Tài chính quốc tế (28311-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <p>1. Quản trị nhân lực(28205-3TC)</p> <p>2. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 12 TC</b></p> <p>1. Quản trị tài chính (28343-5TC) 28301</p> <p>2. Kiểm toán (28151-3TC) 28159</p> <p>3. Kế toán hành chính sự nghiệp (28154-4TC) 28108</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 5 TC</b></p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp QKT (28162-5 TC) 28161</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Đồ án tốt nghiệp QKT (28143-6TC)</p> <p>2. Phân tích báo cáo tài chính (28340-3TC)</p> <p>3. Tổ chức công tác kế toán (28127-3TC)</p>

**38. Ngành: Tài chính - Ngân hàng (7340201)-Chuyên ngành: Quản trị tài chính ngân hàng**

**Tổng cộng: 134 TC**

**Bắt buộc: 115 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Đại số (18141-3TC)		1. Xác suất thống kê (18143-3TC)	
2. Triết học Mác Lênin (19101-3TC)		2. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC)	15101
3. Kinh tế vi mô (15101-3TC)		3. Nguyên lý thống kê (15104-3TC)	18141
4. Tài chính tiền tệ (28301-3TC)		4. Kinh tế chính trị (19401-2TC)	19101
5. Nhập môn Tài chính-Kế toán (28346-3TC)		5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		6. Thuế (28308-3TC)	
1. Tin học văn phòng (17102-3TC)		<b>II. Tự chọn:</b>	
2. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	
		2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		3. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 15 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501-2TC)	19401	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501
2. Nguyên lý kế toán (28108-3TC)		2. Kế toán doanh nghiệp 1 (28159-3TC)	28108
3. Kinh tế lượng (15105-3TC)	15102;18143	3. Toán tài chính (28309-3TC)	
4. Marketing căn bản (28210-3TC)		4. Quản trị học (28227-3TC)	
5. Anh văn cơ bản 3 (25105-4TC)		5. Thị trường chứng khoán (28153-3TC)	
<b>II. Tự chọn:</b>		6. Nguyên lý bảo hiểm (28327-3TC)	
1. Kinh tế công cộng (15103-3TC)		<b>II. Tự chọn:</b>	
2. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)		1. Quản lý chất lượng (28221-3TC)	
		2. Pháp luật kinh tế (11480-3TC)	
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Lịch sử Đảng CS Việt Nam (19302-2TC)	19201	1. Quản trị tài chính (28302-3TC)	28301
2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)		2. Phân tích báo cáo tài chính (28345-4TC)	28301
3. Kế toán quản trị (28113-3TC)	28108	3. Ngân hàng trung ương (28316-3TC)	28342
4. Nghiệp vụ ngân hàng 1 (28342-3TC)		4. Thanh toán quốc tế (15601-3TC)	
5. Thực tập cơ sở ngành TCH (28318-3TC)		5. Phân tích và đầu tư chứng khoán (28315-3TC)	28153
<b>II. Tự chọn:</b>		<b>II. Tự chọn:</b>	
1. Tài chính quốc tế (28311-3TC)		1. Ngân hàng số (28320-2TC)	
2. Tâm lý học quản trị (28252-3TC)		2. Quản trị nhân lực (28205-3TC)	
3. Tiếng Anh CN TCH (28325-2TC)		3. Khởi nghiệp sáng tạo (28253-2TC)	
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 5 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Thẩm định và PT tín dụng (28356-5TC)	28342	1. Thực tập tốt nghiệp TCH (28353-5TC)	28318
2. Giao dịch ngân hàng (28350-3TC)	28342	<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
3. Nghiệp vụ ngân hàng 2 (28321-4TC)	28342	1. Đồ án tốt nghiệp TCH (28326-6TC)	
4. Quản trị ngân hàng (28319-2TC)		2. Định giá tài sản (28322-3TC)	
5. Kế toán ngân hàng (28130-3TC)	28108	3. Quản trị rủi ro trong ngân hàng (28354-3TC)	

**39. Ngành: Kỹ thuật điều khiển & TĐH (7520216)-Chuyên ngành: Điện tự động công nghiệp (CLC)**

**Tổng cộng: 145 TC**

**Bắt buộc: 132 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 7 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p align="center"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p align="right"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn 1 (25111H-5TC)</li> <li>Anh văn 2 (25112H-5TC)</li> <li>Giải tích (18142H-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401H-2TC)</li> <li>Nhập môn TĐH công nghiệp (13388H-3TC)</li> </ol>	<p align="center"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 20 TC</b></p> <p align="right"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn 3 (25113H-5TC) 25112H</li> <li>Anh văn 4 (25114H-3TC) 25113H</li> <li>Đại số (18141H-3TC)</li> <li>Toán chuyên đề điện-ĐT (18144H-3TC)</li> <li>Vật lý 2 (18202H-3TC)</li> <li>Triết học Mác-Lê Nin (19101H-3TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Vẽ kỹ thuật cơ bản (18302H-2TC)</li> <li>Kỹ năng mềm 1 (29101H-2TC)</li> <li>Môi trường và bảo vệ MT (26101H-2TC)</li> </ol>
<p align="center"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b></p> <p align="right"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401H-2TC) 19101H</li> <li>Vật lý 1 (18201H-3TC)</li> <li>Lý thuyết mạch (13428H-4TC)</li> <li>Lý thuyết điều khiển tự động (13434H-3TC)</li> <li>Vật liệu &amp; khí cụ điện (13150H-3TC)</li> <li>Máy điện (13101H-4TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Anh văn chuyên ngành KTĐ (25408H-3TC)</li> <li>Tin học văn phòng (17102H-3TC)</li> </ol>	<p align="center"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 21 TC</b></p> <p align="right"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501H-2TC) 19401H</li> <li>Cơ sở truyền động điện (13103H-3TC) 13101H</li> <li>Điện tử tương tự-số (13330H-4TC)</li> <li>Kỹ thuật vi điều khiển (13305E-3TC)</li> <li>Điện tử công suất (13350H-4TC) 13101H</li> <li>Kỹ thuật đo lường (13307H-3TC) 13330H</li> <li>Tiêu chuẩn và TH An toàn điện (13394E-2TC)</li> </ol>
<p align="center"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p align="right"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập cơ sở ngành (13391H-2TC) 13350H;13305E</li> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201H-2TC) 19501H</li> <li>Kỹ thuật điều khiển thủy khí (13313H-3TC) 13330H</li> <li>Điều khiển quá trình (13309E-3TC) 13307H</li> <li>Đồ án 1 (13321H-2TC) 13307H;13350H</li> <li>Điều khiển truyền động điện (13382H-3TC) 13103H;13350H</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Điều khiển logic và ứng dụng (13303H-3TC) 13330H;13150H</li> <li>Xử lý số tín hiệu (13334H-3TC) 13307H</li> <li>Lập trình điều khiển hệ thống (13332H-3TC)</li> </ol>	<p align="center"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p align="right"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303H-2TC) 19201H</li> <li>Cung cấp điện (13352H-4TC) 13101H</li> <li>PLC (13314H-3TC) 13313H</li> <li>Điều khiển Robot (13316E-3TC) 13103H</li> <li>Điều khiển tích hợp máy tính (13383H-3TC) 13307H</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>HT truyền động điện xe điện (13359H-3TC) 13350H</li> <li>MH hoá và mô phỏng HTĐK (13390H-2TC) 13434H</li> <li>Hệ thống năng lượng tái tạo (13365H-3TC)</li> </ol>
<p align="center"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 20 TC</b></p> <p align="right"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập chuyên ngành (13392H-3TC) 13391H</li> <li>Trang bị điện-điện tử MCN (13318H-4TC) 13103H</li> <li>Điều khiển số (13310E-3TC) 13434H;13350H</li> <li>Đồ án 2 (13322H-2TC) 13382H</li> <li>Mạng truyền thông công nghiệp (13395E-2TC)</li> <li>Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng (13357H-2TC)</li> <li>Hệ thống cơ điện (13360H-2TC) 13352H</li> <li>DCS-SCADA (13384H-2TC) 13314H</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>IoT công nghiệp (13389H-2TC)</li> <li>Biến tần công nghiệp (13336H-2TC) 13350H</li> <li>Tự động hoá quá trình sản xuất (13319H-2TC)</li> </ol>	<p align="center"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 10 TC</b></p> <p align="right"><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập tốt nghiệp (13355H-4TC) 13392H;13322H</li> <li>Đồ án tốt nghiệp (13329H-6TC)</li> </ol>

**40. Ngành: Công nghệ thông tin (7480201)-Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (CLC)**

**Tổng cộng: 144 TC**

**Bắt buộc: 122 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 16 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Anh văn 1 (25111H-5TC)		1. Anh văn 3 (25113H-5TC)	25112H
2. Anh văn 2 (25112H-5TC)		2. Anh văn 4 (25114H-3TC)	25113H
3. Đại số (18141H-3TC)		3. Triết học Mác Lênin (19101H-3TC)	
4. Toán rời rạc (17232H-3TC)		4. Giải tích (18142H-3TC)	
5. Giới thiệu ngành CN thông tin (17200H-2TC)		5. Kỹ thuật lập trình C (17206H-3TC)	
		<b>II. Tự chọn</b>	
		1. Tin học văn phòng (17102H-3TC)	
		2. Kỹ năng mềm 1 (29101H-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401H-2TC)	19101H	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501H-2TC)	19401H
2. Xác suất thống kê (18143H-3TC)		2. Java cơ bản (17523H-3TC)	
3. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (17233H-3TC)	17206H	3. Lập trình hướng đối tượng (17236H-3TC)	17206H
4. Pháp luật đại cương (11401H-2TC)		4. Lý thuyết đồ thị (17207H-3TC)	
5. Kỹ thuật vi xử lý (17301H-3TC)		5. Cơ sở dữ liệu (17426H-3TC)	
6. Kiến trúc máy tính và TB ngoại vi (17302H-3TC)		6. Nhập môn công nghệ phần mềm (17432-2TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. Lập trình Python (17105H-3TC)		1. Nguyên lý hệ điều hành (17303H-2TC)	
2. Python nâng cao (17106H-3TC)		2. Thương mại điện tử (17543H-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201H-2TC)	19501H	1. Hệ thống nhúng (17337H-3TC)	
2. PT ứng dụng với cơ sở dữ liệu (17434H-3TC)	17426H	2. Xử lý ảnh (17221E-3TC)	
3. Lập trình Windows (17335H-3TC)		3. An toàn và bảo mật thông tin (17212E-3TC)	17233H
4. Phát triển ứng dụng trên nền Web (17340H-4TC)		4. Mạng máy tính (17506H-3TC)	
5. Thực tập chuyên ngành CNTT (17290H-2TC)	17426H;17206H	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (19303H-2TC)	19201H
6. Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (17430H-3TC)	17426H	6. Phát triển ứng dụng mã nguồn mở (17314-3TC)	
<b>II. Tự chọn</b>		<b>II. Tự chọn</b>	
1. Điện toán đám mây (17419H-3TC)		1. Biểu diễn DL dạng bán CT và ứng dụng (17428H-3TC)	
2. Thiết kế và quản trị mạng (17509H-3TC)		2. QL dự án công nghệ thông tin (17405H-3TC)	
3. Lập trình mạng (17507H-3TC)		3. Xử lý dữ liệu lớn (17431H-3TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 4 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Thị giác máy tính (17226E-3TC)	17221E	1. Thực tập tốt nghiệp (17901H-4TC)	17426H;17435H
2. Công nghệ Internet of Things (17332H-3TC)		<b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b>	
3. Lập trình thiết bị di động (17423E-3TC)	17206H;17523H	1. Đồ án tốt nghiệp (17902H-6TC)	
4. Thiết kế giao diện người dùng UI/UX (17435H-3TC)		2. Các hệ cơ sở tri thức (17903H-3TC)	
5. Trí tuệ nhân tạo (17234H-3TC)	17233H	3. XD và phát triển dự án CNTT (17911H-3TC)	
6. Đồ án tích hợp hệ thống (17341H-2TC)			
<b>II. Tự chọn</b>			
1. Robot và các hệ thống thông minh (17333H-3TC)			
2. Kỹ thuật học sâu và ứng dụng (17231H-3TC)			
3. Kiểm thử và ĐBCL phần mềm (17418H-3TC)			

**41. Ngành: Kinh tế vận tải (7840104)-Chuyên ngành: Kinh tế vận tải biển (CLC)**

**Tổng cộng: 140 TC**

**Bắt buộc: 119 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 15 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b></p> <p>1. Đại số (18141H-3TC)</p> <p>2. Triết học Mác Lênin (19101H-3TC)</p> <p>3. Anh văn 1 (25111H-5TC)</p> <p>4. Anh văn 2 (25112H-5TC)</p> <p>5. Nhập môn kinh tế (15139H-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Tin học văn phòng (17102H-3TC)</p> <p>2. Văn hóa doanh nghiệp (28239H-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p>1. Xác suất thống kê (18143H-3TC)</p> <p>2. Kinh tế vi mô (15101H-3TC)</p> <p>3. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401H-2TC)</p> <p>4. Anh văn 3 (25113H-5TC)</p> <p>5. Anh văn 4 (25114H-3TC)</p> <p>6. Pháp luật đại cương (11401H-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Kỹ năng mềm 1 (29101H-2TC)</p> <p>2. Môi trường và bảo vệ MT (26101H-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p>1. Chủ nghĩa XHKH (19501H-2TC)</p> <p>2. Kinh tế vi mô (15102H-3TC)</p> <p>3. Nguyên lý thống kê (15104H-3TC)</p> <p>4. Tài chính tiền tệ (28301H-3TC)</p> <p>5. Thuế (28308H-3TC)</p> <p>6. Bảo hiểm (15330H-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Kinh tế công cộng (15103H-3TC)</p> <p>2. Quản trị doanh nghiệp (28214H-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Tổng quan Logistics và CCU (15818H-3TC)</p> <p>2. Giao dịch thương mại quốc tế (15635E-3TC)</p> <p>3. Tư tưởng HCM (19201H-2TC)</p> <p>4. Nguyên lý kế toán (28108H-3TC)</p> <p>5. Kinh tế lượng (15105H-3TC)</p> <p>6. Địa lý vận tải (15301H-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Quản trị tài chính (28302H-3TC)</p> <p>2. Kế toán doanh nghiệp (28109H-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng CSVN (19303H-2TC)</p> <p>2. Hàng hóa trong vận tải (15216H-2TC)</p> <p>3. Kinh tế vận chuyển (15332H-3TC)</p> <p>4. Nghiệp vụ hải quan (15610H-2TC)</p> <p>5. Thanh toán quốc tế (15601H-3TC)</p> <p>6. Lý thuyết &amp; kết cấu tàu thủy (23127H-2TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Thương mại điện tử (15628H-2TC)</p> <p>2. Công trình cảng (16234H-2TC)</p> <p>3. Thị trường chứng khoán (28153H-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p>1. Đại lý tàu &amp; Giao nhận HH (15329H-3TC)</p> <p>2. Quản lý tàu (15328H-4TC)</p> <p>3. Kinh tế cảng (15315E-3TC)</p> <p>4. Luật vận tải biển (15323H-4TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Nghiệp vụ kho hàng (30101H-2TC)</p> <p>2. Kỹ năng mềm 2 (29102H-2TC)</p> <p>3. Máy nâng chuyển (22347H-2TC)</p> <p>4. Kinh tế phát triển (15113H-2TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p>1. Khai thác tàu (15303E-5TC)</p> <p>2. Phương pháp NC trong KT (15138H-3TC)</p> <p>3. Quản lý và khai thác cảng (15310E-5TC)</p> <p>4. Thực tập 1 (15385H-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Toán kinh tế (15205H-3TC)</p> <p>2. Tổ chức lao động tiền lương (15213H-3TC)</p> <p>3. Quản trị dự án (28217H-3TC)</p> <p>4. Khởi nghiệp sáng tạo (28253H-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 5 TC</b></p> <p>1. Thực tập 2 (15387H-5TC)</p> <p><b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b></p> <p>1. Khóa luận tốt nghiệp (15384H-6TC)</p> <p>2. Kinh doanh vận tải biển (15362H-3TC)</p> <p>3. Kinh doanh cảng biển (15361H-3TC)</p>



**42. Ngành: Kinh doanh quốc tế (7340120)-Chuyên ngành: Kinh tế ngoại thương (CLC)**

**Tổng cộng: 142 TC**

**Bắt buộc: 123 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 13 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 19 TC</b> 1. Nhập môn kinh tế (15139H-3TC) 2. Đại số (18141H-3TC) 3. Triết học Mác-Lênin (19101H-3TC) 4. Anh văn 1 (25111H-5TC) 5. Anh văn 2 (25112H-5TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Tin học văn phòng (17102H-3TC) 2. Văn hoá doanh nghiệp (28239H-3TC)	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b> 1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401H-2TC) 2. Xác suất thống kê (18143H-3TC) 3. Pháp luật đại cương (11401H-2TC) 4. Kinh tế vi mô (15101H-3TC) 5. Anh văn 3 (25113H-5TC) 6. Anh văn 4 (25114H-3TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Kỹ năng mềm 1 (29101H-2TC) 2. Môi trường và bảo vệ MT (26101H-2TC)	<b>Học trước</b> 19101H      25111H;25112H
<b>HỌC KỲ 3</b> <b>I. Bắt buộc: 17 TC</b> 1. Chủ nghĩa XHKH (19501H-2TC) 2. Kinh tế vi mô (15102H-3TC) 3. Nguyên lý thống kê (15104H-3TC) 4. Tài chính tiền tệ (28301H-3TC) 5. Thuế (28308H-3TC) 6. Bảo hiểm (15330H-3TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Kinh tế công cộng (15103H-3TC) 2. Thị trường chứng khoán (28153H-3TC)	<b>Học trước</b>	<b>HỌC KỲ 4</b> <b>I. Bắt buộc: 17 TC</b> 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201H-2TC) 2. Tổng quan logistics và CCU (15818H-3TC) 3. Giao dịch TMQT (15635E-3TC) 4. Kinh tế lượng (15105H-3TC) 5. Nguyên lý kế toán (28108H-3TC) 6. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640H-3TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Quản trị doanh nghiệp (28214H-3TC) 2. Quản trị tài chính (28302H-3TC)	<b>Học trước</b> 19501H    15102H;18143H 28301H
<b>HỌC KỲ 5</b> <b>I. Bắt buộc: 14 TC</b> 1. Lịch sử ĐCSVN (19303H-2TC) 2. Khoa học giao tiếp (15652H-3TC) 3. Đàm phán thương mại quốc tế (15627H-2TC) 4. Đầu tư quốc tế (15622H-4TC) 5. Pháp luật kinh doanh quốc tế (15636H-3TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Kinh tế phát triển (15113H-2TC) 2. Kế toán doanh nghiệp (28119H-2TC)	<b>Học trước</b>	<b>HỌC KỲ 6</b> <b>I. Bắt buộc: 16 TC</b> 1. PP nghiên cứu trong KT (15138H-3TC) 2. Chính sách TMQT (15633H-4TC) 3. Marketing quốc tế (28237H-3TC) 4. Nghiệp vụ hải quan (15610H-2TC) 5. Tín dụng và tài trợ TMQT (15617H-2TC) 6. Thương mại điện tử (15628H-2TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Kinh tế vận chuyển (15332H-3TC) 2. Quản trị chiến lược (28209H-3TC)	<b>Học trước</b> 15105H
<b>HỌC KỲ 7</b> <b>I. Bắt buộc: 17 TC</b> 1. Kinh doanh quốc tế (15626E-5TC) 2. Thanh toán quốc tế (15648E-5TC) 3. Giao nhận vận tải quốc tế (15625E-4TC) 4. Thực tập 1 (15653H-3TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Nghiệp vụ kho hàng (30101H-2TC) 2. Kỹ năng mềm 2 (29102H-2TC) 3. Khởi nghiệp sáng tạo (28253H-2TC)	<b>Học trước</b>	<b>HỌC KỲ 8</b> <b>I. Bắt buộc: 5 TC</b> 1. Thực tập 2 (15654H-5TC) <b>II. Tự chọn: 6/12 TC</b> 1. Khóa luận tốt nghiệp (15644H-6TC) 2. Môi trường kinh doanh QT (15650H-3TC) 3. Kế hoạch kinh doanh QT (15651H-3TC)	<b>Học trước</b> 15653H

**43. Ngành: Kinh tế vận tải (7840104) - Chuyên ngành: Kinh tế hàng hải (CT Tiên tiến)****Tổng cộng: 144 TC****Bắt buộc: 126 TC****Tự chọn tối thiểu: 12 TC****Tốt nghiệp: 6 TC**

<b>HỌC KỲ 1</b>		<b>HỌC KỲ 2</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 16 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Tiếng Anh học thuật - Nghe 1 (25271A-3TC)		1. Tiếng Anh học thuật - Nghe 2 (25272A-3TC)	25271A
2. Tiếng Anh học thuật - Nói 1 (25241A-3TC)		2. Tiếng Anh học thuật - Nói 2 (25242A-3TC)	25241A
3. Tiếng Anh học thuật - Đọc 1 (25261A-3TC)		3. Tiếng Anh học thuật - Đọc 2 (25262A-3TC)	25261A
4. Tiếng Anh học thuật - Viết 1 (25251A-3TC)		4. Tiếng Anh học thuật - Viết 2 (25252A-3TC)	25251A
5. Triết học Mác - Lênin (19101B-3TC)		5. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401B-2TC)	19101B
6. Pháp luật đại cương (11401B-2TC)		6. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501B-2TC)	19401B
<b>HỌC KỲ 3</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	
<b>I. Bắt buộc: 20 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Nhập môn Kinh tế (15529A-3TC)		1. Lịch sử Đảng CSVN (19302B-2TC)	19201B
2. Đại số (18141A-3TC)		2. Thống kê (15117A-3TC)	18141A
3. Kinh tế vi mô (15101A-3TC)		3. Tư duy phân biện (15504A-3TC)	
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201B-2TC)	19501B	4. Kinh tế vĩ mô (15102A-3TC)	15101A
5. Lịch sử hàng hải thế giới (15503A-3TC)		5. Môi trường kinh doanh (15505A-3TC)	
6. Cấu trúc Tiếng Anh (25342A-3TC)	25252A	6. Hàng hóa (15506A-3TC)	
7. Tổng quan về logistics&CCU (15818A-3TC)			
<b>II. Tự chọn:</b>			
1. Tin học văn phòng (17102A-3TC)			
2. Thuyết trình nâng cao (25217A-3TC)	25242A		
3. Toàn cầu hóa (15502A-3TC)			
4. Chính trị Cạnh tranh (15514A-3TC)			
<b>HỌC KỲ 5</b>		<b>HỌC KỲ 6</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 18 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Thực tập 1 (15507A-2TC)		1. Kinh tế Hàng hải 1 (15515A-3TC)	15101A,15506A
2. Kinh doanh quốc tế 1 (15516A-3TC)		2. Quan hệ quốc tế (15508A-3TC)	
3. Tổ chức Hàng hải Quốc tế (15509A-3TC)		3. Kinh doanh quốc tế 2 (15522A-3TC)	15516A
4. TL1: Phương pháp & TK (15511A-3TC)	15117A	4. Toàn cầu hóa về văn hóa (15518A-3TC)	
5. Quản lý và khai thác cảng (15526A-3TC)		5. Đạo đức kinh doanh (15519A-3TC)	
6. Địa lý vận tải (15530A-3TC)		6. Chính sách cạnh tranh HH (15520A-3TC)	15509A
<b>II. Tự chọn:</b>			
1. Địa lý kinh tế (15510A-3TC)			
2. Chính trị đại dương (15512A-3TC)			
3. Địa chính trị năng lượng (15513A-3TC)			
<b>HỌC KỲ 7</b>		<b>HỌC KỲ 8</b>	
<b>I. Bắt buộc: 17 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 10 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Thực tập 2 (15521A-2TC)	15507A	1. Thực tập 3 (15527A-4TC)	15521A
2. Quản lý môi trường đại dương (26165A-3TC)		2. Khóa luận tốt nghiệp (15528A-6TC)	
3. An ninh Hàng hải (15517A-3TC)			
4. Kinh tế Hàng hải 2 (15523A-3TC)	15515A		
5. Tháo luận 2: Dự án đầu tư (15525A-3TC)	15511A		
6. Chuyên đề đặc biệt về Kinh doanh hàng hải (15524A-3TC)	15520A,15523A		
<b>II. Tự chọn:</b>			
1. Luật và Chính sách Môi trường (26164A-3TC)			
2. Logistics Cảng biển (15803A-3TC)	15818A,15506A		
3. Logistics Vận tải (15804A-3TC)	15818A		

**44. Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (7510605)-Chuyên ngành: Kinh doanh quốc tế và Logistics (CT Tiên tiến)**

**Tổng cộng: 144 TC**

**Bắt buộc: 120 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 18 TC**

**Tốt nghiệp: 6 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tiếng Anh học thuật - Nghe 1 (25271A-3TC)</li> <li>Tiếng Anh học thuật - Nói 1 (25241A-3TC)</li> <li>Tiếng Anh học thuật - Đọc 1 (25261A-3TC)</li> <li>Tiếng Anh học thuật - Viết 1 (25251A-3TC)</li> <li>Triết học Mác - Lênin (19101B-3TC)</li> <li>Pháp luật đại cương (11401B-2TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tiếng Anh học thuật - Nghe 2 (25272A-3TC) 25271A</li> <li>Tiếng Anh học thuật - Nói 2 (25242A-3TC) 25241A</li> <li>Tiếng Anh học thuật - Đọc 2 (25262A-3TC) 25261A</li> <li>Tiếng Anh học thuật - Viết 2 (25252A-3TC) 25251A</li> <li>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401B-2TC) 19101B</li> <li>Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501B-2TC) 19401B</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 20 TC</b></p> <p><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập môn Kinh tế (15529A-3TC)</li> <li>Đại số (18141A-3TC)</li> <li>Kinh tế vi mô (15101A-3TC)</li> <li>Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201B-2TC) 19501B</li> <li>Marketing Logistics (15801A-3TC)</li> <li>Tổng quan về logistics&amp;CCU (15818A-3TC)</li> <li>Tiếng Anh chuyên môn 1 (25451A-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 20 TC</b></p> <p><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử Đảng CSVN (19302B-2TC) 19201B</li> <li>Thống kê (15117A-3TC) 18141A</li> <li>Tư duy phân biện (15504A-3TC)</li> <li>Kinh tế vĩ mô (15102A-3TC) 15101A</li> <li>Hàng hóa (15506A-3TC)</li> <li>Nguyên lý kế toán (28108A-3TC)</li> <li>Logistics toàn cầu (15805A-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh doanh quốc tế 1 (15516A-3TC)</li> <li>Cấu trúc tiếng Anh (25342A-3TC) 25252A</li> <li>Thuyết trình nâng cao (25217A-3TC) 25242A</li> <li>Thảo luận 1: Phương pháp&amp;TK (15854A-3TC) 15117A</li> <li>Thực tập 1 (15831A-2TC)</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị tài chính (28355A-3TC)</li> <li>Tiếng Anh chuyên môn 2 (25452A-3TC) 25451A</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 15 TC</b></p> <p><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thảo luận 2: Dự án đầu tư (15855A-3TC) 15854A</li> <li>Logistics cảng biển (15803A-3TC) 15818A,15506A</li> <li>Quản trị kho hàng (15853A-3TC) 15818A,15506A</li> <li>Kinh doanh dịch vụ logistics (15814A-3TC) 15818A</li> <li>Thiết kế hệ thống logistics (15807A-3TC) 15818A</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Luật kinh doanh (11472A-3TC)</li> <li>Kinh tế hàng hải 1 (15515A-3TC) 15101A,15506A</li> <li>Đạo đức kinh doanh (15519A-3TC)</li> </ol>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 14 TC</b></p> <p><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh doanh quốc tế 2 (15522A-3TC) 15516A</li> <li>Logistics vận tải (15804A-3TC) 15818A</li> <li>Quản trị chiến lược CCU (15811A-3TC) 15818A</li> <li>Hệ thống thông tin logistics (15851A-3TC) 15818A</li> <li>Thực tập 2 (15832A-2TC) 15831A</li> </ol> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Phân tích chuyên đề logistics (15841A-3TC) 15818A</li> <li>Địa lý kinh tế (15510A-3TC)</li> <li>Bảo hiểm hàng hải (15820A-3TC)</li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 10 TC</b></p> <p><b>Học trước</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực tập 3 (15833A-4TC) 15832A</li> <li>Khóa luận tốt nghiệp (15812A-6TC)</li> </ol>

**45. Ngành: Quản trị kinh doanh (7340101) - Chuyên ngành: Quản lý kinh doanh và Marketing (CT Tiên tiến)**

**Tổng cộng: 143 TC**

**Bắt buộc: 125 TC**

**Tự chọn tối thiểu: 12 TC**

**Tốt nghiệp: 06 TC**

<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 1</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <p>1. Tiếng Anh học thuật - Nghe 1 (25271A-3TC)                  2. Tiếng Anh học thuật - Nói 1 (25241A-3TC)                  3. Tiếng Anh học thuật - Đọc 1 (25261A-3TC)                  4. Tiếng Anh học thuật - Viết 1 (25251A-3TC)                  5. Triết học Mác-Lênin (19101B-3TC)                  6. Pháp luật đại cương (11401B-2TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 2</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 16 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <p>1. Tiếng Anh học thuật - Nghe 2 (25272A-3TC) 25271A                  2. Tiếng Anh học thuật - Nói 2 (25242A-3TC) 25241A                  3. Tiếng Anh học thuật - Đọc 2 (25262A-3TC) 25261A                  4. Tiếng Anh học thuật - Viết 2 (25252A-3TC) 25251A                  5. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401B-2TC) 19101B                  6. Chủ nghĩa xã hội khoa học (19501B-2TC) 19401B</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 19 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201B-2TC) 19501B                  2. Tiếng Anh cho quản lý kinh doanh và marketing 1 (25455A-3TC)                  3. Đại số (18141A-3TC)                  4. Kinh tế vi mô (15101A-3TC)                  5. Nhập môn quản trị và marketing (28276A-2TC)                  6. Quản trị đại cương (28260A-3TC)                  7. Marketing căn bản (28256A-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <p>1. Lịch sử Đảng CSVN (19302B-2TC) 19201B                  2. Tiếng Anh cho Quản lý kinh doanh và marketing 2 (25456A-3TC) 25455A                  3. Kinh tế vĩ mô (15102A-3TC) 15101A                  4. Nguyên lý kế toán (28108A-3TC)                  5. Thống kê (15117A-3TC) 18141A                  6. Hồ sơ năng lực cá nhân (28261A-3TC)</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <p>1. Cấu trúc tiếng Anh (25342A-3TC) 25252A                  2. Thảo luận 1: Phương pháp và thiết kế (28211A-3TC)                  3. Quản lý nguồn nhân lực (28262A-3TC)                  4. Quản trị marketing (28206A-3TC) 28256A                  5. Thực tập 1 (28241A-2TC)                  6. Kinh Doanh quốc tế 1 (15516A-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Marketing dịch vụ (28270A-3TC)                  2. Tổng quan về Logistics và CCU (15818A-3TC)                  3. Khởi sự doanh nghiệp (28212A-3TC)                  4. Quản lý mối quan hệ với KH (28273A-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 18 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <p>1. Thuyết trình nâng cao (25217A-3TC) 25242A                  2. Phân tích hành vi khách hàng (28263A-3TC)                  3. Quản lý hoạt động kinh doanh (28264A-3TC)                  4. Marketing chiến lược (28265A-3TC)                  5. Phân tích và NC thị trường (28266A-3TC)                  6. Marketing quốc tế (28237A-3TC)</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Luật Kinh doanh (11472A-3TC)                  2. Quản lý sự thay đổi (28269A-3TC)                  3. Kinh doanh quốc tế 2 (15522A-3TC) 15516A</p>
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 17 TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <p>1. Quản lý thương hiệu (28267A-3TC)                  2. Truyền thông marketing (28225A-3TC)                  3. Chiến lược xây dựng và phát triển bền vững (28268A-3TC)                  4. Quản trị tài chính (28355A-3TC)                  5. Quản lý đổi mới và Nghiệp chủ (28272A-3TC)                  6. Thực tập 2 (28242A-2TC) 28241A</p> <p><b>II. Tự chọn:</b></p> <p>1. Chiến lược lãnh đạo toàn cầu (28271A-3TC)                  2. Tâm lý học quản trị (28252A-3TC)                  3. Các vấn đề VH trong marketing quốc tế (28274A-3TC)</p>	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <p><b>I. Bắt buộc: 10TC</b></p> <p style="text-align: right;"><b>Học trước</b></p> <p>1. Thực tập 3 (28243A-4TC) 28242A                  2. Khóa luận tốt nghiệp (28247A-6TC)</p>

**46. Ngành: Khoa học hàng hải (7840106)-Chuyên ngành: Điều khiển tàu biển (Chọn)****Tổng cộng: 143 TC**

<b>HỌC KỲ 1 (21 TC)</b>	<b>Học trước</b>	<b>HỌC KỲ 2 (21 TC)</b>	<b>Học trước</b>
1. Tiếng Anh 1 (25111-5TC) 2. Tiếng Anh 2 (25112-5TC) 3. Nhập môn Khoa học hàng hải (11101E-3TC) 4. Đại số (18141E-3TC) 5. Vật lý 2 (18202E-3TC) 6. Pháp luật đại cương (11401E-2TC)		1. Triết học Mác-Lênin (19101-3TC) 2. Xác suất thống kê (18143E-3TC) 3. Giải tích (18142E-3TC) 4. Địa lý hàng hải (11604E-2TC) 5. Kiến thức cơ bản về tàu thủy (11607E-2TC) 6. Tiếng Anh 3 (25113-5TC) 7. Tiếng Anh chuyên ngành HH (25458E-3TC)	
<b>HỌC KỲ 3 (20 TC)</b>	<b>Học trước</b>	<b>HỌC KỲ 4 (19 TC)</b>	<b>Học trước</b>
1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (19401-2TC) 2. Hình họa vẽ kỹ thuật (18304E-3TC) 3. Cơ lý thuyết (18405E-3TC) 4. Điện tàu thủy 1 (13171E-2TC) 5. Thủy nghiệp-thông hiệu (11123E-4TC) 6. Địa văn hàng hải cơ sở (11231E-3TC) 7. Thông tin liên lạc hàng hải (11234E-3TC)	19101	1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC) 2. Khí tượng hải dương hàng hải (11106E-3TC) 3. Luật biển (11402E-2TC) 4. Thiên văn hàng hải (11233E-3TC) 5. La bàn tử (11107E-2TC) 6. Quản lý an toàn lao động HH (11105E-3TC) 7. Máy tàu thủy (12117E-2TC) 8. Trang TB cứu sinh, cứu hỏa trên TT (11125E-2TC)	19401
<b>HỌC KỲ 5 (20 TC)</b>	<b>Học trước</b>	<b>HỌC KỲ 6 (17 TC)</b>	<b>Học trước</b>
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 2. Ổn định tàu (11124E-3TC) 3. Luật hàng hải (11464E-3TC) 4. PL quốc tế về an toàn HH (11449E-3TC) 5. QT PNHV tàu thuyền trên biển 1972 (11111E-3TC) 6. Địa văn hàng hải (11232E-3TC) 7. Thực tập chuyên ngành (11501E-3TC)	19501 11607  11231 11123;11105	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) 2. Máy vô tuyến điện hàng hải (11235E-4TC) 3. Bảo hiểm Hàng hải (11454E-3TC) 4. Kinh tế khai thác thương vụ (11406E-2TC) 5. HTTT và chi báo hải đồ điện tử (11222E-2TC) 6. Tin học hàng hải (11114E-2TC) 7. TN và PT các TTTT trên biển (11216E-2TC)	19201 11234
<b>HỌC KỲ 7 (19 TC)</b>	<b>Học trước</b>	<b>HỌC KỲ 8 (6TC)</b>	<b>Học trước</b>
1. Máy điện hàng hải (11236E-4TC) 2. VC hàng hóa bằng đường biển (11237E-4TC) 3. Điều động tàu (11238E-4TC) 4. NV khai thác tàu container (11218-2TC) 5. NV khai thác tàu kết (11219-2TC) 6. Thực tập tốt nghiệp (11502E-3TC)	11124   11501;11111	<b>Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b> 1. Đồ án tốt nghiệp (11503E-6TC) 2. XL các THKC trên biển (11215E-3TC) 3. Lập kế hoạch chuyến đi (11221E-3TC)	

### **Các loại học phần:**

a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được lựa chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

c. Học phần học trước đối với học phần B là học phần A mà sinh viên phải học trước (đã đăng ký học và được xác nhận học xong học phần A, có thể thi chưa đạt) mới được đăng ký học phần B.

d. Học phần tiên quyết đối với học phần B là học phần A mà sinh viên phải học và thi đạt trước khi bắt đầu học học phần B.

## IV. QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1493/QĐ-ĐHHVN-ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

### Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này cụ thể hóa Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học bao gồm các nội dung: chương trình đào tạo và thời gian học tập, lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập; xét và công nhận tốt nghiệp và các quy định khác liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các chuyên ngành đào tạo bậc đại học tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

#### Điều 2. Triết lý giáo dục và Chương trình đào tạo

1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là: Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn.

2. Chương trình đào tạo của từng chuyên ngành được xây dựng và vận hành, cập nhật, sửa đổi theo phương pháp tiếp cận CDIO, tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo được cấu trúc từ các học phần bắt buộc và học phần tự chọn được thiết kế đảm bảo sau khi hoàn thành chương trình người học đạt được chuẩn đầu ra mong muốn và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Bên cạnh các chuẩn đầu ra liên quan đến kiến thức, kỹ năng, thái độ, chuyên môn và nghiệp vụ, Nhà trường thống nhất quy định chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học với tất cả các chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

a) Chuẩn đầu ra tin học: đạt chứng chỉ Tin học văn phòng quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) của Certiport - Hoa Kỳ, theo 2 nội dung.

- Microsoft Word: điểm thi  $\geq 700$ .

- Microsoft Excel: điểm thi  $\geq 700$ .

b) Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: có trình độ Tiếng Anh đạt chuẩn theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

- Đối với các chuyên ngành đại học: bậc 3;

- Đối với các chuyên ngành đại học chất lượng cao, lớp chọn: bậc 4;

- Đối với các chuyên ngành đại học theo chương trình tiên tiến, chuyên ngữ: bậc 5.

4. Đề cương chi tiết của từng học phần ghi rõ số lượng tín chỉ, học phần tiên quyết, học phần học trước, nội dung lý thuyết, thực hành, bài tập, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, nguồn học liệu và cách thức giảng dạy, đánh giá học phần.

5. Trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam quy định khối lượng của các chương trình (*chưa tính khối lượng Giáo dục thể chất (GDTC) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (GDQP-AN)*) như sau:

- Từ 120 - 125 tín chỉ đối với chương trình đào tạo trình độ cử nhân.

- Từ 150 - 155 tín chỉ đối với chương trình đào tạo trình độ kỹ sư.

- Khối lượng của các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình lớp chọn có thể tăng thêm các học phần tiếng Anh để bổ sung năng lực ngoại ngữ cho người học.

## 6. Khối lượng dạy và học trực tuyến

- Căn cứ điều kiện đảm bảo chất lượng và cơ sở vật chất hiện hành, các Khoa/Viện quản lý chương trình đào tạo có thể đề xuất Nhà trường triển khai thực hiện đào tạo trực tuyến một số học phần của chương trình đào tạo đảm bảo yêu cầu tổng số tín chỉ của các học phần đào tạo trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

- Đề xuất chuyển học phần sang đào tạo trực tuyến phải có giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo trực tuyến không thấp hơn chất lượng theo phương thức trực tiếp. Sau 01 học kỳ triển khai đào tạo trực tuyến (nếu được Nhà trường cho phép triển khai) phải có đánh giá và minh chứng về chất lượng đào tạo trực tuyến không thấp hơn chất lượng theo phương thức trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường sẽ có hướng dẫn thực hiện theo điều kiện cụ thể và theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### Điều 3. Học phần, tín chỉ

**1. Học phần** là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung của một học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng gồm 05 ký tự chính (dạng số) và một số ký tự cuối (dạng chữ) để phân biệt các loại hình đào tạo khác nhau.

#### 2. Các loại học phần

##### 2.1. Phân loại học phần theo điều kiện học tập

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được lựa chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

c) Học phần học trước đối với học phần B là học phần A mà sinh viên phải học trước (đã đăng ký học và được xác nhận học xong học phần A, có thể thi chưa đạt) mới được đăng ký học phần B.

d) Học phần song hành là các học phần mà sinh viên có thể học đồng thời.

e) Học phần tương đương/học phần thay thế.

Học phần tương đương/học phần thay thế là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình của một khóa, một chuyên ngành khác đang tổ chức đào tạo tại Trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của chuyên ngành đào tạo.

Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do Khoa/Viện/Trung tâm chuyên môn đề xuất, Hiệu trưởng phê duyệt trước khi bổ sung cho chương trình học trong quá trình tổ chức đào tạo.

##### 2.2. Phân loại theo phương thức đánh giá học phần

a) Học phần loại I: là học phần có sử dụng điểm quá trình (điểm X) và điểm thi kết thúc học phần (điểm Y) để tính kết quả học tập.

b) Học phần loại II: là học phần không sử dụng điểm quá trình để tính kết quả học tập. Để được dự thi các học phần này, sinh viên phải đảm bảo các điều kiện học tập theo quy định riêng của từng học phần.

c) Học phần loại III: là học phần không sử dụng điểm thi kết thúc học phần để tính kết quả học tập. Điểm đánh giá quá trình được lấy để tính kết quả học tập.



### **3. Các học phần đặc biệt.**

#### **a) Học phần GDQP-AN và GDTC**

Các học phần GDQP-AN và GDTC là các học phần không tích lũy tín chỉ, không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng sinh viên phải học và đạt yêu cầu mới đủ điều kiện tốt nghiệp cuối khóa.

b) Học phần thực tập. Những học phần này nhằm bổ sung kiến thức thực tế và nâng cao tay nghề cho sinh viên khi thực tập tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở thực hành, thực nghiệm phù hợp với từng chuyên ngành.

c) Học phần đồ án/khóa luận/học phần thay thế cho học phần tốt nghiệp (gọi chung là học phần tốt nghiệp): để đăng ký các học phần này sinh viên phải thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại Điều 31.

**4. Tín chỉ** được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận, xemina hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở trong và ngoài Trường hay 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Bài tập lớn, thiết kế môn học là một bộ phận của học phần. Bài tập lớn có khối lượng là 1 tín chỉ, thiết kế môn học có khối lượng là 2 tín chỉ. Đối với những học phần lý thuyết, thực hành hoặc thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

**5. Một tiết học** lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm được tính bằng 50 phút.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

1. Thời gian giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường được tính từ 06h00' đến 20h00' hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Bảy. Các hoạt động giảng dạy thực hành, thực tập, giảng dạy trực tuyến và các hoạt động ngoại khóa khác có thể được bố trí linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn.

2. Thời gian giảng dạy hệ đại học vừa làm vừa học, liên thông của Trường được bố trí linh hoạt trong ngày, trong tuần và trong năm học.

#### **Điều 5. Học phí**

Học phí là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy, học tập.

Học phí đại học được tính cho từng học phần.

Học phí phải được đóng một lần cho cả học kỳ. Mức học phí và thời hạn đóng học phí thực hiện theo các thông báo của Nhà trường.

- Học phí học kỳ = Tổng học phí của các học phần đã đăng ký học trong học kỳ.

- Học phí của học phần = Số tín chỉ của học phần đã đăng ký \* Đơn giá cho mỗi tín chỉ của loại học phần đó.

Đơn giá học phí được Nhà trường xác định theo quy định của pháp luật và thông báo tới sinh viên trước thời điểm thu học phí.

## **Chương II. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo toàn khóa**

##### **1. Kế hoạch học tập toàn khóa**

##### **1.1. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa chương trình đại học chính quy**

- Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa các chương trình cử nhân được thiết kế 4 năm.

- Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa các chương trình kỹ sư được thiết kế 4,5 năm.

- Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình lớp chọn được bố trí phù hợp với mức độ bổ sung các học phần tiếng Anh.

## 1.2. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa chương trình đại học vừa làm vừa học

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo.

- Kế hoạch học tập của sinh viên đại học vừa làm vừa học được bố trí theo khóa và đợt xét tuyển một cách linh hoạt, không bắt buộc theo các kỳ như quy định tại khoản 2 của điều này nhưng phải đảm bảo khối lượng và thời gian học tập theo chương trình học tập toàn khóa.

## 1.3. Kế hoạch học tập của sinh viên theo học các chương trình đào tạo liên thông

- Kế hoạch học tập của sinh viên liên thông được bố trí linh hoạt theo các kế hoạch đào tạo của chương trình đào tạo đại học chính quy, đại học vừa làm vừa học tương ứng và căn cứ theo số tín chỉ tích lũy không được miễn trừ.

- Trường hợp tổ chức lớp liên thông riêng, kế hoạch học tập được bố trí theo khóa và đợt xét tuyển một cách linh hoạt, không bắt buộc theo các kỳ như quy định tại khoản 2 của điều này nhưng phải đảm bảo khối lượng và thời gian học tập theo chương trình học tập toàn khóa.

## 2. Từ kế hoạch học tập toàn khóa, Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

- Mỗi sinh viên có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào học phần sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

## 3. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học

- Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cộng thêm 03 năm.

- Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

## **Điều 7. Tuyển sinh và nhập học**

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm.

2. Các thí sinh trúng tuyển đại học chính quy cần thực hiện xác nhận nhập học. Trên cơ sở dữ liệu thí sinh trúng tuyển đại học chính quy xác nhận nhập học, Phòng Đào tạo lập kế hoạch nhập học và phát hành giấy mời nhập học, cấp mã sinh viên để quản lý thống nhất theo hệ thống tín chỉ và trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập các lớp khóa học mới. Nếu nhập học chậm sau 2 tuần không có lý do chính đáng, sinh viên coi như bỏ học.

3. Trên cơ sở dữ liệu thí sinh trúng tuyển vừa làm vừa học, liên thông, Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục hoặc Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải (tùy thuộc vào đơn vị được giao quản lý lớp) lập kế hoạch nhập học và phát hành giấy mời nhập học. Sau khi có số liệu thí sinh nhập học,

các trung tâm này chuyển thông tin về Phòng Đào tạo để cấp mã sinh viên, trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập lớp.

4. Khi nhập học, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học sẽ được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và chuyển về Phòng Công tác sinh viên quản lý, lưu trữ.

5. Sinh viên nhập học được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập toàn khóa của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

### **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào ngành đào tạo**

Nhà trường tổ chức xét trúng tuyển và xếp lớp khóa học trên cơ sở ngành và chuyên ngành đăng ký xét tuyển của thí sinh.

Tên lớp được xác định theo tên chuyên ngành đào tạo, khóa đào tạo tính theo năm học, hình thức đào tạo và số thứ tự đợt xét tuyển trong năm học (nếu có nhiều đợt xét tuyển trong năm học). Theo đó: 3 ký tự đầu là chữ viết tắt của tên chuyên ngành đào tạo, 2 ký tự tiếp theo là số của khóa đào tạo, các ký tự còn lại thể hiện hình thức đào tạo và đợt xét tuyển trong năm. Trường hợp chỉ có 1 đợt xét tuyển trong năm thì không cần có thông tin về đợt xét tuyển trong tên lớp.

Hình thức đào tạo được quy định viết tắt như sau:

ĐH: đào tạo đại học chính quy thông thường và chương trình tiên tiến;

CL: đào tạo đại học chính quy chất lượng cao;

CH: đào tạo đại học chính quy lớp chọn;

DHT: đào tạo đại học vừa làm vừa học;

LT: đào tạo liên thông cao đẳng, trung cấp lên đại học chính quy;

ĐHB: đào tạo liên thông giữa các trình độ đại học hệ chính quy;

ĐHTB: đào tạo liên thông giữa các trình độ đại học vừa làm vừa học.

Mọi sinh viên đã trúng tuyển vào chương trình đào tạo đại học chính quy của Trường được phép học cùng lúc 02 chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 37 của Quy chế này.

### **Điều 9. Tổ chức lớp học**

Lớp học được tổ chức theo hai hình thức:

a) Lớp khóa học được tổ chức cho các sinh viên đăng ký học cùng khóa của một chuyên ngành đào tạo nhằm duy trì các sinh hoạt đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa thể thao và để quản lý sinh viên trong quá trình học tập. Tên mỗi lớp khóa học được ký hiệu riêng sử dụng trong toàn khóa học.

Các sinh viên thuộc lớp khóa học được tư vấn, hỗ trợ bởi các giảng viên với vai trò là cố vấn học tập. Tổ chức hoạt động của lớp khóa học, vai trò trách nhiệm của cố vấn học tập được quy định trong Quy chế công tác sinh viên của Nhà trường.

b) Lớp học phần của lớp đại học chính quy được tổ chức theo từng học phần, dựa trên số lượng đăng ký của sinh viên ở từng học kỳ. Tên lớp học phần = Tên học phần + Học kỳ + Năm học + Mã nhóm (Ví dụ: Toán cao cấp 1-11 (N01)).

Trong các học kỳ chính, số lượng sinh viên thông thường của lớp học phần là 40. Số lượng sinh viên thông thường của các lớp ngoại ngữ là 25. Riêng đối với các lớp học phần của sinh viên chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao thì cần đảm bảo điều kiện mỗi lớp thảo luận không quá 30 sinh viên, mỗi nhóm thực hành không quá 15 sinh viên.

Số lượng sinh viên thông thường của các lớp GDQP-AN và lý luận chính trị là 90.

Nếu số lượng sinh viên đăng ký ít hơn 75% quy định, lớp học phần được đưa vào diện xem xét hủy. Nếu lớp học phần bị hủy, sinh viên được đăng ký (trong một thời gian quy định) chuyển

sang lớp khác hoặc học những học phần khác cho đủ khối lượng kiến thức quy định trong mỗi học kỳ. Trong học kỳ phụ, số lượng sinh viên tối thiểu để mở lớp học phần là các lớp có từ 10 sinh viên đăng ký học tập trở lên.

Các trường hợp đặc biệt khác Phòng Đào tạo xin ý kiến chỉ đạo của Ban Giám hiệu để quyết định sĩ số duy trì lớp học phần.

Để quản lý lớp học phần, Giảng viên phải chọn 2 sinh viên phù hợp để làm Lớp trưởng và Lớp phó của lớp học phần. Cuối học kỳ, căn cứ vào mức độ đóng góp của cán bộ lớp học phần, Giảng viên cộng điểm thưởng cho sinh viên vào điểm X, lớp trưởng tối đa là 2 điểm, lớp phó tối đa là 1,5 điểm.

Lớp học phần của các lớp đại học vừa làm vừa học, lớp liên thông được tổ chức như lớp học phần đại học chính quy, tuy nhiên có thể lược bỏ một số yêu cầu về chỉ thị năm học, học kỳ, mã nhóm, số lượng sinh viên tối thiểu cho phù hợp với điều kiện thực tế. Trường hợp tổ chức học ghép với lớp đại học chính quy thì tuân thủ theo quy định tổ chức lớp học phần đại học chính quy.

## **Điều 10. Tổ chức đăng ký học tập**

### **1. Những quy định chung**

a) Mỗi năm học có khoảng 52 tuần và được phân bổ như sau:

- Học kỳ phụ: 6-7 tuần (sinh viên học lại, học cải thiện điểm. Không dành cho sinh viên học vượt tiến độ);

- Học kỳ I: 18 tuần;

- Nghỉ Tết: 02 tuần;

- Học kỳ II: 18 tuần;

- Nghỉ hè: 06 tuần;

- Dự trữ: 01 tuần.

Tuần số 1 của năm học được quy định vào khoảng đầu tháng 8 hàng năm.

b) Đối với học kỳ I của năm học thứ nhất, sinh viên học theo tiến độ do Nhà trường quy định mà không phải đăng ký học phần. Từ học kỳ thứ 2 trở đi: sinh viên đăng ký học theo thông báo của đơn vị được giao quản lý sinh viên.

c) Tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký khối lượng tín chỉ cho phù hợp với quy định tại mục f khoản 3 của Điều này.

d) Việc đăng ký học phần phải đảm bảo điều kiện tiên quyết, điều kiện học trước của học phần trong chương trình đào tạo.

### **2. Các hình thức đăng ký học tập**

a) Đăng ký học đúng tiến độ: sinh viên đăng ký các học phần theo tiến độ thiết kế của chương trình đào tạo.

b) Đăng ký học lại: sinh viên đăng ký học lại các học phần bị điểm F cùng với sinh viên các lớp khóa sau.

c) Đăng ký học vượt: nếu sinh viên muốn rút ngắn thời gian học thì có thể đăng ký học vượt các học phần của các lớp khóa trên trong các học kỳ chính.

d) Đăng ký học cải thiện điểm: sinh viên có điểm học phần đạt, đáp ứng các yêu cầu tại khoản 3 Điều 29, được đăng ký học cải thiện điểm và điểm học phần là điểm cao nhất trong các lần thi.

### **3. Đăng ký học tập đối với đào tạo đại học chính quy**

a) Phòng Đào tạo lập kế hoạch năm học và trình Ban Giám hiệu phê duyệt, triển khai.

b) Xây dựng thời khóa biểu.

Phòng Đào tạo xây dựng thời khóa biểu dự kiến hàng kỳ cho sinh viên hệ đại học và các học phần GDTC, GDQP-AN cho sinh viên hệ đại học chính quy.

Viện Đào tạo quốc tế xây dựng thời khóa biểu dự kiến hàng kỳ cho sinh viên hệ đại học theo chương trình tiên tiến.

Viện Đào tạo Chất lượng cao xây dựng thời khóa biểu dự kiến hàng kỳ cho sinh viên hệ đại học theo chương trình chất lượng cao, lớp chọn.

c) Phân công giảng viên theo thời khóa biểu dự kiến

Căn cứ vào thời khóa biểu dự kiến do các đơn vị lập, các Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn tiến hành phân công giảng viên cho các lớp học phần theo thời khóa biểu dự kiến. Thực hiện trao đổi với đơn vị xây dựng để điều chỉnh thời khóa biểu dự kiến phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Trường hợp mời giảng viên thỉnh giảng thì Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ của giảng viên thỉnh giảng về Phòng Tổ chức Hành chính để kiểm soát theo yêu cầu của Nhà trường.

Giảng viên đại học phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Trong trường hợp đặc biệt, giảng viên thỉnh giảng có thể là các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan đến các nội dung của học phần, chuyên gia có thể tham gia giảng dạy 1 phần hoặc toàn bộ học phần.

Đối với giảng viên nước ngoài: là giảng viên uy tín của các trường đại học nước ngoài (bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài hoặc giảng viên Việt Nam đang giảng dạy cơ hữu tại các trường đại học uy tín nước ngoài), hoặc các chuyên gia có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học trở lên, có bằng cấp chuyên môn phù hợp với học phần phụ trách, đáp ứng yêu cầu của Nhà trường tham gia giảng dạy các học phần được quy định. Giảng viên nước ngoài dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù).

Riêng đối với giảng viên tham gia giảng dạy cho chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao cần thỏa mãn các điều kiện bổ sung sau:

- Giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù).

- Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm giảng dạy, đáp ứng yêu cầu của CTTT theo quy định.

- Giảng viên tham gia giảng dạy các học phần bằng tiếng Anh phải có trình độ tiếng Anh bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên ở nước ngoài bằng tiếng Anh.

Trường hợp đặc biệt, các Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn có thể đề xuất trợ giảng tham gia hoạt động giảng dạy. Trợ giảng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần, sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

- Các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên tốt nghiệp chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao đạt loại giỏi trở lên, có đủ năng lực chuyên môn và ngoại ngữ theo yêu cầu có thể tham gia hoạt động trợ giảng.

d) Căn cứ theo kế hoạch đào tạo, Phòng Đào tạo ban hành thông báo đăng ký học phần của các học kỳ, các đợt học GDTC, GDQP-AN và triển khai cho sinh viên đại học, đại học chất lượng cao đăng ký học tập theo thời khóa biểu dự kiến và thực hiện các điều chỉnh bổ sung (nếu thấy cần

*thiết*). Viện Đào tạo quốc tế ban hành thông báo đăng ký học phần của các học kỳ và triển khai đăng ký học phần cho sinh viên đại học theo chương trình tiên tiến.

e) Sinh viên thực hiện đăng ký học phần dự định học tập theo danh sách học phần mở và điều kiện đăng ký của các học phần. *Sinh viên cần lưu ý đến điều kiện tiên quyết để đăng ký từng học phần nêu trong Chương trình đào tạo ở Sổ tay sinh viên để xây dựng kế hoạch học tập một cách phù hợp.*

g) Sinh viên có thể đăng ký bổ sung học phần, rút bớt học phần đã đăng ký theo thời gian quy định trong các thông báo đăng ký học phần. Việc đăng ký bổ sung học phần, rút bớt học phần đã đăng ký đảm bảo yêu cầu về khối lượng học tập (tính cả các học phần Quốc phòng an ninh và GDTC) của sinh viên tối đa, tối thiểu như sau:

- Tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong 1 học kỳ chính không vượt quá 27 tín chỉ. Đối với sinh viên học song song 2 chương trình đào tạo thì tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong 1 học kỳ chính không vượt quá 30 tín chỉ.

- Tổng số tín chỉ đăng ký tối thiểu trong 1 học kỳ chính không ít hơn 12 tín chỉ (*trừ sinh viên năm cuối của chương trình đào tạo, sinh viên bị cảnh báo học tập, sinh viên đăng ký học học kỳ mà theo chương trình đào tạo học kỳ đó được thiết kế dưới 12 tín chỉ*). Sinh viên bị cảnh báo học tập được phép đăng ký số tín chỉ tối thiểu không ít hơn 6 tín chỉ.

- Số tín chỉ tối đa trong học kỳ phụ không vượt quá 15 tín chỉ. Không quy định số tín chỉ đăng ký tối thiểu trong học kỳ phụ.

Sinh viên đăng ký không đủ số tín chỉ tối thiểu trong các học kỳ chính có thể bị xem xét khiển trách. Sinh viên không đăng ký học tập trong học kỳ chính có thể bị xem xét buộc thôi học hoặc hình thức kỷ luật khác.

#### **4. Đăng ký học tập đối với đào tạo đại học vừa làm vừa học**

a) Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục lập kế hoạch năm học và trình Ban Giám hiệu phê duyệt, triển khai.

b) Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục xây dựng thời khóa biểu hàng kỳ và các học phần GDTC, GDQP-AN cho sinh viên hệ đại học vừa làm vừa học.

c) Căn cứ theo kế hoạch đào tạo, Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục triển khai cho sinh viên đăng ký học tập theo thời khóa biểu dự kiến và thực hiện các điều chỉnh bổ sung (*nếu thấy cần thiết*).

d) Sinh viên thực hiện đăng ký học phần dự định học tập theo danh sách học phần mở và điều kiện đăng ký của các học phần. Sinh viên có thể đăng ký bổ sung học phần, rút bớt học phần đảm bảo yêu cầu khối lượng học tập như quy định tại phần 3, f của điều này.

#### **5. Đăng ký học tập đối với đào tạo liên thông**

a) Trường hợp tổ chức học ghép với lớp đại học chính quy hoặc đại học vừa làm vừa học tương ứng với hình thức đào tạo liên thông chính quy hay liên thông vừa làm vừa học: thực hiện theo kế hoạch đăng ký học phần của đại học chính quy hoặc đại học vừa làm vừa học.

b) Trường hợp tổ chức lớp riêng: Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải hoặc đơn vị được ủy quyền khác chịu trách nhiệm triển khai đăng ký học tập cho sinh viên như quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 của điều này.

#### **6. Rút học phần đã đăng ký**

a) Nếu sinh viên nhận thấy không thể hoàn thành tốt khối lượng học tập đã đăng ký thì có thể làm đơn xin rút một số học phần (*theo mẫu đơn hoặc tin nhắn tùy thuộc vào yêu cầu của đơn vị tổ chức đăng ký học phần*) với điều kiện đảm bảo số tín chỉ tối thiểu cho phép của mỗi học kỳ theo quy định.

b) Thủ tục xin rút học phần:

- Trong khoảng thời gian được phép rút học phần đã đăng ký (trong 03 tuần đầu Học kỳ chính), sinh viên gửi yêu cầu xin rút học phần về đơn vị tổ chức đăng ký học phần. Sau khi được đơn vị tổ chức đăng ký học phần chấp thuận, sinh viên lưu giữ thông tin xin rút học phần để khiếu nại khi cần thiết.

- Đơn vị tổ chức đăng ký học phần tiếp nhận và xử lý đơn rút học phần của sinh viên. Sau 02 tuần kể từ khi kết thúc thời hạn được rút học phần, đơn vị tổ chức đăng ký học phần tổng hợp danh sách sinh viên được rút học phần và thông báo trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

## **Điều 11. Tổ chức giảng dạy và học tập**

### **1. Tổ chức triển khai giảng dạy**

a) Khoa/Viện/Trung tâm có trách nhiệm triển khai, đôn đốc các giảng viên thực hiện giảng dạy, đánh giá các học phần theo thời khóa biểu của học kỳ và theo đề cương đã được phê duyệt. Bộ môn phụ trách giảng dạy phải đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy, xử lý các tình huống bất thường như giảng viên nghỉ ốm, dạy thay, dạy bù...

b) Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo và các đơn vị chức năng thuộc Trường tổ chức các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập trong toàn trường theo quy định.

c) Giảng viên lên lớp phải mang theo Kế hoạch giảng dạy và Bảng theo dõi kết quả học tập của sinh viên. Mỗi buổi lên lớp (kể cả dạy bù), giảng viên phải cập nhật tiến độ giảng dạy và học tập, điểm danh và ghi số tiết vắng của mỗi sinh viên trong buổi học ... Cuối mỗi học kỳ, giảng viên nộp Bảng theo dõi kết quả học tập về bộ phận giáo vụ Khoa/Viện/Trung tâm để lập Phiếu thi và lưu trữ theo quy định.

d) Thực hiện theo dõi giờ thực hành, thí nghiệm bằng Sổ theo dõi thực hành - thí nghiệm (theo mẫu quy định). Sổ theo dõi thực hành - thí nghiệm được quản lý và lưu trữ tại từng phòng thực hành, thí nghiệm. Giảng viên hướng dẫn thực hành - thí nghiệm có trách nhiệm ghi chi tiết các nội dung trong Sổ và có xác nhận của đại diện nhóm sinh viên.

e) Giảng viên khi thay đổi kế hoạch giảng dạy đột xuất phải thông báo với Khoa/Viện/Bộ môn và Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, đồng thời có kế hoạch dạy bù trong thời gian của học kỳ để đảm bảo tiến độ học tập của sinh viên.

g) Trường hợp thay đổi giảng viên, thay đổi thời khóa biểu, phải tuân thủ các quy định trong quy trình quản lý giảng dạy, học tập của Phòng Đào tạo.

### **2. Thực hiện hoạt động học tập**

a) Sinh viên phải tham gia ít nhất 75% số tiết học của học phần. Riêng đối với học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham gia 80% số tiết học của học phần.

b) Ngoài thời gian học tập ở trên lớp, tại các phòng thực hành, thí nghiệm, xê-mi-na, tại cơ sở thực tập, sinh viên còn phải thực hiện các hoạt động học tập khác, tham gia các bài kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của đề cương học phần và của giảng viên.

c) Sinh viên bị đau ốm, tai nạn trong quá trình học tập, phải làm các thủ tục sau đây:

- Chậm nhất 07 ngày sau khi bị ốm hoặc tai nạn, sinh viên nộp cho Phòng Công tác sinh viên bộ Hồ sơ gồm: Đơn trình bày có xác nhận của giáo vụ và Trưởng Khoa/Viện; Bệnh án có xác nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên và được Trưởng trạm Y tế trường xác nhận.

- Sau khi được Phòng Công tác sinh viên chấp thuận, sinh viên sao bộ Hồ sơ nói trên thêm 03 bản để nộp cho: Phòng Đào tạo, Giáo vụ khoa, Bộ môn có học phần. Sinh viên lưu giữ bộ gốc.

Tùy theo tình trạng bệnh tật, số ngày nghỉ và thời điểm nghỉ ốm Phòng Công tác sinh viên và Phòng Đào tạo sẽ hướng dẫn sinh viên học bù thời gian nghỉ ốm để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần hoặc học lại học phần đã đăng ký.

## **Điều 12. Trách nhiệm của giảng viên, sinh viên và các đơn vị, cá nhân liên quan**

### **1. Trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên**

- Xây dựng Kế hoạch giảng dạy học phần đáp ứng các mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần theo đề cương đã được ban hành, đồng thời có sự cập nhật, bổ sung các kiến thức, tài liệu, sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy, đánh giá tích cực, hiện đại nhằm phát huy tính chủ động của sinh viên.

- Hướng dẫn sinh viên chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp học tập, đánh giá học phần, tài liệu giảng dạy và học tập của học phần trong buổi học đầu tiên và có thể nhắc lại khi cần thiết.

- Triển khai hoạt động giảng dạy, đánh giá học phần theo đề cương đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm trước Nhà trường về chất lượng giảng dạy học phần mà mình phụ trách.

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ, trang thiết bị giảng dạy và thực hành, thực nghiệm hiện đại. Chủ động hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, phương pháp trình bày, diễn đạt các ý tưởng khoa học.

- Quản lý lớp học phần trong thời gian giảng dạy, chấp hành mọi Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Quy định của Nhà trường.

- Công khai kết quả đánh giá quá trình học tập của sinh viên tại buổi học cuối.

- Thực hiện lắng ý kiến phản hồi của người học khi được yêu cầu.

- Tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật trong và ngoài trường.

- Được đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý.

- Được hưởng các chế độ ưu đãi dành cho giảng viên tham gia giảng dạy chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh.

### **2. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên**

- Tìm hiểu, nghiên cứu để nắm vững chương trình đào tạo, kế hoạch học tập mỗi học kỳ và những nội quy, quy chế, quy định của Trường. Khi cần thiết, sinh viên liên lạc với cố vấn học tập, giảng viên, Khoa/Viện/Trung tâm, các phòng, ban chức năng để được hướng dẫn và giúp đỡ.

- Thường xuyên theo dõi các thông báo, đọc kỹ các tài liệu hướng dẫn của mỗi học kỳ để thực hiện các công việc theo đúng trình tự và đúng thời hạn. Thông tin chi tiết xem tại các bảng tin, facebook của Phòng Đào tạo, website <http://daotao.vimaru.edu.vn/> và tại các trang thông tin điện tử của đơn vị quản lý sinh viên khác: Viện Đào tạo quốc tế, Viện Đào tạo chất lượng cao, Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải, các Khoa/Viện chuyên môn.

- Thực hiện việc đăng ký học phần và đóng học phí theo đúng thời gian quy định.

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các yêu cầu của học phần đã đăng ký học, tham gia các hoạt động học tập, đánh giá theo đề cương học phần.

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp vào bài giảng trong các học phần.

- Tuân thủ nghiêm chỉnh quy chế thi, kiểm tra của Nhà trường.

- Được tham gia nghiên cứu khoa học, các dự án khởi nghiệp, sáng tạo hoặc các hoạt động học thuật khác nhằm trau dồi phẩm chất và kiến thức chuyên môn.

- Được tham gia các hoạt động đoàn thể, không ngừng rèn luyện đạo đức lối sống và thể chất phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành học.

- Được đóng góp ý kiến về các nội dung: phương pháp giảng dạy của giảng viên, công tác quản lý, phục vụ, điều kiện cơ sở vật chất theo từng học kỳ và từng năm học...



- Được tiếp cận nguồn học bổng, chính sách hỗ trợ, miễn giảm học phí của Nhà nước, Nhà trường.

*Ngoài các quyền lợi nêu trên, các sinh viên đào tạo theo chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao có thêm các quyền lợi sau:*

- Được ưu tiên về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, huấn luyện.

- Được ưu tiên bố trí đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có thời gian học tập, nghiên cứu ở nước ngoài, các giảng viên của các nước tiên tiến tham gia giảng dạy.

- Được ưu tiên tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học và các chương trình trao đổi sinh viên trong nước và quốc tế trong khuôn khổ hoạt động Nhà trường.

- Được ưu tiên trong lựa chọn đề tài nghiên cứu, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

- Được ưu tiên hỗ trợ trong việc tổ chức thực tập và tiếp cận doanh nghiệp.

### **3. Trách nhiệm của Cố vấn học tập (CVHT)**

- Nắm vững cấu trúc, nội dung các chương trình đào tạo cũng như năng lực của sinh viên để có những hướng dẫn, cố vấn thích hợp cho sinh viên trong quá trình học tập;

- Làm các công việc của CVHT theo quy định của Nhà trường.

### **4. Trách nhiệm của Giáo vụ Khoa/Viện/Trung tâm (gọi tắt là GVK)**

- Nhập điểm X, Y vào hệ thống phần mềm quản lý điểm thi theo phân cấp quản lý.

- Trợ giúp, cố vấn cho Trường đơn vị trong việc xử lý công tác học vụ có liên quan.

- Làm các công việc khác do Trường đơn vị phân công.

### **5. Trách nhiệm của các đơn vị quản lý có liên quan**

#### ***a) Các Khoa, Viện, Trung tâm, Bộ môn***

- Phối hợp cùng các phòng ban chức năng xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh cho các chuyên ngành thuộc đơn vị phụ trách.

- Xây dựng các chương trình đào tạo, đề cương học phần cho các chuyên ngành đào tạo.

- Bố trí và đôn đốc việc thực hiện công tác giảng dạy của giảng viên.

- Đề xuất giảng viên thỉnh giảng. Nộp hồ sơ giảng viên thỉnh giảng về Phòng Tổ chức Hành chính. Phối hợp với Phòng Đào tạo ký hợp đồng thỉnh giảng và thanh toán hợp đồng.

- In danh sách sinh viên các lớp học phần do đơn vị quản lý. Phối hợp với các đơn vị chức năng trong tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học phần thuộc đơn vị mình phụ trách.

- Cử giảng viên tham gia chấm, hỏi thi hết học phần, bảo vệ thực tập, bảo vệ đồ án môn học, chấm học phần tốt nghiệp.

- Tổ chức đánh giá kết quả học tập, giảng dạy các học kỳ và thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Lưu giữ các kết quả thi học phần được Nhà trường phân công phụ trách.

- Trường các Khoa/Viện có sinh viên được ủy quyền của Hiệu trưởng cấp cho sinh viên: Giấy chứng nhận sinh viên, Giấy giới thiệu thực tập, Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, Bảng kết quả học tập theo học kỳ, năm học và toàn khóa.

- Triển khai các thông báo, quyết định đến sinh viên và gia đình sinh viên theo phân cấp quản lý sinh viên của Nhà trường.

#### ***b) Phòng Đào tạo***

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giảng dạy học tập hàng năm và từng học kỳ, định hướng phát triển ngành nghề đào tạo và chương trình đào tạo đại học;

- Thường trực tổ chức công tác tuyển sinh, gọi sinh viên trúng tuyển nhập học, công tác tổng hợp, báo cáo, phúc tra, phúc khảo sau tuyển sinh;

- Soạn các quyết định thành lập lớp, chuyển lớp, chuyển ngành, chuyển trường, trong quá trình học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đại học, đại học chất lượng cao hệ đào tạo chính quy đăng ký học phần như quy định tại Điều 10. Chuyển dữ liệu đăng ký học phần của sinh viên cho Phòng Kế hoạch - Tài chính, Viện Đào tạo chất lượng cao để thu học phí và phối hợp xử lý sinh viên nợ học phí;

- Xây dựng và hướng dẫn thống nhất các quy trình, biểu mẫu phục vụ giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên đại học chính quy (theo tiêu chuẩn ISO Nhà trường đang triển khai);

- Lập lịch thi cho sinh viên đại học chính quy và triển khai tới các đơn vị và sinh viên;

- Thường trực hội đồng xét tốt nghiệp cấp Trường; ra các quyết định công nhận tốt nghiệp; tập hợp dữ liệu tốt nghiệp và in ấn văn bằng;

- Thường trực hội đồng xét cảnh báo học tập sau mỗi học kỳ và ra các quyết định cảnh báo học tập. Lập danh sách sinh viên cảnh báo học tập mức 3 gửi Phòng Công tác sinh viên soạn quyết định buộc thôi học.

#### ***c) Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng***

- Tổ chức và hướng dẫn các Khoa/Viện/Trung tâm và các bộ môn thực hiện công tác khảo thí; tiếp nhận và lưu trữ bảng mô tả phương thức tính điểm học phần từ các Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn để kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết; xử lý các trường hợp có sai sót hoặc khiếu nại có liên quan đến dữ liệu điểm thi;

- Chủ trì tổ chức thi tập trung đối với một số học phần theo phân cấp quản lý thi;

- Thường trực tổ chức các hoạt động đảm bảo chất lượng: công tác kiểm định chất lượng, công tác quản lý chất lượng, công tác thăm dò khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên và sinh viên;

- Tổ chức công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy trong phạm vi toàn Trường;

- Tiếp nhận, xử lý các khiếu nại, tố cáo đối với những hoạt động đào tạo và huấn luyện của giảng viên, sinh viên, đơn vị chức năng.

#### ***d) Phòng Kế hoạch - Tài chính***

- Phối hợp với Phòng Đào tạo để tham mưu về đơn giá học phí.

- Tiếp nhận dữ liệu đăng ký học phần từ Phòng Đào tạo để tổ chức thu học phí đối với sinh viên đại học chính quy và sinh viên các hệ học các học phần giáo dục quốc phòng an ninh, GDTC.

- Thống kê tổng hợp và xác nhận số liệu sinh viên đóng học phí, nợ học phí và phối hợp với các đơn vị liên quan trong xử lý sinh viên nợ học phí.

#### ***e) Phòng Công tác sinh viên***

- Phối hợp với Phòng Đào tạo trong tổ chức tiếp nhận hồ sơ sinh viên đầu vào và tổ chức lưu trữ hồ sơ sinh viên theo quy định. Xây dựng kế hoạch "Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa" cho sinh viên đại học chính quy và phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường tổ chức thực hiện.

- Tổ chức công tác quản lý rèn luyện sinh viên theo Quy chế công tác sinh viên hiện hành. Hỗ trợ và tư vấn sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện và chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên.

- Tiếp nhận đơn và soạn quyết định trình Ban Giám hiệu xem xét đối với sinh viên xin nghỉ học tạm thời và tiếp nhận sinh viên trở lại học tập; sinh viên bị buộc thôi học; thường trực các hội đồng xét cấp học bổng, khen thưởng, kỷ luật sinh viên ở mức đình chỉ 01 năm và buộc thôi học.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo chuẩn bị tổ chức lễ tốt nghiệp đại học.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan đôn đốc sinh viên đóng học phí, BHYT, xử lý các trường hợp không nộp học phí theo quy định.

**g) Phòng Quản trị - Thiết bị và Phòng Tổ chức - Hành chính**

Đảm bảo cơ sở vật chất cần thiết phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập tại các giảng đường. Phối hợp và thông báo kịp thời với Phòng Đào tạo các thông tin thay đổi có liên quan đến cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập chung.

**Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan đến quản lý đào tạo các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình liên thông, vừa làm vừa học**

Ngoài các quy định ở điều 12, do tính chất đặc thù của các loại hình đào tạo, Nhà trường quy định trách nhiệm riêng cho các đơn vị tham gia quản lý chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình liên thông, chương trình vừa làm vừa học, cụ thể như sau:

**1. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan đến đào tạo các chương trình tiên tiến**

**a) Viện Đào tạo quốc tế**

- Tổ chức đào tạo và quản lý chương trình tiên tiến trình độ đại học của Trường theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định liên quan của Trường.

- Phối hợp với Phòng Đào tạo và các Phòng/Ban chức năng khác soạn thảo các quy định về đào tạo chương trình tiên tiến, chính sách đối với giảng viên và sinh viên.

- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn, Phòng/Ban chức năng mở các chuyên ngành mới chương trình tiên tiến, chỉnh sửa chương trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, tăng cường điều kiện đảm bảo chất lượng, phối hợp thực hiện kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy, lập thời khóa biểu, tổ chức đăng ký học tập, xây dựng lịch thi, tổ chức giảng dạy, phối hợp với Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo và Khoa/Viện chuyên môn theo dõi tiến độ, hoạt động đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định chất lượng, kiểm tra và giám sát việc thực hiện theo quy định của Nhà trường đối với chương trình tiên tiến.

- Thực hiện các hoạt động quản lý đào tạo, cụ thể sau:

*Đối với các học phần sử dụng giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước*

. Ký hợp đồng thỉnh giảng và thanh toán cho giảng viên thỉnh giảng sau khi giảng viên hoàn thành công việc giảng dạy, đánh giá theo hợp đồng;

. Nhập kết quả đăng ký học phần, kết quả xử lý sinh viên nợ học phí vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo;

. In danh sách các lớp học phần gửi cho giảng viên;

. Tổ chức thi đánh giá học phần, phúc khảo;

. Nhận kết quả đánh giá từ giảng viên và nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo;

. Lưu trữ kết quả đánh giá học phần của giảng viên thỉnh giảng;

. Thực hiện đánh giá giảng viên thỉnh giảng.

*Đối với các học phần sử dụng giảng viên thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam*

. Nhập kết quả đăng ký học phần, kết quả xử lý sinh viên nợ học phí vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

. In danh sách các lớp học phần gửi cho Bộ môn có giảng viên tham gia giảng dạy.

. Thông báo lịch thi đánh giá học phần cho các Khoa/Viện/Bộ môn.

. Phối hợp với Bộ môn tham gia nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

- . Thực hiện đánh giá giảng viên và gửi kết quả đánh giá cho Khoa/Viện.
- Phối hợp với Khoa/Viện chuyên môn đề xuất giảng viên thỉnh giảng. Nộp hồ sơ giảng viên thỉnh giảng về Phòng Tổ chức Hành chính.
- Thực hiện xét học bổng, xét cảnh báo học tập cho sinh viên thuộc chương trình tiên tiến.
- Xác nhận khối lượng giảng dạy của các giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCKH cho sinh viên chương trình tiên tiến.
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh cho các chuyên ngành thuộc chương trình tiên tiến.
- Phối hợp với Khoa/Viện chuyên môn trong việc phát triển nguồn giảng viên nước ngoài. Thực hiện các thủ tục và công tác liên quan đến việc mời giảng viên và hỗ trợ giảng viên nước ngoài đến giảng dạy cho chương trình tiên tiến.
- Triển khai ký kết hợp đồng giảng dạy đối với giảng viên, giảng viên thỉnh giảng, cố vấn học tập theo ủy quyền của Nhà trường. Trường hợp mở các lớp/khóa đào tạo ngoài chương trình thì phải được sự đồng ý của Nhà trường.
- Phối hợp với Phòng Quan hệ quốc tế trong việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tổ chức các hoạt động trao đổi sinh viên và giảng viên chương trình tiên tiến, tuyển sinh sinh viên quốc tế.
- Tổ chức lấy ý kiến của sinh viên tối thiểu một lần sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên, công tác quản lý, phục vụ, điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức trả lời những ý kiến phản ánh của sinh viên. Thông tin cho Khoa/Viện/Bộ môn và giảng viên thỉnh giảng để thực hiện các hoạt động cải tiến, đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.
- Triển khai các thông báo, quyết định đến sinh viên và gia đình sinh viên theo phân cấp quản lý sinh viên của Nhà trường.

***b) Các Khoa/Viện/Bộ môn tham gia giảng dạy chương trình tiên tiến***

- Quản lý chuyên môn đối với các chuyên ngành thuộc chương trình tiên tiến, tham gia biên soạn, đánh giá, bổ sung, cập nhật chỉnh sửa, phát triển và hoàn thiện chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương học phần.
- Thực hiện các hoạt động đào tạo và hướng dẫn nghiên cứu khoa học cụ thể sau:
  - Đối với các học phần sử dụng giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước*
  - . Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế thẩm tra, đánh giá trình độ năng lực chuyên môn của giảng viên thỉnh giảng;
  - . Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế trong việc đánh giá giảng viên thỉnh giảng;
  - . Cử giảng viên trợ giảng (nếu được yêu cầu).
  - Đối với các học phần sử dụng giảng viên thuộc Khoa/Viện chuyên môn*
  - . Bố trí giảng viên thực hiện hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực tập, NCKH và quản lý chất lượng giảng viên;
  - . Tổ chức thi, đánh giá học phần, phúc khảo;
  - . Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.
- Cử cán bộ, giảng viên thực hiện hướng dẫn, đánh giá sinh viên thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học.
- Tiếp nhận thông tin phản hồi từ Viện Đào tạo quốc tế về chương trình đào tạo, về các hoạt động đào tạo và thực hiện chỉnh sửa chương trình đào tạo, đề cương học phần, bố trí, thay thế giảng viên ... nếu cần thiết.

- Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế và các đơn vị chức năng trong Trường trong việc kiểm định và nâng cao chất lượng đào tạo các chương trình tiên tiến.

- Đề cử danh sách giảng viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia chương trình tiên tiến, gồm: giảng viên, trợ giảng, giảng viên hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, thành viên hội đồng bảo vệ thực tập, hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên hoặc các hội đồng chuyên môn khác, cố vấn học tập.

- Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế trong việc phát triển giảng viên chương trình tiên tiến thông qua các hoạt động cử giảng viên trợ giảng, tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế trong việc phát triển nguồn giảng viên thỉnh giảng nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đạt chuẩn quốc tế.

- Thực hiện các hoạt động chuyên môn khác theo quy trình và mục tiêu đào tạo của chương trình tiên tiến.

## **2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan đến đào tạo các chương trình chất lượng cao, lớp chọn**

### ***a) Viện Đào tạo chất lượng cao***

- Tổ chức đào tạo và quản lý chương trình chất lượng cao, lớp chọn trình độ đại học của Trường theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định liên quan của Trường.

- Phối hợp với Phòng Đào tạo và các Phòng/Ban chức năng khác soạn thảo các quy định về đào tạo chương trình chất lượng cao, lớp chọn, chính sách đối với giảng viên và sinh viên.

- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn, Phòng/Ban chức năng mở các chuyên ngành mới chương trình chất lượng cao, lớp chọn, chỉnh sửa chương trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất, tăng cường điều kiện đảm bảo chất lượng, phối hợp thực hiện kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo.

- Lập thời khóa biểu gửi Phòng Đào tạo tổ chức đăng ký học tập, xây dựng lịch thi, tổ chức giảng dạy, phối hợp với Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo và Khoa/Viện chuyên môn theo dõi tiến độ, hoạt động đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định chất lượng, kiểm tra và giám sát việc thực hiện theo quy định của Nhà trường đối với chương trình chất lượng cao, lớp chọn.

- Thực hiện các hoạt động quản lý đào tạo, cụ thể sau:

. Phối hợp với Phòng Đào tạo nhập kết quả xử lý sinh viên nợ học phí vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

. In danh sách các lớp học phân gửi cho Bộ môn có giảng viên tham gia giảng dạy.

. Thông báo lịch thi đánh giá học phần cho các Khoa/Viện/Bộ môn.

. Phối hợp với Bộ môn tham gia nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

. Thực hiện đánh giá giảng viên và gửi kết quả đánh giá cho Khoa/Viện.

- Thực hiện xét học bổng, xét cảnh báo học tập cho sinh viên thuộc chương trình chất lượng cao, lớp chọn.

- Phối hợp với Khoa/Viện chuyên môn đề xuất giảng viên thỉnh giảng. Nộp hồ sơ giảng viên thỉnh giảng về Phòng Tổ chức Hành chính.

- Xác nhận khối lượng giảng dạy của các giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCKH cho sinh viên chương trình chất lượng cao, lớp chọn.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh cho các chuyên ngành thuộc chương trình chất lượng cao, lớp chọn.

- Triển khai ký kết hợp đồng giảng dạy đối với giảng viên, giảng viên thỉnh giảng, cố vấn học tập theo ủy quyền của Nhà trường. Trường hợp mở các lớp/khóa đào tạo ngoài chương trình thì phải được sự đồng ý của Nhà trường.

- Phối hợp với Phòng Quan hệ quốc tế trong việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tổ chức các hoạt động trao đổi sinh viên và giảng viên chương trình chất lượng cao, lớp chọn, tuyển sinh sinh viên quốc tế.

- Tổ chức lấy ý kiến của sinh viên tối thiểu một lần sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên, công tác quản lý, phục vụ, điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức trả lời những ý kiến phản ánh của sinh viên. Thông tin cho Khoa/Viện/Bộ môn và giảng viên thỉnh giảng để thực hiện các hoạt động cải tiến, đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Triển khai các thông báo, quyết định đến sinh viên và gia đình sinh viên theo phân cấp quản lý sinh viên của Nhà trường.

#### ***b) Các Khoa/Viện/Bộ môn tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao, lớp chọn***

- Quản lý chuyên môn đối với các chuyên ngành thuộc chương trình chất lượng cao, lớp chọn, tham gia biên soạn, đánh giá, bổ sung, cập nhật chỉnh sửa, phát triển và hoàn thiện chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương học phần.

- Thực hiện các hoạt động đào tạo và hướng dẫn nghiên cứu khoa học cụ thể sau:

*Đối với các học phần sử dụng giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước*

. Phối hợp với Viện Đào tạo chất lượng cao thẩm tra, đánh giá trình độ năng lực chuyên môn của giảng viên thỉnh giảng.

. Phối hợp với Viện Đào tạo chất lượng cao trong việc đánh giá giảng viên thỉnh giảng.

. Cử giảng viên trợ giảng (nếu được yêu cầu).

*Đối với các học phần sử dụng giảng viên thuộc Khoa/Viện chuyên môn*

. Bố trí giảng viên thực hiện hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực tập, NCKH và quản lý chất lượng giảng viên;

. Tổ chức thi, đánh giá học phần, phúc khảo;

. Phối hợp với Viện Đào tạo chất lượng cao nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

- Cử cán bộ, giảng viên thực hiện hướng dẫn, đánh giá sinh viên thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học.

- Tiếp nhận thông tin phản hồi từ Viện Đào tạo chất lượng cao về chương trình đào tạo, về các hoạt động đào tạo và thực hiện chỉnh sửa chương trình đào tạo, đề cương học phần, bố trí, thay thế giảng viên... nếu cần thiết.

- Phối hợp với Viện Đào tạo chất lượng cao và các đơn vị chức năng trong Trường trong việc kiểm định và nâng cao chất lượng đào tạo các chương trình chất lượng cao, lớp chọn.

- Đề cử danh sách giảng viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia chương trình chất lượng cao, lớp chọn, gồm: giảng viên, trợ giảng, giảng viên hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, thành viên hội đồng bảo vệ thực tập, hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên hoặc các hội đồng chuyên môn khác, cố vấn học tập.

- Phối hợp với Viện Đào tạo chất lượng cao trong việc phát triển giảng viên chương trình chất lượng cao, lớp chọn thông qua các hoạt động cử giảng viên trợ giảng, tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Thực hiện các hoạt động chuyên môn khác theo quy trình và mục tiêu đào tạo của chương trình chất lượng cao, lớp chọn.

### **3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan đến đào tạo các chương trình liên thông chính quy, đào tạo vừa làm vừa học**

#### ***a) Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục***

- Tổ chức đào tạo và quản lý chương trình liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học của Trường theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định liên quan của Trường.

- Phối hợp với Phòng Đào tạo và các Phòng/Ban chức năng khác soạn thảo các quy định về đào tạo chương trình liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học, chính sách đối với giảng viên và sinh viên.

- Xây dựng kế hoạch học tập đối với các lớp đào tạo liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học, xây dựng thời khóa biểu, tổ chức đăng ký học tập, xây dựng lịch thi, tổ chức giảng dạy, phối hợp với Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo và Khoa/Viện chuyên môn theo dõi tiến độ, hoạt động đảm bảo chất lượng và giám sát việc thực hiện theo quy định của Nhà trường đối với các lớp liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học được giao quản lý.

- Thực hiện các hoạt động quản lý đào tạo, cụ thể sau:

. Nhập kết quả đăng ký học phần, kết quả xử lý sinh viên nợ học phí vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

. In danh sách các lớp học phần gửi cho Bộ môn có giảng viên tham gia giảng dạy.

. Thông báo lịch thi đánh giá học phần cho các Khoa/Viện/Bộ môn.

. Phối hợp với Bộ môn tham gia nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

. Thực hiện đánh giá giảng viên và gửi kết quả đánh giá cho Khoa/Viện.

- Phối hợp với Khoa/Viện chuyên môn đề xuất giảng viên thỉnh giảng. Nộp hồ sơ giảng viên thỉnh giảng về Phòng Tổ chức Hành chính.

- Xác nhận khối lượng giảng dạy của các giảng viên tham gia giảng dạy các lớp học phần liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học do trung tâm quản lý.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh cho các chuyên ngành thuộc chương trình liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học do trung tâm quản lý.

- Triển khai ký kết hợp đồng giảng dạy đối với giảng viên, giảng viên thỉnh giảng, cố vấn học tập theo ủy quyền của Nhà trường.

- Triển khai các thông báo, quyết định đến sinh viên và gia đình sinh viên theo phân cấp quản lý sinh viên của Nhà trường.

#### ***b) Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải***

- Tổ chức đào tạo và quản lý chương trình liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh thương mại theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định liên quan của Trường.

- Xây dựng kế hoạch học tập đối với các lớp đào tạo liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh thương mại, xây dựng thời khóa biểu, tổ chức đăng ký học tập, xây dựng lịch thi, tổ chức giảng dạy, phối hợp với Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo và Khoa/Viện chuyên môn theo dõi tiến độ, hoạt động đảm bảo chất lượng và giám sát việc thực hiện theo quy định của Nhà trường đối với các lớp được giao quản lý.

- Thực hiện các hoạt động quản lý đào tạo, cụ thể sau:

*Đối với các học phần sử dụng giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước*

. Ký hợp đồng thỉnh giảng và thanh toán cho giảng viên thỉnh giảng sau khi giảng viên hoàn thành công việc giảng dạy, đánh giá theo hợp đồng;

. Nhập kết quả đăng ký học phần, kết quả xử lý sinh viên nợ học phí vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo;

. In danh sách các lớp học phần gửi cho giảng viên;

. Tổ chức thi đánh giá học phần, phúc khảo;

. Nhận kết quả đánh giá từ giảng viên và nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

. Lưu trữ kết quả đánh giá học phần của giảng viên thỉnh giảng.

. Thực hiện đánh giá giảng viên thỉnh giảng.

*Đối với các học phần sử dụng giảng viên thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam*

. Nhập kết quả đăng ký học phần, kết quả xử lý sinh viên nợ học phí vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

. In danh sách các lớp học phần gửi cho Bộ môn có giảng viên tham gia giảng dạy.

. Thông báo lịch thi đánh giá học phần cho các Khoa/Viện/Bộ môn.

. Phối hợp với Bộ môn tham gia nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

. Thực hiện đánh giá giảng viên và gửi kết quả đánh giá cho Khoa/Viện.

- Phối hợp với Khoa/Viện chuyên môn đề xuất giảng viên thỉnh giảng. Nộp hồ sơ giảng viên thỉnh giảng về Phòng Tổ chức Hành chính.

- Xác nhận khối lượng giảng dạy của các giảng viên tham gia giảng dạy các lớp học phần liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học do trung tâm quản lý.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh cho các chuyên ngành thuộc chương trình liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học do trung tâm quản lý.

- Triển khai ký kết hợp đồng giảng dạy đối với giảng viên, giảng viên thỉnh giảng, cố vấn học tập theo ủy quyền của Nhà trường.

- Triển khai các thông báo, quyết định đến sinh viên và gia đình sinh viên theo phân cấp quản lý sinh viên của Nhà trường.

***c) Các Khoa/Viện/Bộ môn tham gia giảng dạy chương trình liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học***

- Quản lý chuyên môn đối với các chuyên ngành thuộc chương trình liên thông chính quy và đào tạo vừa làm vừa học, tham gia biên soạn, đánh giá, bổ sung, cập nhật chỉnh sửa, phát triển và hoàn thiện chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương học phần.

- Thực hiện các hoạt động đào tạo, cụ thể sau:

*Đối với các học phần sử dụng giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước*

. Phối hợp với Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải thẩm tra, đánh giá trình độ năng lực chuyên môn của giảng viên thỉnh giảng;

. Phối hợp với Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải trong việc đánh giá giảng viên thỉnh giảng;

. Cử giảng viên trợ giảng (nếu được yêu cầu).

*Đối với các học phần sử dụng giảng viên thuộc Khoa/Viện chuyên môn*



- . Bố trí giảng viên thực hiện hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực tập, NCKH và quản lý chất lượng giảng viên;
- . Tổ chức thi, đánh giá học phần, phúc khảo;
- . Phối hợp với Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.
  - Cử cán bộ, giảng viên thực hiện hướng dẫn, đánh giá sinh viên thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học.
  - Tiếp nhận thông tin phản hồi từ Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải về chương trình đào tạo, về các hoạt động đào tạo và thực hiện chỉnh sửa chương trình đào tạo, đề cương học phần, bố trí, thay thế giảng viên ... nếu cần thiết.
  - Phối hợp với Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải và các đơn vị chức năng trong Trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo các chương trình liên thông chính quy, chương trình vừa làm vừa học.
  - Thực hiện các hoạt động chuyên môn khác theo quy trình và mục tiêu đào tạo của chương trình liên thông chính quy, chương trình vừa làm vừa học.

### **Chương III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

#### **Điều 14. Thang điểm đánh giá**

1. Các chương trình đào tạo đại học, liên thông lên đại học sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	<b>Thang điểm 10</b>	<b>Thang điểm chữ</b>	<b>Thang điểm 4</b>
<b>Đạt</b>	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
<b>Không đạt</b>	0 ÷ 3,9	F	0

2. Riêng đối với chương trình đào tạo tiên tiến, áp dụng đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 100, điểm chữ (A, A+, A-, B, B+, B-, C, C+, C-, D, D+, D-, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

<b>Thang điểm 100</b>	<b>Thang điểm chữ</b>	<b>Thang điểm 4</b>
96 ÷ 100	A+	4,0
91 ÷ 95	A	4,0

85 ÷ 90	A-	3,7
81 ÷ 84	B+	3,3
76 ÷ 80	B	3,0
71 ÷ 75	B-	2,7
66 ÷ 70	C+	2,3
61 ÷ 65	C	2,0
55 ÷ 60	C-	1,7
51 ÷ 54	D+	1,3
46 ÷ 50	D	1,0
40 ÷ 45	D-	0,7
0 ÷ 39	F	0,0

**Điều 15. Đánh giá kết quả học phần đối với chương trình đào tạo đại học, liên thông đại học**

**1. Thành phần điểm đánh giá học phần:**

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

**Z:** điểm đánh giá học phần;

**X:** điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

**Y:** điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

**2. Công thức tính điểm đánh giá học phần**

**2.1. Đối với các học phần loại I**

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần  $X_i \geq 4$ . Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi  $X = 0$  và  $Z = 0$  (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện  $\geq 4$ . Trường hợp  $Y < 4$  thì  $Z = 0$ . Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

**2.2. Đối với các học phần loại II**

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện  $\geq 4$ .

Trường hợp  $Y < 4$  thì  $Z = 0$ . Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

### 2.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần  $X_i \geq 4$ .

### 3. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

3.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

3.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

a) Nhập điểm đánh giá quá trình

- Đối với các học phần do Khoa/Viện/Bộ môn chủ trì tổ chức thi: trước khi thi ít nhất 05 ngày, Trưởng Bộ môn gửi Bảng theo dõi học tập của sinh viên (lập thành 2 bộ) để lưu (01 bộ) và gửi về giáo vụ Khoa/Viện/Trung tâm (01 bộ).

- Đối với các học phần thi tập trung do Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng tổ chức: Trước khi thi ít nhất 05 ngày, Trưởng Bộ môn gửi Bảng theo dõi học tập của sinh viên (lập thành 3 bộ) để lưu (01 bộ) và gửi về Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng (01 bộ) và bộ phận giáo vụ Khoa/Viện/Trung tâm (01 bộ).

- Giáo vụ Khoa/Viện/Trung tâm có trách nhiệm nhập điểm X trước khi thi.

b) Nhập điểm thi đánh giá học phần

- Đối với các học phần do Khoa/Viện/Bộ môn chủ trì tổ chức thi: Bộ môn gửi kết quả về Giáo vụ Khoa/Viện để nhập điểm Y vào phần mềm quản lý đào tạo, in kết quả và thông báo trên bảng tin của đơn vị.

- Đối với các học phần thi tập trung do Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng tổ chức:

+ Sau khi các Bộ môn nộp kết quả chấm thi, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng cùng với 02 giảng viên của Bộ môn nhập: Điểm Y-Phách, sau đó nhập Phách-SBD. Ngay sau đó điểm Z sẽ được phần mềm tự động tính toán theo một trong các công thức trên và in kết quả. Hai giảng viên sẽ cùng ký xác nhận kết quả Z với Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng và in sao thành 3 bản để gửi cho Bộ môn, Giáo vụ khoa và Lớp học phần (thông qua Giáo vụ khoa).

c) Đối với các lớp học phần thuộc các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, lớp chọn, liên thông, giáo vụ các đơn vị được giao quản lý các chương trình này phối hợp với các Bộ môn nhập điểm đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo theo như quy định tại khoản 3.2 a và b của điều này.

### **Điều 16. Đánh giá kết quả học phần đối với chương trình đào tạo đại học chất lượng cao**

1. Các học phần GDQP-AN, GDTC, học phần loại II, III được đánh giá như quy định tại điều 15.

2. Công thức tính điểm đánh giá đối với học phần loại I:

$$Z = k_1Z_1 + k_2Z_2 + k_3Z_3 + 0,5Z_4$$

Trong đó:

$k_1, k_2, k_3$  là các trọng số do bộ môn đề xuất với từng học phần và đảm bảo  $k_1, k_2, k_3 \geq 0, k_1 + k_2 + k_3 = 0,5$ .

Nhóm điểm  $Z_1$  là điểm chuyên cần, tính dựa trên số tiết tham dự học tập, ý thức thái độ học tập trên lớp và ý thức tự học;

Nhóm điểm  $Z_2$  là tổng hợp bài kiểm tra đánh giá định kỳ tại lớp hoặc ngoài giờ;

Nhóm điểm  $Z_3$  là tổng hợp việc vận dụng kiến thức, như: Bài tập lớn, các bài tập ngoài giờ học, viết tiểu luận, trình chiếu báo cáo chuyên đề (cá nhân, nhóm), thực hành,...;

Điểm đánh giá cuối học phần  $Z_4$ , có nhiều hình thức, như: Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, chấm tiểu luận, trình bày và bảo vệ báo cáo đề án, dự án, đồ án môn học,...

Ghi chú:  $Z_1, Z_2, Z_3$  và  $Z_4$  phải đảm bảo điều kiện  $\geq 4$ .

### **Điều 17. Đánh giá kết quả học phần đối với chương trình đào tạo đại học theo chương trình tiên tiến**

#### 1. Đánh giá học phần thuộc chương trình tiên tiến

Phương thức đánh giá đảm bảo tính linh hoạt, minh bạch, khách quan, phù hợp với từng học phần và tiệm cận với phương thức đánh giá học phần tại trường đối tác.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên quy định và phải được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

*Đối với giảng viên thỉnh giảng là người nước ngoài hoặc người Việt ở nước ngoài*

Giảng viên trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận. Giảng viên được quyền thay đổi phương pháp đánh giá mà không làm thay đổi chuẩn đầu ra học phần.

*Đối với giảng viên trong nước*

Thực hiện đánh giá học phần theo đề cương học phần đã được phê duyệt.

2. Các học phần GDQP-AN, GDTC được đánh giá như quy định tại điều 15.

3. Các học phần Lý luận chính trị được đánh giá như quy định tại điều 15 và áp dụng thang điểm như quy định tại điều 14 khoản 2.

4. Đối với học phần Tiếng Anh cơ bản

$$Z = 0,1X + 0,25Y_1 + 0,3Y_2 + 0,35Y_3$$

Trong đó:

- X: Điểm quá trình học tập, không nhỏ hơn 75
- $Y_1$ : Trung bình chung các bài kiểm tra trên lớp, không nhỏ hơn 40
- $Y_2$ : Điểm thi giữa kỳ
- $Y_3$ : Điểm thi cuối kỳ
- Z: Điểm đánh giá học phần

5. Đối với học phần chuyên môn học bằng tiếng Anh

$$Z = 0,1X + K_1Y_1 + K_2Y_2 + K_3Y_3$$

Trong đó:

$$K_1, K_2, K_3 \geq 0, K_1 + K_2 + K_3 = 0,9$$

Z: Điểm đánh giá học phần;

X: Điểm chuyên cần (chiếm 10%).

$Y_1, Y_2, Y_3$ : 03 điểm đánh giá của giảng viên như được quy định trong đề cương chi tiết học phần do giảng viên xây dựng và đã được duyệt (chiếm 90%: gồm bài kiểm tra giữa kỳ, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nhóm, bài kiểm tra kết thúc...).

6. Đối với các học phần thực tập, khóa luận tốt nghiệp

$$Z = Y$$

Trong đó:

Z: Điểm đánh giá học phần;

Y: Điểm bảo vệ thực tập, bảo vệ khóa luận.

### **Điều 18. Các quy định bổ sung với đánh giá học phần trực tuyến**

Đối với trường hợp đánh giá học phần được thực hiện trực tuyến, ngoài các quy định tại các điều 15, 16, 17 cần đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

- Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

- Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ trong ít nhất 12 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá trực tuyến.

### **Điều 19. Các điểm có ghi chú đặc biệt**

Nhà trường quy định các điểm đặc biệt được ký hiệu trong bảng “Kết quả đánh giá học phần” như sau:

<b>Điểm ký hiệu</b>	<b>Ý nghĩa - Tên điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
R	Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ	Điểm này sinh viên được công nhận từ kết quả học tập trước đó và miễn học
I	Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra	
M	Miễn thi (điểm thưởng)	Ghi chú trong bảng điểm học kỳ. Điểm miễn (hệ 10 hoặc 100) theo quy định tại khoản 2 của điều này sẽ do Khoa/Viện đề nghị. Đối với trường hợp miễn thi, miễn học các học phần tiếng Anh cơ bản do nộp chứng chỉ ngoại ngữ được thực hiện tại Phòng Đào tạo.

#### **1. Không đạt điều kiện dự thi**

a) “Không đạt” là hình thức xử lý các sinh viên vì một trong các lý do sau:

- Có điểm  $X = 0$  (không đạt điều kiện dự thi);

- Vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học tập, nội quy học đường.

b) Danh sách sinh viên không đạt điều kiện dự thi do giảng viên đề nghị phải được Trưởng Bộ môn ký duyệt và được chuyển về Văn phòng Khoa/Viện/Trung tâm để ghi điểm 0 vào bảng “Kết quả đánh giá học phần”.

c) Sinh viên bị cấm thi phải nhận điểm F và phải đăng ký học lại học phần này.

#### **2. Miễn thi**

Miễn thi là một hình thức thưởng điểm cho sinh viên đã đăng ký và hoàn thành xuất sắc các yêu cầu bắt buộc của học phần, đồng thời đạt điểm cao trong các kỳ thi Olympic cấp Trường hoặc cấp Quốc gia. Ngoài phần thưởng về vật chất, Nhà trường còn thưởng về điểm cho sinh viên như sau:

<b>Giải thưởng</b>	<b>Điểm thưởng (thang điểm 10)</b>
<b>Cấp Trường</b>	
Giải nhất	Cộng thêm 3 điểm vào điểm đánh giá học phần (Z)
Giải nhì	Cộng thêm 2 điểm vào điểm đánh giá học phần (Z)
Giải ba	Cộng thêm 1 điểm vào điểm đánh giá học phần (Z)
<b>Cấp quốc gia, thành phố và khu vực</b>	
Giải nhất	Z = 10
Giải nhì	Z = 10
Giải ba	Z = 10
Khuyến khích	Z = 9

*Lưu ý: đối với trường hợp sử dụng thang điểm 100 trong đánh giá học phần thì điểm miễn thi cũng tính tương đương với thang điểm 100.*

### **3. Miễn học và thi các học phần Tiếng Anh đối với sinh viên học đúng tiến độ, chưa thi học phần đó và có trình độ Tiếng Anh đạt chuẩn quốc tế**

- Miễn học và thi các học phần Anh văn đối với sinh viên đại học chính quy, đại học chất lượng cao và lớp chọn, cụ thể như sau:

<b>IELTS</b>	<b>TOEIC</b>	<b>TOEFL</b>		<b>Điểm Z</b>
		<b>ITP</b>	<b>IBT</b>	
4.0	450	437 ITP	41 IBT	8,0
5.0	550	494 ITP	58 IBT	9,0
5.5	600	513 ITP	65 IBT	10

- Miễn học và thi các học phần Tiếng Anh cơ bản đối với sinh viên đại học theo **chương trình tiên tiến**, cụ thể như sau:

<b>IELTS</b>	<b>TOEIC</b>	<b>TOEFL</b>		<b>Điểm học phần AVCB 1, 2</b>
		<b>ITP</b>	<b>IBT</b>	
5.5	600	513 ITP	65 IBT	84/100 (B+)
6.0	650	530 ITP	71 IBT	90/100 (A-)
6.5	700	550 ITP	79 IBT	95/100 (A)
7.0	750	568 ITP	87 IBT	100/100 (A+)

- Miễn học và thi các học phần Kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết 1, 2, 3, 4 đối với sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh thương mại và Ngôn ngữ Anh, cụ thể như sau:

<b>IELTS</b>	<b>TOEFL IBT</b>	<b>Điểm (Z) đối với các học phần Kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết 1, 2, 3, 4</b>
6.0	71 IBT	8,0
6.5	79 IBT	9,0
7.0	87 IBT	10

### **4. Hoãn thi có phép (điểm I)**

a) Điểm I được Khoa/Viện/Trung tâm, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng cấp cho sinh viên trong trường hợp thỏa mãn 2 điều kiện:

- Sinh viên đã đăng ký học phần, đã học và đủ điều kiện dự thi học phần đó;

- Có lý do chính đáng (ốm đau, tai nạn, hoàn cảnh đặc biệt về gia đình, dự thi Olympic...) nên vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần.

b) Thủ tục để được nhận và trả điểm I:

- Để được nhận điểm I, chậm nhất 7 ngày sau khi ốm hoặc tai nạn trong đợt thi, sinh viên phải nộp cho Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng/hoặc Giáo vụ Khoa/Viện/Trung tâm tổ chức thi đánh giá học phần một bộ hồ sơ gồm:

. Đơn xin nhận và trả điểm I (theo mẫu), trong đó có xác nhận điểm X của Trưởng Bộ môn quản lý học phần, xác nhận của CVHT.

. Bằng chứng hợp lệ kèm theo (nếu ốm đau, tai nạn thì phải có Bệnh án của bệnh viện và được Trưởng trạm Y tế Trường xác nhận).

. Bản sao kết quả đăng ký học phần cùng biên lai nộp học phí của học kỳ.

- Trong thời hạn tối đa 02 học kỳ, sinh viên phải xin phiếu thi của Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng/hoặc Giáo vụ Khoa/Viện/Trung tâm tổ chức thi đánh giá học phần để được dự thi và xóa điểm I.

### **5. Bảo lưu kết quả học tập học phần**

- Sinh viên đã học và thi đạt một học phần, học phần thay thế hoặc học phần tương đương được bảo lưu kết quả. Sinh viên làm đơn bảo lưu kết quả (theo mẫu) có xác nhận của Khoa/Viện/Trung tâm kèm theo bản chính kết quả học tập và gửi về đơn vị được giao quản lý sinh viên (Phòng Đào tạo/Viện Đào tạo quốc tế/Viện đào tạo chất lượng cao/Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục).

- Căn cứ theo số liệu thực tế, các đơn vị được giao quản lý sinh viên sẽ tiến hành nhập kết quả học tập của học phần được phép bảo lưu vào phần mềm quản lý đào tạo.

- Điểm bảo lưu kết quả học phần sẽ được tính vào điểm trung bình chung tích lũy nhưng không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ mà học phần thực hiện bảo lưu kết quả học tập.

- Lưu ý: Trường hợp sinh viên học song song 2 chương trình đào tạo thì chỉ được bảo lưu kết quả học tập học phần của chương trình thứ nhất sang chương trình thứ 2.

### **Điều 20. Công tác tổ chức thi và lưu trữ bài thi**

1. Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính cuối mỗi học kỳ.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ (trừ các trường hợp học lại, học cải thiện điểm).

3. Công tác quản lý điểm và lưu trữ bài thi

a) Các bài kiểm tra thường xuyên trong đánh giá quá trình sau khi được giảng viên chấm, chữa, vào điểm phải trả cho sinh viên trước khi kết thúc giảng dạy của học kỳ. Giảng viên giải quyết mọi khiếu nại của sinh viên trước khi duyệt điều kiện dự thi học phần.

b) Các bài thi viết do Nhà trường, các Khoa, Viện, Trung tâm, Bộ môn tổ chức và bài tập lớn, đồ án môn học được lưu trữ trong 2 năm.

c) Bảng theo dõi học tập của sinh viên do Bộ môn và giảng viên lưu trữ trong 6 năm.

d) Bảng “Kết quả đánh giá học phần” gồm có các điểm X, Y, Z phải có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và Trưởng bộ môn. Bảng “Kết quả đánh giá học phần” được gửi về Văn phòng khoa, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng và công bố công khai cho sinh viên biết chậm nhất một tuần sau khi bàn giao bài để chấm thi, được lưu trữ ít nhất 6 năm tại đơn vị tổ chức thi. Giảng viên chấm thi chịu trách nhiệm ghi đầy đủ các thông tin trong các bảng “Kết quả đánh giá học phần”. Việc sửa chữa trong trường hợp ghi nhầm chỉ do giảng viên chấm thi thực hiện và phải có chữ ký xác nhận của Trưởng Bộ môn bên cạnh vị trí sửa chữa.

3. Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, các học phần thực hiện trên tàu VMU Việt - Hàn, chương trình đào tạo theo chương trình tiên tiến, chương trình liên thông, tùy vào điều kiện cụ thể, đơn vị được giao quản lý có thể tổ chức lịch thi ngay sau khi kết thúc giảng dạy các học phần.

### **Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi**

1. Đề thi: nội dung thi được lấy từ Ngân hàng câu hỏi thi của Bộ môn đã đăng ký với Nhà trường qua Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng. Trường hợp sử dụng giảng viên thỉnh giảng là người nước ngoài thì đề thi có thể linh hoạt theo đề xuất của giảng viên và có sự kiểm soát chuyên môn của Bộ môn quản lý.

2. Hình thức thi:

- Bộ môn quy định hình thức đánh giá cuối kỳ (vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm...).

- Mọi thay đổi nếu có về cách thức đánh giá điểm Y (hình thức thi, nội dung Ngân hàng câu hỏi thi) phải được thông báo bằng văn bản đến Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng trong 2 tuần đầu học kỳ để Nhà trường quản lý và bố trí lịch thi phù hợp;

3. Việc chấm thi tự luận kết thúc các học phần phải do ít nhất 02 (hai) giảng viên đảm nhận. Điểm thi phải được công bố chậm nhất 07 ngày kể từ khi bàn giao bài chấm.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện và thống nhất. Trường hợp không thống nhất thì các giảng viên chấm thi trình Trường Bộ môn quyết định. Điểm thi vấn đáp phải công bố cho sinh viên ngay sau kết thúc buổi thi.

5. Sinh viên vắng thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng thì nhận điểm  $Y=0$ .

### **Điều 22. Phúc tra và khiếu nại điểm**

1. Thời hạn nộp đơn: sinh viên có thể làm đơn (theo mẫu) xin phúc tra bài thi kết thúc học phần (điểm Y) của mình hoặc làm đơn khiếu nại kết quả thi của người khác trong vòng 07 ngày kể từ khi công bố kết quả thi.

2. Thủ tục xin phúc tra: sinh viên nộp đơn và lệ phí phúc tra theo Quy định của Nhà trường cho đơn vị tổ chức thi (Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng đối với các học phần thi rọc phách tập trung hoặc cho Khoa/Viện/Trung tâm tổ chức thi).

3. Chấm phúc tra: trong khoảng thời gian 01 tuần sau khi kết thúc hạn nộp đơn, đơn vị tổ chức thi cùng Bộ môn liên quan phải tổ chức chấm phúc tra cho sinh viên một cách nghiêm túc, công bằng, chính xác. Hai giảng viên đã chấm thi lần 1 không tham gia chấm phúc tra (trừ trường hợp đặc biệt do Bộ môn quá ít giảng viên dạy học phần đó). Màu mực của bút chấm phúc tra phải khác với màu mực của bút chấm lần 1. Nếu sau khi chấm phúc tra mà có sự thay đổi về điểm thì đơn vị tổ chức thi phải lập biên bản (có chữ ký xác nhận của 02 giảng viên chấm phúc tra, 02 giảng viên chấm lần 1 và Trưởng bộ môn), sau đó gửi về Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng. Kết quả chấm phúc tra của toàn trường trong kỳ thi học kỳ sẽ được Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng tổng hợp, báo cáo Ban Giám hiệu và thông báo bằng văn bản đến các đơn vị có liên quan để sửa điểm cho sinh viên.

4. Ghi chú

a) Nếu sau khi phúc tra, kết quả thay đổi (từ mức không đạt trở thành đạt) thì đơn vị tổ chức thi sẽ hoàn trả lại lệ phí phúc tra cho sinh viên.

b) Sinh viên khiếu nại trực tiếp với giảng viên phụ trách học phần về điểm X sau khi giảng viên công bố điểm trên lớp. Sau khi bảng ghi điểm X đã được nộp cho GVK, sinh viên không còn quyền khiếu nại về điểm X nữa.

c) Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống máy tính cũng như trên Website của Nhà trường, sinh viên có trách nhiệm thông báo cho Khoa/Viện và Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng để kiểm tra lại.



### **Điều 23. Xử lý sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra.**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần (gọi chung là thi) nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần 2.

3. Trừ trường hợp như quy định tại Khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cụ thể như sau:

a) Khiển trách áp dụng đối với những sinh viên vi phạm lỗi một lần:

- Nhìn bài của bạn, trao đổi với bạn trong khi thi.

- Sinh viên bị khiển trách trong khi thi học phần nào sẽ bị trừ 25% điểm thi học phần đó.

b) Cảnh cáo đối các sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã bị khiển trách một lần nhưng trong giờ thi học phần đó vẫn tiếp tục vi phạm.

- Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho bạn.

- Chép bài của người khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì bị xử lý như nhau. Sinh viên bị kỷ luật cảnh cáo trong khi thi học phần nào sẽ bị trừ 50% điểm thi của học phần đó.

c) Đình chỉ thi đối với các sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi học phần đó vẫn tiếp tục vi phạm.

- Sử dụng các phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm, ghi hình, thiết bị chứa đựng thông tin để gian lận trong quá trình làm bài thi và quá trình chấm thi.

- Mang vào phòng thi tài liệu (dù chưa sử dụng), vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, các vật dụng nguy hại khác.

- Đưa đề thi ra ngoài khu vực thi hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.

- Làm bài không đúng với nội dung đề thi của mình; giả mạo chữ ký của Cán bộ coi thi.

- Có hành động gây gổ, đe dọa cán bộ có trách nhiệm trong kỳ thi hoặc các sinh viên khác.

Sinh viên bị kỷ luật đình chỉ thi thì nhận điểm  $Y = 0$  và phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi lập biên bản. Sinh viên vi phạm quy chế thi ngoài các hình phạt trên còn bị kỷ luật theo các điều khoản của Quy chế sinh viên hiện hành của Nhà trường.

4. Lập biên bản và xử lý kết quả thi. Đối với những sinh viên vi phạm quy chế thi, Cán bộ coi thi đều phải lập Biên bản và tùy mức độ nặng nhẹ phải đề xuất mức độ xử lý kỷ luật theo một trong các hình thức trên. Biên bản xử lý kỷ luật có giá trị ngay cả khi sinh viên không ký tên vào Biên bản, trong trường hợp này cán bộ coi thi cần ghi rõ “sinh viên không ký tên”. Các biên bản đối với hình thức khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ thi được bỏ chung vào túi bài thi để cán bộ chấm thi biết và thực hiện xử lý khi lên điểm túi bài thi và được lưu trữ tại đơn vị tổ chức thi. Đối với hình thức từ đình chỉ học tập đến buộc thôi học thì Cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và đề xuất mức kỷ luật. Trường Khoa/Viện họp Hội đồng kỷ luật cấp Khoa/Viện xem xét và đề xuất mức độ xử lý lên Hội đồng kỷ luật sinh viên cấp Trường (thông qua Phòng Công tác sinh viên). Hình thức kỷ luật cuối cùng do Hội đồng kỷ luật Trường quyết định. Đối với trường hợp vi phạm khác, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Hội đồng kỷ luật trường sẽ xem xét xử lý kỷ luật theo các hình thức đã nêu trên. Cuối mỗi kỳ thi, Bộ môn có học phần thi có trách nhiệm gửi các Biên bản kỷ luật phòng thi cho Khoa/Viện phụ trách sinh viên. Với những học phần thi rọc phách do Nhà trường tổ chức thì Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng sẽ tổng hợp các biên bản xử lý sinh viên và gửi về các Khoa/Viện quản lý sinh viên. Sau mỗi kỳ thi Trường Khoa/Viện có trách nhiệm báo cáo thống kê bằng văn bản lên Ban Giám hiệu (thông qua Phòng Thanh tra & Đảm bảo chất lượng) tổng hợp tình hình vi phạm kỷ luật thi của sinh viên mà Khoa/Viện mình phụ trách.

## Điều 24. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính Điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK) và Điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL), điểm của mỗi học phần phải được quy đổi sang thang điểm 4.

2. Điểm TBCHK là điểm trung bình của tất cả các học phần đăng ký trong học kỳ đang xét (học phần học đúng tiến độ, học lại, học cải thiện điểm, học vượt...). *Tính điểm TBCHK với các học phần bị điểm F và các điểm khác.*

3. Điểm TBCTL là điểm trung bình của tất cả các học phần đạt từ điểm D trở lên tính từ đầu khóa học. Không tính điểm TBCTL với các học phần bị điểm F.

4. Điểm TBCHK và TBCTL được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n V_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;
- $V_i$  là điểm của học phần thứ i (tính theo thang điểm 4);
- $n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ i;
- n là tổng số học phần.

5. Ngoại trừ học phần thực tập theo tiến độ, kết quả các học phần trong kỳ phụ chỉ dùng để tính TBCTL, không dùng để tính TBCHK và xét học bổng khuyến khích học tập.

## Điều 25. Đánh giá kết quả học tập, xếp hạng năm đào tạo và học lực của sinh viên

1. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

- a) Tổng số tín chỉ các học phần mà sinh viên đăng ký học.
- b) Điểm trung bình chung học kỳ.
- c) Khối lượng tín chỉ tích lũy (chỉ tính các học phần có điểm từ D trở lên).
- d) Điểm trung bình chung tích lũy (không tính học phần có điểm F).

2. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- a) Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;
- b) Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ ;
- c) Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ ;
- d) Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ ;
- e) Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

3. Xếp hạng học lực của sinh viên

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

Xếp loại	Điểm trung bình chung tích lũy
Xuất sắc	Từ 3,60 đến 4,00
Giỏi	Từ 3,20 đến 3,59

Khá	Từ 2,50 đến 3,19
Trung bình	Từ 2,00 đến 2,49
Yếu	Từ 1,00 đến 1,99
Kém	Dưới 1,0

### **Điều 26. Cảnh báo học tập**

Cảnh báo học tập là hình thức cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập yếu kém của bản thân cuối mỗi học kỳ, đồng thời là cơ sở để Nhà trường xem xét buộc thôi học.

Cảnh báo học tập có 2 mức, có tính tích lũy và tính giảm nhẹ. Tại thời điểm tiến hành xử lý học tập cuối mỗi học kỳ (trừ học kỳ sinh viên được phép nghỉ tạm thời theo quy định trong Điều 15), các mức cảnh báo học tập được quy định như sau:

**1. Cảnh báo học tập mức 1** áp dụng cho các sinh viên nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo.

b) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá.

**2. Cảnh báo học tập mức 2** áp dụng cho các sinh viên đã bị cảnh báo mức 1, nhưng kết quả của lần xử lý tiếp theo vẫn không được cải thiện (tiếp tục vi phạm vào một trong các trường hợp nói trên và tiếp tục thuộc diện bị cảnh báo).

**3. Ghi chú:** Sinh viên đã bị cảnh báo học tập ở mức 1 hoặc 2, nếu trong lần xử lý học tập học kỳ tiếp theo kết quả học tập được cải thiện và không thuộc diện bị cảnh báo trong học kỳ đó thì mức cảnh báo sẽ được hạ xuống một mức.

### **Điều 27. Thủ tục xét và quyết định cảnh báo học tập**

1. Đối với sinh viên đại học chính quy, đại học theo chương trình tiên tiến, đại học theo chương trình chất lượng cao, lớp chọn:

- Sau mỗi học kỳ chính, Nhà trường tổ chức xét cảnh báo học tập cho sinh viên. Các sinh viên vi phạm các tiêu chí đã nêu ở Điều 26 sẽ bị đưa vào danh sách cảnh báo học tập.

- Sau khi có kết quả điểm học kỳ, các Khoa/Viện sẽ xét cảnh báo học tập sơ bộ, công bố kết quả xét cảnh cấp Khoa/Viện cho sinh viên được biết.

- Trong vòng 2 tuần kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xét cảnh báo học tập, các sinh viên phải phản hồi về các Khoa/Viện (nếu kết quả xét sơ bộ có sai sót).

- Hết thời hạn phản hồi của sinh viên, Nhà trường tiến hành xét cảnh báo học tập cấp Trường và ra quyết định cảnh báo học tập đối với sinh viên đồng thời lưu trữ kết quả cảnh báo học tập trong phần mềm quản lý đào tạo. Quyết định cảnh báo học tập được thông báo tới sinh viên toàn Trường.

- Sau khi có kết quả cảnh báo học tập, sinh viên bị cảnh báo học tập có thể làm thủ tục rút bớt học phần đã đăng ký (nhưng không được rút học phí).

2. Đối với sinh viên đại học vừa làm vừa học, sinh viên liên thông, do tổ chức học kỳ linh hoạt, việc xét cảnh báo học tập được thực hiện sau khi hoàn thành nhập điểm đánh giá học phần của các học kỳ chính thuộc chương trình đào tạo. Các bước xét cảnh báo học tập như quy định tại khoản 1 của điều này.

### **Điều 28. Xử lý sinh viên thôi học**

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Đã bị cảnh báo học tập mức 2, nhưng kết quả của lần xử lý tiếp theo vẫn không được cải thiện và tiếp tục bị cảnh báo học tập theo Khoản 1a, 1b, 1c Điều 26 (cảnh báo mức 3).

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học ở Trường quy định tại Khoản 1 và 2, Điều 6 của Quy chế này (có tính cả thời gian xin nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân).

c) Với thời gian còn lại của thời gian tối đa được phép học, sinh viên không còn khả năng hoàn thành chương trình.

d) Không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo đúng quy định của Nhà trường.

e) Không đăng ký học tập, tự ý bỏ học không có lý do-

g) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ.

**Ghi chú:** Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm 2a, 2b, 2c của Điều này được quyền xin xét chuyển sang học tập hệ vừa làm vừa học hoặc bậc cao đẳng và được bảo lưu kết quả theo quy định.

2. Nhà trường ra quyết định buộc thôi học đối với sinh viên vi phạm các quy định tại khoản 1 của điều này và thông báo tới sinh viên và gia đình sinh viên. Sinh viên bị buộc thôi học phải hoàn tất các thủ tục thanh toán tài sản theo qui định.

3. Cho thôi học

Căn cứ vào điều kiện riêng, sinh viên có thể làm đơn xin thôi học nộp về Phòng Công tác sinh viên/Trung tâm Hợp tác và Đào tạo liên tục/Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải để Nhà trường xem xét. Việc bồi hoàn kinh phí đào tạo do Hiệu trưởng quyết định.

## **Điều 29. Học lại, học cải thiện điểm**

### **1. Học lại**

- Sinh viên không đạt học phần nào thì phải học lại học phần đó.

- Để học lại học phần, sinh viên đăng ký học tập theo thông báo của Nhà trường trong từng học kỳ.

### **2. Học cải thiện điểm**

- Sinh viên có điểm đánh giá học phần dưới điểm 3 (theo thang từ 0 đến 4) có thể đăng ký học cải thiện điểm để nâng cao kết quả học tập toàn khóa. Điểm lần học nào cao hơn được tính là điểm cuối cùng của học phần.

*Sinh viên cần lưu ý nếu khối lượng học lại, học cải thiện điểm vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định của chương trình sẽ ảnh hưởng đến hạng tốt nghiệp của sinh viên.*

## **Điều 30. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của các chương trình đào tạo đại học chính quy, đại học vừa làm vừa học

a) Nhà trường chỉ cho phép công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của các chương trình đào tạo của các trường/học viện có ký kết công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ với Nhà trường (sau đây là gọi là *trường đối tác*).

b) Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các chương trình đào tạo đại học chính quy của Nhà trường chỉ áp dụng với hình thức đào tạo chính quy của các trường đối tác. Đối với chương trình đào tạo đại học vừa làm vừa học của Nhà trường thì công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ có thể áp dụng với cả 2 hình thức đào tạo của các trường đối tác.

c) Để chuyển đổi tín chỉ, sinh viên làm đơn xin xác nhận kết quả học tập của trường đối tác và nộp về đơn vị quản lý đào tạo.

d) Đơn vị quản lý đào tạo sẽ căn cứ vào kết quả học tập cần chuyển đổi, gửi đến Khoa/Viện chuyên môn quản lý chương trình đào tạo

e) Hội đồng Đào tạo - KHCN của Khoa/Viện chuyên môn căn cứ theo tài liệu đơn vị quản lý đào tạo cung cấp, tìm hiểu các chương trình đào tạo của trường đối tác, đối sánh các chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng học và đề xuất công nhận, chuyển đổi tín chỉ cho từng học phần, từng nhóm học phần của chương trình đào tạo. Biên bản cuộc họp được gửi về Phòng Đào tạo.

g) Căn cứ theo biên bản của Khoa/Viện chuyên môn, Phòng Đào tạo trình Ban Giám hiệu quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của từng sinh viên.

2. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của các chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học

a) Sinh viên liên thông đại học, liên thông từ cao đẳng lên đại học được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức GDTC, GDQP-AN và lý luận chính trị.

b) Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần khác được thực hiện theo các quy định tại khoản 1 mục b, c, d, e, g của điều này.

3. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

## **Chương IV. XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

### **Điều 31. Thực hiện học phần tốt nghiệp**

1. Tùy theo tính chất của ngành đào tạo, vào đầu học kỳ cuối cùng của khóa học, sinh viên đăng ký học phần tốt nghiệp theo các hình thức: đề án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp; hoặc các học phần thay thế học phần tốt nghiệp theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Điều kiện để được đăng ký học phần tốt nghiệp:

Sinh viên đã học và đủ điều kiện dự thi tất cả các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo và có điểm TBCTL từ 1,80 trở lên, không nợ học phí (riêng học phần thực tập tốt nghiệp nhà trường cho phép đăng ký học song hành với học phần tốt nghiệp). Sinh viên đăng ký học phần tốt nghiệp cùng với đợt đăng ký học kỳ I và học kỳ II.

3. Học phần thực tập tốt nghiệp có thể được tổ chức 02 đợt/năm (đợt chính + đợt phụ) phù hợp với tiến độ đăng ký học phần tốt nghiệp. Khuyến khích sự chủ động của sinh viên trong việc liên hệ tìm địa bàn thực tập và đề tài tốt nghiệp (nếu thuộc diện làm đề án/khóa luận).

4. Sinh viên có điểm TBCTL tại thời điểm đăng ký  $\geq 2,50$  được lựa chọn đăng ký học phần đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế. Những sinh viên không đạt yêu cầu này thì phải học các học phần thay thế học phần tốt nghiệp. Mỗi đề án tốt nghiệp được thực hiện bởi một nhóm từ 3-5 sinh viên trong thời gian từ 10-12 tuần (nếu còn dưới 3 sinh viên chưa có nhóm thì ghép vào các nhóm khác, đảm bảo mỗi nhóm không quá 6 sinh viên). Riêng sinh viên đại học theo chương trình tiên tiến được đăng ký học phần khóa luận tốt nghiệp không xét đến điều kiện điểm TBCTL.

5. Sinh viên đăng ký học phần tốt nghiệp đồng thời đăng ký dự lễ tốt nghiệp trên hệ thống đăng ký trực tuyến đối với hình thức đào tạo chính quy hoặc tại đơn vị quản lý đào tạo đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học, liên thông. Sinh viên không tốt nghiệp đúng đợt đăng ký được bảo lưu kinh phí dự lễ tốt nghiệp sang đợt tiếp theo.

6. Để được học lại học phần tốt nghiệp, sinh viên phải đăng ký lại học phần tốt nghiệp theo thời hạn đăng ký của đợt kế tiếp theo tiến độ và quy trình nêu trên. Sinh viên có thể đăng ký bổ sung dự lễ tốt nghiệp trong đợt đăng ký học lại học phần tốt nghiệp.

### **Điều 32. Chấm đồ án/khóa luận tốt nghiệp**

1. Khoa/Viện chủ quản chuyên ngành đào tạo đề xuất danh sách thành viên hội đồng chấm đồ án/khóa luận tốt nghiệp, gửi về Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng thẩm định, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

2. Điểm đồ án/khóa luận được tính vào điểm TBCTL toàn khóa học.

3. Sinh viên có đồ án/khóa luận bị điểm F phải đăng ký bảo vệ lại ngay sau khi bị điểm F hoặc học lại học phần tốt nghiệp vào các đợt sau.

### **Điều 33. Nộp và công nhận chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ**

1. Thủ tục nộp chứng chỉ tin học và ngoại ngữ

a) Sinh viên nộp chứng chỉ theo yêu cầu về đơn vị quản lý đào tạo (Phòng Đào tạo/Trung tâm hợp tác và đào tạo liên tục/Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải).

b) Đơn vị quản lý đào tạo tiến hành thủ tục hậu kiểm.

- Trường hợp kết quả hậu kiểm khớp với chứng chỉ sinh viên nộp: đơn vị quản lý đào tạo nhập chứng chỉ của sinh viên vào phần mềm quản lý đào tạo để công nhận chuẩn đầu ra.

- Trường hợp cho thấy sinh viên nộp chứng chỉ giả: đơn vị quản lý đào tạo chuyển hồ sơ sang Phòng Công tác sinh viên đề nghị xử lý kỷ luật theo quy định

2. Các chứng chỉ ngoại ngữ yêu cầu với các loại hình đào tạo khác nhau được thực hiện theo thông báo của Nhà trường.

3. Sinh viên nếu nộp sớm các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có thể làm thủ tục xin miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh cơ bản theo quy định tại khoản 3 Điều 19.

### **Điều 34. Điều kiện, tiến độ xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Tiến độ xét tốt nghiệp

a) Sinh viên đào tạo đại học chính quy thực hiện các hoạt động chuẩn bị xét tốt nghiệp theo tiến độ sau:

<b>Đợt xét</b>	<b>Thời hạn nộp chứng chỉ CDR</b>	<b>Cấp Khoa/Viện</b>	<b>Cấp Trường</b>	<b>Lễ phát bằng tốt nghiệp</b>
Đợt 1	Trước 10/12	Trước 31/12	Trước 05/01	Tháng 1 <i>hoặc</i> Tháng 2
Đợt 2	Trước khi kết thúc thi học kỳ I	03 tuần sau khi thi học kỳ I	04 tuần sau thi học kỳ I	<i>Không tổ chức</i>

Đợt 3	Trước 10/6	Trước 30/6	Trước 05/7	Tháng 8
Đợt 4	Trước khi kết thúc thi học kỳ II	03 tuần sau khi thi học kỳ II	04 tuần sau thi học kỳ II	<i>Không tổ chức</i>
Đợt 5	Trước khi kết thúc thi học kỳ phụ	03 tuần sau khi thi học kỳ phụ	04 tuần sau khi thi học kỳ phụ	<i>Không tổ chức</i>

b) Sinh viên đào tạo đại học vừa làm vừa học và liên thông: thực hiện linh hoạt theo thời gian đào tạo của khóa, lớp học.

### 3. Đăng ký xét tốt nghiệp

Sau khi có kết quả xét tốt nghiệp cấp cơ sở, Nhà trường sẽ tổ chức xét tốt nghiệp cấp Trường và ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

4. Chậm nhất 02 tuần sau khi kết thúc chấm đồ án/khóa luận tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp cấp cơ sở (Khoa/Viện/Trung tâm) căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này họp xét và lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp và gửi hồ sơ về Phòng Đào tạo.

5. Trong vòng 01 tuần kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị xét tốt nghiệp từ Hội đồng cơ sở, Phòng Đào tạo thẩm định và soạn quyết định trình Hiệu trưởng ký công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Trường các Khoa/Viện/Trung tâm căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp để cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho các sinh viên.

6. Trường hợp sinh viên hết thời gian chương trình đào tạo đại học chính quy thì được làm đơn gửi Phòng Đào tạo và Khoa/Viện đề nghị xem xét công nhận hoàn thành chương trình đào tạo, xét tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học nếu đáp ứng các điều kiện của hệ này.

### Điều 35. Cấp bằng tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính và chuyên ngành đào tạo. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học:

<b>Xếp loại</b>	<b>Điểm trung bình chung tích lũy</b>
Xuất sắc (Excellent)	Từ 3,60 đến 4,00
Giỏi (Very Good)	Từ 3,20 đến 3,59
Khá (Good)	Từ 2,50 đến 3,19
Trung bình (Ordinary)	Từ 2,00 đến 2,49

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại Xuất sắc, Giỏi sẽ bị giảm xuống một mức nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có số tín chỉ của các học phần phải học lại, học cải thiện vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

- Đã từng bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng “Kết quả học tập” theo từng học phần và có 03 cột điểm (thang điểm 10 hoặc 100, thang điểm 4 và thang điểm chữ). Hệ thống phần mềm quản lý điểm sẽ lưu vết toàn bộ các điểm X, Y, Z của quá trình học lại nhưng trong bảng “Kết quả học tập” cuối khóa sẽ thể hiện điểm cao nhất trong các lần thi.

4. Sinh viên học cùng lúc 02 chương trình đào tạo, nếu đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 33 của Quy chế này đối với chương trình đào tạo thứ 2 thì được nộp đơn đăng ký xét tốt nghiệp chương trình thứ 2 sau khi đã tốt nghiệp ở chương trình đào tạo thứ nhất.

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần GDQP-AN hoặc GDTC hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình của Trường.

7. Công tác in ấn, lưu trữ và cấp phát văn bằng thực hiện theo quy định riêng.

## **Chương V. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

### **Điều 36. Nghỉ học tạm thời, cho thôi học**

#### **1. Điều kiện xin nghỉ học tạm thời**

Sinh viên được quyền xin nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm hoặc bị tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế. Cụ thể: phải có Giấy nhập viện hoặc xác nhận của Bệnh viện cùng với bệnh án và xác nhận của Trường trạm Y tế Trường.

d) Vì nhu cầu cá nhân:

Trường hợp này sinh viên phải học ít nhất 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật, thời điểm làm đơn không muộn hơn 1/2 tổng thời gian học chính thức của học kỳ (không kể thời gian thi) và đã hoàn thành đủ học phí theo quy định.

Thời gian nghỉ học tạm thời là 1 hoặc 2 học kỳ và được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

#### **2. Thủ tục để được nghỉ học tạm thời**

##### **2.1. Đối với sinh viên đại học chính quy**

Sinh viên liên hệ với Phòng Công tác sinh viên để được hướng dẫn các thủ tục và kiểm tra điều kiện nghỉ học tạm thời. Nếu có thể được, sinh viên liên hệ Phòng Đào tạo để làm thủ tục rút toàn bộ các học phần đã đăng ký (*không rút học phí đối với trường hợp nộp đơn xin nghỉ học khi đã bắt đầu học kỳ*). Sau đó, sinh viên xin xác nhận về học phí tại Phòng Kế hoạch - Tài chính. Sinh viên nộp Bảng kết quả học tập, xác nhận không còn nợ học phí của Phòng Kế hoạch - Tài chính và đơn xin nghỉ học tạm thời cùng các giấy tờ hợp lệ khác cho Phòng Công tác sinh viên kiểm tra, trình Ban Giám hiệu xem xét quyết định.

##### **2.2. Đối với sinh viên đại học vừa làm vừa học, liên thông**

Sinh viên liên hệ với Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục/Trung tâm ngoại ngữ hàng hải để được hướng dẫn các thủ tục và kiểm tra điều kiện nghỉ học tạm thời, làm thủ tục rút toàn bộ các học phần đã đăng ký (*không rút học phí đối với trường hợp nộp đơn xin nghỉ học khi đã bắt đầu học kỳ*), xin xác nhận về học phí.

Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục/Trung tâm ngoại ngữ chuyển hồ sơ sinh viên muốn xin nghỉ học về Phòng Đào tạo kiểm tra, trình Ban Giám hiệu xem xét quyết định. Nếu đồng ý, Nhà trường sẽ ra quyết định cho phép sinh viên nghỉ học tạm thời.

#### **3. Thủ tục xin trở lại học**

##### **3.1. Đối với sinh viên đại học chính quy**



Sinh viên có nguyện vọng xin trở lại học tập sau khi nghỉ học tạm thời phải làm đơn gửi Phòng Công tác sinh viên ít nhất 01 tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới gồm: Đơn xin trở lại học tập (theo mẫu) và Quyết định nghỉ học tạm thời.

Phòng Công tác sinh viên sẽ xem xét và trình Ban Giám hiệu ra quyết định cho phép sinh viên quay trở lại học tập. Sinh viên liên hệ Phòng Đào tạo để đăng ký học tập bổ sung trước khi bắt đầu học kỳ.

### 3.2. Đối với sinh viên đại học vừa làm vừa học, liên thông

Sinh viên có nguyện vọng xin trở lại học tập sau khi nghỉ học tạm thời phải làm đơn gửi Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục/Trung tâm ngoại ngữ ít nhất 01 tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới gồm: Đơn xin trở lại học tập (theo mẫu) và Quyết định nghỉ học tạm thời.

Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục/Trung tâm ngoại ngữ sẽ gửi hồ sơ tới Phòng Đào tạo xem xét và trình Ban Giám hiệu ra quyết định cho phép sinh viên quay trở lại học tập. Sinh viên liên hệ Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục/Trung tâm ngoại ngữ để đăng ký học tập bổ sung trước khi bắt đầu học kỳ.

### **Điều 37. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện và thủ tục để học cùng lúc hai chương trình:

- Đang là sinh viên hệ đại học của Nhà trường;
- Đã hoàn thành ít nhất một học kỳ;
- Xếp loại học lực từ khá trở lên (TBCTL)  $\geq 2,5$ ) và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng của chương trình thứ 2 trong năm tuyển sinh hoặc xếp loại học lực trung bình (TBCTL)  $\geq 2,0$ ) và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ 2 trong năm tuyển sinh;
- Không nợ học phí.

Để theo học chương trình thứ hai, sinh viên làm đơn (theo mẫu) gửi về Phòng Đào tạo để Nhà trường xét tuyển.

Thời điểm xét tuyển hàng năm như sau:

- Đợt 1: trong tháng 4 (để kịp đăng ký học tập học kỳ phụ, học kỳ I).
- Đợt 2: trong tháng 10 (để kịp đăng ký học tập học kỳ II).

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc 02 chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ của chương trình đào tạo thứ nhất đạt dưới 2,0 hoặc thuộc diện cảnh báo học tập thì phải dừng học thêm chương trình đào tạo thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại ra khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất.

5. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và làm đơn xin xét tốt nghiệp ở chương trình đào tạo thứ 2.

7. Việc xét kết quả học tập của sinh viên (cảnh báo học tập, xét học bổng, ...) chỉ sử dụng kết quả học tập của các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất. Điểm các học phần riêng của chương trình đào tạo thứ hai không dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK), TBCTL hoặc bảo lưu điểm cho chương trình đào tạo thứ nhất, không dùng để xét học bổng mà chỉ dùng để tính điểm TBCTL cho chương trình đào tạo thứ 2.

8. Sinh viên đang học hai chương trình phải sinh hoạt lớp và chịu sự quản lý của lớp sinh viên trong chương trình đào tạo thứ nhất theo đúng quy chế và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

9. Sinh viên phải đóng học phí cho các học phần riêng của chương trình đào tạo thứ 2 (kể cả các trường hợp học lại, cải thiện điểm, kỳ thi phụ ...) theo đơn giá tín chỉ quy định riêng cho đối tượng học cùng lúc 2 chương trình. Không áp dụng chế độ miễn giảm học phí, chế độ học bổng đối với sinh viên đang học chương trình đào tạo thứ hai.

**Điều 38. Điều kiện chuyển trường, chuyển chương trình, ngành học, chuyển hình thức học từ chính quy sang vừa làm vừa học**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Không đang là sinh viên thuộc trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến.

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường.

2. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên thuộc trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh.

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

3. Sinh viên được xem xét chuyển hình thức học từ chính quy sang vừa làm vừa học nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định với hình thức vừa làm vừa học.

4. Thủ tục chuyển trường, chuyển chương trình, ngành học, chuyển hình thức học từ chính quy sang vừa làm vừa học

a) Sinh viên xin chuyển trường, chuyển chương trình, ngành học, chuyển hình thức học từ chính quy sang vừa làm vừa học phải làm Hồ sơ xin chuyển trường, chuyển chương trình học, ngành học theo quy định gửi về Phòng Đào tạo để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng.

b) Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam có quyền quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận sinh viên chuyển đến, cho phép sinh viên chuyển chương trình, ngành học, chuyển hình thức học từ chính quy sang vừa làm vừa học.

c) Việc công nhận kết quả học tập các học phần mà sinh viên chuyển trường, chuyển chương trình, ngành học, chuyển hình thức học từ chính quy sang vừa làm vừa học dựa trên cơ sở so sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình chuyển đi với chương trình chuyển đến.

**Điều 39. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo**

1. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo được thực hiện trên cơ sở văn bản ký kết giữa Trường Đại học Hàng hải Việt Nam với các cơ sở đào tạo khác (sau đây gọi là trường đối tác).

2. Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam có thể đăng ký thực hiện học phần tại trường đối tác khi được sự đồng ý của Nhà trường. Nhà trường công nhận kết quả học tập của sinh viên tại trường đối tác nhưng số lượng tích lũy tín chỉ của sinh viên tại trường đối tác được công nhận không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Sinh viên của trường đối tác đến học tập tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam được Nhà trường cấp các chứng nhận kết quả học tập mà sinh viên đã đạt được để sinh viên có thể làm các thủ tục công nhận kết quả học tập tại trường đối tác.

#### **Điều 40. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này áp dụng cho sinh viên đào tạo trình độ đại học từ khóa 62.
2. Một số nội dung chi tiết khác như: quy trình đăng ký học phần và đóng học phí, quy định về tổ chức học phần tốt nghiệp, quy định về học bổng khuyến khích học tập... được thực hiện theo các quy định, hướng dẫn riêng của Nhà trường.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị và cá nhân đóng góp các ý kiến bằng văn bản gửi Phòng Đào tạo tập hợp trình Hiệu trưởng xem xét quyết định./.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**PGS.TS. Phạm Xuân Dương**

## **V. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

- Sinh viên phải hoàn thành 4 (bốn) tín chỉ GDTC của các môn học: Bơi lội, Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bóng đá, Thể thao hàng hải.

- Ngành *Điều khiển tàu biển* và *Khai thác máy tàu biển* bắt buộc phải học 2 (hai) tín chỉ Thể thao hàng hải và Bơi lội, tự chọn 2 tín chỉ. Các ngành còn lại tự chọn học 4 tín chỉ.

- Học phần Bơi lội tổ chức giảng dạy 2 đợt/năm học (Tháng 4 và tháng 8), các học phần khác tổ chức giảng dạy 3 đợt/năm học (Học kỳ phụ, HK I, HK II).

## **VI. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ HỌC TẬP**

### **1. HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN**

#### **1.1. Đăng nhập hệ thống**

**Bước 1:** Truy cập địa chỉ <https://dktt.vimaru.edu.vn/>

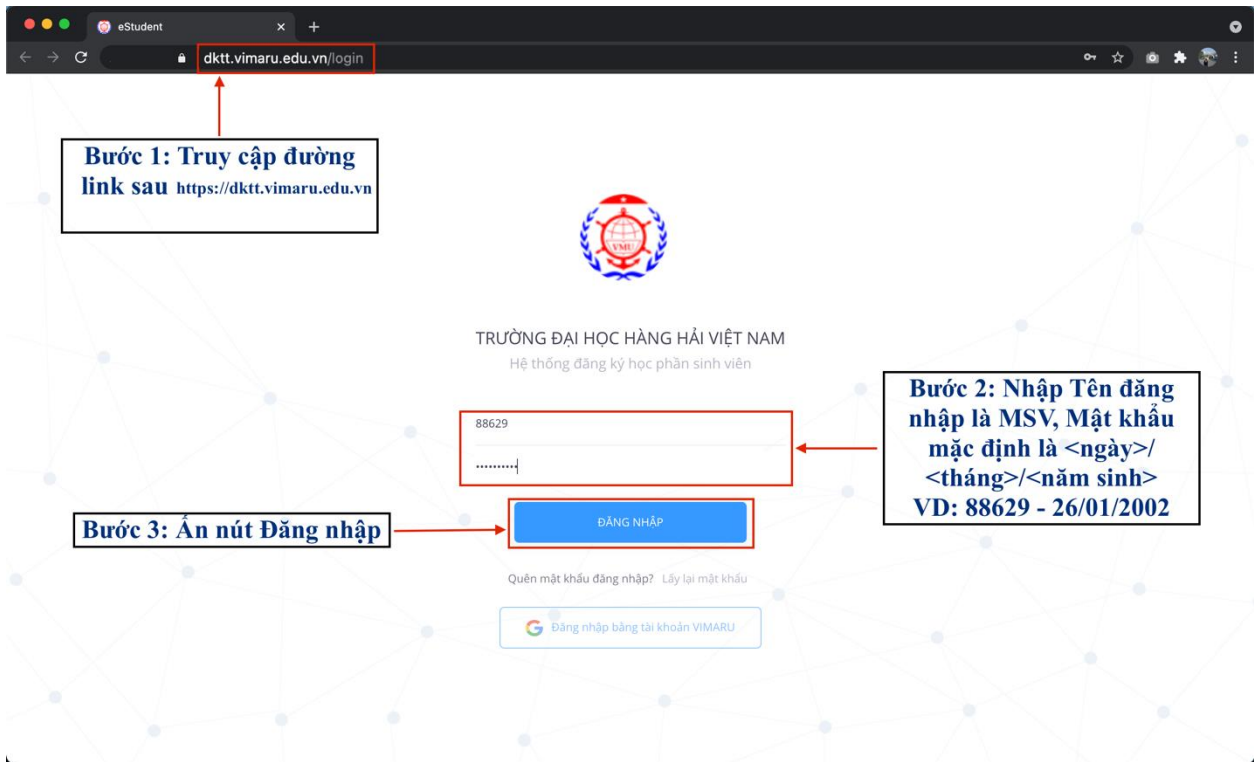
**Bước 2:** Đăng nhập vào hệ thống với mã sinh viên và mật khẩu mặc định là ngày/tháng/năm sinh (cho lần đăng nhập đầu tiên).

**Ví dụ:** Sinh viên có MSV: 88629; ngày sinh: 26/01/2002 thì tài khoản như sau:

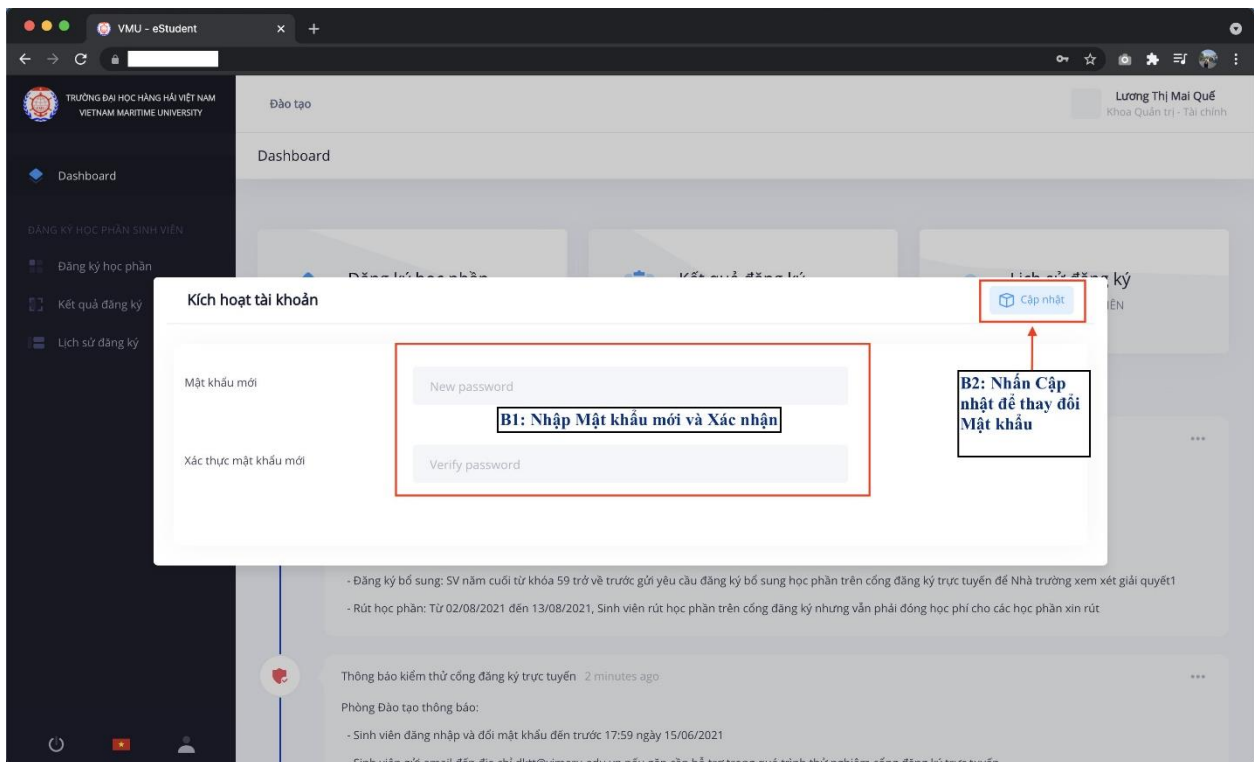
**Tên đăng nhập:** 88629

**Mật khẩu:** 26/01/2002

**Bước 3:** Ấn nút Đăng nhập.



**Bước 4:** Sau khi Đăng nhập thành công, hệ thống yêu cầu *phải đổi mật khẩu ngay* để kích hoạt tài khoản nếu như đây là lần đầu đăng nhập. Nếu đã đổi mật khẩu, vui lòng bỏ qua và đi tới phần đăng ký.

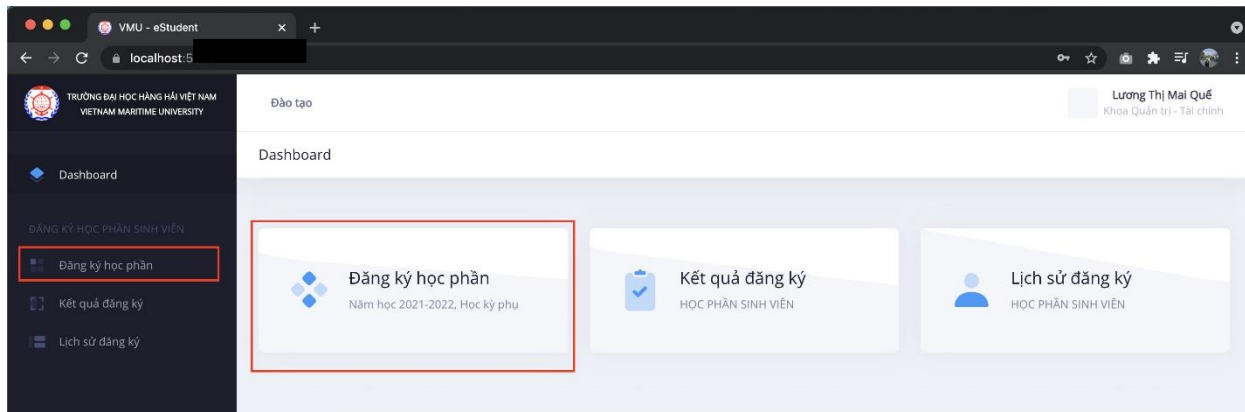


## 1.2. Đăng ký học phần

### Bước 5: Chọn Kỳ đăng ký.

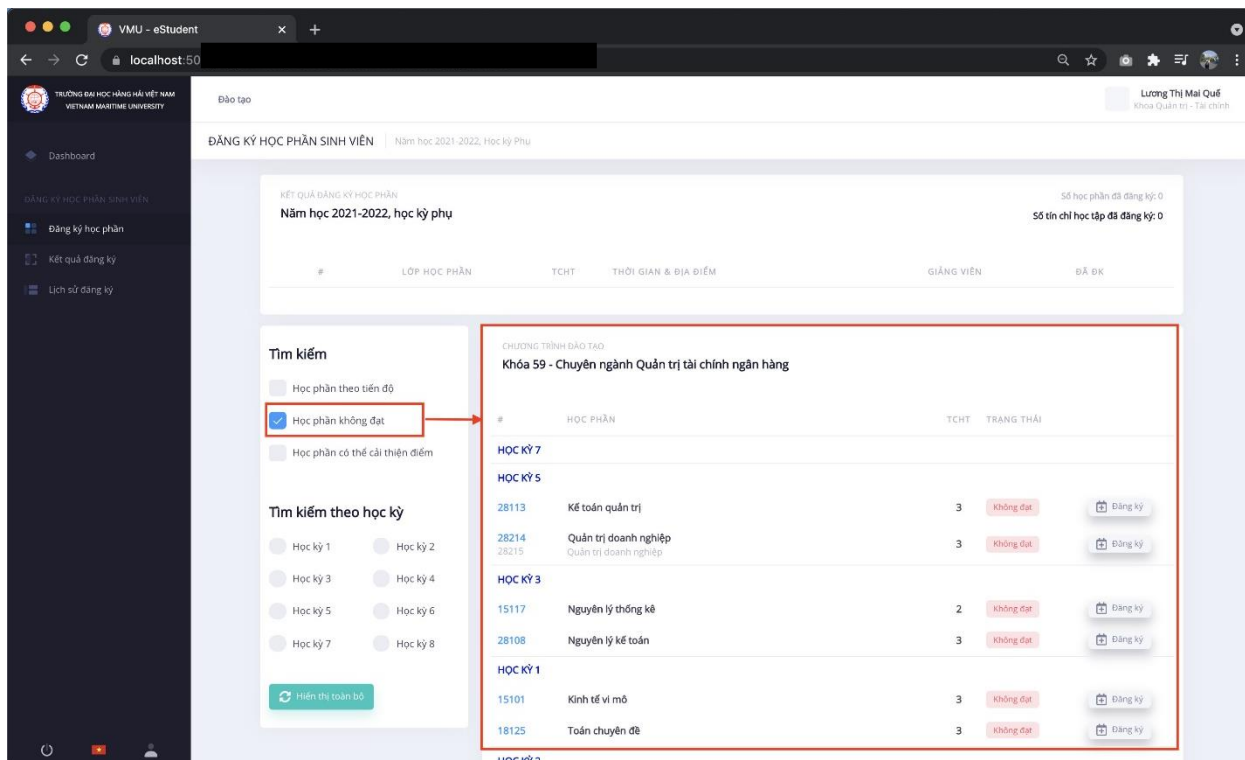
Trên màn hình chính (Dashboard) chọn tab Đăng ký học phần hoặc chọn Đăng ký trên Menu chính.

**Lưu ý:** hệ thống chỉ hiển thị kỳ đăng ký mới nhất.



### Bước 6: Chọn học phần đăng ký → Nhấn nút đăng ký.

Sau khi chọn kỳ đăng ký, chức năng đăng ký học phần có giao diện như sau:



- Phần **Kết quả Đăng ký học phần**: hiển thị các lớp học phần đã đăng ký .

- Chức năng **Tìm kiếm (lọc)**: lọc các học phần theo tiêu chí:

+ **Học phần theo tiến độ**: là các học phần trong kỳ học của kỳ đăng ký theo chương trình đào tạo. Đối với học kỳ phụ, học phần theo tiến độ chỉ là học phần thực tập.

+ **Học phần không đạt**: là các học phần có điểm F. Phần này sẽ được tích mặc định nếu kỳ đăng ký là kỳ phụ.

+ **Học phần có thể cải thiện điểm**: là các học phần có điểm  $\leq C$

- Chức năng **Tìm kiếm theo học kỳ**: lọc các học phần theo kỳ (kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3, kỳ 4,...) theo chương trình đào tạo.

- Chức năng **Hiện thị toàn bộ**: hiện thị tất cả các học phần theo chương trình đào tạo.


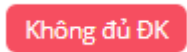
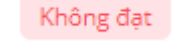
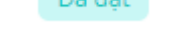
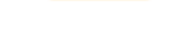
- Phần **Chương trình đào tạo**: nơi thể hiện các học phần:

+ **Mã học phần**: thể hiện mã của học phần. Nếu học phần này tương đương với một học phần cũ thì sẽ hiện thị thêm mã cũ ở phía dưới.

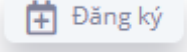


+ **Tên học phần**: thể hiện tên của học phần. Nếu học phần này tương đương với một học phần cũ thì sẽ hiện thị thêm tên cũ ở phía dưới.

+ **TCHT**: số tín chỉ học tập.

+ **Trạng thái**: học phần có các trạng thái sau:

STT	Trạng thái	Diễn giải
1		Học phần chưa đăng ký hoặc chưa có điểm tại kỳ đăng ký hiện tại.
2		Học phần không đủ điều kiện để đăng ký. VD: không đủ điều kiện do không đạt yêu cầu đối với học phần học trước.
3		Học phần có điểm F
4		Học phần đã qua và điểm $\geq B$ .
5		Học phần đã qua có điểm $\leq C+$ .

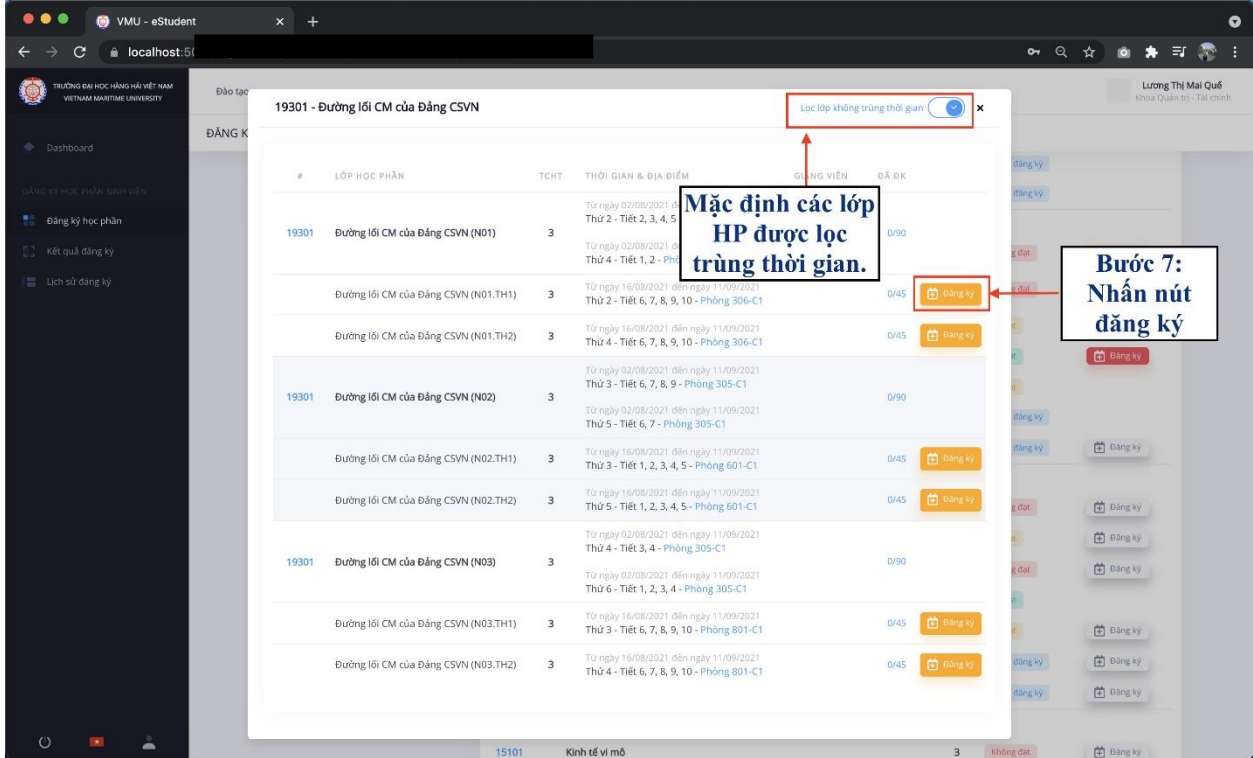
+ **Nút đăng ký**: nút sẽ bị khóa sau khi kết thúc thời gian đăng ký.

STT	Nút Đăng ký	Diễn giải
1		Học phần có mở lớp tại kỳ đăng ký. <b>Có thể đăng ký</b>
2		Học phần có mở lớp tại kỳ đăng ký. <b>Không thể đăng ký</b> do không đủ điều kiện
3	Không hiện	Học phần không mở lớp tại kỳ đăng ký. <b>Không thể đăng ký</b>
4		Học phần <b>đã đăng ký thành công</b> . Có thể đổi lịch.

### Bước 7: Chọn lớp học phần.

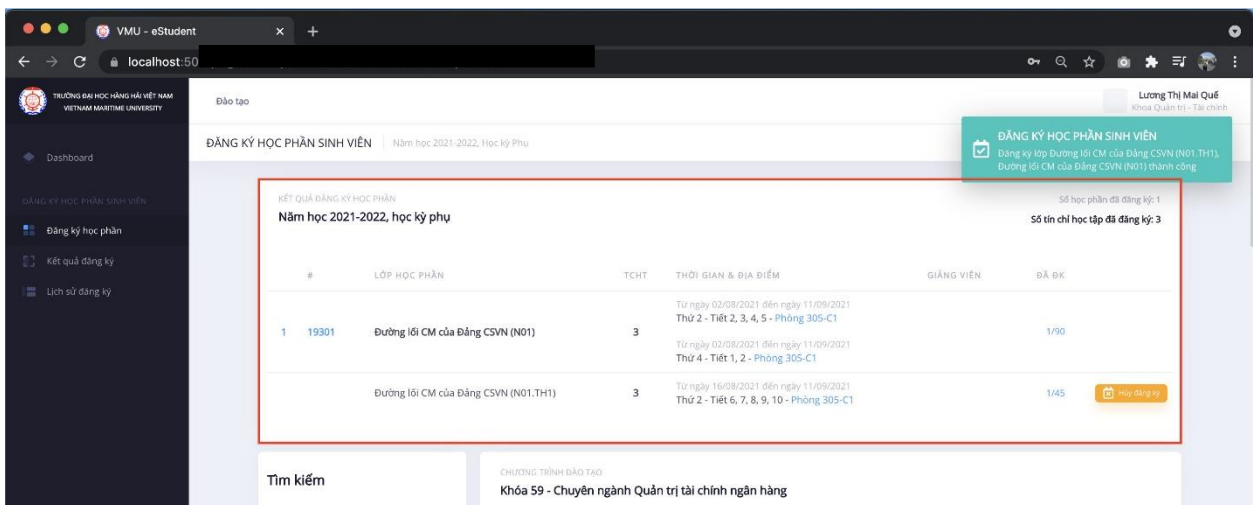
Lựa chọn Lớp học phần phù hợp trên Danh sách các lớp của học phần đã chọn. Nhấn nút Đăng ký để hoàn tất.

**Lưu ý:** với các học phần có thực hành, chỉ cần chọn nhóm thực hành, lớp lý thuyết sẽ tự động được đăng ký theo.



### Bước 8: Kiểm tra kết quả đăng ký.

Sau khi nhấn nút Đăng ký hệ thống sẽ trả về kết quả đăng ký thành công hay thất bại đi kèm với lý do (Đã đăng ký, trùng lịch, vượt quá số, ...). Xem kết quả tại phần **Kết quả đăng ký học phần** phía đầu trang.

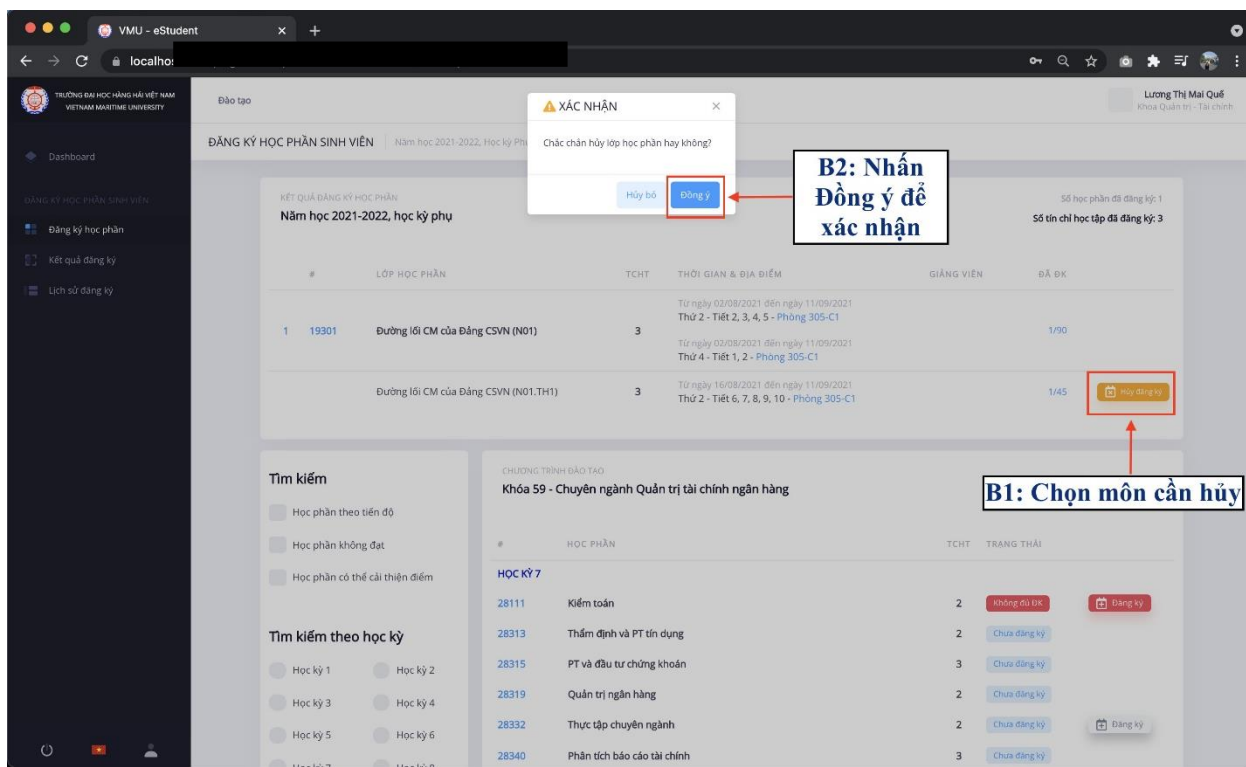


### 1.3. Hủy lớp học phần đã đăng ký

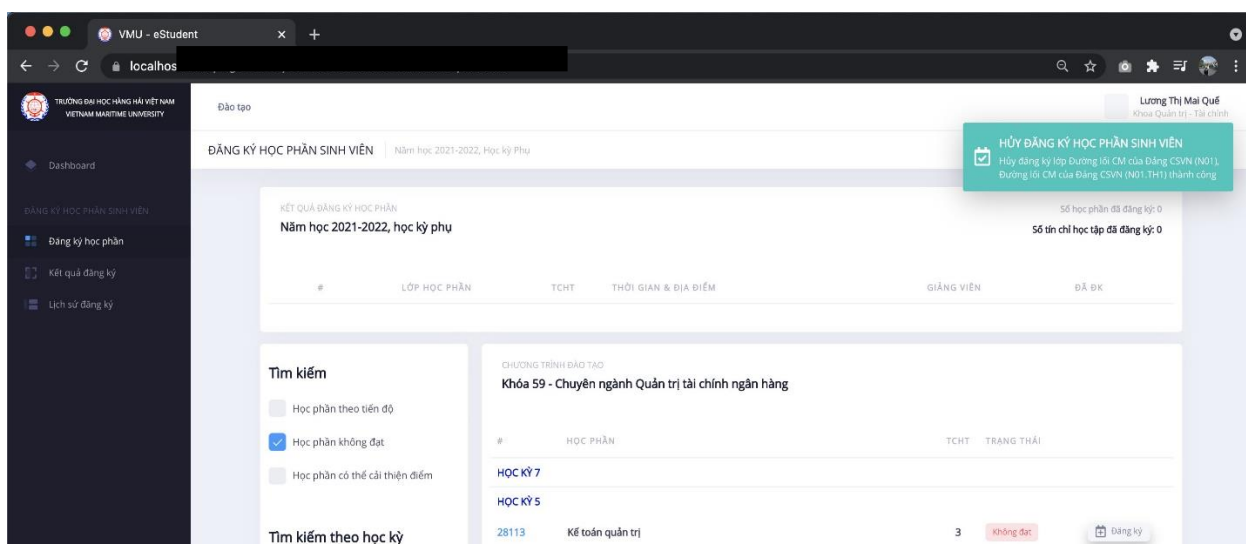
Để hủy học phần đã đăng ký, thực hiện các bước sau:

**Bước 1:** tại phần Kết quả đăng ký học phần, nhấn nút Hủy học phần ứng với học phần cần hủy.

**Bước 2:** xác nhận hủy.



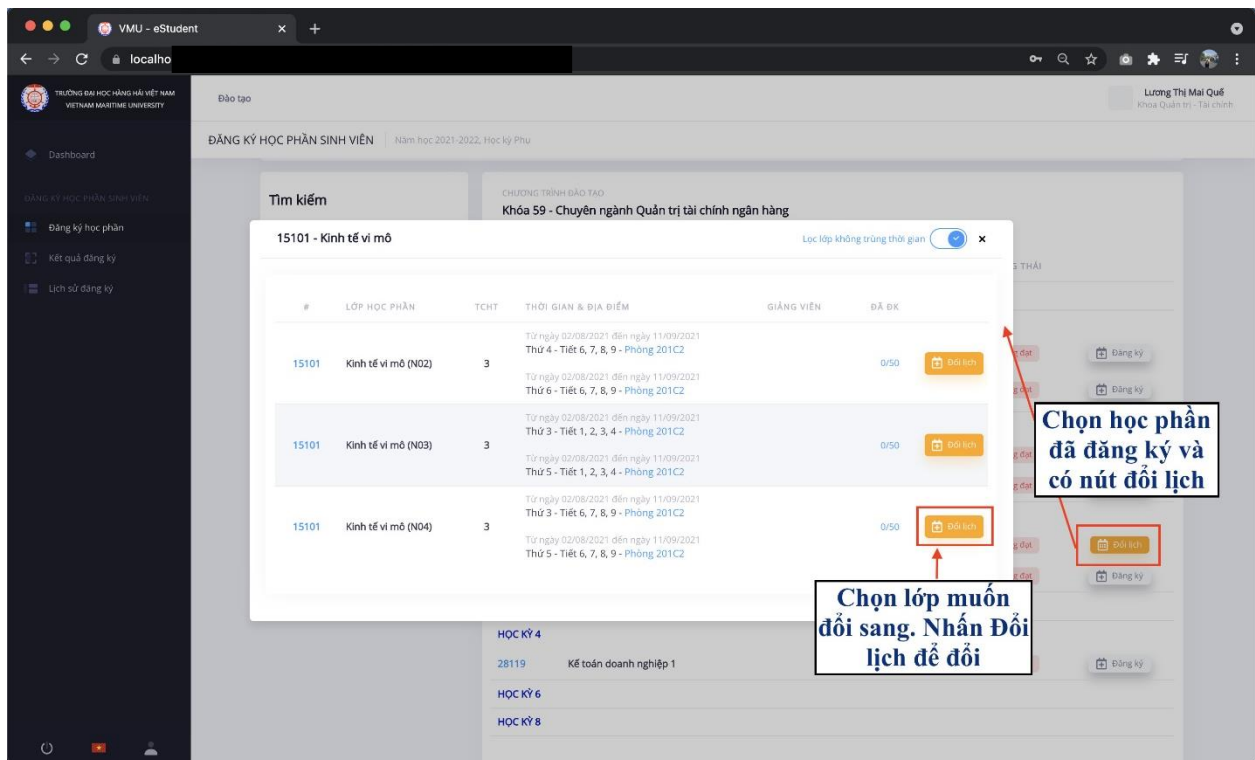
Hệ thống sẽ thông báo hủy thành công hoặc thất bại đi kèm với lý do.



### 1.4. Đổi lịch học lớp học phần

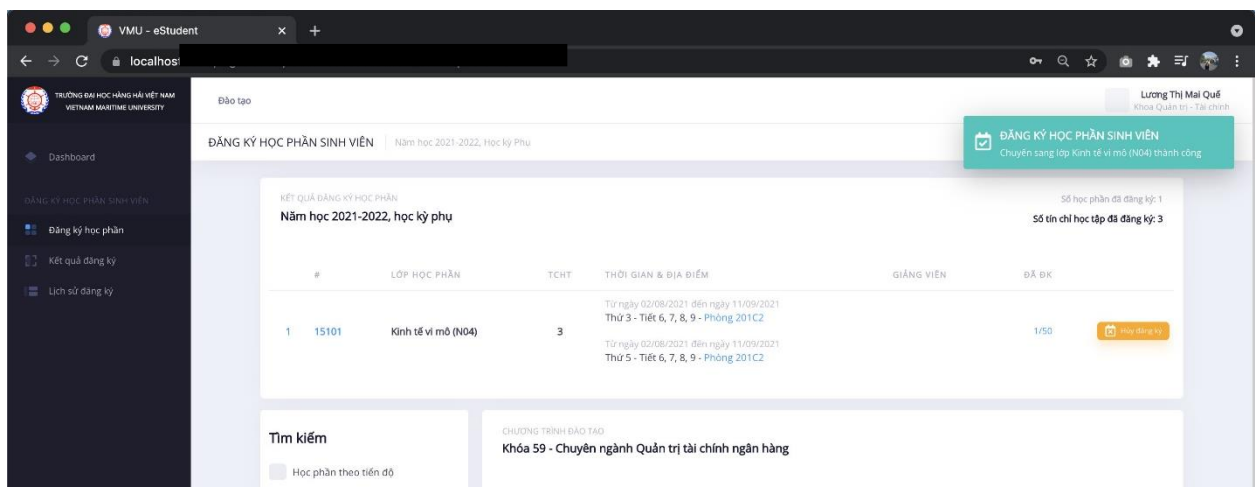
**Bước 1:** trên trang Đăng ký học phần, phần Chương trình đào tạo, chọn học phần đã đăng ký (chỉ có quyền đổi lịch với các học phần có nút Đổi lịch).





**Bước 2:** nhấn nút **Đổi lịch** ở lớp học phần muốn đổi sang trong danh sách các lớp học phần.

Hệ thống sẽ thông báo **Đổi lịch** thành công hoặc thất bại đi kèm lý do. Nếu thành công, kiểm tra kết quả ở phần **Kết quả đăng ký học phần** phía đầu trang



## 1.5. Đăng ký bổ sung

**Mục đích:** Sau khi kết thúc thời gian đăng ký chính thức, sẽ có đợt đăng ký bổ sung (xem tại thông báo của Phòng Đào tạo về Đăng ký học phần theo từng kỳ), sinh viên có thể dụng tính năng này để đăng ký bổ sung vào các lớp học phần đã đủ số lượng hoặc học phần chưa đăng ký trong thời gian chính thức.

**Lưu ý:**

- Mỗi lớp học phần chỉ được bổ sung số lượng giới hạn.
- Phải đợi kết quả xử lý từ Nhà trường sau khi đợt đăng ký bổ sung kết thúc.

**Bước 1:** Vào đăng ký học phần → Chọn học phần Đăng ký bổ sung.

**Lưu ý:** Thông báo chỉ hiển thị với các sinh viên thuộc đối tượng được đăng ký bổ sung.

Thông báo chỉ hiển thị với các sinh viên thuộc đối tượng được đăng ký bổ sung

Hạn đăng ký bổ sung học phần từ 19/06/2021 08:00 đến 27/06/2021 23:59  
Lưu ý: Nhà trường sẽ phân phối kết quả bổ sung ở chức năng "Kết quả đăng ký"

ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN SINH VIÊN | Năm học 2021-2022, Học kỳ Phụ

Tìm kiếm

Học phần theo tiến độ

Học phần không đạt

Học phần có thể cải thiện điểm

Tìm kiếm theo học kỳ

Học kỳ 1    Học kỳ 2  
Học kỳ 3    Học kỳ 4  
Học kỳ 5    Học kỳ 6  
Học kỳ 7    Học kỳ 8

Hiện thị toàn bộ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
Khóa 59 - Chuyên ngành Tự động hóa hệ thống điện

#	HỌC PHẦN	TCHT	TRANG THÁI
<b>HỌC KỲ 7</b>			
13471	Hệ thống tự động hóa	4	Chưa đăng ký
13474	Hệ thống SCADA/HMI	3	Chưa đăng ký
13477	Đồ án 2	2	Chưa đăng ký
13478	Bảo vệ rơle hệ thống điện	4	Chưa đăng ký
22201	Kỹ thuật nhiệt cơ khí	3	Chưa đăng ký
22625	Hệ thống truyền động thủy khí	3	Chưa đăng ký
25408	Anh văn chuyên ngành KTD	3	Chưa đăng ký
<b>HỌC KỲ 5</b>			

Bước 1: Chọn môn đăng ký bổ sung

**Bước 2:** Chọn lớp trên danh sách lớp của học phần → Nhấn nút Bổ sung.

ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN SINH VIÊN | Năm học 2021-2022, Học kỳ Phụ

Tìm kiếm

Hạn đăng ký bổ sung học phần từ 19/06/2021 08:00 đến 27/06/2021 23:59  
Lưu ý: Nhà trường sẽ phân phối kết quả bổ sung ở chức năng "Kết quả đăng ký"

22201 - Kỹ thuật nhiệt cơ khí

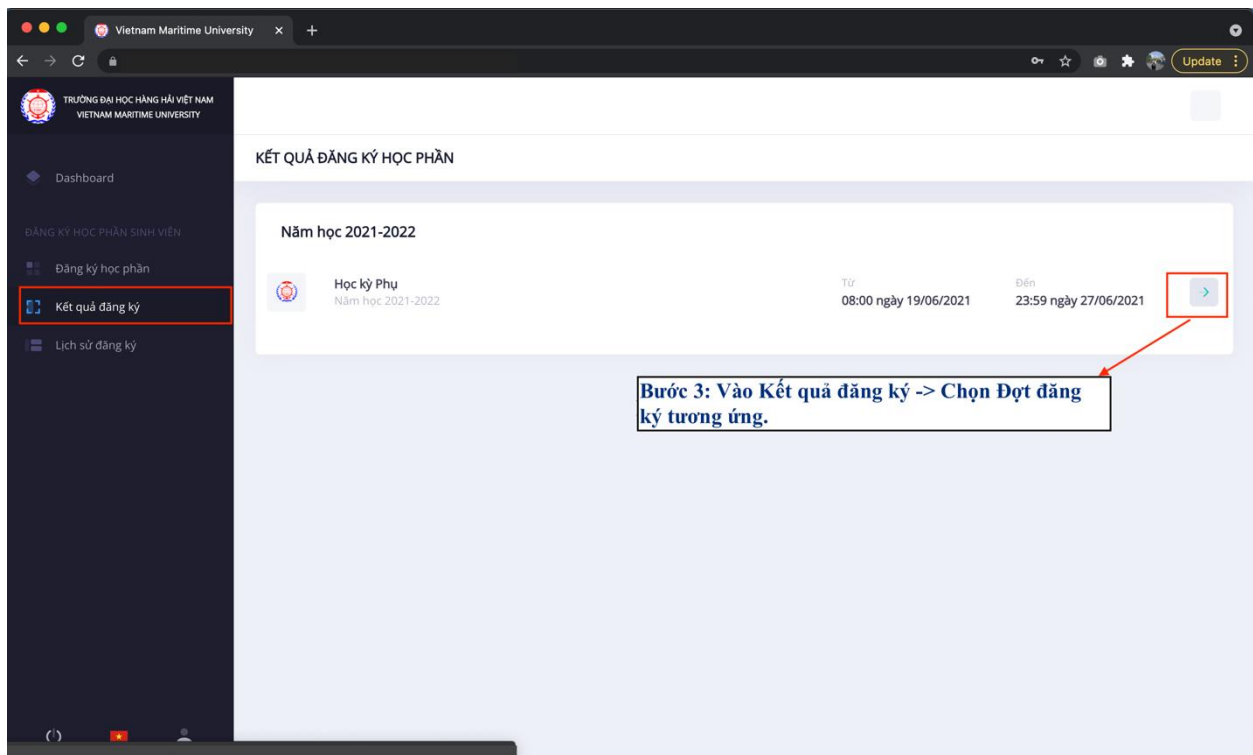
Lọc lớp không trùng thời gian

#	LỚP HỌC PHẦN	TCHT	THỜI GIAN & ĐỊA ĐIỂM	GIẢNG VIÊN	ĐÃ Đ
22201	Kỹ thuật nhiệt cơ khí (N01)	3	Từ ngày 02/08/2021 đến ngày 11/09/2021 Thứ 2 - Tiết 7, 8, 9, 10 - Phòng 603-C1		37/50
			Từ ngày 02/08/2021 đến ngày 11/09/2021 Thứ 4 - Tiết 6, 7, 8, 9 - Phòng 603-C1		

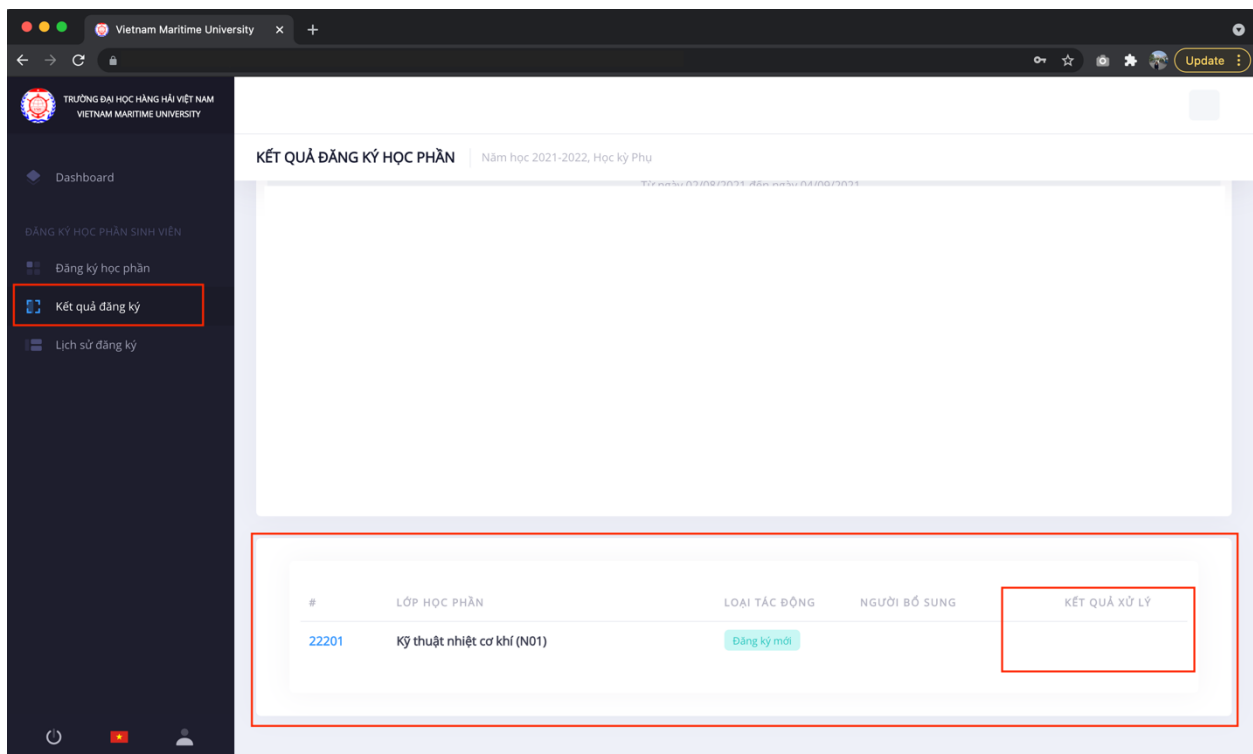
Nhà trường sẽ xử lý kết quả đăng ký dựa trên tình hình thực tế. Sinh viên tra cứu kết quả đăng ký bổ sung và xử lý tại chức năng "KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ"

Bước 2: Chọn lớp. Nhấn nút Bổ sung

**Bước 3:** Sau khi hệ thống thông báo thành công, vào Kết quả đăng ký trên menu → Chọn đợt Đăng ký hiện tại để xem kết quả đăng ký bổ sung.

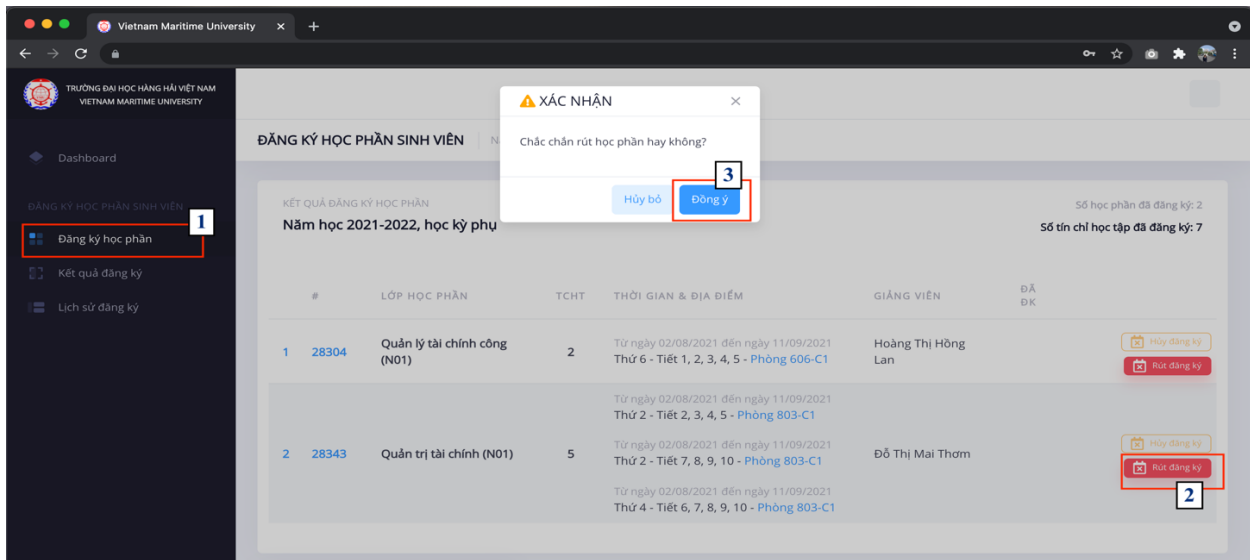


**Bước 4:** Kết quả đăng ký bổ sung hiển thị phía bên dưới. Chú ý theo dõi Kết quả xử lý được chấp nhận hay không chấp nhận.



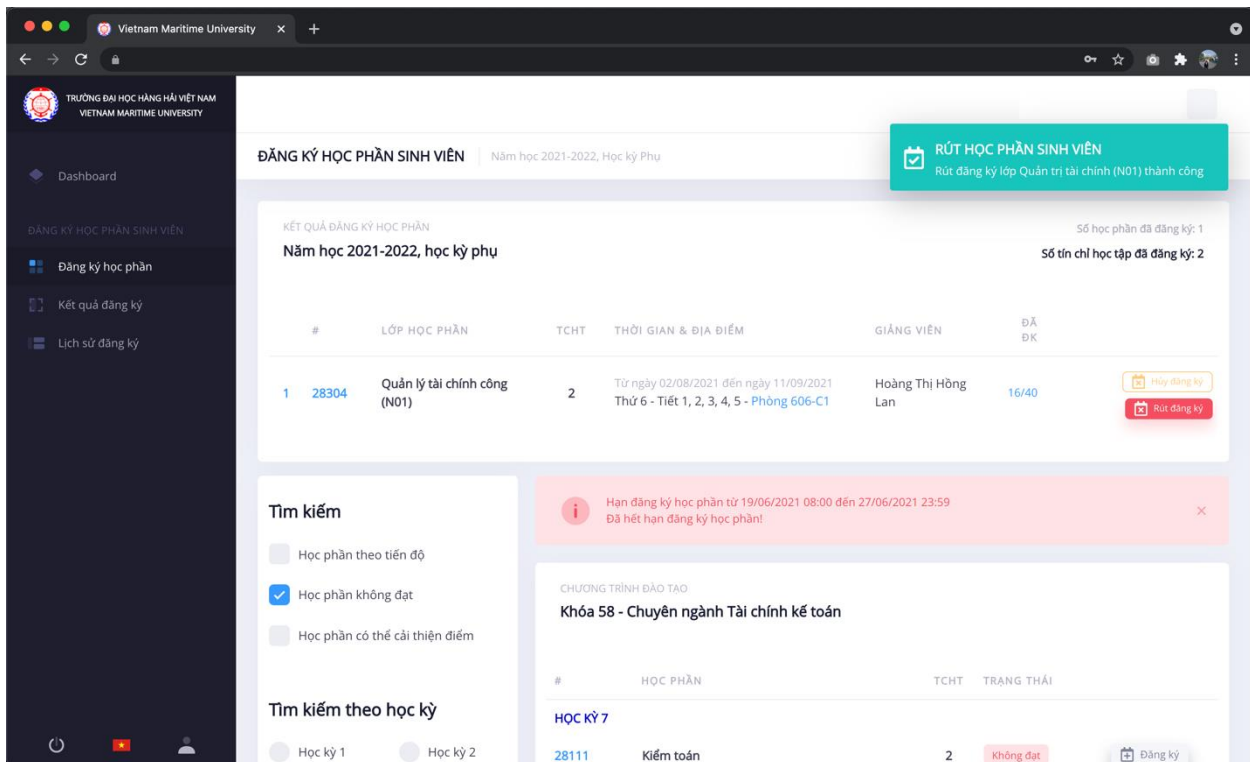
## 1.6. Rút học phần

**Bước 1:** Vào đăng ký học phần. Tại Kết quả đăng ký HP, nhấn nút Rút đăng ký.



**Bước 2:** Sau khi xác nhận chắc chắn rút học phần này, hệ thống sẽ thông báo thành công hoặc thất bại (kèm lỗi).

**Lưu ý:** Học phần nào đã rút thành công thì sẽ vẫn được hiển thị trên phần kết quả đăng ký với nút Rút đăng ký bị vô hiệu hóa. Có thể kiểm tra ở **Kết quả đăng ký** và **Lịch sử đăng ký**.



## 2. MỘT SỐ TÍNH NĂNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG

2.1. Chức năng Xem kết quả đăng ký

2.2. Chức năng Xem lịch sử đăng ký

2.3. Chức năng Quản lý tài khoản

## **PHẦN III. CÔNG TÁC SINH VIÊN**

### **QUY CHẾ CÔNG TÁC SINH VIÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-ĐHVVN-CTSV ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

#### **A. QUY CHẾ CHUNG VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN**

##### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

###### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về công tác sinh viên (CTSV) đối với chương trình đào tạo hệ đại học chính quy, bao gồm: công tác quản lý sinh viên chung, công tác quản lý sinh viên nội trú, công tác quản lý sinh viên ngoại trú.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

###### **Điều 2. Sinh viên**

1. Sinh viên được quy định tại quy chế này là người đang học chương trình đào tạo hệ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Sinh viên là trung tâm của các hoạt động giáo dục và đào tạo của Nhà trường, được bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường.

###### **Điều 3. Công tác sinh viên**

1. CTSV là một trong những công tác trọng tâm của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, bao gồm tổng thể các hoạt động giáo dục, tuyên truyền; quản lý; hỗ trợ và dịch vụ đối với sinh viên nhằm đảm bảo các mục tiêu của giáo dục đại học.

2. CTSV phải được thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải.

3. CTSV phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch trong các vấn đề có liên quan đến sinh viên.

4. CTSV bao gồm công tác quản lý sinh viên chung, công tác quản lý nội trú và công tác quản lý sinh viên ngoại trú.

##### **Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA SINH VIÊN**

###### **Điều 4. Nhiệm vụ của sinh viên**

1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của Nhà trường.

2. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của Trường; chủ động tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống. Khi đến Trường sinh viên phải mang thẻ sinh viên, để kiểu tóc gọn gàng, không nhuộm màu nổi bật và chấp hành quy định đồng phục, cụ thể như sau:

a) Từ thứ Hai đến thứ Năm, trong toàn bộ đợt thi, kiểm tra học kỳ, bảo vệ bài tập lớn, đồ án, luận văn hoặc khi đến trường liên hệ công việc hay tham gia các hội nghị, hội thảo, các hoạt động chung được triệu tập: sinh viên mặc đồng phục (bộ vest, sơ mi trắng) theo đúng mùa; sinh viên

thuộc chương trình đào tạo Điều khiển tàu biển, Khai thác Máy tàu biển phải đi giày đen; sinh viên các ngành khác đi giày hoặc dép quai hậu;

b) Sinh viên khi tham gia học các học phần Giáo dục thể chất mặc đồng phục giáo dục thể chất;

c) Các ngày còn lại không yêu cầu đồng phục nhưng phải đảm bảo lịch sự (không mặc áo phông, quần rách, ...).

3. Sinh viên phải giữ thái độ đúng mực, tôn trọng đối với cán bộ, viên chức, người lao động, khách ra vào Trường; đứng dậy chào khi giảng viên vào lớp và khi kết thúc buổi học.

Sinh viên phải có thái độ hòa nhã, lịch sự, tôn trọng đối với các sinh viên khác; có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

4. Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của Trường.

5. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của Trường.

6. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

7. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Trường.

8. Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

9. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, viện, phòng chức năng, Hiệu trưởng hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, giảng viên trong Trường.

10. Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

11. Sinh viên học các chương trình đào tạo Điều khiển tàu biển, Khai thác Máy tàu biển phải rèn luyện theo chế độ quy định và bắt buộc ở nội trú trong 02 năm học đầu (trừ sinh viên nữ).

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của Trường.

## **Điều 5. Quyền của sinh viên**

1. Được nhận vào học đúng chương trình đào tạo đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng tuyển sinh Trường.

2. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của Trường; được phổ biến nội quy, quy chế về đào tạo, rèn luyện và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên.

3. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện, bao gồm:

a) Sử dụng thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao;

b) Tham gia nghiên cứu khoa học, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật và các cuộc thi khác theo kế hoạch của Trường;

c) Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ hiện hành của Nhà nước;

d) Đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài, học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành;

e) Tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài trường học theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường;

f) Sử dụng các dịch vụ công tác xã hội hiện có của Trường (bao gồm các dịch vụ về hướng nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn sức khỏe, tâm lý, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt,...);

g) Được nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ các ngày lễ theo quy định.

4. Được hưởng các chế độ, chính sách, được xét nhận học bổng khuyến khích học tập, học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ theo quy định hiện hành; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Nhà nước.

5. Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện nhóm lớp, tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Cố vấn học tập (CVHT) để kiến nghị với Nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng và phát triển Nhà trường; đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của sinh viên.

6. Sinh viên không thuộc diện bắt buộc ở nội trú được xét tiếp nhận vào ở khu nội trú và ưu tiên sắp xếp vào ở khu nội trú theo quy định.

7. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, phụ lục văn bằng, các giấy tờ liên quan và giải quyết các thủ tục hành chính khác.

#### **Điều 6. Các hành vi sinh viên không được làm**

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên, người học của Trường và người khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử như: quay cốp, mang tài liệu vào phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập, trực hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập, trực hộ; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong trường học; đến lớp học trong tình trạng say rượu, bia.

4. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiếu kiện trái pháp luật; tham gia các tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong Trường hoặc ngoài xã hội.

5. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cở vũ đua xe trái phép.

6. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

7. Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma túy, các loại dược phẩm, hóa chất cấm sử dụng, các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong Trường và các hành vi vi phạm đạo đức khác.

8. Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa Nhà trường khi chưa được Hiệu trưởng cho phép.

9. Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng internet.

10. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật khác.

### **Chương III**

## **KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT SINH VIÊN**

#### **Điều 7. Nội dung, hình thức khen thưởng**

a) Đạt giải trong các cuộc thi Olympic các môn học, thi nghiên cứu khoa học, các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, công tác Đoàn, Hội, trong hoạt động thanh niên xung kích, sinh viên tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong Nhóm CVHT, khoa/viện, trong khu nội trú, hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

c) Có thành tích trong công tác sinh viên nội trú, công tác sinh viên ngoại trú, trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

2. Thi đua, khen thưởng toàn diện, định kỳ đối với cá nhân và nhóm sinh viên được tiến hành vào cuối năm học, khóa học, cụ thể:

a) Đối với cá nhân:

- Danh hiệu cá nhân gồm 3 loại: Khá, Giỏi, Xuất sắc;

- Tiêu chuẩn xếp loại:

+ Đạt danh hiệu sinh viên Khá: xếp loại học tập và rèn luyện từ khá trở lên;

+ Đạt danh hiệu sinh viên Giỏi: xếp loại học tập từ giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện tốt trở lên;

+ Đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc: kết quả học tập đạt từ 3,6 (thang điểm 4) hoặc từ 9,0 (thang điểm 10) trở lên và xếp loại rèn luyện xuất sắc;

- Danh hiệu cá nhân của sinh viên được ghi vào hồ sơ sinh viên;

- Không xét khen thưởng đối với sinh viên bị kỷ luật hoặc có điểm kết thúc học phần trong năm học đó dưới mức trung bình.

b) Đối với tập thể Nhóm CVHT:

- Danh hiệu tập thể Nhóm gồm 2 loại: Nhóm Tiên tiến và Nhóm Xuất sắc;

- Đạt danh hiệu Nhóm Tiên tiến nếu đủ các tiêu chuẩn sau:

+ Có từ 50% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Khá trở lên;

+ Có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên;

+ Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua, tích cực hưởng ứng phong trào của Nhà trường;

- Đạt danh hiệu Nhóm Xuất sắc nếu đủ các tiêu chuẩn của danh hiệu nhóm Tiên tiến đồng thời có từ 10% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên và có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc.

#### **Điều 8. Trình tự và thủ tục xét khen thưởng**

1. Vào đầu năm học, các khoa/viện phổ biến cho sinh viên, các nhóm CVHT tiêu chuẩn danh hiệu thi đua tập thể, cá nhân.

2. Thủ tục xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào thành tích đạt được trong học tập và rèn luyện của sinh viên, các nhóm sinh viên tiến hành lập danh sách kèm theo bản thành tích cá nhân và tập thể nhóm, có xác nhận của CVHT, đề nghị khoa/viện xem xét;

b) Khoa/viện tổ chức họp, xét và báo cáo Phòng CTSV, đề nghị Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên Trường xét duyệt;



c) Căn cứ vào đề nghị của khoa/viện, Phòng CTSV tổng hợp, trình Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên Trường xét, Hiệu trưởng công nhận danh hiệu đối với tập thể, cá nhân theo quy định.

### **Điều 9. Hình thức kỷ luật và nội dung vi phạm**

1. Những sinh viên có hành vi vi phạm thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể được nhắc nhở, phê bình hoặc phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Áp dụng đối với sinh viên có hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ. Sinh viên bị phạt điểm rèn luyện từ 15 đến 20 điểm sau khi đã lao động giảm điểm theo quy định;

b) Cảnh cáo: Áp dụng đối với sinh viên đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng. Sinh viên bị phạt điểm rèn luyện từ 21 đến 25 điểm sau khi đã lao động giảm điểm theo quy định;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn: Áp dụng đối với những sinh viên đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi sinh viên không được làm, sinh viên vi phạm pháp luật bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Tùy từng trường hợp cụ thể, Hiệu trưởng căn cứ vào quy chế đào tạo để quyết định thời hạn đình chỉ học tập theo các mức: đình chỉ một học kỳ, đình chỉ một năm học hoặc đình chỉ theo thời gian sinh viên bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo (đối với trường hợp sinh viên bị phạt điểm rèn luyện từ 26 đến 30 điểm sau khi đã lao động giảm điểm theo quy định thì thời hạn đình chỉ học tập là 01 năm học);

d) Buộc thôi học: Áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù giam; sinh viên bị phạt điểm rèn luyện từ 31 điểm trở lên sau khi đã lao động giảm điểm theo quy định.

2. Hình thức kỷ luật của sinh viên từ cảnh cáo trở lên phải được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên và thông báo cho gia đình sinh viên. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học, các khoa/viện phải gửi thông báo cho địa phương và gia đình sinh viên biết để phối hợp quản lý, giáo dục.

3. Nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo Khung đánh giá học tập, rèn luyện sinh viên Đại học Hàng hải Việt Nam (Phụ lục 1).

### **Điều 10. Nguyên tắc, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật**

#### **1. Nguyên tắc**

a) Việc xét kỷ luật phải dựa trên Khung đánh giá học tập, rèn luyện của Trường, có tham khảo kết quả học tập của sinh viên. Kết quả điểm phạt, danh sách lao động giảm điểm, các quyết định kỷ luật... phải được tổng hợp và công khai tại đơn vị. Trình tự kỷ luật phải từ mức thấp lên mức cao tùy theo mức độ vi phạm và đảm bảo tính kỷ cương, tính giáo dục và phòng ngừa vi phạm đối với sinh viên;

b) Sinh viên chỉ bị xem là bị kỷ luật khi đã ban hành quyết định kỷ luật bằng văn bản. Sau khi quyết định kỷ luật đã được ban hành, điểm phạt của sinh viên coi như bằng 0 điểm. Quyết định kỷ luật có hiệu lực trong thời hạn nêu tại Điều 11;

c) Nhà Trường không xét học bổng đối với sinh viên bị kỷ luật và đang trong thời gian còn hiệu lực của kỷ luật như đã nêu tại Điều 11; không xét danh hiệu thi đua cuối kỳ, cuối năm đối với sinh viên bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ;

d) Đối với sinh viên thuộc chương trình đào tạo Điều khiển tàu biển, Khai thác Máy tàu biển diện nội trú bắt buộc, số lần lao động giảm điểm tối đa là 02 lần trong một học kỳ: lần 1 được trừ tối đa là 15 điểm, lần 2 được trừ tối đa 10 điểm. Các sinh viên diện còn lại được lao động giảm

điểm tối đa 01 lần trong một học kỳ, tổng điểm được trừ tối đa là 15 điểm. Quy trình lao động giảm điểm thực hiện theo quy định hiện hành;

e) Mức tăng nặng hình thức kỷ luật đối với 01 sinh viên được xem xét như sau:

- Sinh viên đã bị kỷ luật trước đó thì bị xem xét tăng nặng mức kỷ luật khi sinh viên bị phạt điểm thêm từ 15 điểm trở lên;

- Nếu đã hết thời gian hiệu lực của quyết định kỷ luật trước đó thì sinh viên bị xem xét xử lý kỷ luật như khi bị kỷ luật lần đầu;

- Nếu sinh viên đang ở trong khoảng thời gian có hiệu lực của quyết định kỷ luật trước đó, mức kỷ luật sinh viên phải được nâng lên ít nhất một mức so với mức kỷ luật trước đó.

f) Trường hợp có quyết định khiển trách hoặc cảnh cáo thì quyết định đó sẽ được tính khi xét phân loại, xét học bổng... trong học kỳ mà quyết định được ký ban hành.

## 2. Thủ tục xét kỷ luật

a) Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trong trường hợp sinh viên không chấp hành làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên vẫn họp để xử lý trên cơ sở các chứng cứ thu thập được;

b) CVHT chủ trì họp với tập thể nhóm, phân tích và đề nghị hình thức kỷ luật gửi khoa/viện;

c) Hội đồng kỷ luật cấp cơ sở xem xét, báo cáo Phòng CTSV, đề nghị Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của Trường;

d) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên cấp Trường tổ chức họp để xét kỷ luật. Sinh viên vi phạm kỷ luật được mời mà không đến dự (nếu không có lý do chính đáng), sinh viên không làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật. Hội đồng kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định kỷ luật bằng văn bản.

## 3. Hồ sơ xử lý kỷ luật sinh viên

a) Bản tự kiểm điểm (nếu có);

b) Biên bản của tập thể nhóm họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi phạm;

c) Biên bản của Hội đồng kỷ luật cấp cơ sở;

d) Các tài liệu có liên quan.

## 4. Thẩm quyền của Hội đồng kỷ luật

a) Hội đồng kỷ luật cấp cơ sở:

- Hội đồng kỷ luật cấp cơ sở có thẩm quyền kỷ luật sinh viên ở mức khiển trách và cảnh cáo;

- Các trường hợp đề nghị kỷ luật ở mức cao hơn (Đình chỉ 01 năm học hoặc Buộc thôi học) thì Hội đồng cơ sở họp xét và lập hồ sơ đề nghị Hội đồng cấp Trường xem xét, quyết định;

- Trường hợp Hiệu trưởng phân cấp cho Ban Quản lý khu nội trú (QLKNT) có thẩm quyền xử lý kỷ luật thì trình tự, thủ tục xem xét kỷ luật đối với sinh viên ở Khu nội trú được tiến hành giống như hội đồng kỷ luật cấp cơ sở.

b) Hội đồng kỷ luật cấp Trường có thẩm quyền kỷ luật sinh viên ở buộc thôi học, đình chỉ học tập có thời hạn.

## **Điều 11. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật**

1. Đối với sinh viên bị kỷ luật khiển trách: sau 03 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

2. Đối với sinh viên bị kỷ luật cảnh cáo: sau 06 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương

nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

3. Đối với trường hợp đình chỉ học tập có thời hạn:

a) Khi hết thời hạn đình chỉ, sinh viên phải xuất trình chứng nhận của địa phương (cấp xã, phường, thị trấn) nơi cư trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương; chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để Trường xem xét, tiếp nhận vào học tiếp nếu đủ điều kiện;

b) Đối với hình thức kỷ luật đình chỉ 01 năm học trở lên: Khi hết thời hạn bị đình chỉ học tập, sinh viên phải viết đơn xin quay trở lại học tập (có xác nhận của gia đình và Công an địa phương nơi cư trú) gửi về Phòng CTSV để được xem xét trở lại học tập và được xếp vào lớp phù hợp. Sinh viên có thể viết đơn xin quay trở lại học tập khi thời hạn hiệu lực kỷ luật chưa đến 01 năm để phù hợp với thời gian bắt đầu một học kỳ mới, song thời gian bị đình chỉ học tập không ít hơn 06 tháng. Khi sinh viên được Nhà trường chấp thuận trở lại Trường để tiếp tục học tập thì các quyết định kỷ luật trước đó xem như hết thời hạn có hiệu lực.

4. Quyết định kỷ luật phải có điều khoản ghi rõ thời gian sinh viên bị thi hành kỷ luật, tính từ khi ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật theo quy định.

## **Điều 12. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên**

1. Cơ cấu tổ chức Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên

a) Hội đồng cấp cơ sở, bao gồm:

- Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên khoa/viện bao gồm: Ban Chủ nhiệm khoa/viện, Trợ lý CTSV, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên khoa/viện, CVHT;

- Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên khu nội trú gồm: Trưởng, Phó Ban, cán bộ được phân công phụ trách, Ban Chủ nhiệm khoa/viện, Trợ lý CTSV, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của đơn vị quản lý sinh viên vi phạm, CVHT. Có thể mời thêm Nhóm trưởng và Bí thư chi đoàn có liên quan đến sinh viên vi phạm (chỉ được tham gia ý kiến, không được quyền biểu quyết).

b) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên cấp Trường, bao gồm: Ban Giám hiệu, Phòng CTSV, đại diện lãnh đạo khoa/viện/Ban QLKNT, trưởng đơn vị trong Trường có liên quan, đại diện lãnh đạo Đoàn Thanh niên. Có thể mời thêm CVHT, Nhóm trưởng, cán bộ chi đoàn (các thành phần này chỉ tham dự, không biểu quyết).

2. Nhiệm vụ của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên

a) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên cấp cơ sở là cơ quan tư vấn giúp khoa/viện, Ban QLKNT triển khai công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng đơn vị;

b) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên cấp Trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng triển khai công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên;

c) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên họp mỗi học kỳ một lần, khi cần thiết, có thể họp các phiên bất thường.

## **Điều 13. Quyền khiếu nại về khen thưởng, kỷ luật**

a) Cá nhân và tập thể Nhóm CVHT nếu xét thấy các hình thức khen thưởng và kỷ luật không thoả đáng có quyền khiếu nại lên Phòng CTSV, các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng; nếu cấp Trường đã xem xét lại mà chưa thoả đáng có thể khiếu nại lên cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

b) Việc giải quyết khiếu nại của sinh viên phải được tiến hành từ cấp cơ sở. Nếu cấp cơ sở không giải quyết được, phải ghi rõ ý kiến của cấp cơ sở trước khi chuyển lên Phòng CTSV để xem xét, thẩm tra, trình Ban Giám hiệu hoặc Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên cấp Trường.

## **Chương IV**

### **NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**

#### **Điều 14. Tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền**

##### **1. Giáo dục tư tưởng, chính trị**

a) Giáo dục, tuyên truyền để sinh viên nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, hình thành bản lĩnh chính trị, yêu tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, cảnh giác và biết phê phán những luận điểm xuyên tạc, hành động chống phá Đảng và Nhà nước;

b) Giáo dục, tuyên truyền sinh viên hiểu và thực hiện tốt Triết lý giáo dục của Trường “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn” nhằm hướng đến mục tiêu đào tạo ra những con người có trí tuệ, bản lĩnh; có khả năng tư duy độc lập, biết sáng tạo những cái mới có ích, biết phê phán, phản biện và có một tấm lòng nhân ái, biết yêu thương và quan tâm đến cộng đồng, có nghĩa vụ và trách nhiệm với Tổ Quốc;

c) Phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội khác có liên quan trong hoạt động rèn luyện của sinh viên, tạo môi trường điều kiện để sinh viên rèn luyện phấn đấu và được xét kết nạp vào Đảng.

##### **2. Giáo dục đạo đức, lối sống**

a) Giáo dục, tuyên truyền cho sinh viên những giá trị, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và đạo đức nghề nghiệp; biết phê phán những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức;

b) Định hướng, giáo dục lối sống lành mạnh, văn minh, tiến bộ phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; giáo dục ý thức trách nhiệm của cá nhân sinh viên đối với tập thể và cộng đồng.

##### **3. Giáo dục tuyên truyền phổ biến pháp luật**

a) Giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật, thói quen sống và làm việc theo pháp luật;

b) Nội dung giáo dục pháp luật đối với sinh viên tập trung vào các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện; pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông và các Luật khác có liên quan.

##### **4. Giáo dục kỹ năng: Kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm, ...**

##### **5. Giáo dục thể chất**

a) Giáo dục, hướng dẫn sinh viên về kỹ thuật, phương pháp luyện tập, và tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động thể dục, thể thao theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho sinh viên về ăn uống đảm bảo dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, sinh hoạt điều độ, không lạm dụng rượu, bia, sử dụng chất kích thích, gây nghiện; kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích, ... Tổ chức và triển khai hoạt động y tế học đường trong Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

##### **6. Giáo dục thẩm mỹ**

a) Giáo dục kiến thức, kỹ năng để sinh viên biết yêu và cảm thụ cái đẹp trong tự nhiên, cuộc sống xã hội và trong nghệ thuật;

b) Hình thành năng lực phán đoán và đánh giá thẩm mỹ; hình thành thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ đúng đắn; hình thành năng lực sáng tạo nghệ thuật, lòng ham muốn và có khả năng chuyển tải

cái đẹp vào đời sống học tập, lao động và ứng xử. Có thái độ phê phán cái xấu, phản thẩm mỹ trong tâm hồn, trong hành vi ứng xử, hình dáng, trang phục,...

## **Điều 15. Công tác quản lý sinh viên**

### 1. Công tác hành chính

a) Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp, bố trí sinh viên vào các Nhóm CVHT, chỉ định Ban Cán sự Nhóm lâm thời; làm thẻ sinh viên, thẻ thư viện; quản lý, tổ chức cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho sinh viên;

b) Thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến sinh viên; giải quyết các công việc hành chính có liên quan đến sinh viên.

### 2. Công tác khen thưởng và kỷ luật

a) Theo dõi, đánh giá ý thức học tập; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; phân loại, xếp loại sinh viên cuối mỗi học kỳ, năm học, khóa học theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Nhà trường;

b) Phát động tổ chức các phong trào thi đua trong sinh viên; tổ chức đánh giá bình bầu và khen thưởng cho tập thể và cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động khuyến khích học tập khác;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện đối với sinh viên;

d) Tham mưu, theo dõi và tổng hợp việc xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm theo quy định.

### 3. Công tác sinh viên nội trú, ngoại trú

Tổ chức thực hiện theo phần B, phần C của Quy chế này.

### 4. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học

a) Ban hành nội quy, quy định xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản chỉ đạo, văn bản quy định pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội cho sinh viên. Phối hợp với công an địa phương thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự trường học;

b) Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo an toàn cho các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên. Theo dõi, nắm bắt diễn biến tư tưởng, hành vi của sinh viên để có sự định hướng, giáo dục; phối hợp ngăn chặn việc kích động, lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, tham gia các tệ nạn xã hội, truyền đạo trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự trường học và các vụ việc liên quan đến sinh viên ở trong và ngoài Trường.

### 5. Thực hiện chế độ chính sách đối với sinh viên

Tuyên truyền, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và giải quyết các chế độ chính sách của Nhà nước liên quan đến sinh viên theo quy định.

## **Điều 16. Hỗ trợ và dịch vụ sinh viên**

1. Tư vấn học tập: Tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực (về học thuật, tài chính, kỹ thuật,...) nhằm nâng cao khả năng, học tập hiệu quả.

2. Công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm: Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe

a) Tư vấn, hỗ trợ sinh viên khi gặp các vấn đề về tâm lý - xã hội; phối hợp tổ chức các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe để có sự hỗ trợ, can thiệp cần thiết khi sinh viên gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần;

b) Tổ chức khám sức khỏe đầu vào và định kỳ cho sinh viên; tư vấn, tổ chức cho sinh viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế; sơ, cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho sinh viên.

4. Hỗ trợ tài chính: Phối hợp với các tổ chức, cá nhân hảo tâm xây dựng, quản lý các quỹ học bổng; tổ chức trao học bổng tài trợ cho sinh viên xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

5. Hỗ trợ đặc biệt: Triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường học, tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên khuyết tật, sinh viên diện chính sách, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Tổ chức, quản lý các dịch vụ sinh viên như: internet, điện thoại, nhà ăn, căng tin, trông giữ xe, sân chơi, bãi tập, thiết chế văn hóa,...

## **Chương V**

### **HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ SINH VIÊN**

#### **Điều 17. Hệ thống tổ chức, quản lý CTSV**

Hệ thống tổ chức, quản lý CTSV của Trường gồm có:

1. Ban Giám hiệu (Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách CTSV).
2. Phòng Công tác sinh viên.
3. Các tổ chức đoàn thể: Đoàn TN - Hội sinh viên từ cấp chi đoàn, chi hội đến cấp Trường.
4. Bộ phận CTSV tại các khoa/ viện: gồm 01 Phó Trưởng khoa/viện phụ trách CTSV, 01 trợ lý CTSV, 01 giáo vụ, CVHT, Ban Cán sự Nhóm CVHT - Chi đoàn - Chi hội sinh viên.
5. Ban Quản lý Khu nội trú.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của Hiệu trưởng**

1. Chỉ đạo, tổ chức quản lý các hoạt động của CTSV, bố trí các nguồn lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt các nội dung của CTSV.
2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngành và địa phương trong CTSV; tạo điều kiện để sinh viên thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của mình.
3. Chỉ đạo tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hàng năm, tổ chức đối thoại với sinh viên để cung cấp thông tin cần thiết cho sinh viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết kịp thời những thắc mắc, nhu cầu chính đáng của sinh viên.
4. Bảo đảm các điều kiện để phát huy hiệu quả vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam trong CTSV; chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên.
5. Quyết định sự tham gia của sinh viên mang tính chất đại diện cho Trường khi có sự huy động của địa phương, các cấp, các ngành hoặc các tổ chức khác.
6. Hiệu trưởng giao cho một Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo, tổ chức và triển khai CTSV, giải quyết các công việc hàng ngày có liên quan đến CTSV.

#### **Điều 19. Các đơn vị, cá nhân phụ trách CTSV**

1. Phòng CTSV là đơn vị tham mưu cho Ban Giám hiệu về các chủ trương, biện pháp và kế hoạch tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục toàn diện cho sinh viên; giải quyết các thủ tục hành chính về CTSV, là cầu nối giữa Nhà trường và Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải và các khoa/viện, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan về CTSV.

2. Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên (Đoàn TN - Hội SV) từ cấp cơ sở đến cấp Trường có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp trong việc tổ chức triển khai CTSV, đặc biệt trong công tác tổ chức các hoạt động phong trào nhằm định hướng, giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên.

3. Các khoa/viện là đơn vị trực tiếp tổ chức triển khai và thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể về CTSV. Trưởng các khoa/ viện chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc chỉ đạo Bộ phận CTSV của khoa/ viện thực hiện nhiệm vụ.

4. Ban Quản lý Khu nội trú (QLKNT) là đơn vị tổ chức quản lý sinh viên ở nội trú. Trưởng Ban QLKNT chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về CTSV trong khu nội trú và các hoạt động phối hợp khác với các đoàn thể, đơn vị trong Trường.

5. Cố vấn học tập là giảng viên được Trưởng các khoa/viện phân công kiêm nhiệm công tác CVHT cho sinh viên để tư vấn, hướng dẫn sinh viên thực hiện quy chế, quy định về đào tạo.

## **Điều 20. Nhóm CVHT và Lớp học phần**

1. Nhóm CVHT là một nhóm các sinh viên thuộc cùng một chương trình đào tạo, trong cùng một khóa học, cho các khóa từ năm thứ 1 tới năm thứ 5.

a) Ban Cán sự Nhóm CVHT gồm: 01 nhóm trưởng, 01 nhóm phó (Ban Cán sự Chi đoàn Nhóm CVHT có 01 Bí thư Chi đoàn, 01 Phó Bí thư Chi đoàn, Chi hội Nhóm CVHT có 01 Chi hội trưởng chi hội). Ban Cán sự Nhóm CVHT do CVHT chỉ đạo tập thể sinh viên trong nhóm bầu, lãnh đạo khoa/viện ra quyết định công nhận (Đối với các nhóm có số lượng sinh viên ít, khoa/viện quyết định số lượng Ban Cán sự Nhóm cho phù hợp. Một sinh viên có thể đảm nhận nhiều chức danh);

b) Nhiệm vụ của Ban Cán sự Nhóm CVHT:

- Đôn đốc sinh viên trong Nhóm chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế về học tập, rèn luyện. Xây dựng nề nếp tự quản trong Nhóm;

- Tổ chức, động viên giúp đỡ những sinh viên gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Thay mặt cho sinh viên của Nhóm liên hệ với CVHT và các giáo viên bộ môn; đề nghị các khoa/viện, Phòng CTSV, các đơn vị liên quan và Ban Giám hiệu Nhà trường giải quyết những vấn đề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của sinh viên trong Nhóm;

- Tổ chức cho sinh viên trong Nhóm tham gia các hoạt động Đoàn, Hội và các hoạt động chung khác. Phối hợp chặt chẽ và liên hệ thường xuyên với Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp trong hoạt động của nhóm;

- Báo cáo đầy đủ, chính xác tình hình học tập, rèn luyện theo định kỳ và những việc đột xuất của Nhóm với CVHT, khoa/viện và Nhà trường theo yêu cầu.

c) Quyền lợi của Ban Cán sự Nhóm CVHT: Được ưu tiên cộng điểm khi xét học bổng, xét phân loại thi đua theo Phụ lục 3 của Quy chế này.

2. Lớp học phần là lớp học bao gồm các sinh viên đăng ký học cùng một học phần

a) Ban Cán sự Lớp học phần gồm: có 01 Lớp trưởng và 01 Lớp phó do giảng viên phụ trách giảng dạy học phần chỉ định;

b) Nhiệm vụ của Ban Cán sự Lớp học phần: có trách nhiệm báo cáo việc chấp hành nội quy, quy chế của sinh viên trong lớp học phần với giảng viên phụ trách giảng dạy Lớp học phần, khoa/viện, phòng, ban liên quan khi có yêu cầu;

c) Quyền lợi của Ban Cán sự Lớp học phần: Lớp trưởng được cộng tối đa là 2 điểm, Lớp phó được cộng tối đa là 1.5 điểm và do giảng viên phụ trách giảng dạy học phần quyết định. Điểm thưởng cho cán bộ Lớp học phần được tính cộng vào điểm X, dựa theo tiêu chí mức hoàn thành trách nhiệm đối với học phần.

## **B. CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ**

### **Chương VI QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ**

#### **Điều 21. Đối tượng áp dụng**

1. Sinh viên nội trú là những sinh viên được tiếp nhận vào ở trong khu nội trú của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, thuộc 1 trong 2 diện sau:

a) Sinh viên bắt buộc nội trú: là các sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai thuộc các chương trình đào tạo Điều khiển tàu biển, Khai thác Máy tàu biển (trừ sinh viên nữ);

b) Sinh viên nội trú tự nguyện: là các sinh viên khác có nguyện vọng và được tiếp nhận vào ở trong Khu nội trú của Trường. Sinh viên diện này được bố trí phòng ở độc lập với sinh viên diện bắt buộc nội trú.

#### 2. Đối tượng ưu tiên tiếp nhận ở nội trú

Khi tiếp nhận sinh viên vào ở nội trú, trong trường hợp số người có nguyện vọng vào ở nội trú lớn hơn khả năng tiếp nhận của khu nội trú thì thứ tự ưu tiên theo đối tượng sinh viên như sau:

a) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, sinh viên khuyết tật;

b) Con liệt sỹ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như con thương binh, con của người có công;

c) Sinh viên có hộ khẩu thường trú tại vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

d) Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

e) Con mồ côi cả cha và mẹ;

f) Sinh viên là con hộ nghèo, cận nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước;

g) Sinh viên nữ;

h) Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động do Nhà trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, khu nội trú hoặc các tổ chức xã hội tổ chức.

#### **Điều 22. Mục đích, yêu cầu của công tác sinh viên nội trú**

##### 1. Mục đích

a) Rèn luyện ý thức kỷ luật, đạo đức lối sống và tác phong công nghiệp cho sinh viên diện nội trú bắt buộc để đảm bảo sẵn sàng đáp ứng tốt yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp;

b) Xây dựng nề nếp, kỷ cương trong việc quản lý sinh viên, tạo môi trường sinh hoạt, học tập lành mạnh và thân thiện; đảm bảo việc nắm bắt thường xuyên và kịp thời tình hình sinh viên nội trú; ngăn chặn mọi biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong sinh viên nội trú, đặc biệt là các tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma túy,...

##### 2. Yêu cầu

a) Công tác quản lý sinh viên nội trú phải đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa Nhà trường với công an, chính quyền địa phương và gia đình sinh viên kịp thời giải quyết các vụ việc có liên quan đến sinh viên và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, văn hóa trong khu nội trú.



## **Chương VII**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN NỘI TRÚ**

#### **Điều 23. Quyền của sinh viên ở nội trú**

1. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được ở và sử dụng các trang thiết bị trong khu nội trú theo hợp đồng nội trú đã ký với Ban QLKNT để phục vụ học tập và sinh hoạt.
2. Được tham gia các hoạt động phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần do Nhà trường, các tổ chức đoàn thể và Ban QLKNT tổ chức.
3. Được đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong khu nội trú.
4. Được kiến nghị với Trưởng Ban QLKNT và Nhà trường các giải pháp để góp phần xây dựng khu nội trú văn minh, sạch đẹp, an toàn; được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Trưởng Ban Quản lý khu nội trú của Nhà trường giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên trong khu nội trú.

#### **Điều 24. Nghĩa vụ của sinh viên nội trú**

1. Thực hiện thủ tục đăng ký ở nội trú, đăng ký tạm trú theo quy định của Luật Cư trú hiện hành và hướng dẫn của Ban QLKNT.
2. Chấp hành các quy định của khu nội trú về việc ra, vào, tiếp khách; chấp hành giờ học tập và sinh hoạt trong ngày từ 05h30 đến 22h30 (riêng thứ Bảy và Chủ Nhật, được gia hạn đến 23h00), giờ ngủ, nghỉ ban đêm từ 22h30 đến 05h30 sáng hôm sau. Trong thời gian ngủ nghỉ ban đêm: Sinh viên phải giữ gìn trật tự; tắt ánh sáng điện dùng chung ở các phòng; chỉ sử dụng đèn bàn có chụp (nếu có nhu cầu làm việc riêng); không gây ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của sinh viên khác trong phòng ở và khu nội trú.
3. Có ý thức phòng chống cháy nổ, giữ gìn và bảo vệ tài sản chung trong khu nội trú.
4. Nộp đủ và đúng hạn phí nội trú, tiền đặt cọc, các chi phí điện, nước sử dụng thực tế theo quy định trong hợp đồng.
5. Nếu làm hư hỏng, mất mát tài sản của khu nội trú phải bồi thường theo quy định của Ban QLKNT.
6. Phản ánh kịp thời các vụ việc xảy ra trong khu nội trú liên quan đến sinh viên vi phạm nội quy, quy chế và các đề xuất, kiến nghị chính đáng với Ban QLKNT.
7. Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống ma túy, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, các hoạt động khác do Nhà trường hoặc Ban QLKNT tổ chức; tích cực tham gia xây dựng khu nội trú văn minh, sạch đẹp, an toàn.

#### **Điều 25. Các hành vi sinh viên nội trú không được làm**

1. Cải tạo phòng, thay đổi hoặc tự ý di chuyển trang thiết bị trong phòng ở; gây mất trật tự, an ninh, vệ sinh môi trường; viết vẽ, che chắn làm mất mỹ quan trong phòng ở và khu sinh hoạt chung của khu nội trú.
2. Chuyển nhượng hoặc cho thuê lại hợp đồng ở nội trú đã ký với Ban QLKNT.
3. Tự ý đưa người lạ vào phòng ở của khu nội trú khi chưa được phép của Ban QLKNT.
4. Sản xuất, tàng trữ, sử dụng, buôn bán, vận chuyển, phát tán các loại vũ khí, chất gây cháy, gây nổ, hóa chất độc hại, các loại nước uống có nồng độ cồn từ 12 độ trở lên, ma túy và các chế phẩm của ma túy, các tài liệu, ấn phẩm, phim ảnh, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm theo quy định của Nhà nước; tổ chức hoặc tham gia đánh bạc, mại dâm dưới mọi hình thức.
5. Truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo và các hành vi bị cấm khác trong khu nội trú.

#### **Điều 26. Chế độ rèn luyện đối với sinh viên diện nội trú bắt buộc**

1. Chấp hành nghiêm túc việc học tập, rèn luyện theo Khung thời gian biểu trong ngày quy định tại Phụ lục 4, bắt đầu từ 05h30 đến 22h30 hàng ngày.
2. Mỗi tuần, thực hiện chế độ chạy dài 02 buổi sáng, tập thể dục 02 buổi sáng tại khu nội trú (trừ sáng thứ Bảy và Chủ nhật).
3. Mặc đồng phục theo quy định, đi giày da đen, đeo thẻ sinh viên khi lên giảng đường hoặc làm việc với các đơn vị trong Nhà trường.
4. Chấp hành chế độ báo động, điểm danh, kiểm tra định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Nhà trường.
5. Thực hiện chế độ lao động, giữ gìn cảnh quan, môi trường khu nội trú xanh, sạch, đẹp và văn minh theo kế hoạch của Nhà trường và Ban QLKNT.
6. Được quyền nghỉ rèn luyện tối đa 25% thời gian nội trú trong mỗi học kỳ (khi nghỉ phải có đơn xin nghỉ và phải trình báo Ban QLKNT trước thời gian nghỉ).

### **Điều 27. Quy định về phí nội trú và tiền đặt cọc nội trú**

1. Mức phí nội trú và mức tiền đặt cọc bảo đảm tài sản khu nội trú (sau đây gọi là tiền đặt cọc) do Hiệu trưởng quy định cho từng năm học và được áp dụng cho mọi đối tượng sinh viên nội trú.
2. Phí nội trú được thu theo học kỳ, thu một lần trước khi làm thủ tục đăng ký nội trú. Thời hạn thu phí nội trú học kỳ I, hoàn thành trước 30/9; học kỳ II, hoàn thành trước 30/03 (Thời gian mỗi học kỳ được tính 05 tháng, học kỳ I: tháng 9 đến tháng 12; học kỳ II: tháng 1 đến tháng 6).
3. Số tiền đặt cọc được thu một lần trước khi làm thủ tục đăng ký nội trú và sẽ được hoàn trả khi sinh viên làm thủ tục chấm dứt nội trú, sau khi đã khấu trừ chi phí tài sản bị hư hỏng, thất thoát phải đền bù (nếu có).

## **Chương VIII**

### **PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN NỘI TRÚ**

#### **Điều 28. Phòng Công tác sinh viên**

1. Là đầu mối tổng hợp, tham mưu để Nhà trường ban hành các quy định cụ thể đối với công tác sinh viên nội trú như: Các văn bản pháp quy, cơ chế quản lý điều hành tại khu nội trú, cơ chế thu phí,...
2. Phối hợp với Ban QLKNT trong công tác quản lý, giáo dục toàn diện cho sinh viên ở trong khu nội trú.
3. Chủ trì Đoàn kiểm tra khu nội trú định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần về công tác quản lý rèn luyện, trật tự nội vụ và các công tác có liên quan. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm: đại diện Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV, Trạm Y tế, đơn vị có sinh viên nội trú và Ban QLKNT.
4. Phối hợp với Ban QLKNT, Ban Bảo vệ, chính quyền và công an địa phương, các đơn vị và cá nhân thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật sinh viên nội trú và giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra có liên quan đến sinh viên nội trú.
5. Là đầu mối tổ chức các kỳ giao ban với chính quyền, công an các phường lân cận về công tác sinh viên nội trú.

#### **Điều 29. Ban quản lý Khu nội trú**

1. Trưởng Ban QLKNT chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc tổ chức quản lý, đảm bảo cơ sở vật chất và hoạt động theo đúng các điều khoản của hợp đồng giao khoán đã ký giữa Ban QLKNT với Nhà trường.
2. Trưởng Ban QLKNT có trách nhiệm chủ động đề xuất các ý kiến, kiến nghị tới các phòng, ban, đơn vị và Ban Giám hiệu Nhà trường về mảng công tác sinh viên nội trú. Ban hành các văn

bản hướng dẫn nội bộ để triển khai các quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà trường. Cử cán bộ thường trực 24/24 để tiếp sinh viên và giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra.

3. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy của sinh viên trong khu nội trú và xử lý các vi phạm. Phối hợp tham gia Đoàn kiểm tra định kỳ thứ Tư hàng tuần và các đoàn kiểm tra thường xuyên, đột xuất khác của Nhà trường.

4. Phổ biến các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế, nội quy của Nhà trường, nội quy của Ban QLKNT đến sinh viên nội trú.

5. Làm thủ tục đăng ký tạm trú cho sinh viên ở nội trú với công an phường theo quy định hiện hành của pháp luật.

6. Trưởng Ban QLKNT chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc tổ chức triển khai công tác quản lý và rèn luyện sinh viên diện nội trú bắt buộc theo Điều 26 trong Quy chế này.

7. Ban QLKNT có trách nhiệm công khai các khoản thu phí, danh mục và mức khấu trừ tài sản hàng năm; phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính đối chiếu, kiểm tra việc thu nộp phí nội trú và xử lý các trường hợp sinh viên nộp chậm hoặc không nộp phí nội trú theo quy định.

8. Tổ chức triển khai trực đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống dịch bệnh tại khu nội trú; kiểm tra, đôn đốc trật tự, nội vụ, vệ sinh; đảm bảo nguồn điện, nước, hệ thống băng tin, hệ thống phát thanh và các cơ sở vật chất cần thiết khác đáp ứng việc học tập và rèn luyện tốt cho sinh viên ở nội trú.

9. Điều động và quản lý sinh viên (diện bắt buộc nội trú) tham gia trực an ninh chung và các hoạt động khác theo kế hoạch của Nhà trường.

10. Tham gia Hội đồng xét phân loại rèn luyện sinh viên cấp khoa/viện (đối với sinh viên các chương trình đào tạo Điều khiển tàu biển, Khai thác Máy tàu biển ở nội trú), cử cán bộ tham gia chào cờ định kỳ theo kế hoạch của các đơn vị có sinh viên nội trú.

11. Trưởng Ban QLKNT được Hiệu trưởng uỷ quyền ký, đóng dấu các văn bản:

a) Hợp đồng vào ở nội trú (ký giữa sinh viên và Ban QLKNT);

b) Quyết định kỷ luật sinh viên vi phạm ở mức khiển trách và cảnh cáo.

12. Thực hiện xử lý kỷ luật sinh viên theo phân cấp của Trường. Các quyết định kỷ luật sinh viên phải được gửi về khoa/viện và Phòng CTSV (gửi kèm Báo cáo tháng). Đối với các trường hợp vi phạm cao hơn mức cảnh cáo, Trưởng Ban QLKNT tổ chức họp hội đồng kỷ luật cơ sở (mời đại diện khoa/viện, Ban Cán sự Nhóm CVHT dự), sau đó chuyển hồ sơ đề nghị về Phòng CTSV để trình Ban Giám hiệu xem xét, quyết định.

### **Điều 30. Các khoa/viện, đơn vị có sinh viên nội trú**

1. Có trách nhiệm tham gia Hội đồng kỷ luật cơ sở do Ban QLKNT mời để xem xét các trường hợp sinh viên nội trú vi phạm kỷ luật cao hơn mức cảnh cáo; tham gia các Hội đồng khen thưởng, kỷ luật cấp Trường theo kế hoạch của Ban Giám hiệu.

2. Phối hợp chặt chẽ với Ban QLKNT trong việc đôn đốc, kiểm tra, báo động hoặc điếm danh định kỳ hoặc đột xuất sinh viên ở tại khu nội trú.

3. Các khoa/viện phụ trách chương trình đào tạo Điều khiển tàu biển, Khai thác Máy tàu biển có trách nhiệm phân công cán bộ, Trợ lý CTSV tham gia Đoàn kiểm tra định kỳ khu nội trú theo kế hoạch của Phòng CTSV.

## C. CÔNG TÁC SINH VIÊN NGOẠI TRÚ

### Chương IX

#### QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN NGOẠI TRÚ

##### Điều 31. Đối tượng áp dụng

1. Sinh viên ngoại trú là sinh viên hệ đại học chính quy của Trường không ở trong khu nội trú của Trường. Sinh viên ngoại trú bao gồm các trường hợp sau:

- a) Sinh viên ở với gia đình bố, mẹ, anh, chị (hoặc người có trách nhiệm nuôi dưỡng...);
- b) Sinh viên ở nhà người thân, họ hàng;
- c) Sinh viên thuê nhà, thuê phòng trọ ở bên ngoài Nhà trường.

2. Sinh viên ngoại trú phải chịu sự quản lý của Nhà trường, chính quyền địa phương và có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Nhà trường và chính quyền địa phương nơi cho phép cư trú.

##### Điều 32. Mục đích, yêu cầu của công tác sinh viên ngoại trú

###### 1. Mục đích

a) Công tác sinh viên ngoại trú góp phần rèn luyện sinh viên ngoại trú trong việc thực hiện nhiệm vụ của người học theo quy định của Luật giáo dục và Quy chế CTSV hiện hành của Nhà trường;

b) Xây dựng nề nếp, kỷ cương trong việc quản lý sinh viên ngoại trú, đảm bảo nắm bắt kịp thời thực trạng, tình hình sinh viên ngoại trú;

c) Ngăn chặn, đẩy lùi, xoá bỏ cơ bản những biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong sinh viên ngoại trú, đặc biệt là các tệ nạn xã hội, cờ bạc, ma túy...

###### 2. Yêu cầu

a) Thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của chính quyền địa phương;

b) Nắm được tình hình sinh viên ngoại trú, kịp thời phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan đến sinh viên ngoại trú;

c) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa Nhà trường với địa phương, gia đình sinh viên ngoại trú;

d) Hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên ngoại trú đảm bảo an toàn, trật tự, văn hóa ở nơi cư trú.

#### Chương X QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN NGOẠI TRÚ

##### Điều 33. Quyền của sinh viên ngoại trú

1. Sinh viên ngoại trú được hưởng các quyền theo quy định hiện hành của Quy chế học sinh, sinh viên trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Được hưởng các quyền công dân cư trú trên địa bàn, được chính quyền địa phương, Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ trong việc ngoại trú.

3. Được quyền khiếu nại, đề đạt nguyện vọng của mình đến chính quyền địa phương, Hiệu trưởng Nhà trường và các cơ quan hữu quan đối với các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng tại nơi cư trú.

##### Điều 34. Nghĩa vụ của sinh viên ngoại trú

1. Thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành của Quy chế học sinh, sinh viên trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Thực hiện nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật. Chấp hành các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống ma túy, phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường nơi cư trú và các hoạt động khác do địa phương tổ chức.

3. Phải đăng ký tạm trú với công an xã (phường, thị trấn) và báo cáo Nhà trường (qua CVHT) về địa chỉ ngoại trú của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhập học để theo dõi, quản lý.

4. Khi có sự thay đổi về nơi cư trú, phải báo địa chỉ cư trú mới của mình với Nhà trường (qua CVHT) trong thời hạn 15 ngày để theo dõi, quản lý.

5. Sinh viên ngoại trú có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại nơi có hộ khẩu thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại các khoản 1, 2, 4 của Điều này.

## **Chương XI**

### **PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM**

#### **TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN NGOẠI TRÚ**

#### **Điều 35. Phòng Công tác sinh viên**

1. Tham mưu xây dựng những quy định, hoạt động quản lý cụ thể đối với sinh viên ngoại trú; đề xuất ban hành và triển khai thực hiện quy chế phối hợp giữa Nhà trường và chính quyền địa phương lân cận Trường.

2. Hướng dẫn các khoa/viện, các đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện quy chế, quy trình, thủ tục liên quan công tác sinh viên ngoại trú.

3. Là đầu mối của Trường trong việc phối hợp với công an, chính quyền địa phương, các khoa/viện, Ban bảo vệ, các đơn vị và cá nhân liên quan để nắm bắt tình hình sinh viên ngoại trú đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên ngoại trú thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đồng thời giải quyết các vụ việc liên quan đến sinh viên ngoại trú.

4. Là đầu mối của Trường trong việc phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng tham mưu, đề xuất cho Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ đạo thực hiện công tác sinh viên ngoại trú phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

5. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình và đôn đốc việc thực hiện công tác sinh viên ngoại trú ở các khoa/viện; lập các báo cáo định kỳ, đột xuất với Ban Giám hiệu và các Bộ ngành có liên quan theo yêu cầu.

#### **Điều 36. Các khoa/viện, đơn vị có sinh viên**

1. Trưởng khoa/viện chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc quản lý, theo dõi và kiểm tra toàn diện đối với sinh viên ngoại trú thuộc khoa/viện quản lý.

2. Trực tiếp hướng dẫn, giải quyết thủ tục cho sinh viên có nguyện vọng ở ngoại trú theo quy định của Nhà trường.

3. Ban hành những quy định, hướng dẫn nội bộ khoa/viện về CTSV ngoại trú trên cơ sở quy định chung của Nhà trường.

4. Theo dõi danh sách sinh viên ngoại trú, thường xuyên cập nhật địa chỉ liên lạc và các thông tin liên quan của sinh viên ngoại trú.

5. Xử lý nghiêm các vi phạm của sinh viên ngoại trú theo thẩm quyền; chủ động thông tin, phối hợp với Phòng CTSV, Ban bảo vệ, các đoàn thể, công an xã phường, cụm dân cư giải quyết kịp thời các vụ việc có liên quan đến sinh viên ngoại trú.

## **D. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Chương XII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 37. Công tác chỉ đạo**

1. Hiệu trưởng giao Phó Hiệu trưởng phụ trách CTSV thay mặt Hiệu trưởng chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên có liên quan đến CTSV, báo cáo tình hình cho Hiệu trưởng trong các kỳ họp giao ban Ban Giám hiệu hoặc báo cáo theo yêu cầu.

2. Giao Phòng CTSV là đơn vị thường trực giúp Ban Giám hiệu đôn đốc, kiểm tra các đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Quy chế này.

#### **Điều 38. Công tác phối hợp**

Phòng CTSV, các khoa/viện/Ban QLKNT, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị và cá nhân liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ với gia đình sinh viên, các cơ quan có liên quan trên địa bàn để tổ chức thực hiện tốt công tác sinh viên.

#### **Điều 39. Chế độ báo cáo**

1. Kết thúc tháng và kết thúc học kỳ, các khoa/viện/Ban QLKNT tổ chức tổng kết, đánh giá CTSV, gửi báo cáo CTSV về Phòng CTSV để tổng hợp, báo cáo Ban Giám hiệu và báo cáo các Bộ, ngành liên quan.

2. Các khoa/viện/Ban QLKNT và các đơn vị liên quan kịp thời báo cáo Ban Giám hiệu và Phòng CTSV theo yêu cầu kế hoạch hoặc đột xuất những vụ việc xảy ra có liên quan đến sinh viên.

#### **Điều 40. Công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật**

1. Ban Giám hiệu, Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng, Phòng CTSV theo thẩm quyền tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác sinh viên được xét khen thưởng theo quy định. Các đơn vị, cá nhân vi phạm quy chế công tác sinh viên tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

#### **Điều 41. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị và cá nhân đóng góp ý kiến bằng văn bản gửi Phòng CTSV để tập hợp, trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**PGS.TS. Phạm Xuân Dương**

**PHỤ LỤC 1**  
**KHUNG ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIÊN**

TT	KHUNG ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN	MỨC ĐIỂM	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC HỌC TẬP</b>		
<b>❖ Cộng điểm cho SV: 20</b>			
1	Không vi phạm quy chế thi và kiểm tra.	+10	Cả HK
2	Thi lần 1 điểm TBCHT: 1,5 đến 1,99	+6	Cả HK
	2,0 đến 2,49	+7	
	2,5 đến 3,19	+8	
	3,2 đến 3,59	+9	
	3,6 đến 4,00	+10	
3	Nghiên cứu khoa học; thi Olympic đạt giải: Cấp Trường, Cấp Thành phố, Bộ, Ngành, Quốc gia.	Khen thưởng riêng	
<b>❖ Phạt điểm rèn luyện đối với các SV có một trong các vi phạm sau:</b>			
4	a. Không mang thẻ SV khi đi thi.	-10	Xử lý theo quy chế thi và quy chế tuyển sinh
	b. Thi hộ, học hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, học hộ; làm đồ án/ khóa luận hộ; sử dụng giấy tờ, văn bằng chứng chỉ giả, sử dụng thiết bị thu phát, truyền tin, điện thoại...	-21K ÷ 31K	
5	Bỏ học, bỏ thực tập, bỏ thi, bỏ KNT (đối với SV diện bắt buộc phải nội trú) trên 2 tuần liên tục không lí do.	-26 ÷ -31	
<b>II</b>	<b>ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ TRONG TRƯỜNG</b>		
<b>❖ Cộng điểm cho SV : 25</b>			
1	a. Mặc đồng phục đúng quy định.	+10	Cả HK
	b. Chấp hành các nội quy, quy chế.	+10	
	c. Chấp hành các văn bản chỉ đạo của nhà trường.	+5	
<b>❖ Phạt điểm rèn luyện đối với các SV có một trong các vi phạm sau:</b>			
2	a. Đánh bài, chơi cờ trong giờ học - giờ tự tu (ở khu nội trú); đi chơi quá giờ quy định, trèo cổng, trèo rào. Sử dụng điện thoại không đúng quy định.	-15K	
	b. Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp:		
	- Lần 1	-15K	
	- Lần 2	-21K	
	- Lần 3	-26K	
- Lần 4	-31K		
c. Để xe, đá bóng không đúng giờ - nơi quy định; đun nấu trong phòng.	-5		
3	a. Đưa người lạ vào KNT, cho người khác tạm trú tại phòng ở, tiếp khách tại phòng không được phép của KNT; gây ồn ào mất trật tự nơi ở.	-15K	
	b. Thay đổi chỗ ở mà không báo cho khoa/ viện (SV ngoại trú).	-15	
4	a. Không chấp hành mệnh cấp trên (từ cấp Bộ môn trở lên).	-15K	Các lỗi 4b, 4c, 4d vi phạm từ lần 3 trở đi phạt
	b. Nói tục, chửi bậy, để râu tóc không đúng qui định (để tóc quá dài hoặc cắt trọc); quần áo, chăn màn không gọn gàng, vi phạm quy tắc vệ sinh phòng ở, lớp học và nơi công cộng.	-5	
	c. Vi phạm một trong các lỗi sau: không tập thể dục sáng; hút thuốc trong khuôn viên trường, KNT.	-5	

TT	KHUNG ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN	MỨC ĐIỂM	GHI CHÚ
	d. Không đeo thẻ SV, mặc sai đồng phục.	-10	thêm lỗi 4a
	e. Vi phạm luật an toàn giao thông.	-15	
5	a. Trộm cắp tài sản; chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có; tham gia đánh bạc, số đề, cá độ bóng đá; mua bán dâm;	-26K ÷ -31K	Chuyên CA xử lý
	b. Tàng trữ/ buôn bán/ sử dụng/ lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất cháy nổ; ma tuý; buôn bán hàng cấm theo quy định của Nhà nước.	-31K	
	c. Chứa chấp, môi giới hoạt động mại dâm.	-31K	
6	Vô lễ, có hành vi đe dọa thầy cô giáo, cán bộ CNV, người thừa hành công vụ, gây gỗ đánh nhau, đánh nhau gây thương tích.	-15K ÷ -31K	
7	Làm hư hỏng tài sản trong Trường.	-15K ÷ - 31K	Phải bồi thường thiệt hại
8	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa đồi trụy; tham gia các hoạt động mê tín dị đoan; hoạt động tôn giáo trái phép; tuyên truyền, chống phá Đảng, Nhà nước.	-15K ÷ - 31K	Chuyên CA xử lý
9	Các trường hợp vi phạm có tính chất nghiêm trọng	-26K ÷ -31K	
<b>III</b>	<b>ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC KẾT QUẢ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI</b>		
	<b>❖ Cộng điểm cho SV: 20</b>		
1	Tham gia sinh hoạt, hoạt động với Nhóm, các đoàn thể, tham gia sinh hoạt ngoại khóa đầy đủ (100%). Chấp hành sự phân công của Nhóm, Đoàn thể.	+12	Cả HK
2	Tham gia SV tình nguyện; tham gia phòng chống tệ nạn XH, phong trào tự quản tốt; cứu người bị nạn, tận tình giúp bạn lúc khó khăn, ốm đau.	+8	Cả HK
3	Tham gia phòng trào thể dục thể thao, văn nghệ có giải: + Cấp trường. + Cấp Thành phố, Bộ, Quốc gia.	Khen thưởng riêng	
4	Cá nhân phấn đấu và được kết nạp vào tổ chức Đảng CS Việt Nam.	Khen thưởng riêng	
5	Phát hiện ngăn chặn những việc làm vi phạm như: truyền đạo, đua xe trái phép, mê tín dị đoan, cá độ, số đề, lưu hành, tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy.	Khen thưởng riêng	
	<b>❖ Phạt điểm rèn luyện đối với các SV có một trong các vi phạm sau:</b>		
6	a. Bỏ chào cờ / sinh hoạt định kỳ; Bỏ các hoạt động theo triệu tập của Trường, Khoa/ Viện, đoàn thể.	-15	
	b. Gây mất đoàn kết trong Nhóm, đoàn thể, trong và ngoài trường.	-15K	
<b>IV</b>	<b>ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT CÔNG DÂN VÀ QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG</b>		
	<b>❖ Cộng điểm cho SV: 25</b>		
1	Chấp hành và tuyên truyền tốt chính sách, pháp luật Nhà nước, ý thức kỷ luật nghiêm, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong, ngoài trường được các tổ chức, đoàn thể, nhà trường đánh giá tốt.	+15	Cả HK
2	Có ý thức tôn trọng phong tục tập quán của nhân dân, hương ước xóm phố, kính trọng lễ phép, xây dựng nếp sống văn hóa, được tập thể lớp, địa phương, trường công nhận.	+10	Cả HK
3	Có ý thức tham gia các hoạt động xã hội, có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng lúc khó khăn, hoạn nạn được ghi nhận, biểu dương.	Khen thưởng riêng	
	<b>❖ Phạt điểm rèn luyện đối với các SV có một trong các vi phạm sau:</b>		
4	a. Có hành vi vi phạm Nội quy, Quy định trong cộng đồng dân cư ở nơi cư trú, có ý kiến phản ánh của khu dân cư.	-10 ÷ -31	
	b. Không tham gia đánh giá giảng viên, CVHT	-15	



TT	KHUNG ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN	MỨC ĐIỂM	GHI CHÚ
V	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA PHỤ TRÁCH LỚP SV, CÁC ĐOÀN THỂ, CÁC TỔ CHỨC KHÁC TRONG TOÀN TRƯỜNG		
❖ Cộng điểm cho SV: 10			
1	Là cán bộ Nhóm, cán bộ đoàn, hội SV từ cấp Nhóm, chi đoàn trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Khen thưởng riêng	
2	Tham gia phụ trách, có khả năng quản lý Nhóm, các tổ chức: đoàn hội, các câu lạc bộ của Khoa/Viện, của Nhà trường.	+10	
VI	QUY ĐỊNH MỨC KỶ LUẬT		
1	SV bị phạt từ 15 đến 20 điểm	Khiển trách	
2	SV bị phạt từ 21 đến 25 điểm	Cảnh cáo	
3	SV bị phạt từ 26 đến 30 điểm	Đình chỉ học tập 1 năm	
4	SV bị phạt từ 31 điểm trở lên	Buộc thôi học.	

### **Chú ý:**

- Điểm phạt của sinh viên tính cho mỗi lần vi phạm;
- **K:** Viết tắt của “**Không lao động giảm điểm**”;
- SV bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học;
- Điểm rèn luyện được tính theo từng học kỳ, năm học (Trung bình chung các học kỳ trong năm học) và toàn khóa học (Trung bình chung toàn khóa) và có ghi vào Bảng kết quả học tập- rèn luyện toàn khóa và Bản xác nhận quá trình học tập tại trường;
- Điểm cộng không quá khung quy định cho phép, điểm trừ tùy theo lỗi vi phạm;
- Đối với các lỗi thuộc diện được lao động giảm điểm, SV được quyền viết đơn xin lao động giảm điểm phạt và hoàn thành lao động trong vòng 15 ngày kể từ ngày Khoa/Viện ra thông báo về mức vi phạm. Mỗi học kỳ chỉ được lao động giảm điểm 01 lần và tổng điểm giảm trong học kỳ không quá 15 điểm. Lỗi thuộc học kỳ nào thì chỉ được lao động giảm điểm trong kỳ đó. Sau khi SV đã lao động giảm điểm (đối với các lỗi được lao động giảm điểm) nếu còn điểm ở các mức quy định ở trên thì Khoa/Viện, Nhà trường ra quyết định kỷ luật;
- SV phải tự mình lao động theo sự phân công của Khoa/Viện để giảm điểm phạt. Sau khi đã có xác nhận hoàn thành công việc được giao, điểm được tính từ 2-5 điểm/buổi lao động (mỗi buổi từ 3-4 tiếng) tùy theo tính chất công việc. Nghiêm cấm việc nộp tiền thay cho lao động hoặc nhờ, thuê người khác làm hộ công việc được giao. Hàng tháng, danh sách và kết quả lao động giảm điểm được Khoa/Viện công bố công khai trên bảng tin và được thông báo tại các buổi chào cờ định kỳ của Khoa/Viện.

### **Phân loại rèn luyện sinh viên:**

TT	Điểm rèn luyện	Xếp loại
1	Từ 90 đến 100 điểm	Xuất sắc
2	Từ 80 đến 89 điểm	Tốt
3	Từ 70 đến 79 điểm	Khá
4	Từ 50 đến 69 điểm	Trung bình
5	Từ 35 đến 49 điểm	Yếu

**PHỤ LỤC 2**  
**KHUNG THỜI GIAN BIỂU TRONG NGÀY CỦA SINH VIÊN**  
**DIỆN NỘI TRÚ BẮT BUỘC**

<b>THỜI GIAN</b>	<b>NỘI DUNG CÔNG VIỆC</b>	<b>TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC KIỂM TRA VÀ DUY TRÌ</b>
Sáng từ 05h30	Báo thức bằng hiệu lệnh	Trực chỉ huy Khu Nội trú
05h30 ÷ 05h40	SV tập trung dưới sân các nhà	Cán bộ QL KNT
05h40 ÷ 06h20	Thể dục theo nhạc hoặc chạy dài theo lịch	Cán bộ QL KNT
06h20 ÷ 06h50	SV học sáng lên giảng đường	Trưởng tầng, Trưởng phòng
07h30 ÷ 10h00	SV học chiều tự tu	Trưởng tầng, Trưởng phòng
10h00 ÷ 11h30	Ăn trưa (với SV học chiều)	Trưởng tầng, Trưởng phòng
11h30 ÷ 12h20	SV học chiều lên giảng đường	Trưởng tầng, Trưởng phòng
12h30 ÷ 13h45	Nghỉ trưa (với SV học sáng)	Trưởng tầng, Trưởng phòng
14h00 ÷ 16h30	SV học sáng tự tu	Trưởng tầng, Trưởng phòng
16h30 ÷ 18h30	Nghỉ ngơi, giải trí	Trưởng tầng, Trưởng phòng
18h40 ÷ 19h30	Ăn tối	Trưởng tầng, Trưởng phòng
19h30 ÷ 21h30	SV tự tu	Trưởng tầng, Trưởng phòng
21h30 ÷ 22h30	Sinh hoạt cá nhân	Trưởng tầng, Trưởng phòng
22h30 ÷ 05h30	Ngủ nghỉ	Bảo vệ, trực an ninh nhà

**PHỤ LỤC 3**  
**ĐIỂM THƯỜNG ĐỐI VỚI BAN CÁN SỰ NHÓM CVHT**  
**CÁN BỘ CHI ĐOÀN, CHI HỘI**

Điểm thường cho cán bộ Nhóm CVHT, cán bộ Chi đoàn, Chi hội được tính theo tiêu chí phân loại nhóm CVHT và được tính cộng thêm vào điểm trung bình chung học tập khi xét học bổng hoặc xét phân loại thi đua và chỉ lấy điểm thường cao nhất (nếu giữ nhiều chức vụ khác nhau). Cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Nhóm CVHT		
		Xuất sắc	Tiên tiến	Không danh hiệu
1	Nhóm trưởng, Nhóm phó, Bí thư chi đoàn, Phó bí thư chi đoàn, Chi hội trưởng chi hội SV.	0,2	0,15	0,05
2	Cán bộ Đoàn, Hội từ cấp Khoa/ Viện trở lên, Trưởng tầng tại KNT, Trưởng phòng tại KNT (diện bắt buộc nội trú)	0,1	0,05	0,03

## PHỤ LỤC 4

### BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Đây là khung đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên sau mỗi học kỳ, Ban cán sự Nhóm sẽ cùng CVHT đánh giá và kết luận điểm rèn luyện trong học kỳ của mỗi sinh viên trong nhóm kết hợp với điểm học tập và điểm vi phạm (nếu có) trong học kỳ.

#### KHUNG ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

(Học kỳ Năm học 20 -20 )

Họ và tên SV: ..... Sinh ngày: ...../...../..... Mã SV: .....

Nhóm: ..... Khoa/ Viện: ..... Điện thoại: .....

**Đánh giá xếp loại rèn luyện trong học kỳ như sau:**

TT	KHUNG ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP-RÈN LUYỆN	KHUNG ĐIỂM	ĐIỂM SV ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
<b>A</b>	<b>ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HỌC TẬP (Phần mềm tự động tính điểm cộng)</b>			
1	Thi lần 1 điểm TBCHT: 1,50 đến 1,99	+12	.....	.....
	2,00 đến 2,49	+14	.....	.....
	2,50 đến 3,19	+16	.....	.....
	3,20 đến 3,59	+18	.....	.....
	3,60 đến 4,00	+20	.....	.....
<b>B</b>	<b>ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC VI PHẠM CÁC MỨC KỶ LUẬT (Khoa/viện nhập QĐ, Phần mềm tự động tính điểm trừ)</b>			
1	Khiển trách	-15	.....	.....
2	Cảnh cáo	-21	.....	.....
3	Đình chỉ học tập 01 năm	-26	.....	.....
<b>C</b>	<b>ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ (CVHT, Cán bộ nhóm bình xét và nhập điểm)</b>			
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC HỌC TẬP (CỘNG TỐI ĐA 10 ĐIỂM)</b>			
1	Đi học, thực tập đúng giờ.	+10	.....	.....
2	Điểm danh hộ hoặc nhờ người khác điểm danh hộ, học hộ.	-15	.....	.....
<b>II</b>	<b>ĐÁNH GIÁ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ (CỘNG TỐI ĐA 15 ĐIỂM)</b>			
1	a. Mặc đồng phục đúng quy định.	+10	.....	.....
	b. Chấp hành các văn bản chỉ đạo của trường.	+5	.....	.....
2	a. Vi phạm quy chế CTSV nội trú.	-15	.....	.....
	b. Thay đổi chỗ ở mà không thông báo cho CVHT (diện ở ngoại trú).	-10	.....	.....
3	a. Nói tục, chửi bậy, để râu tóc không đúng quy định (để tóc quá dài hoặc cắt trực);	-5/lần	.....	.....
	b. Vi phạm một trong các lỗi sau: bỏ chào cờ; hút thuốc trong khuôn viên trường, khu nội trú.	-15/lần	.....	.....
4	a. Trộm cắp tài sản; chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có; tham gia đánh bạc, số đề, cá độ bóng đá;	-26 đến -31	.....	.....
	b. Tàng trữ vũ khí, chất cháy nổ; nghiện hút, sử dụng ma túy; buôn bán hàng cấm theo quy định của Nhà nước.	-31	.....	.....
	c. Chứa chấp, môi giới, hoạt động mại dâm.	-31	.....	.....

TT	KHUNG ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP-RÈN LUYỆN	KHUNG ĐIỂM	ĐIỂM SV ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
5	Vô lễ, có hành vi đe dọa thầy cô giáo, cán bộ CNV, người thừa hành công vụ; gây gỗ, đánh nhau gây thương tích.	-15 đến -31	.....	.....
6	Làm hư hỏng tài sản trong Nhà trường.	-15 đến -31	.....	.....
7	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa phẩm đồi trụy; tham gia các hoạt động mê tín dị đoan; hoạt động tôn giáo trái phép.	-15 đến -31	.....	.....
8	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật.	-26 đến -31	.....	.....
9	Vi phạm các quy định về luật ATGT, bị cơ quan công an xử phạt	-15	.....	.....
<b>III</b>	<b>ĐÁNH GIÁ Ý THỨC KẾT QUẢ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, VHVN - THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG CÁC TỆ NẠN XH (CỘNG TỐI ĐA 20 ĐIỂM)</b>			
1	Chấp hành sự phân công của lớp, Đoàn thể và tham gia sinh hoạt, hoạt động đối với nhóm, các đoàn thể, sinh hoạt ngoại khóa đầy đủ (100%)	+12	.....	.....
2	Tham gia sinh viên tình nguyện; tận tình giúp đỡ bạn lúc khó khăn, ốm đau... Có hành động dũng cảm bắt kẻ gian, cứu người bị nạn...	+8	.....	.....
3	a. Bỏ sinh hoạt nhóm, khoa, đoàn thể, sinh hoạt ngoại khóa. b. Gây mất đoàn kết trong nhóm, đoàn thể, trong và ngoài trường.	-5/lần -15	.....	.....
4	Che giấu, không tố giác các tệ nạn XH hoặc lôi kéo người khác tham gia tệ nạn XH	-15 đến -31	.....	.....
<b>IV</b>	<b>ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT CÔNG DÂN VÀ QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG (CỘNG TỐI ĐA 25 ĐIỂM)</b>			
1	Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước, ý thức kỉ luật nghiêm, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài Trường.	+15	.....	.....
2	Có ý thức tôn trọng quy định của nơi cư trú, kính trọng lễ phép, xây dựng nếp sống văn hóa, được tập thể lớp, địa phương, trường công nhận.	+10	.....	.....
3	Có hành vi vi phạm nội quy, quy định trong cộng đồng dân cư ở nơi cư trú.	-10 đến -31	.....	.....
<b>V</b>	<b>ĐÁNH GIÁ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA PHỤ TRÁCH LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, CÁC TỔ CHỨC KHÁC TRONG TOÀN TRƯỜNG (CỘNG TỐI ĐA 10 ĐIỂM)</b>			
1	Phụ trách, quản lý tốt nhóm, các tổ chức đảng, đoàn, hội, các câu lạc bộ của Khoa/ Viện, của Trường.	+10	.....	.....
<b>TỔNG ĐIỂM HỌC TẬP RÈN LUYỆN = A+B+C</b> <b>(Phần mềm tự động tính)</b>			.....	.....
<b>XẾP LOẠI RÈN LUYỆN (Phần mềm tự động tính)</b>				
Từ 90 đến 100 điểm		Xuất sắc		
Từ 80 đến 89 điểm		Tốt	.....	.....
Từ 70 đến 79 điểm		Khá		
Từ 50 đến 69 điểm		Trung bình		
Từ 35 đến 49 điểm		Yếu		

# MỘT SỐ CÔNG TÁC SINH VIÊN CẦN LƯU Ý

## I. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

### 1. Vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội

#### 1.1 Đối tượng được vay vốn

SV có hoàn cảnh khó khăn đang theo học tại các Trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

a) SV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

b) SV là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

- Hộ nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật.
- Hộ cận nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật.
- Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật.

#### 1.2. Phương thức cho vay

Việc cho vay đối với học sinh, SV được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động, được trực tiếp vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhà trường đóng trụ sở.

#### 1.3. Mức vay, lãi suất, thời hạn trả

Mức vay tối đa: 4 triệu/ tháng/ 1 SV; lãi suất: 0.65%/ tháng.

Kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, đối tượng được vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. Đối tượng được vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn.

Mức trả nợ mỗi lần do Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn và được thống nhất trong hợp đồng tín dụng.

## 2. Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục

### 2.1. Trình tự, thủ tục và hồ sơ

TT	Đối tượng được hưởng	Giấy tờ cần nộp cho Nhà trường
1	Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	Căn cứ NĐ131/2021/NĐ-CP. 1. Đơn đề nghị “Đề nghị giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo- Mẫu số 20. (kèm theo giấy khai sinh của SV, thẻ thương bệnh binh, Quyết định hưởng chế độ ưu đãi...). 2. Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi trong giáo dục đào tạo -Mẫu số 70.
2	Sinh viên khuyết tật	1. Giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện, thị xã hoặc của hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn đối với SV bị tàn tật, khuyết tật (bản sao).

TT	Đối tượng được hưởng	Giấy tờ cần nộp cho Nhà trường
3	<p>Trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p>	<p>Quyết định (bản sao) về việc trợ cấp xã hội của chủ tịch UBND cấp huyện đối với SV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.</p>
4	<p>Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p><i>Ghi chú: Ngoài miễn giảm học phí, SV được Nhà Nước cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11-11-2013 của Thủ tướng Chính phủ.</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Căn cước công dân (có công chứng).</li> <li>2. Giấy chứng nhận là người dân tộc thiểu số.</li> <li>3. Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.</li> </ol> <p><i>Lưu ý: SV thuộc diện này nộp hồ sơ 2 lần/năm</i>  + HK1: hạn cuối 30/9 hàng năm  + HK2: hạn cuối 28/2 hàng năm</p>
5	<p>Học sinh, <b>sinh viên hệ cử tuyển</b> (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên) theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.</p>	<p>Quyết định cử tuyển (nộp từ khi nhập học)</p>
6	<p>Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Căn cước công dân (bản sao có công chứng).</li> <li>2. Giấy chứng nhận là người dân tộc thiểu số.</li> <li>3. Giấy chứng nhận ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn</li> </ol> <p><i>Lưu ý: SV thuộc diện này nộp hồ sơ 2 lần/năm</i>  + HK1: hạn cuối 30/9 hàng năm  + HK2: hạn cuối 28/2 hàng năm</p>
7	<p>Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.</p>	<p>- Quyết định về việc hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp hoặc tai nạn lao động (bản sao).</p>

## 2.2. Phương thức chi trả

- SV được miễn, giảm học phí tại Trường đối với học phí của lần học đầu tiên (*SV đăng ký thi phụ, học cải thiện điểm, học lại thì không được miễn giảm học phí*).

- Trường hợp SV bị kỷ luật ngừng học (đình chỉ học tập 1 năm) hoặc buộc thôi học thì không được miễn giảm học phí. Khi hết thời hạn bị kỷ luật ngừng học (đình chỉ học tập 1 năm) và được Nhà trường cho phép trở lại học tập thì được tiếp tục xét hưởng chế độ này.

## II. CÔNG TÁC THƯ VIỆN TRƯỜNG HỌC

Địa chỉ: Thư viện Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: Tầng 2, 3, Nhà C6.

Điện thoại: 02253.735.640

### 1. Các nguồn tài nguyên

- Tài liệu truyền thống:

+ Sách: 13.517 đầu sách (117.563 bản). Trong đó sách ngoại văn 4.706 đầu sách (8.853 bản), còn lại là sách tiếng Việt (Giáo trình: 57.617 bản, Sách tham khảo: 19.117 bản).

+ Tài liệu môn học (sách NXB Hàng hải): 194 đầu (13.952 bản).

+ Báo, tạp chí tiếng Việt và tiếng Anh: 170 loại.

+ Thiết kế tốt nghiệp: 13.149 bản, kèm theo 7.407 bản vẽ.

+ Luận văn thạc sĩ: 4.580 bản, luận án Tiến sĩ: 95 bản.

+ Đề tài Nghiên cứu Khoa học: 1.408 bản.

- Tài liệu điện tử:

+ CSDL Thư viện số do Thư viện xây dựng với 7.464 tài liệu và 164 đĩa CD-Rom tạp chí điện tử các ngành.

+ CSDL liên kết với Trung tâm số ĐH Thái Nguyên với 63.167 tài liệu.

+ Cơ sở dữ liệu ProQuest Central với số tạp chí: 19,000 (13.000 tạp chí toàn văn các ngành).

- CSDL Tiếng Việt, Tiếng Anh khác (Thư viện học liệu mở, Bộ pháp điển, Cengage, WordCat, ...) với trên 10.000 tài liệu,... Bạn đọc được sử dụng và truy cập miễn phí tại Thư viện, đối với các tài khoản truy cập từ xa bạn đọc tự liên hệ nhà cung cấp để được hỗ trợ.

Địa chỉ truy cập: <http://opac.vimaru.edu.vn>

<http://tailieuso.vimaru.edu.vn>

### 2. Các phòng phục vụ bạn đọc

- Phòng đọc Tổng hợp (350 chỗ): Phòng 301

- Phòng đọc Báo, tạp chí : Phòng 303 - C6

- Phòng đọc giáo viên: Phòng 305 - C6

- Phòng đọc điện tử số 01: Phòng 207 - C6

- Phòng đọc điện tử số 02: Phòng 208 - C6

- Phòng mượn sách giáo trình: Phòng 209 - C6

- Phòng mượn sách tham khảo: Phòng 210 - C6

- Phòng đọc Thiết kế tốt nghiệp: Phòng 211 - C6

- Phòng đọc Sau đại học và CTTT : Phòng 212 - C6

### 3. Đăng ký sử dụng

- Bạn đọc có Thẻ Sinh viên đồng thời được tích hợp là Thẻ Thư viện.



- Để được mượn tài liệu, giáo trình sinh viên phải qua lớp tập huấn khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên của Thư viện, (Tổ chức vào đầu năm học, có kiểm tra đánh giá dành cho sinh viên khóa mới tại Thư viện), có hồ sơ bạn đọc dán ảnh lưu tại thư viện.

- Khi bị mất thẻ phải báo ngay cho Thư viện và Phòng CTSV (Phòng 106 - Nhà A1) để tránh bị lợi dụng và sau đó tiến hành làm các thủ tục xin cấp lại thẻ.

- Trong quá trình đợi cấp thẻ, sinh viên có thể yêu cầu cấp thẻ thư viện tạm thời để sử dụng tại P.203 - C6.

#### **4. Chính sách mượn trả tài liệu**

##### **4.1. Mượn đọc tại chỗ**

Phòng đọc SV, Phòng tra cứu luận văn, Phòng đọc sau đại học, Phòng báo tạp chí

- Mượn 02 tài liệu cho mỗi lần mượn.

- Không được phép mang tài liệu ra khỏi phòng.

- Bạn đọc mượn sách ở phòng nào thì trả tại phòng đó.

- Đọc xong trả sách về quầy thủ thư.

- Khi rút sách trên giá mà không mang ra bàn đọc vì không đúng nội dung cần đọc, đề nghị xếp lên giá đúng chỗ vừa lấy ra.

Lưu ý: Tại Phòng đọc mở Sinh viên và phòng đọc mở Sau đại học; Phòng Báo - Tạp chí sinh viên được phép vào kho tự chọn tài liệu.

##### **4.2. Mượn về nhà**

(Phòng mượn giáo trình và Phòng mượn tài liệu tham khảo)

- Bạn đọc được mượn giáo trình về nhà và các tài liệu tham khảo bổ sung tại Phòng mượn giáo trình và Phòng mượn sách tham khảo.

- Thời gian mượn: đối với giáo trình từ đầu học kỳ đến khi thi hết học kỳ (tối đa 150 ngày), không quá 15 ngày đối với tài liệu tham khảo.

- Đăng ký mượn giáo trình tập trung theo lớp.

- Mượn tài liệu ở phòng nào phải trả ở phòng đó.

#### **5. Xử lý vi phạm đối với bạn đọc**

- Mượn sách quá hạn bạn đọc phải nộp phạt mức tiền là 500 đồng/quyển/ngày.

- Mượn sách quá hạn trên 75 ngày (quá hạn kéo dài) thì ngoài tiền phạt quá hạn theo quy định thì Thư viện sẽ khóa thẻ vĩnh viễn và gửi thông báo về Khoa/Viện và Phòng CTSV để xử lý.

- Làm mất, hỏng, bản tài liệu phải mua tài liệu mới để trả và nộp phí xử lý nghiệp vụ là 10.000 đ/tài liệu. Trường hợp không mua được tài liệu mới thì phải bồi thường bằng tiền gấp 3 lần giá trị hiện thời của tài liệu đó.

- Vi phạm nội quy tại các phòng thì tùy theo mức độ bạn đọc có thể bị nhắc nhở, cảnh cáo hoặc khóa thẻ đến 30 ngày.

- Nợ tài liệu quá hạn kéo dài, bạn đọc sẽ bị khóa quyền sử dụng thẻ vĩnh viễn.

##### **2.6 Thanh toán tài sản ra trường**

Trước khi ra trường, chuyển trường sinh viên phải thực hiện những việc sau:

+ Hoàn trả tài liệu đã mượn của Thư viện và thanh toán hết các khoản nợ khác .

+ Nộp 1 bản Thiết kế tốt nghiệp hoàn chỉnh (bản gốc) kèm đĩa CD có nội dung của thiết kế.

+ Có xác nhận của Thư viện vào giấy thanh toán tài sản ra trường.

### III. CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC

#### 1. Nội dung công tác Y tế trường học

Khám sức khỏe đầu vào cho SV nhập trường, riêng với SV ngành đi biển nếu không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo yêu cầu thì Nhà trường sẽ bố trí chuyển sang ngành học phù hợp. Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho SV trong quá trình học: sơ cấp cứu, cấp phát thuốc thông thường. Giám sát, phun hóa chất vệ sinh môi trường để phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm. Tuyên truyền, giáo dục ngoại khóa các vấn đề về sức khỏe học đường: phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống ma túy, HIV; an toàn thực phẩm; sức khỏe sinh sản vị thành niên. Khám sức khỏe định kỳ cho SV trong thời gian học tập, ưu tiên khám sức khỏe đầu ra cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp.

Tổ chức dịch vụ nhà ăn tập thể cho SV (nếu có), yêu cầu chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đảm bảo an toàn vệ sinh phẩm theo quy định của pháp luật.

#### 2. Bảo hiểm toàn diện

SV tự nguyện tham gia.

##### 2.1. Thời hạn sử dụng

Theo khóa học.

##### 2.2. Quyền lợi

SV được trả tiền bồi thường theo quy định trong các trường hợp sau

- Nằm viện điều trị
- Phẫu thuật
- Tai nạn thương tích
- Tử vong

##### 2.3. Thủ tục nhận tiền bảo hiểm

- Khi ra viện, sinh viên hoặc phụ huynh mang các hồ sơ khám, chữa bệnh (Giấy ra viện, phim chụp Xquang, phiếu phẫu thuật, biên lai, hóa đơn...) và thẻ bảo hiểm toàn diện đến **Bộ phận Y tế, Phòng Tổ chức - Hành chính** (P.107 - Nhà A1) để được hướng dẫn, xác nhận đơn yêu cầu trả tiền (theo mẫu).

- Sau đó SV hoặc phụ huynh mang toàn bộ hồ sơ trên đến cơ quan bảo hiểm làm thủ tục và nhận tiền theo hẹn.

#### 3. Bảo hiểm y tế

- SV bắt buộc tham gia theo Luật bảo hiểm y tế.
- Cơ quan thu, cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT): Bảo hiểm xã hội Hải Phòng - Số 2A Thát Khê - Hồng Bàng.

##### 3.1. Thời hạn sử dụng

Ghi trên thẻ

##### 3.2. Quyền lợi của sinh viên

- Được chăm sóc sức khỏe ban đầu tại **Bộ phận Y tế, Phòng Tổ chức - Hành chính** (P.107 - Nhà A1; ĐT: 02253 728 776. Email: [tramyte@vimaru.edu.vn](mailto:tramyte@vimaru.edu.vn));

- Được khám bệnh, cấp thuốc chữa bệnh và nằm viện điều trị tại Bệnh viện cấp quận/ huyện hoặc tương đương.

##### 3.3. Thủ tục khám, chữa bệnh

- Khi đi khám, chữa bệnh SV phải mang theo thẻ BHYT còn hạn sử dụng và chứng minh nhân dân. Nơi khám, chữa bệnh ban đầu của sinh viên trường Đại học Hàng Hải Việt Nam là ở bệnh viện cấp quận/ huyện hoặc tương đương;

- Trường hợp khám, chữa bệnh vượt tuyến: tại bệnh viện tuyến tỉnh (Việt Tiệp/ Kiến An) hoặc tuyến trung ương: để được hưởng quyền lợi tối đa thì phải có giấy chuyển tuyến của bệnh viện cấp quận/ huyện hoặc tương đương;

- Trường hợp cấp cứu: được vào bệnh viện gần nhất;
- Quyền lợi được hưởng ngay tại bệnh viện khám, chữa bệnh.

**\* Ghi chú:**

+ Đầu năm học (tháng 9) Nhà trường sẽ thông báo tới các lớp về việc mua BHYT mới (bắt buộc tham gia, trừ những SV diện ưu tiên theo Luật bảo hiểm y tế);

+ Sinh viên cài ứng dụng bảo hiểm số theo quy định để xuất trình hình ảnh Thẻ Bảo hiểm y tế khi khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế.

**4. Nghỉ ốm, nghỉ học tạm thời**

Được ghi rõ tại Điều 36 của Quy chế đào tạo đại học do Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ban hành ngày 29/7/2021.

**IV. CÔNG TÁC ĐOÀN THANH NIÊN - HỘI SINH VIÊN**

**1. Giới thiệu tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam**

	<b>Đoàn Trường</b>	<b>Hội Sinh viên Trường</b>
<b>Cơ cấu tổ chức</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Hàng hải Việt Nam là tổ chức Đoàn trường Đại học, Cao đẳng (tương đương Đoàn Thanh niên cấp quận/huyện) và trực thuộc Thành đoàn Hải Phòng.</li> <li>- Cơ cấu tổ chức bao gồm 03 cấp:               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đoàn Trường</li> <li>2. Liên chi đoàn các khoa/viện, Đoàn cơ sở, Chi đoàn cơ sở trực thuộc Đoàn trường.</li> <li>3. Chi đoàn</li> </ol> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội Sinh viên trường Đại học Hàng hải Việt Nam là tổ chức Hội Sinh viên trực thuộc Hội Sinh viên Việt Nam thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà trường đóng vai trò nòng cốt chính trị trong việc chỉ đạo, định hướng hoạt động của Hội Sinh viên trường.</li> <li>- Cơ cấu tổ chức bao gồm 03 cấp:               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội Sinh viên Trường</li> <li>2. Liên chi Hội Sinh viên các khoa/viện</li> <li>3. Chi hội</li> </ol> </li> </ul>
<b>Số lượng cơ sở trực thuộc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 13 Liên chi đoàn: Khoa Hàng hải, Khoa Máy tàu biển, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Đóng tàu, Viện Cơ khí, Khoa Công trình, Khoa Kinh tế, Khoa Quản trị - Tài chính, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Viện Môi trường, Viện Đào tạo quốc tế, Viện Đào tạo chất lượng cao.</li> <li>- 01 đoàn cơ sở: Đoàn trường Cao đẳng VMU.</li> <li>- 04 chi đoàn trực thuộc Đoàn trường: Chi đoàn giáo viên khối cơ sở - cơ bản, Chi đoàn cán bộ khối phòng ban, Chi đoàn Công ty VMSK, Chi đoàn Trung tâm thuyền viên VICMAC.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 13 Liên chi Hội Sinh viên: Khoa Hàng hải, Khoa Máy tàu biển, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Đóng tàu, Viện Cơ khí, Khoa Công trình, Khoa Kinh tế, Khoa Quản trị - Tài chính, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Viện Môi trường, Viện Đào tạo quốc tế, Viện Đào tạo chất lượng cao.</li> </ul>

<b>Cơ cấu nhân sự</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Chấp hành Đoàn trường gồm 21 đồng chí.</li> <li>- Ban Thường vụ Đoàn trường gồm 07 đồng chí: 01 Bí thư, 02 Phó Bí thư, 04 Ủy viên Ban Thường vụ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Chấp hành Hội Sinh viên trường gồm 21 đồng chí.</li> <li>- Ban Thư ký Hội Sinh viên trường gồm 07 đồng chí: 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch, 03 Ủy viên Ban thư ký.</li> </ul>
<b>Thông tin liên hệ</b>	<p><b>Địa chỉ:</b> Nhà A9-3 - Khu Hiệu bộ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (Số 484 Lạch Tray, Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng)</p> <p>+ Văn phòng ĐTN, HSV: phòng 202 - tầng 2 nhà A9-3. + Phòng Bí thư Đoàn trường: Phòng 201 - Tầng 2 nhà A9-3.</p> <p><b>Website:</b> <a href="http://doanthanhvien.vimaru.edu.vn">http://doanthanhvien.vimaru.edu.vn</a></p> <p><b>Facebook Đoàn trường:</b> <a href="https://www.facebook.com/doanthanhniendhvv">https://www.facebook.com/doanthanhniendhvv</a></p> <p><b>Facebook HSV trường:</b> <a href="https://www.facebook.com/hoisvdhvv">https://www.facebook.com/hoisvdhvv</a></p>	

## 2. Một số vấn đề Đoàn viên cần biết

### 2.1. Tiếp nhận và chuyển sinh hoạt Đoàn

#### a) Tiếp nhận sinh hoạt Đoàn đối với đoàn viên thanh niên là sinh viên mới nhập học

- Đoàn viên thanh niên nộp Sổ đoàn viên cho Đoàn trường qua Văn phòng Đoàn trường khi nhập học.

- Đối với những trường hợp sinh viên chưa được kết nạp Đoàn thì được sẽ được Chi đoàn theo dõi, bồi dưỡng và kết nạp theo quy định.

#### b) Chuyển sinh hoạt Đoàn đối với đoàn viên tốt nghiệp, bảo lưu, thôi học

- Đoàn viên liên hệ với Văn phòng Đoàn trường để nhận lại Sổ Đoàn viên và làm thủ tục chuyển sinh hoạt Đoàn về cơ sở mới.

- Trong trường hợp có nhiều đoàn viên trong Chi đoàn cùng chuyển sinh hoạt (ví dụ: tốt nghiệp cùng đợt) thì Bí thư Chi đoàn liên hệ với Văn phòng Đoàn trường để nhận lại sổ Đoàn viên và làm thủ tục chuyển sinh hoạt cho từng đoàn viên trong Chi đoàn về cơ sở mới.

### 2.2. Nhận xét, đánh giá phân loại đoàn viên

Hàng năm, Chi đoàn tổ chức họp để nhận xét, đánh giá và phân loại đoàn viên. Bí thư Chi đoàn có liên hệ với văn phòng Đoàn trường để nhận Sổ Đoàn viên và ghi kết quả nhận xét, đánh giá quá trình rèn luyện của từng đoàn viên vào sổ.

### 2.3. Khen thưởng và kỷ luật

- Khen thưởng: gồm 04 cấp: Trung ương đoàn, Thành đoàn, Đoàn trường, Liên chi đoàn khoa/viện hoặc Đoàn Cơ sở.

- Kỷ luật: Theo các quy định trong Điều lệ Đoàn. Lưu ý, đoàn viên không tham gia sinh hoạt Đoàn hoặc không đóng Đoàn phí từ 03 tháng trở lên trong 01 năm mà không rõ lý do sẽ bị xem xét khai trừ ra khỏi Đoàn.

### 2.4. Tiêu chuẩn giới thiệu kết nạp Đảng đối với đoàn viên, sinh viên

- Là sinh viên chính quy có quốc tịch Việt Nam đang học tập tại Trường; có nguyện vọng được đứng trong hàng ngũ của Đảng; chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy chế rèn luyện của Nhà trường.

- Có giấy Chứng nhận đã học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng.

- Có kết quả học tập thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 3.2 trở lên.

b. Có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2.5 đến dưới 3.2 và không có học phần nào bị điểm F trong 01 học kỳ chính gần nhất tính đến thời điểm xét.

- Tích cực tham gia các hoạt động phong trào của Trường và của Khoa/Viện (có báo cáo thành tích cá nhân được cấp uỷ cơ sở nơi giới thiệu kết nạp xác nhận hoặc có ít nhất 01 giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, ... các cấp về một trong các thành tích trên).

### 3. Các chương trình hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường

- Triển khai các phong trào hành động cách mạng của tổ chức Đoàn - Hội như các phong trào: “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc”, “Sinh viên 5 tốt”,...

- Thực hiện các chương trình đồng hành với thanh niên trong học tập, khởi nghiệp - lập nghiệp, rèn luyện phát triển kỹ năng, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần.

- Thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường theo chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu.

## V. HƯỚNG DẪN VỀ CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ

Căn cứ theo Quyết định số 1312/QĐ-ĐHVVN-ĐT, chuẩn đầu ra tốt nghiệp về tin học văn phòng quốc tế được quy định cụ thể như sau:

### 1. Đối tượng áp dụng

Sinh viên Đại học và Cao đẳng từ khóa 54 trở đi (nhập học từ năm 2013)

### 2. Loại hình chuẩn Tin học văn phòng

Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học, sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam phải thi đạt các chứng chỉ Tin học văn phòng quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist), theo 02 nội dung (Mos Word, Mos Excel) với điểm của từng nội dung  $\geq 700$ .

#### Quy định về các phiên bản MOS

- MOS 2010: Áp dụng với các chứng chỉ thi trước ngày 1/3/2018

- MOS 2013: Áp dụng với các chứng chỉ thi từ 1/3/2018 đến ngày 28/2/2021

(riêng đợt thi ngày 27-28/3/2021 tại CITAD vẫn được công nhận đối với bản 2013)

- MOS 2016: Áp dụng với các chứng chỉ thi từ ngày 1/3/2021 đến khi có thông báo mới

### 3. Công tác đào tạo huấn luyện và tổ chức thi sát hạch

Giao cho Trung tâm Ứng dụng & Phát triển Công nghệ thông tin (CITAD) và IIG Việt Nam ôn luyện và tổ chức thi sát hạch.

### 4. Lưu trữ và công nhận đạt chuẩn

Trung tâm Ứng dụng & Phát triển Công nghệ thông tin có trách nhiệm nhận bàn giao chứng chỉ từ IIG Việt Nam và phát cho sinh viên.

Chứng chỉ MOS được phát tại Văn phòng CITAD sau từ 5 đến 6 tuần thi. Sinh viên đến phòng 108 nhà A5 nhận chứng chỉ và nộp về phòng Đào tạo để xét tốt nghiệp.

### 5. Đăng ký luyện thi và thi sát hạch

**SV đăng ký luyện thi và tham dự thi sát hạch tại Trung tâm Ứng dụng & Phát triển Công nghệ thông tin - Phòng 108 nhà A5 (mang CCCD để làm thủ tục đăng ký).**

CITAD có chính sách **ưu đãi về giá** thi đối với SV đăng ký ôn luyện MOS.

- Thông tin về các lớp ôn luyện và tổ chức thi sinh viên xem tại website <http://citad.vn> và Trang Facebook: facebook.com/citad.vmu

- Lớp học và ôn thi được CITAD tổ chức liên tục.

- Điện Thoại: 0225.3833228

Liên hệ zalo: 0987269889

## VI. HƯỚNG DẪN VỀ CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

1. Loại hình chuẩn đầu ra tiếng Anh: được thực hiện theo Phụ lục sau:

### PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 1833/QĐ-ĐHVVN-ĐT ngày 05/10/2021

của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

1. Công nhận chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên có trình độ Tiếng Anh đạt chuẩn quốc tế

- **Nhóm 1.** Chương trình đại học thông thường, không chuyên ngữ

IELTS	TOEIC (Listening + Reading)	TOEFL	
		ITP	IBT
4.0	450	437 ITP	41 IBT

- **Nhóm 2.** Chương trình đại học chuyên ngữ (ngành Ngôn ngữ Anh)

IELTS	TOEIC	TOEFL IBT
6.0	TOEIC (Listening + Reading): 700 TOEIC Speaking: 150 TOEIC Writing: 140	71 IBT

- **Nhóm 3.** Chương trình đại học chất lượng cao

IELTS	TOEIC (Listening + Reading)	TOEFL	
		ITP	IBT
5.0	550	494 ITP	58 IBT

- **Nhóm 4.** Chương trình đại học lớp chọn

IELTS	TOEIC (Listening + Reading)	TOEFL	
		ITP	IBT
5.0	550	494 ITP	58 IBT

- **Nhóm 5.** Chương trình tiên tiến bậc đại học

IELTS	TOEIC	TOEFL	
		ITP	IBT
6.0	TOEIC (Listening + Reading): 700 TOEIC Speaking: 150 TOEIC Writing: 140	530 ITP	71 IBT

Đối với hình thức đào tạo Vừa làm vừa học: ngoài các chuẩn đầu ra ngoại ngữ quốc tế kể trên, chấp nhận thêm kết quả các bài thi đánh giá trình độ ngoại ngữ do Nhà trường tổ chức.

2. Miễn học và thi các học phần Tiếng Anh đối với sinh viên học đúng tiến độ, chưa thi học phần đó và có trình độ Tiếng Anh đạt chuẩn quốc tế

- Miễn học và thi các học phần Anh văn cơ bản 1, 2, 3 đối với sinh viên đại học thông thường, học phần Anh văn 1, 2, 3, 4 đối với sinh viên chất lượng cao và lớp chọn, cụ thể như sau:

IELTS	TOEIC (Listening + Reading)	TOEFL		Điểm học phần Anh văn
		ITP	IBT	
4.0	450	437 ITP	41 IBT	8,0
5.0	550	494 ITP	58 IBT	9,0
5.5	600	513 ITP	65 IBT	10

- Miễn học và thi các học phần **Kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết 1, 2, 3, 4** đối với sinh viên chuyên ngành **Tiếng Anh thương mại** và **Ngôn ngữ Anh**, cụ thể như sau:

IELTS	TOEIC	TOEFL IBT	Điểm học phần Kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết 1, 2, 3, 4
6.0	TOEIC (Listening + Reading): 700 TOEIC Speaking: 150 TOEIC Writing: 140	71 IBT	8,0
6.5	TOEIC (Listening + Reading): 785 TOEIC Speaking: 160 TOEIC Writing: 150	79 IBT	9,0
7.0	TOEIC (Listening + Reading): 870 TOEIC Speaking: 170 TOEIC Writing: 160	87 IBT	10

- Miễn học và thi các học phần **Tiếng Anh cơ bản (Nghe - Nói - Đọc - Viết) 1, 2** đối với sinh viên **đại học theo Chương trình tiên tiến**, cụ thể như sau:

IELTS	TOEIC (Listening + Reading)	TOEFL		Điểm học phần Tiếng anh cơ bản 1, 2
		ITP	IBT	
5.5	600	513 ITP	65 IBT	84/100 (B+)
6.0	700	530 ITP	71 IBT	90/100 (A-)
6.5	785	550 ITP	79 IBT	95/100 (A)
7.0	870	568 ITP	87 IBT	100/100 (A+)

## 2. Đơn vị tổ chức thi sát hạch

Nhà trường giao cho Viện Đào tạo quốc tế, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải phối hợp với IIG Việt Nam và các tổ chức quốc tế khác tổ chức thi sát hạch.

## 3. Lưu trữ điểm thi và công nhận đạt chuẩn

Kết thúc mỗi đợt thi, Viện ĐQT, Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải có trách nhiệm lưu trữ, tổng hợp kết quả thi của SV từ IIG Việt Nam gửi về Phòng Đào tạo Nhà trường, để làm cơ sở công nhận chuẩn đầu ra về Tiếng Anh cho SV.

## 4. Đăng ký thi sát hạch

### 4.1. Đăng ký thi sát hạch chứng chỉ TOEIC

Sinh viên đăng ký thi sát hạch TOEIC tại Viện Đào tạo quốc tế **Phòng 805 nhà C2** (mang theo CCCD (bản chính); thẻ SV và 03 ảnh 3 x 4 cm).

Sinh viên có thể đăng ký 2 hình thức thi sau:

+ Thi lấy Phiếu điểm: Lệ phí thi 1.200.000đ

+ Thi không lấy phiếu điểm: Lệ phí thi 770.000đ (dùng để xét tốt nghiệp đối với thí sinh là SV trường Đại học Hàng hải Việt Nam). Lệ phí lấy phiếu điểm bổ sung sau khi biết điểm: 550.000đ.

#### 4.2. Đăng ký thi sát hạch chứng chỉ IELTS

- Sinh viên đăng ký thi sát hạch chứng chỉ IELTS tại Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải: **Phòng 102 - Nhà A5.**

#### 5. Miễn học, miễn thi các học phần Tiếng Anh cơ bản

SV nộp sớm Chứng chỉ tiếng Anh bản gốc hoặc bản sao công chứng hợp lệ tại Phòng Đào tạo (P.114B-A1) để làm thủ tục đề nghị công nhận đạt chuẩn hoặc miễn học, miễn thi theo quy định.

#### 5. Hướng dẫn học tập và ôn luyện đạt chuẩn Tiếng Anh đầu ra

##### 5.1. Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải

**Địa chỉ:** P.102 Nhà A5 Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam

**Tel:** + 094 8442166// +84.972.478.989 **Website:** <http://www.vmec.edu.vn>

**Facebook:** Trung tâm Ngoại ngữ VMEC – ĐH Hàng Hải VN

a) Giới thiệu về Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải (VMEC)

- Danh hiệu **ĐỐI TÁC KIM CƯƠNG DUY NHẤT** Khu vực Miền Bắc và Miền Trung của Hội đồng Anh British Council vì có nhiều thí sinh dự thi IELTS và đạt kết quả cao nhiều năm liên tục;

- Tổ chức thi IELTS tại Trường Đại học Hàng Hải VN 2 lần/tháng (Kết hợp với Hội đồng Anh British Council);

- Là Trung tâm luyện thi IELTS uy tín của Hải Phòng và cả nước, nhiều học viên từ các tỉnh, thành phố khác về VMEC luyện thi;

b) Lý do sinh viên nên học tại VMEC

- VMEC giảng dạy chất lượng, hiệu quả, tận tình, tâm huyết và quan tâm tất cả học viên.

- VMEC cam kết 100% đầu ra các khóa IELTS, TOEIC (Hoàn trả 100% học phí nếu sinh viên luyện thi không đạt kết quả như mong muốn).

- Đăng kí học ở VMEC, sinh viên chỉ nộp 50% học phí, sau khi thi đỗ, nộp nốt 50%.

c) Các khóa luyện thi IELTS cam kết đầu ra tại VMEC

- Giảng viên có kinh nghiệm và trình độ cao: 50% giảng viên nước ngoài, 50% giảng viên Việt Nam;

- Giờ học linh động, theo nguyện vọng đăng kí của sinh viên (ca sáng/chiều/tối);

- Nội dung ôn luyện: 4 kĩ năng thực hành tiếng, bám sát dạng đề thi;

- Được luyện speaking với chuyên gia nước ngoài không giới hạn thời gian; được học với giảng viên cho đến khi thi đạt điểm yêu cầu;

- 100% HSSV luyện thi IELTS tại VMEC đều đạt kết quả như ý.

d) Ưu đãi cho sinh viên ĐHHHVN - Chào năm học mới

KHÓA LUYỆN	THỜI GIAN	HỌC PHÍ GỐC	HỌC PHÍ GIẢM (đăng kí trước 10/11/2023)
IELTS 4.0	100 h	10,000,000 đ	7,000,000đ



IELTS 5.0	250 h	25,000,000đ	18,000,000đ
IELTS 6.0	350 h	35,000,000đ	25,000,000đ

\* Đối với sinh viên chính quy nên đăng kí học khóa IELTS 4.0 (học trong thời gian từ 1-2 tháng) để được miễn 3 học kì Anh văn cơ bản, miễn học phí các tín chỉ AVCB và có cơ hội dành học bổng đại học.

## 5.2. Hệ thống Anh ngữ AMES ENGLISH

### a) Giới thiệu chung

- Thành lập từ năm 2003, sau hơn 20 năm phát triển, Hệ thống Anh ngữ Quốc tế AMES - AMES ENGLISH tự hào là đơn vị tiên phong ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy, trở thành tổ chức đào tạo Tiếng Anh chất lượng hàng đầu tại Việt Nam. Cho đến nay, AMES ENGLISH đã xây dựng thành công hệ thống 40 trung tâm trên toàn quốc, với hơn 100.000 học viên, cung cấp các khóa đào tạo: Tiếng Anh Trẻ Em - Luyện thi IELTS cam kết đầu ra - Tiếng Anh Doanh Nghiệp.

- Trung tâm Anh ngữ AMES ENGLISH có 3 chi nhánh tại Hải Phòng:

+ CN Lạch Tray: Tầng 1 – Nhà A2 – Khu Hiệu bộ Trường Đại học Hàng hải Việt Nam /Tel: 0225.3739.589 – 0225.3739.559

+ CN Hoàng Văn Thụ: Số 1 Kỳ Đồng, Hồng Bàng / Tel: 0225.3530.768 – 0225.3530.769

+ CN Thủy Nguyên: Số 66 Bạch Đằng, Núi Đèo / Tel: 0225.391.6969 – 0225.391.6299

Website: <http://ames.edu.vn/>

Fanpage: Anh ngữ AMES Hải Phòng

### b) Các khóa học đào tạo tại trung tâm

- Với đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, trẻ trung và nhiệt huyết, chúng tôi đảm bảo 100% học viên sẽ đạt được điểm cam kết đầu ra trong các kỳ thi quốc tế như IELTS, TOEIC, B1, B2.

- Các khóa học nổi bật tại trung tâm, bao gồm:

+ Luyện thi chứng chỉ IELTS CAM KẾT ĐẦU RA IELTS 4.0+, 5.5+, 6.0+, 6.5+, 7.5+;

+ Luyện thi chứng chỉ TOEIC cam kết đầu ra 450+, 550+, 600+, 700+;

+ Khóa học tiếng Anh giao tiếp với 100% giáo viên bản ngữ.

## VII. THÔNG TIN TUYỂN SINH HỆ LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG, VĂN BẰNG 2, VÀ LÀM VỪA HỌC

MÃ	Tên chuyên ngành	MÃ	Tên chuyên ngành
101	Điều khiển tàu biển	112	Xây dựng dân dụng & công nghiệp
129	Quản lý hàng hải	127	Kiến trúc & nội thất
102	Khai thác máy tàu biển	130	Quản lý công trình xây dựng
120	Luật hàng hải	131	Quản lý kỹ thuật công nghiệp
104	Điện tử viễn thông	113	Công trình GT & cơ sở hạ tầng
103	Điện tự động giao thông vận tải	114	Công nghệ thông tin
105	Điện tự động công nghiệp	118	Công nghệ phần mềm
121	Tự động hóa hệ thống điện	119	Kỹ thuật truyền thông & mạng MT
106	Máy tàu thủy	115	Kỹ thuật môi trường

<b>107</b>	Thiết kế tàu & công trình ngoài khơi	<b>126</b>	Kỹ thuật công nghệ hóa học
<b>108</b>	Đóng tàu & công trình ngoài khơi	<b>401</b>	Kinh tế vận tải biển
<b>128</b>	Máy & tự động công nghiệp	<b>402</b>	Kinh tế ngoại thương
<b>109</b>	Máy & tự động hóa xếp dỡ	<b>403</b>	Quản trị kinh doanh
<b>116</b>	Kỹ thuật cơ khí	<b>404</b>	Quản trị tài chính kế toán
<b>117</b>	Kỹ thuật cơ điện tử	<b>407</b>	Logistics & chuỗi cung ứng
<b>122</b>	Kỹ thuật ô tô	<b>410</b>	Kinh tế vận tải thủy
<b>123</b>	Kỹ thuật nhiệt lạnh	<b>411</b>	Quản trị tài chính ngân hàng
<b>110</b>	Xây dựng công trình thủy	<b>124</b>	Tiếng Anh thương mại
<b>111</b>	Kỹ thuật an toàn hàng hải	<b>125</b>	Ngôn ngữ Anh

#### 1. Hệ liên thông trung cấp lên đại học

- Đối tượng dự thi: có bằng tốt nghiệp trung cấp và bằng THPT;
- Thời gian đào tạo: 3 năm; Dự thi 3 môn: Toán, Cơ sở ngành và Chuyên ngành ;

#### 2. Hệ liên thông cao đẳng lên đại học

- Đối tượng dự thi: có bằng tốt nghiệp cao đẳng và bằng THPT;
- Thời gian đào tạo: 2 năm; Dự thi 3 môn: Toán, Cơ sở ngành và Chuyên ngành (có ôn tập).

#### 3. Hệ liên thông đại học văn bằng 2 (xét tuyển)

- Đối tượng xét tuyển: có bằng tốt nghiệp đại học văn bằng 1 (hệ chính quy và VLVH);
- Thời gian đào tạo: 2 năm;

#### 4. Hệ đại học vừa làm vừa học (VLVH – Tại chức)

- Đối tượng dự thi: có bằng tốt nghiệp THPT, THPT hệ bổ túc, THCN và tương đương;
- Dự thi 3 môn: Toán, Vật lý, Hóa học;
- Tiếp nhận đối tượng là SV thuộc diện **cảnh báo học tập mức 3**, được chuyển bảo lưu điểm học tiếp, không phải thi đầu vào; Thời gian đào tạo: 4,5 năm.

#### **THÔNG TIN LIÊN HỆ:**

- Hồ sơ thí sinh liên hệ văn phòng Trung tâm (các giấy tờ theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- Thời hạn nhận hồ sơ đến ngày **30/11/2023**. Tổ chức ôn & thi: tháng **12/2023** (dự kiến).

*Địa chỉ: Trung tâm Hợp tác & Đào tạo liên tục - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;*

*Phòng 101, tầng 1 nhà B1, Khu giảng đường B, số 338 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP;*

*Điện thoại liên hệ: 02253.729.069 / 02253.729.986;*

*Facebook: <https://www.facebook.com/cec.dhhvn>; Website: <http://cec.vimaru.edu.vn/>*

## CÁC HƯỚNG DẪN VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN

### 1. Hướng dẫn cấp giấy xác nhận vay vốn tín dụng

Sinh viên có nhu cầu vay vốn đến Phòng Công tác sinh viên P.105A- Nhà A1 để xin xác nhận là sinh viên sau đó mang giấy đến Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để xin vay vốn. Khi đi cần mang theo CCCD.

### 2. Hướng dẫn tổ chức cho sinh viên lao động giảm điểm phạt

**Bước 1.** Sinh viên vi phạm kỷ luật (diện được lao động giảm điểm phạt) sau khi nhận thông báo của Khoa (đơn vị có sinh viên) hoặc Ban quản lý KNT về mức độ vi phạm (trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo) làm đơn xin lao động giảm điểm phạt tại văn phòng Khoa (Đơn vị có sinh viên) theo mẫu tải tại trang Web: <http://www.vimaru.edu.vn> mục Văn bản biểu mẫu\Phòng Công tác sinh viên) điền đầy đủ thông tin, ký tên và nộp cho Trợ lý CTSV.

**Bước 2.** Trợ lý CTSV Khoa (Đơn vị có sinh viên) ký xác nhận các lỗi được lao động giảm điểm và tổng số điểm được giảm sau khi lao động, trình lên Ban Chủ nhiệm khoa.

**Bước 3.** Ban Chủ nhiệm Khoa (Đơn vị có sinh viên) phân công công việc cho sinh viên và cử đơn vị tiếp nhận lao động phân công công việc cụ thể.

**Bước 4.** Đơn vị trực tiếp sử dụng lao động cho sinh viên lao động, sau khi sinh viên lao động đơn vị trực tiếp sử dụng lao động ký nhận xét và đánh giá kết quả lao động, chuyển Trợ lý CTSV Khoa (Đơn vị có sinh viên).

**Bước 5.** Trợ lý CTSV Khoa (Đơn vị có sinh viên) ký nhận số điểm được trừ sau khi sinh viên đã tiến hành lao động giảm điểm. Số điểm còn lại, nếu nằm trong khung dưới 15 điểm thì được tính vào số điểm điểm phạt tích lũy, nếu nằm trong khung từ 15 đến 20 điểm thì Ban Chủ nhiệm Khoa (Đơn vị có sinh viên) ra quyết định Khiển trách, nếu nằm trong khung từ 21 đến 25 điểm thì Ban Chủ nhiệm Khoa (Đơn vị có sinh viên) ra quyết định Cảnh cáo.

**Bước 6.** Ban Chủ nhiệm Khoa (Đơn vị có sinh viên) gửi danh sách và các QĐ kỷ luật về Phòng CTSV theo báo cáo tháng, báo cáo học kỳ.

**Lưu ý:** Số lần được lao động giảm điểm đối với SV Ngành đi biển (thuộc diện đang bắt buộc nội trú) là 1 kỳ 2 lần, lần 1 số điểm được trừ tối đa 15 điểm, lần 2 số điểm được trừ tối đa 10 điểm; Số lần được lao động giảm điểm đối với SV các ngành khác là 1 kỳ 1 lần.

### 3. Hướng dẫn cho phép sinh viên nghỉ học dài ngày

#### 3.1. Nghỉ học từ 6 tháng đến 1 năm

**Bước 1.** Sinh viên phải làm đơn theo biểu mẫu **BM.01.QT.CTSV.03** (tải tại trang web: [vimaru.edu.vn](http://vimaru.edu.vn) - Phòng Công tác sinh viên - mục văn bản). Điền đầy đủ thông tin, ký vào đơn và xin ý kiến gia đình. Xin xác nhận của giáo vụ Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) và ý kiến của Ban chủ nhiệm Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) vào đơn.

**Bước 2.** Sinh viên làm thủ tục hồ sơ tại phòng CTSV

- **Đối với trường hợp xin nghỉ học 06 tháng, 1 năm hồ sơ gồm:**

- + Đơn xin nghỉ học, Bảng kết quả học tập.
- + Xin nghỉ học vì lý do bị ốm hoặc bị tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài phải có xác nhận của Bệnh viện (công lập cấp quận, huyện trở lên) và Trường trạm Y tế Trường.
- + Phiếu thanh toán tài sản (**BM.03.QT.CTSV.03**)

- **Đối với trường hợp xin thôi học hồ sơ gồm:**

- + Đơn xin thôi học (**BM.02.QT.CTSV.03**)
- + Phiếu thanh toán tài sản (**BM.03.QT.CTSV.03**)

**Bước 3.** Phòng CTSV xem xét hồ sơ nếu đủ điều kiện và hợp lệ sẽ làm quyết định trình Ban Giám hiệu ký duyệt (**BM.04.QT.CTSV.03**); (**BM.05.QT.CTSV.03**); (**BM.06.QT.CTSV.03**);

**Bước 4.** Phòng CTSV chuyển quyết định về Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên).

**Bước 5.** Sinh viên nhận quyết định nghỉ học, thôi học tại Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên).

### 3.2. Nghỉ học đi nghĩa vụ quân sự, an ninh

Trong quá trình học tập, sinh viên có nhu cầu nghỉ học đi nghĩa vụ quân sự, an ninh thì phải làm đơn xin phép đi nghĩa vụ quân sự (nộp về Phòng CTSV để trình Ban Giám hiệu duyệt) trước khi làm thủ tục đi nghĩa vụ quân sự và thủ tục xin nghỉ học dài ngày.

### 4. Hướng dẫn sinh viên quay trở lại học sau khi nghỉ học dài ngày

**Bước 1.** Sinh viên phải làm đơn theo biểu mẫu **BM.07.QT.CTSV.03** (hoặc tải tại trang web: [vimaru.edu.vn](http://vimaru.edu.vn) - Phòng Công tác sinh viên - mục văn bản). Điền đầy đủ thông tin, ký vào đơn và xin ý kiến gia đình. Xin ý kiến và xác nhận của Công an địa phương vào đơn (có đóng dấu). Nộp đơn tại văn phòng Khoa (Đơn vị có sinh viên) và xin ý kiến của Ban chủ nhiệm Khoa (Đơn vị có sinh viên) để xếp lớp.

**Bước 2.** Trong thời gian 01 tháng trước khi bắt đầu học kỳ sinh viên nộp hồ sơ tại phòng CTSV, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn xin trở lại học tập, Quyết định nghỉ học tạm thời, Bảng kết quả học tập (trong trường hợp trở lại học tập vì lí do cá nhân).

+ Đơn xin trở lại học tập, Quyết định nghỉ học tạm thời, giấy xác nhận của Bệnh viện và Trường trạm Y tế Trường đủ sức khỏe để trở lại học tập (trong trường hợp trở lại học tập vì lí do ốm đau).

**Bước 3.** Phòng CTSV xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện và hợp lệ sẽ làm quyết định trình Ban Giám hiệu ký duyệt **BM.08.QT.CTSV.03**.

**Bước 4.** Phòng CTSV chuyển Quyết định được phép quay trở lại học của sinh viên về Khoa (Đơn vị có sinh viên).

**Bước 5.** Sinh viên nhận Quyết định trở lại học tập tại Khoa (Đơn vị có sinh viên).

### 5. Xét kỷ luật sinh viên

**Bước 1.** Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật, sau đó nộp cho CVHT (trong trường hợp sinh viên bỏ học dài ngày không phải thực hiện bước này).

**Bước 2.** CVHT chủ trì họp với tập thể nhóm-lớp khóa học, phân tích và làm danh sách sinh viên đề nghị hình thức kỷ luật gửi lên Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) hoặc Ban quản lý khu Nội trú.

**Bước 3.** Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) hoặc Ban quản lý khu Nội trú :

+ 3a : Gửi thông báo về mức độ vi phạm kỷ luật của sinh viên về gia đình SV trong thời gian 15 ngày được lao động giảm điểm phạt (gửi theo đường công văn của Phòng Hành chính Tổng hợp).

+ 3b: Sau thời gian 15 ngày nếu sinh viên không làm đơn xin lao động giảm điểm (theo Quy trình lao động giảm điểm phạt cho sinh viên (QT.CTSV.02), sẽ lập hội đồng cấp cơ sở xét kỷ luật sinh viên vi phạm, danh sách đề nghị mức vi phạm kỷ luật sinh viên theo BM.02.QT.CTSV.02; BM.03.QT.CTSV.02 gửi về phòng CTSV

- Đối với các trường hợp mức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) hoặc Ban quản lý khu Nội trú: ban hành quyết định BM.04.QT.CTSV.02 (Gửi QĐ ở mức cảnh cáo về gia đình theo đường công văn của Phòng Hành chính Tổng hợp).

**Bước 4.** Căn cứ danh sách đề nghị mức vi phạm kỷ luật sinh viên Phòng CTSV soạn quyết định trình Ban Giám hiệu ký duyệt:

- Đối với Quyết định kỷ luật 01 năm lập theo biểu mẫu BM.05.QT.CTSV.02

- Đối với Quyết định kỷ luật Buộc thôi học lập theo biểu mẫu BM.06.QT.CTSV.02

**Bước 5.** Phòng CTSV gửi các Quyết định về Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) hoặc Ban quản lý khu Nội trú.

**Bước 6.** Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) hoặc Ban quản lý khu Nội trú nhận các Quyết định, gửi về:

+ 6a: Gia đình sinh viên (gửi theo đường công văn của Phòng Tổ chức - Hành chính.

+ 6b: Địa phương nơi sinh viên cư trú (gửi theo đường công văn của Phòng Tổ chức - Hành chính.

+ 6c: Sinh viên vi phạm.

## 6. Cấp học bổng tài trợ cho sinh viên

**Bước 1:** Căn cứ vào công văn hướng dẫn của nhà tài trợ về việc cấp học bổng cho sinh viên Phòng Công tác sinh viên thông báo tới các Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên).

**Bước 2:** Các Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) triển khai lựa chọn sinh viên theo những tiêu chí nhà tài trợ yêu cầu, gửi danh sách theo **BM.01.QT.CTSV.04** về việc lựa chọn sinh viên được nhận học bổng về Phòng CTSV.

**Bước 3:** Phòng CTSV tập hợp danh sách sinh viên được dự tuyển học bổng trình Ban Giám hiệu ký duyệt và gửi công văn đề nghị tới nhà tài trợ.

## 7. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên

**Bước 1.** Ngay sau khi kết thúc tuần thứ 14 của từng học kỳ, Cố vấn học tập chỉ đạo ban cán sự Nhóm tổ chức họp Nhóm để xét phân loại học tập và rèn luyện cho từng cá nhân SV (**BM07.QT.CTSV.05**) và tập thể nhóm trong từng học kỳ, xét điểm thưởng cho cán bộ nhóm-lớp.

Ngay sau khi kết thúc kỳ thi và biết điểm (sau kỳ thi 7 ngày) CVHT nhận điểm của Nhóm SV được phân công phụ trách, SV có điểm trung bình học bổng (ĐTBHB) đạt loại Khá trở lên, có điểm đánh giá học phần C trở lên ở lần thi thứ nhất đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ, học đúng tiến độ, vượt tiến độ, (đảm bảo tối thiểu 12 tín chỉ), điểm rèn luyện đạt loại Khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức Khiển trách trở lên trong học kỳ xét cấp học bổng thì được đưa vào diện xét cấp HBKKHT. Kết quả rèn luyện được xác định theo “Quy chế Công tác sinh viên” hiện hành của Nhà trường.

Tiêu chuẩn cụ thể cho các mức học bổng như sau:

+ Mức học bổng loại Khá: Có ĐTBHB đạt loại Khá  $2.50 \leq \text{ĐTBHB} < 3.20$  và điểm rèn luyện đạt 70 điểm trở lên.

+ Mức học bổng loại Giỏi: Có điểm ĐTBHB đạt loại Giỏi  $3.20 \leq \text{ĐTBHB} < 3.60$  và điểm rèn luyện đạt 80 điểm trở lên.

+ Mức học bổng loại Xuất sắc: Có điểm ĐTBHB đạt loại Xuất sắc  $\geq 3.60$  và điểm rèn luyện đạt 90 điểm đến 100 điểm.

+ HBKKHT được cấp theo từng học kỳ, 2 lần/ 1 năm (5 tháng /1 học kỳ) và cấp 10 tháng trong năm học.

**Ghi chú:** Đối với các sinh viên diện chuyển ngành, chuyển trường thì trước khi xét học bổng cho 2 học kỳ kế tiếp, điểm TBCHB bị trừ đi 0,4 điểm.

Gửi nhận xét phân loại rèn luyện sinh viên và tập thể, bản xét điểm thưởng cán bộ Nhóm và bảng tổng hợp phân loại học tập rèn luyện cuối kỳ và năm học về Hội đồng khoa xem xét (Thời hạn: trong vòng 01 tuần sau khi SV có toàn bộ điểm).

**Bước 2.** Hội đồng cấp khoa tổ chức họp, xét phân loại học tập, rèn luyện cá nhân và tập thể cuối kỳ và cuối năm học (**BM10.QT.CTSV.05, BM12.QT.CTSV.05, BM13.QT.CTSV.05, BM08.QT.CTSV.05**) và gửi hồ sơ đề nghị về Phòng CTSV để trình Hội đồng Nhà trường xem xét (Thời hạn: trong vòng 02 tuần sau khi SV có toàn bộ điểm).

**Bước 3.** Phòng CTSV tập hợp số liệu phân loại học tập, rèn luyện từ các Khoa/Viện, đối chiếu rà soát số liệu với các Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên); sau 01 tuần rà soát lại danh sách sinh viên được nhận học bổng, các Khoa/Viện (Đơn vị có sinh viên) chuyển lại danh sách chính thức được nhận học bổng về phòng CTSV. Phòng CTSV và trình Hội đồng cấp Trường xem xét việc phân loại thi đua, đồng thời xét học bổng khuyến khích học tập, đề nghị Ban Giám hiệu công nhận danh hiệu thi đua, xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với cá nhân và tập thể lớp khóa học (Thời hạn: trong vòng 03 tuần sau khi SV có toàn bộ điểm).

## 8. Danh mục biểu mẫu dành cho công tác sinh viên

Được đăng tải trên website của trường <http://ctsv.vimaru.edu.vn> mục “Công văn - Biểu mẫu”.

# PHẦN DÀNH RIÊNG CHO SINH VIÊN CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN

## I. Chương trình học phần kỹ năng mềm

Sinh viên hoàn thành 05 học phần Kỹ năng mềm trước khi xét tốt nghiệp:

- 1.Kỹ năng khám phá bản thân
- 2.Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo
- 3.Kỹ năng làm việc nhóm
- 4.Kỹ năng thuyết trình
- 5.Kỹ năng phỏng vấn xin việc thành công

Thời gian học các kỹ năng (tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm). Ban đào tạo nhận đăng ký học từ lớp trưởng các lớp trước khi lớp học diễn ra 01 tháng.

## II. Đánh giá học phần và xử lý kết quả học tập.

### 1. Đánh giá học phần

Phương pháp đánh giá các học phần trong CTTT đảm bảo tính linh hoạt, minh bạch, khách quan và phù hợp với từng học phần và tiệm cận với phương thức đánh giá học phần tại trường đối tác.

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá học phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa các học phần, điểm tiểu luận.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên quyết định và phải được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Giảng viên trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

### 2. Cách tính điểm

a. Đối với học phần Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh  
Áp dụng như đối với hệ chính quy đại trà.

b. Đối với học phần giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh:

$$Z = 0,1X + k1Y1 + k2Y2 + k3Y3$$

Trong đó:  $k1 + k2 + k3 = 0,9$

Z: Điểm đánh giá học phần;

X: Điểm ý thức, thái độ học tập, điểm chuyên cần, không nhỏ hơn 75

Y1, Y2, Y3: Điểm 03 lần đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (gồm bài kiểm tra giữa kỳ, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nhóm, bài kiểm tra kết thúc...). Điểm này do giảng viên quyết định và có ghi rõ trong đề cương học phần

### 3. Hệ thống điểm áp dụng cho Chương trình tiên tiến

Chất lượng học tập của sinh viên được đánh giá bằng một hệ thống điểm cụ thể như sau:

A+, A, A-: kết quả đạt được ở mức cao nhất, loại giỏi

B+, B, B-: kết quả khá

C+, C, C-: kết quả trung bình, đáp ứng được yêu cầu khóa học

D+, D, D-: kết quả đạt được thấp hơn yêu cầu học phần

F: kết quả kém, không đáp ứng được yêu cầu khóa học (Trong trường hợp này sinh viên phải đăng ký học lại) WU (withdrawal unauthorized): Điểm “WU” dành cho sinh viên đã đăng ký học phần và không đăng ký rút khỏi môn học trước thời hạn cho phép và thi trượt. Nó được sử dụng, theo nhận xét của giảng viên, khi sinh viên không hoàn thành tiểu luận hoặc các hoạt động chính khóa. Về mục đích tính điểm môn học và điểm trung bình chung học tập, nó tương đương với điểm “F”. Trách nhiệm của sinh viên là phải đăng ký rút môn học mà sinh viên đã đăng ký học trước đó

vì không thể tiếp tục tham gia học môn đó. (Việc đăng ký rút khỏi môn học của sinh viên phải được thực hiện trong vòng 4 tuần kể từ khi bắt đầu môn học).

IC (incomplete charged): tương đương với điểm F, áp dụng khi sinh viên nhận được điểm “I” và vẫn không hoàn thành đầy đủ các yêu cầu đúng thời hạn, vì vậy sinh viên không được tính điểm môn học và điểm trung bình chung học tập.

W (withdrawal): cho biết sinh viên đã được phép rút học phần này, với sự chấp thuận của cố vấn học tập và Ban Đào tạo, không tính điểm học phần và điểm trung bình chung học tập của sinh viên.

I (incomplete): với một số học phần, khi sinh viên không thể hoàn thành các yêu cầu của học phần khi kết thúc học kỳ vì những lý do khách quan, sinh viên sẽ được gia hạn hoàn tất cho đến tuần thứ 6 của kỳ học tiếp theo.

RD (report delayed): Báo cáo chậm Tương ứng với những phân hạng trên là điểm bình quân theo thang điểm 4 và thang điểm 100 cụ thể:

Thang điểm 100	Thang điểm chữ	Thang điểm 4			
96-100	A+	4,0	61-65	C	2,0
91-95	A	4,0	55-60	C-	1,7
85-90	A-	3,7	51-54	D+	1,3
81-84	B+	3,3	46-50	D	1,0
76-80	B	3,0	40-45	D-	0,7
71-75	B-	2,7	0-39	F/ WU/ IC	0,0
66-70	C+	2,3			

Sinh viên phải tham dự tất cả các buổi học trừ các trường hợp vắng mặt được cho phép. Tùy thuộc vào đánh giá của giảng viên, mỗi học phần có một chế độ thời gian hợp lý, ngoại trừ các học phần bắt buộc phải đi thực tế bên ngoài doanh nghiệp. Sinh viên không đáp ứng được yêu cầu về mặt thời gian lên lớp sẽ bị trượt học phần này.

Các nội dung khác về xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên xem chi tiết tại trang 93.

### III. Miễn và công nhận điểm học phần cho sinh viên có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế và điều kiện điểm để học chuyên môn

1. Miễn và công nhận điểm học phần Tiếng Anh cơ bản theo “Quyết định số: 1833/QĐ-ĐHHVN-ĐT ngày 05/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam”, sinh viên xem chi tiết tại trang 142.

2. Điều kiện để đăng ký học các học phần chuyên môn:

- + Đối với sinh viên đăng ký các môn học của học kỳ 3 và 4 phải đạt được tiêu chuẩn tiếng Anh theo mức **IELTS01**
- + Đối với sinh viên đăng ký các môn học của học kỳ 5 và 6 phải đạt được tiêu chuẩn tiếng Anh theo mức **IELTS02**
- + Đối với sinh viên đăng ký các môn học của học kỳ 7 và 8 phải đạt được tiêu chuẩn tiếng Anh theo mức **IELTS03**

#### **Trong đó:**

\* **IELTS01:** Sinh viên phải đạt được tối thiểu 55/100 điểm tiếng Anh nội bộ hoặc chứng chỉ IELTS 4.5

\* **IELTS02:** Sinh viên phải đạt được tối thiểu 60/100 điểm tiếng Anh nội bộ hoặc chứng chỉ IELTS 5.0

\* **IELTS03:** Sinh viên phải đạt được tối thiểu 65/100 điểm tiếng Anh nội bộ hoặc chứng chỉ IELTS 5.5

## MỘT SỐ CHÚ Ý VỀ ĐỊA ĐIỂM LIÊN HỆ PHỤC VỤ SINH VIÊN

- 1. Phòng Công tác sinh viên, P.105A** - nhà A1: Tư vấn - hỗ trợ sinh viên về học tập, rèn luyện, việc làm, khen thưởng, kỷ luật, chế độ chính sách, bảo hiểm y tế, làm thẻ SV-ATM...
- 2. Phòng Đào tạo, P.114B** - nhà A1: Tư vấn học tập; hỗ trợ sinh viên về đăng ký học phần, rút học phần, khôi phục mật khẩu đăng ký học phần, bảo lưu điểm, quy đổi điểm các môn AVCB...
- 3. Phòng Kế hoạch - Tài chính: P.109** nhà A1: Sinh viên nộp học phí, thanh toán tài sản.
- 4. Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng, P.207C** nhà A1: Làm công tác thi, phúc tra bài thi, xin hoãn thi, vắng thi,...
- 5. Phòng Tổ chức - Hành chính, P.115C** - nhà A1: Cung cấp biểu mẫu văn bản; đóng dấu xác nhận của Nhà trường. **Bộ phận Y tế, Phòng Tổ chức - Hành chính: P. 107** - nhà A1. 0904.094.828 - 0904.325.125.
- 6. Trung tâm Đào tạo và giới thiệu việc làm** - 484B Lạch Tray: Đăng ký tuyển dụng việc làm; phối hợp tổ chức các lớp thi bằng lái xe mô tô hạng A1, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn; bán đồng phục cho sinh viên có nhu cầu mua thêm.
- 7. Viện Đào tạo Quốc tế - ISE, P. 805** - nhà C2: Đăng ký thi TOEIC chuẩn đầu ra.
- 8. Trung tâm Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin - CITAD, P. 108** - nhà A5 và P. 201 nhà B3: Đăng ký luyện và thi chứng chỉ Tin học chuẩn đầu ra MOS. Nơi cấp tài khoản và đổi mật khẩu email sinh viên.
- 9. Phòng Quản trị - Thiết bị:** Sửa chữa, khắc phục hỏng hóc về cơ sở vật chất. Giảng đường A, B, C1: 0983.543.886; Giảng đường C2: 0936.527.322; Phụ trách chung: 0913.575.999.
- 10. Trung tâm Hợp tác & Đào tạo liên tục, Phòng 101 / tầng 1 / nhà B1, Khu giảng đường B, số 338, Lạch Tray, Hải Phòng (gần Cầu Rào),** điện thoại: 02253.729.069 / 729.986: đăng ký học Liên thông, Bằng 2, VLVH.